

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM

Số: **359** /HĐQT-NHCT-VP/HĐQT1
V/v CBTT Báo cáo thường niên 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **20** tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức:** Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
 - Mã chứng khoán: CTG
 - Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 024 39421030
 - Email: investor@vietinbank.vn
 - Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên 2025 của VietinBank.
 - Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày **20** /04/2026 tại đường dẫn <https://investor.vietinbank.vn/vi/periodicreports.aspx>
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VP/HĐQT1.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2025 của VietinBank.

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM
HÀ NỘI
Trần Minh Bình



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2025**

The background of the entire page is a vibrant, futuristic digital cityscape. It features glowing blue and purple lines, circuit-like patterns, and pixelated buildings that create a sense of depth and technological advancement. The overall color palette is dominated by deep blues, purples, and bright whites, giving it a high-tech, cybernetic feel.

BẢN LĨNH ĐỔI MỚI KIẾN TẠO DẪN ĐẦU

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
ANM	An ninh mạng
ATTT	An toàn thông tin
ASXH	An sinh xã hội
BCTC	Báo cáo tài chính
BCTN	Báo cáo thường niên
BĐH	Ban Điều hành
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Nguồn vốn không kỳ hạn
CBNV	Cán bộ, nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CĐS	Chuyển đổi số
CLDV	Chất lượng dịch vụ
CN	Chi nhánh
CNTT	Công nghệ thông tin
CSKH	Chăm sóc khách hàng
DNNVV/SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐCTC	Định chế tài chính
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐVSN	Đơn vị sự nghiệp
ĐVT	Đơn vị tính
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GĐ/PGĐ	Giám đốc/Phó Giám đốc
GPĐC	Giấy phép điều chỉnh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐTV	Hội đồng Thành viên
HTLS	Hỗ trợ lãi suất
HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
KHBL	Khách hàng bán lẻ
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KTKSNB	Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ
LNST	Lợi nhuận sau thuế

Viết tắt	Diễn giải
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LSCV	Lãi suất cho vay
MTBP	Kế hoạch Kinh doanh trung hạn
NCLQ	Người có liên quan
NĐT	Nhà đầu tư
NHLD	Ngân hàng liên doanh
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại Cổ phần
NHTW	Ngân hàng Trung ương
PGD	Phòng giao dịch
PTBV	Phát triển bền vững
QLRR	Quản lý rủi ro
QTRR	Quản trị rủi ro
ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RRLS	Rủi ro lãi suất
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRTK	Rủi ro thanh khoản
RRTT	Rủi ro thị trường
SPDV	Sản phẩm, dịch vụ
TCKT	Tổ chức kinh tế
TCTD	Tổ chức tín dụng
TGD	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TPP	Trưởng phó phòng
TSC	Trụ sở chính
TTS	Tổng tài sản
TV	Thành viên
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VBCS	Văn bản chính sách
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
VietinBank	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
VPĐD	Văn phòng đại diện
XLRR	Xử lý rủi ro
dd/mm/yyyy	Định dạng ngày/tháng/năm trong Báo cáo

Mục lục

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VIETINBANK	6
1. THÔNG TIN CHUNG	8
2. MÔ HÌNH TỔ CHỨC	28
3. GIỚI THIỆU NHÂN SỰ	30
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	52
5. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO	58
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025	80
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	82
2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	112
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025	122
4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	124
5. TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NĂM 2025	130
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	132
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI, KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG	134
2. KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2025	140
3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026	146
4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	147
5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	147
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK	148
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK	150
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	156
3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026	158
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	160
1. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	162
2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025	166
3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025	198
4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	204
5. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ	212
6. HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC	214
7. ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN	218
8. CAM KẾT THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY	236

PHẦN VI - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	238
1. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2025	240
2. THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	246
3. TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG	250
4. TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ	252
5. TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	254
6. TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	258
7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	262
PHẦN VII – BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	264
1. THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG	266
2. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	268
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	269
4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	271
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	274
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	276
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	278



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VIETINBANK

Kính thưa Quý Cổ đông,

Một trong những trọng tâm xuyên suốt của VietinBank là đảm bảo hài hòa lợi ích và quyền lợi của cổ đông. VietinBank kiên định theo đuổi mục tiêu cốt lõi: gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông trên nền tảng quản trị minh bạch, hiệu quả và thận trọng.

Năm 2025, Ngân hàng đã triển khai phương án phân phối lợi nhuận với việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu ở mức hợp lý (với tỷ lệ lần lượt là 4,5% tiền mặt và 44,6% cổ phiếu), đảm bảo lợi ích cho cổ đông và củng cố năng lực tài chính cho hệ thống tăng trưởng dài hạn. Quy trình chi trả cổ tức tiếp tục được chuẩn hóa theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho cổ đông. Chúng tôi đã nâng cao chất lượng công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, duy trì các kênh đối thoại đa dạng, chủ động cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và dễ tiếp cận thông qua các nền tảng hiện đại. VietinBank coi minh bạch thông tin không chỉ là yêu cầu tuân thủ, mà là nền tảng để xây dựng niềm tin và mối quan hệ đồng hành lâu dài với cổ đông.

Bên cạnh việc củng cố nền tảng quản trị, VietinBank tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng hoạt động và hiệu quả sử dụng vốn. Các quyết định điều hành được triển khai theo hướng thận trọng, kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững. Những nỗ lực này đã góp phần duy trì vị thế và uy tín của cổ phiếu CTG trên thị trường, tiếp tục hiện diện trong các chỉ số uy tín và thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chúng tôi cũng đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng nền tảng phát triển dài hạn thông qua chuyển đổi số và nâng cao năng lực tổ chức. Việc ứng dụng công nghệ, dữ liệu và đổi mới mô hình hoạt động không chỉ giúp cải thiện hiệu quả vận hành mà còn mở ra dư địa tăng trưởng mới, tạo giá trị gia tăng cho cổ đông trong tương lai.

Năm 2026, VietinBank định hướng phát triển theo tinh thần **"Bản lĩnh đổi mới – Kiến tạo dẫn đầu"**, với trọng tâm là tăng trưởng có chọn lọc, đi đôi với kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng. Ngân hàng sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát huy tối đa sức mạnh nội tại nhằm thích ứng linh hoạt với những thay đổi của thị trường. VietinBank sẽ tái định vị một cách đồng bộ, không chỉ ở chiến lược mà trong toàn hệ thống, từ tổ chức đến con người, với mục tiêu hướng tới xây dựng một ngân hàng hiện đại, nơi công nghệ, dữ liệu và con người được kết nối chặt chẽ để tạo nên lợi thế cạnh tranh bền vững và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng cũng như giá trị cho cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng VietinBank. Sự ủng hộ của Quý vị chính là nền tảng để Ngân hàng tiếp tục đổi mới, phát triển và kiến tạo những giá trị bền vững trong chặng đường phía trước.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VIETINBANK



TRẦN MINH BÌNH



PHẦN 1

GIỚI THIỆU VIETINBANK

- 1 THÔNG TIN CHUNG
- 2 MÔ HÌNH TỔ CHỨC
- 3 GIỚI THIỆU NHÂN SỰ
- 4 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 5 CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO



1 - GIỚI THIỆU CHUNG

1. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch tiếng Việt:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Tên giao dịch quốc tế:

**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL
BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

Tên viết tắt:

VietinBank

Mã giao dịch SWIFT:

ICBVNVX

Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 13/GP-NHNN ngày 17/6/2022 do NHNN cấp đổi mới, thay thế cho giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 3/7/2009 và các quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank từ năm 2022 đến năm 2025.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Mã số doanh nghiệp: 0100111948.
- Do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 8/1/2024.

Vốn điều lệ: **77.669.446.370.000** đồngVốn chủ sở hữu: **179.655.005.000.000** đồng
(tại thời điểm ngày 31/12/2025)

Địa chỉ Trụ sở chính:

108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại:

(84-24) 3942 1030

Số Fax:

(84-24) 3942 1032

Website:

<https://www.vietinbank.vn/>

Công ty kiểm toán:

Công ty TNHH PwC Việt Nam

Mã cổ phiếu:

CTG

Mệnh giá cổ phần:

10.000 đồng/cổ phần

Tổng số cổ phần:

7.766.944.637 cổ phần

Xếp hạng tín nhiệm

FitchRatings		Moody's	
Ngắn hạn	B	Ngắn hạn	
Dài hạn	BB+	Dài hạn	Ba2
Triển vọng	Ổn định	Triển vọng	Ổn định
Thời điểm	14/11/2025	Thời điểm	09/10/2025

Ngành nghề kinh doanh

VietinBank thực hiện các hoạt động nghiệp vụ:



Huy động vốn

Nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá, vay vốn của các TCTD, NHNN



Cấp tín dụng

Cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước, các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật



Cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Mở tài khoản, cung ứng các phương tiện thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, các dịch vụ thanh toán khác do pháp luật quy định



Cung ứng dịch vụ ngoại hối

Trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật



Cung ứng các sản phẩm phái sinh

Giá cả hàng hóa theo quy định của NHNN



Cung ứng dịch vụ lưu ký chứng khoán

Các hoạt động khác theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Địa bàn kinh doanh (tại thời điểm 31/12/2025)

Mạng lưới trong nước

TRỤ SỞ CHÍNH

VietinBank có TSC đặt tại 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mạng lưới quốc tế

155 CHI NHÁNH trải dài trên 34 tỉnh/thành phố trên cả nước

2 CHI NHÁNH TẠI ĐỨC

2 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN tại TP. HCM và TP. Đà Nẵng

1 NGÂN HÀNG CON TẠI LÀO

7 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP: Trường Đào tạo & Phát triển Nguồn Nhân lực, 5 Trung tâm Quản lý Tiền mặt, Trung tâm tài trợ thương mại

5 VĂN PHÒNG HỢP TÁC tại Trung Quốc, Đài Loan, Singapore

Ngoài ra, VietinBank còn có quan hệ với trên **1.000 ngân hàng** đại lý tại hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới

845 PHÒNG GIAO DỊCH

7 CÔNG TY CON VÀ **1** CÔNG TY LIÊN KẾT:

- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VBI**)
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VietinBank FMC**)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (**VBSE**)
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VietinBank Leasing**)
- Công ty TNHH Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VietinBank Gold & Jewellery**)
- Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VietinBank AMC**)
- Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (**VietinBank Global Money Transfer**)
- Ngân hàng Liên doanh Indovina (**IVB**).

(Thông tin chi tiết về công ty con, xem tại Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm 2025, mục 2 - Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án).



Mốc lịch sử quan trọng

Giai đoạn 1: 1988 – 2013: Kiến tạo

Trong giai đoạn khởi đầu với nhiều khó khăn, VietinBank đã nỗ lực tập trung củng cố toàn diện các hệ thống nền tảng cơ bản để bảo đảm sự phát triển an toàn và bền vững khi tăng tốc, hướng đến việc thực hiện thành công kế hoạch niêm yết trên sàn chứng khoán vào năm 2009 và tìm kiếm đối tác chiến lược là MUFG Bank vào năm 2013.

1988

VietinBank (khi đó có tên gọi là Ngân hàng Công Thương) được thành lập trên cơ sở tách ra từ NHNN theo Nghị định số 53/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.



1990

VietinBank là ngân hàng đầu tiên tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập NHLĐ Indovina.



2008

- Ra mắt thương hiệu mới VietinBank tháng 4/2008.
- Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ được nâng cấp thành Trường Đào tạo & Phát triển Nguồn Nhân lực VietinBank tháng 9/2008.
- Thực hiện thành công phiên đấu giá phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) tháng 12/2008.

2009

Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên HOSE với mã chứng khoán CTG.



Chủ tịch HĐQT VietinBank Phạm Huy Hùng đánh chiêng mở đầu phiên đấu giá phát hành cổ phiếu lần đầu (IPO) ngày 25/12/2008

2011

- Bán 10% VDL cho đối tác nước ngoài IFC
- Khai trương CN tại Frankfurt, Đức.

2012

- Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Khai trương CN tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào.

2013

Bán 19,73% cổ phần cho NĐT chiến lược nước ngoài MUFG Bank (Nhật Bản), trở thành NHTMCP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm đó.



Năm 2023 đánh dấu chặng đường 10 năm đồng hành giữa VietinBank và MUFG Bank

1 - GIỚI THIỆU CHUNG

Giai đoạn 2: 2013 - 2020: Kiện toàn

Trong giai đoạn này, VietinBank tập trung cho mục tiêu nâng threshold đo nội lực, gia tăng sức mạnh tài chính, củng cố các nền tảng quan trọng, sẵn sàng cho các bước phát triển vượt bậc trong tương lai.

2014

Xây dựng chiến lược bán lẻ lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.

2015

Nâng cấp CN VietinBank tại thủ đô Viêng Chăn, Lào thành Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng 100% vốn tại Lào), đánh dấu bước phát triển mới, nâng cao vị thế của VietinBank tại thị trường Lào.

2017

Chuyển đổi thành công hệ thống **Core Banking** (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ bậc nhất Ngành Ngân hàng Việt Nam.



2020

- Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 tại VietinBank và MTBP 2018 - 2020.
- Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2045, MTBP giai đoạn 2021 - 2023.

Giai đoạn 3: 2021 - nay: Chuyển đổi

Trên nền tảng vốn liên tục được củng cố, Ngân hàng tiếp tục chủ động đổi mới tư duy, nỗ lực thực hiện giải pháp điều hành linh hoạt, sáng tạo, đặc biệt thực hiện CDS toàn diện nhằm hiện đại hóa SPDV, nâng cao năng lực quản trị điều hành, gia tăng năng suất lao động. Với tâm thế vững vàng của một doanh nghiệp trưởng thành, VietinBank tự tin tiến vào hành trình mới bút phá vượt trội, hiện thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam.

2021

Tăng VDL thành công từ 37.234 tỷ đồng lên 48.058 tỷ đồng, tạo tiền đề để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, năng lực QTRR, chủ động phát huy tối đa vị thế, tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ, kiện toàn mạng lưới; tạo đà tăng trưởng bền vững; góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng và thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước.



2023

- Tăng VDL thành công từ 48.058 tỷ đồng lên 53.699 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định nền tảng tài chính vững mạnh của một ngân hàng trụ cột hàng đầu Việt Nam.
- Ra mắt Bộ nhận diện văn hóa VietinBank.
- Triển khai hành trình CDS bài bản, toàn diện và đầu tư nguồn lực để triển khai có hiệu quả.

2025

Tăng VDL lên gần 77.670 tỷ đồng, tổng tài sản vượt 100 tỷ USD, khẳng định nền tảng tài chính vững mạnh của ngân hàng trụ cột trong nền kinh tế.

1 - GIỚI THIỆU CHUNG

Các chỉ số tài chính cơ bản giai đoạn 2021 - 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HKKD						
TTS	Tỷ đồng	2.767.699	2.385.388	2.032.614	1.808.430	1.531.587
VCSH	Tỷ đồng	179.655	148.505	125.872	108.168	93.650
VĐL	Tỷ đồng	77.669	53.700	53.700	48.058	48.058
Tiền gửi khách hàng	Tỷ đồng	1.793.732	1.606.317	1.410.899	1.249.176	1.161.848
Tổng dư nợ tín dụng	Tỷ đồng	1.994.686	1.725.877	1.478.228	1.279.823	1.141.454
Tổng thu nhập HKKD	Tỷ đồng	87.295	81.909	70.548	64.117	53.157
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	12.351	12.233	12.385	11.549	9.573
Tổng chi phí hoạt động	Tỷ đồng	(26.553)	(22.546)	(20.443)	(19.195)	(17.186)
Lợi nhuận thuần từ HKKD trước chi phí dự phòng RRTD	Tỷ đồng	60.742	59.363	50.105	44.922	35.971
Chi phí dự phòng RRTD	Tỷ đồng	(17.299)	(27.599)	(25.115)	(23.791)	(18.382)
LNTT	Tỷ đồng	43.444	31.764	24.990	21.132	17.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	(8.573)	(6.286)	(4.945)	(4.148)	(3.374)
LNST	Tỷ đồng	34.871	25.483	20.045	16.984	14.215
ROA	%	1,7%	1,4%	1,3%	1,3%	1,2%
ROE	%	21,3%	18,6%	17,1%	16,7%	15,9%
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	%	1,00%	1,09%	1,00%	1,08%	1,14%
CAR	%	>9%	>9%	>9%	>9%	>9%
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu	7.766.944.637	5.369.991.748	5.369.991.748	4.805.750.609	3.723.404.556
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	Đồng/cổ phiếu	35.750	37.800	27.100	33.900	34.550
Giá trị vốn hóa thị trường	Tỷ đồng	277.668	202.986	145.527	162.915	128.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/cổ phiếu	5.594	4.035	3.706	2.510	3.678
P/E	Lần	6,39	9,24	7,31	13,5	9,39

Nguồn số liệu: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán từ năm 2021 - 2025

Ghi chú:

- Số liệu tại cột 31/12/2022 đã được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.
- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng được tính toán theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 và Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN, trên cơ sở số liệu riêng lẻ.
- Chỉ tiêu EPS năm 2021, 2022 được trình bày lại theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023.



Dấu ấn nổi bật năm 2025 của VietinBank

VIETINBANK - BẢN LĨNH ĐỔI MỚI, KIẾN TẠO DẪN ĐẦU

Năm 2025, VietinBank tiếp tục khẳng định vị thế NHTM Nhà nước chủ lực, trụ cột của nền kinh tế. Từ nỗ lực đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh đến việc mở rộng mạng lưới tại các thị trường quốc tế... đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Ngành Ngân hàng và đất nước.

1 Tiên phong trong hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, thực hiện các chính sách của Đảng, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Bám sát các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Đảng ủy VietinBank đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên toàn toàn diện công tác tổ chức, cán bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh việc cụ thể hóa và đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn hoạt động. VietinBank đã triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả ngay từ đầu năm trên cơ sở QTRR hiệu quả, tối ưu chi phí và đẩy mạnh số hóa. Dự nợ tín dụng đạt gần **2 triệu tỷ đồng**, tăng gần **16%** – cao nhất trong nhóm NHTM Nhà nước. Ngân hàng tiếp tục giữ mức **LSCV cạnh tranh**, hỗ trợ tích cực doanh nghiệp, người dân và thúc đẩy phục hồi kinh tế. Đồng thời, VietinBank dành trên **675 tỷ đồng** cho hoạt động ASXH.



Toàn cảnh Hội nghị tổng kết công tác Đảng, HĐKD năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026

2 Triển khai các trọng tâm kinh doanh, tăng trưởng thu nhập lãi đảm bảo hiệu quả bền vững

Năm 2025, quy mô TTS của VietinBank lần đầu vượt mức **100 tỷ USD**, tăng hơn **16%** so với cuối năm 2024, doanh thu tăng trưởng tích cực, lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đề ra. Thành quả trên có được do việc tích cực, quyết liệt triển khai các chủ điểm trọng tâm kinh doanh. VietinBank thu hút **thêm 2 triệu khách hàng mới**, giữ vững vị trí **Top 2 thị phần tín dụng và huy động vốn**.

Đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn thu bền vững, thu ngoài lãi¹ đóng góp **26%** tổng thu nhập. Quy mô CASA bình quân tăng **trên 24%**, tỷ trọng CASA cuối kỳ đạt trên **25,5%** là mức cao nhất lịch sử.

¹Thu ngoài lãi bao gồm phí bảo lãnh



VietinBank cũng đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái khách hàng và hoàn thiện chiến lược phát triển công ty con để cung cấp dịch vụ toàn diện.

3 Nâng tầm trải nghiệm khách hàng, quản trị CLDV toàn diện theo hành trình

VietinBank đạt được những bước tiến quan trọng trong chuyển đổi công tác quản lý CLDV theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, tiệm cận các thông lệ quốc tế về quản trị trải nghiệm khách hàng (Customer Experience - CX). Nổi bật là việc triển khai thành công Dự án CX, hoàn thiện mô hình CX trên toàn hệ thống. Chuẩn hóa công cụ đo lường, chỉ tiêu CLDV nhằm nâng cao tính minh bạch, giám sát và hiệu quả vận hành.



Dự án CX của VietinBank

1 - GIỚI THIỆU CHUNG

4 Kiến toàn mạng lưới, mô hình tổ chức và nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực

VietinBank tiếp tục tập trung tái cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao năng suất, sắp xếp bộ máy chuyên môn hóa cao đảm bảo hoạt động hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng với thay đổi của thị trường, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Cụ thể, VietinBank triển khai đồng bộ Đề án **“Tinh gọn, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ VietinBank”**, trong đó thực hiện rà soát, sắp xếp lại đối với các đơn vị từ TSC đến CN. Đề án nhằm tối ưu hóa hoạt động, tránh chồng chéo trong quy trình phối hợp và gia tăng hiệu quả công tác giám sát, nhận diện từ xa, sớm thông qua hệ thống dữ liệu. VietinBank tiên phong, chủ động rà soát toàn diện hiệu quả mạng lưới CN, PGD, xây dựng phương án tái cơ cấu nhằm tinh gọn mạng lưới (rút giảm số lượng PGD từ **953** xuống còn **845** tại ngày 31/12/2025); xây dựng và triển khai chiến lược tổng thể về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ, khoa học dữ liệu và đổi mới sáng tạo; triển khai cơ chế tiền lương, thưởng, phúc lợi, chính sách đãi ngộ đặc biệt, cạnh tranh bảo đảm thu hút và giữ chân nhân tài.

Bên cạnh đó, VietinBank nghiên cứu mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế, tăng tính hiện diện thông qua thành lập 5 Văn phòng hợp tác để thúc đẩy HĐKD tại các thị trường Trung Quốc, Đài Loan, Singapore. Từ đó tăng cường hợp tác với các ĐCTC, đối tác, khách hàng nước ngoài; nâng cao hình ảnh, hiện diện thương hiệu của VietinBank trên trường quốc tế.



VietinBank triển khai mô hình kinh doanh ở nước ngoài

5 Tăng tốc chuyển đổi số để tạo đà bứt phá

Năm 2025 đánh dấu bước **“tăng tốc”** của VietinBank trong **Hành trình CDS toàn diện**, đóng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển dài hạn. VietinBank không chỉ ứng dụng công nghệ vào vận hành, mà còn tái định hình mô hình kinh doanh, trải nghiệm khách hàng, nâng cao năng lực quản trị, kiến tạo năng lực mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo (AI). **Hơn 90 sáng kiến CDS được triển khai**, hơn 99% giao dịch thanh toán đã thực hiện qua kênh số, tỷ lệ giải ngân online đạt 93%. VietinBank đã thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo, đẩy mạnh ứng dụng AI trong vận hành, tối ưu nền tảng công nghệ, đồng thời thúc đẩy đổi mới và sáng tạo, xây dựng văn hóa số trong toàn hệ thống. Đặc biệt, năm 2025, VietinBank vinh dự được Bộ Khoa học & Công nghệ vinh danh là **“Doanh nghiệp CDS xuất sắc”** với những kết quả tích cực của Chương trình CDS toàn diện.



Lễ công bố quyết định thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo

6 Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và thu hồi nợ xử lý rủi ro

Kiểm soát hiệu quả chất lượng tín dụng và chi phí dự phòng, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới **1,5%** theo mục tiêu. VietinBank cũng đẩy mạnh CDS và ứng dụng AI trong quản lý RRTD, nâng cao hiệu lực mô hình đo lường, hệ thống cảnh báo sớm... Công tác QLRR CNTT và RRHD được tăng cường xuyên suốt từ CN đến PGD, gắn với đổi mới đào tạo và truyền thông nội bộ.

Đặc biệt trong năm 2025, VietinBank thực hiện toàn diện các biện pháp thu hồi nợ XLRR, kết quả thu hồi trên **10,5 nghìn tỷ đồng gốc lãi** - là mức thu cao nhất trong lịch sử.



1 - GIỚI THIỆU CHUNG

7 Tăng cường năng lực tài chính, nâng cao hoạt động quản trị tài chính từ công tác giám sát và điều hành tài chính, kiểm soát chi phí hoạt động

VietinBank luôn chủ động, linh hoạt trong điều hành cân đối vốn, bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, điều chỉnh lãi suất huy động các thang kỳ hạn theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm an toàn thanh khoản, tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao năng lực vốn tự có, củng cố nguồn lực tài chính để phát triển hoạt động kinh doanh bền vững đồng thời bảo đảm CAR theo Thông tư 41, cải thiện mức đệm vốn dự phòng theo Thông tư 13 và tiến tới tuân thủ thông tư 14/2025/TT-NHNN theo chuẩn mực quốc tế Basel III. Đặc biệt, VietinBank tăng VDL thành công từ mức **53.700 tỷ đồng lên 77.670 tỷ đồng**, gia tăng bộ đệm tài chính bền vững của Ngân hàng trong dài hạn.



ĐHĐCĐ thường niên 2025

8 Phát triển mô hình kinh doanh mới – Đón đầu xu hướng, mở rộng không gian tăng trưởng

VietinBank chủ động nghiên cứu, phát triển mô hình kinh doanh mới trên cơ sở đón đầu cơ hội từ các chính sách của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) và phát triển Trung tâm Tài chính Quốc tế IFC tại Việt Nam, nắm bắt cơ hội thị trường như xu hướng tài chính xanh, tài chính số, sản phẩm dịch vụ... qua đó đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và đồng hành cùng quá trình hiện đại hóa thị trường tài chính Việt Nam.

VietinBank thúc đẩy hợp tác đa dạng đối tác gồm các đối tác quốc tế để phát triển hệ sinh thái số, thúc đẩy tài chính toàn diện, hướng đến vai trò **ngân hàng kiến tạo hệ sinh thái tài chính hiện đại**, mang tầm quốc gia và khu vực.

9 Khẳng định thương hiệu, nâng tầm vị thế

VietinBank ghi dấu ấn mạnh mẽ khi lần thứ 7 liên tiếp lọt vào **TOP 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới**; lần thứ 9 được vinh danh trong **TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam** (Theo Brand Finance).

VietinBank còn đạt nhiều giải thưởng uy tín khác:

- **Sáng kiến API & Ngân hàng mở đột phá nhất Việt Nam** (The Asian Banker).

- **Ngân hàng SME, Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng nội địa tốt nhất cho doanh nghiệp FDI** (Global Banking & Finance Review).

Những thành tựu trên là minh chứng rõ nét cho nỗ lực đổi mới, đồng hành cùng khách hàng và nâng tầm thương hiệu VietinBank trên trường quốc tế.



Giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu năm 2025 của VietinBank

Brand Finance®

TOP 300 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI 2025

Năm 2025, VietinBank ghi dấu ấn mạnh mẽ khi lần thứ 7 liên tiếp lọt vào **TOP 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới** theo bảng xếp hạng của Brand Finance – hãng định giá và xếp hạng thương hiệu hàng đầu thế giới – với vị trí 163. Giá trị thương hiệu của VietinBank năm 2025 được Brand Finance định giá 1,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2024; xếp loại AA-. Thành tích này minh chứng cho chiến lược phát triển hiệu quả, đổi mới sáng tạo và cam kết không ngừng nâng cao giá trị cho đối tác, khách hàng, cổ đông và cộng đồng của VietinBank.

TOP 10 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM

Trong Báo cáo **"Vietnam 100 2025"** cũng do Brand Finance công bố, VietinBank tiếp tục được vinh danh trong **TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam**, phản ánh sự tăng trưởng bền vững và vị thế vượt trội trên thị trường. Đây là lần thứ 9 VietinBank xuất hiện trong bảng xếp hạng uy tín này, khẳng định niềm tin của khách hàng, đối tác và cộng đồng đối với thương hiệu.

Forbes

TOP 2000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Năm 2025, VietinBank nổi dài thành tích 14 năm liên tiếp nằm trong danh sách **TOP 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới** của tạp chí uy tín Forbes. Kết quả này phản ánh quy mô, năng lực tài chính và hiệu quả vận hành được duy trì ổn định qua nhiều chu kỳ kinh tế. Qua đó, VietinBank tiếp tục khẳng định vai trò của một ĐCTC lớn, có uy tín và tầm ảnh hưởng ngày một sâu rộng trên thị trường quốc tế.



GIẢI THƯỞNG SAO KHUÊ 2025

Năm 2025 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và CDS với sự ghi nhận của các chuyên gia tại giải thưởng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực CNTT và CDS. Tại **Giải thưởng Sao Khuê 2025**, VietinBank đã xuất sắc được vinh danh với 5 sản phẩm ngân hàng số tiêu biểu gồm: **VietinBank iPay Mobile**; **Giải ngân online, digiGOLD**; **VietinBank eFAST XMATE** và **VietinBank Genie**. Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu cột mốc ấn tượng của VietinBank iPay Mobile khi ứng dụng này lần thứ 8 liên tiếp góp mặt trong Top 10 Sao Khuê (hạng mục danh giá nhất của giải thưởng).



GIẢI THƯỞNG "VIETNAM DIGITAL AWARD 2025"

Tại giải thưởng **Vietnam Digital Award 2025**, VietinBank vinh dự được vinh danh là **"Doanh nghiệp CDS xuất sắc"**. Giải thưởng là sự ghi nhận xứng đáng vì những kết quả của VietinBank trong hành trình CDS toàn diện ở 4 trụ cột: *Số hóa, Dữ liệu, Công nghệ, Con người & Tổ chức*. VietinBank xác định CDS là nhiệm vụ trọng tâm của toàn hệ thống, là đòn bẩy chiến lược để nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu vận hành, nâng tầm trải nghiệm khách hàng và kiến tạo giá trị bền vững; đồng hành trong chiến lược CDS quốc gia, kiến tạo ngân hàng thông minh, hiện đại và bền vững.

THE ASIAN BANKER

GIẢI THƯỞNG "NGÂN HÀNG SME TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025" VÀ GIẢI THƯỞNG "SÁNG KIẾN API VÀ NGÂN HÀNG MỞ ĐỘT PHÁ NHẤT VIỆT NAM"

Năm 2025 đánh dấu lần thứ 5 liên tiếp VietinBank được tạp chí uy tín The Asian Banker vinh danh là **"Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam"**. Bên cạnh đó, Tạp chí còn trao tặng cho VietinBank giải thưởng **"Sáng kiến API và Ngân hàng mở đột phá nhất Việt Nam 2025"**. Hai giải thưởng danh giá do The Asian Banker trao tặng đã khẳng định uy tín và vị thế hàng đầu của VietinBank trong cung cấp giải pháp tài chính toàn diện và trải nghiệm tối ưu cho khách hàng doanh nghiệp.

GLOBAL BANKING & Finance review

GIẢI THƯỞNG "NGÂN HÀNG BÁN LẺ TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025"

Năm 2025, VietinBank đánh dấu cột mốc lần thứ 10 liên tiếp giữ vững danh hiệu **"Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam"** do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn. Giải thưởng là sự ghi nhận cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của VietinBank nhằm cải tiến dịch vụ bán lẻ và đem đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Qua đó khẳng định bước đi phù hợp trong chiến lược kinh doanh mới của VietinBank, chú trọng đầu tư, CDS toàn diện, hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng số 1 về hoạt động bán lẻ tại Việt Nam.



Giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu năm 2025 của VietinBank



GIẢI THƯỞNG “NGÂN HÀNG KINH DOANH SẢN PHẨM PHÁI SINH TIÊU BIỂU CỦA NĂM 2025”

Tạp chí uy tín Global Banking & Finance Review tiếp tục bình chọn VietinBank lần thứ 5 liên tiếp là **“Ngân hàng Kinh doanh Sản phẩm Phái sinh tiêu biểu của năm 2025”**, ghi nhận năng lực chuyên môn và chất lượng vượt trội của các SPDV phái sinh của VietinBank. Đây không chỉ là thành tích ấn tượng, mà còn là minh chứng rõ nét cho vị thế tiên phong và dẫn đầu của VietinBank trong việc cung ứng các sản phẩm phái sinh tại thị trường Việt Nam.



GIẢI THƯỞNG BEST FOREIGN EXCHANGE BANK 2026 - NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ NGOẠI HỐI TỐT NHẤT VIỆT NAM

VietinBank vinh dự lần thứ 9 liên tiếp được Tạp chí uy tín Global Finance vinh danh là **“Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam”** trong khuôn khổ Giải thưởng Gordon Platt 2026. Thành tích xuất sắc này là minh chứng cho năng lực cung ứng sản phẩm ngoại hối vượt trội, sự am hiểu thị trường sâu sắc và nền tảng công nghệ hiện đại của Ngân hàng. Giải thưởng không chỉ khẳng định uy tín vững chắc của VietinBank trên thị trường mà còn đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng thông qua tỷ giá cạnh tranh, giải pháp phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá tối ưu và trải nghiệm giao dịch trực tuyến 24/7 thông suốt. Đây là động lực để VietinBank tiếp tục đổi mới, đồng hành cùng sự PTBV của cộng đồng doanh nghiệp và nền kinh tế.



GIẢI THƯỞNG “TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CDS TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025”

Với định hướng “lấy khách hàng làm trung tâm, công nghệ làm nền tảng”, VietinBank liên tục ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng; từng bước xây dựng hệ sinh thái số toàn diện, góp phần hình thành chuẩn mực mới cho dịch vụ khách hàng tại Việt Nam. Những nỗ lực không ngừng trong hành trình đổi mới sáng tạo đã giúp VietinBank vinh dự nhận giải thưởng **“Trung tâm Dịch vụ khách hàng CDS tốt nhất Việt Nam 2025”** do tạp chí uy tín Global Banking & Finance Review trao tặng.



GIẢI THƯỞNG “NGÂN HÀNG TIÊU BIỂU VỀ TÍN DỤNG XANH”

VietinBank, với định hướng chiến lược trong việc thúc đẩy các giải pháp tài trợ cho lĩnh vực PTBV đã vinh dự lần thứ 2 được Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế tại Việt Nam bình chọn là **“Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng Xanh”** năm 2025. Giải thưởng tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong của VietinBank trong việc hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Chính phủ và NHNN về thúc đẩy tín dụng xanh, hướng đến PTBV.



TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT - KHỐI DOANH NGHIỆP LỚN

VietinBank tiếp tục được vinh danh là đơn vị thuộc **“Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam - Khối Doanh nghiệp lớn”**. Thành tích này minh chứng cho thành quả của sự đầu tư có trọng điểm vào yếu tố con người, cũng như duy trì và cải thiện môi trường phát triển nghề nghiệp. Không chỉ chú trọng đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo; VietinBank còn liên tục cải tiến, xây dựng nhiều chính sách nhân sự cốt lõi nhằm theo dõi, phát hiện, xây dựng và có lộ trình công danh đối với từng nhân tố triển vọng.



TOP 3 FINANCIAL LARGE CAP CÓ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT (IR) ĐƯỢC NĐT YÊU THÍCH NHẤT 2025

TOP 3 FINANCIAL LARGE CAP CÓ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT (IR) ĐƯỢC ĐCTC ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT 2025

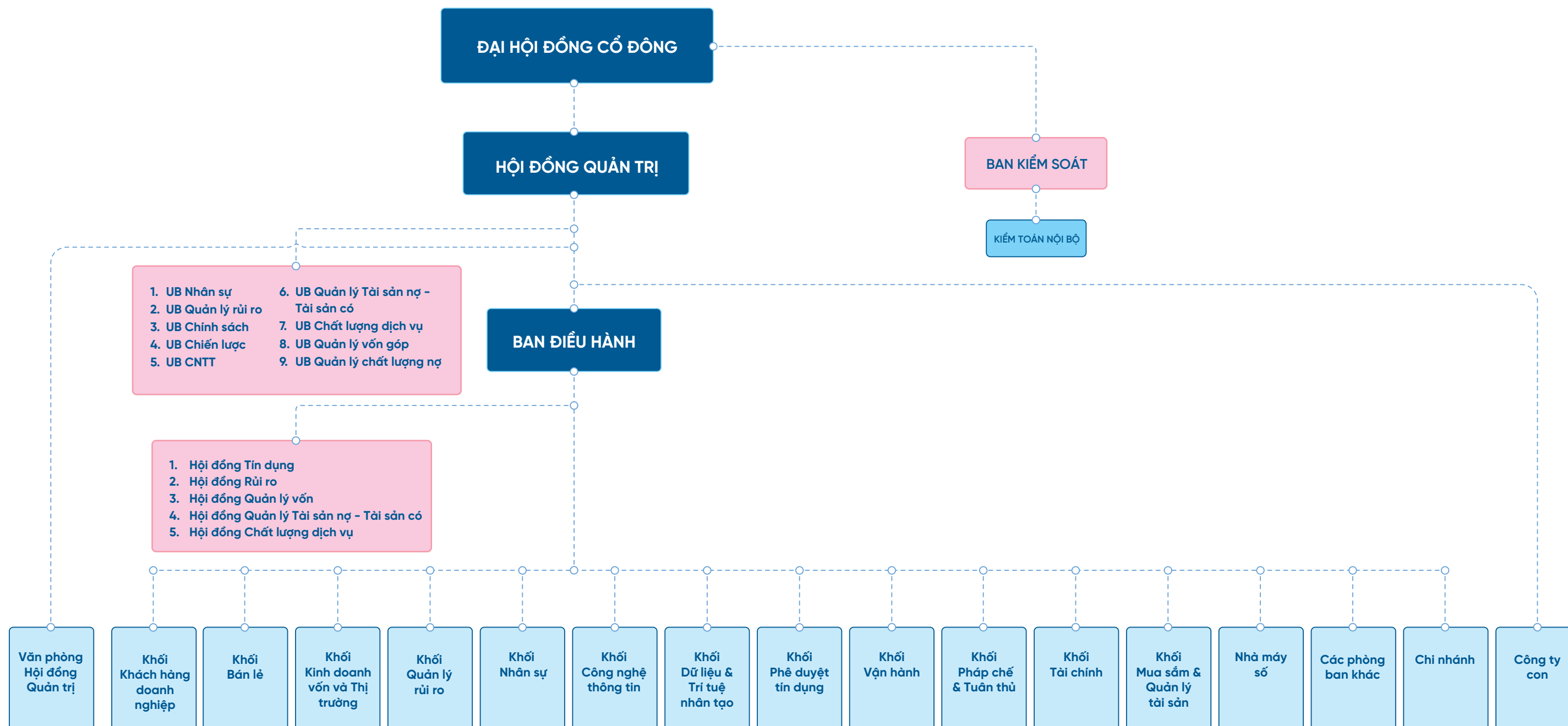
(IR AWARDS 2025)

Năm 2025, lần đầu tiên VietinBank nhận cú đúp danh hiệu tại IR Awards 2025 là **“Financial Large Cap có hoạt động IR được NĐT yêu thích nhất”** và **“Financial Large Cap có hoạt động IR được ĐCTC đánh giá cao nhất”**. Đối với hạng NĐT yêu thích nhất, đây là **lần thứ 4 và là năm thứ 3 liên tiếp VietinBank nhận được tình cảm từ phía cộng đồng NĐT**. Trước đó, VietinBank cũng vinh dự được xét chọn đạt danh hiệu **“Doanh nghiệp đạt Chuẩn CBTT năm 2025”**, là ngân hàng duy nhất 9 năm liên tiếp đạt Chuẩn CBTT. Đây là sự ghi nhận đối với những nỗ lực phấn đấu và cố gắng không ngừng của VietinBank trong việc minh bạch thông tin đến với thị trường, cũng như xây dựng các hoạt động gắn kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng NĐT.



GIẢI THƯỞNG TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ BCTN TỐT NHẤT NHÓM NGÀNH TÀI CHÍNH

Trong nhiều năm qua, BCTN của VietinBank ngày càng được nâng cao cả hình thức và chất lượng. Theo đó, nội dung của BCTN được xây dựng chọn lọc, cách thể hiện khoa học và nhất quán; từ đó mang đến bức tranh toàn cảnh cùng thông điệp của VietinBank tới đối tác, khách hàng, cổ đông và cộng đồng. Năm 2025, VietinBank lần thứ 5 tiếp tục được vinh danh tại hạng mục **“Top 10 Doanh nghiệp có BCTN tốt nhất nhóm Ngành Tài chính”**. Đây là giải thưởng ghi nhận nỗ lực của VietinBank trong việc minh bạch thông tin, không ngừng cải tiến và đổi mới nội dung BCTN để đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.



Ghi chú: Thông tin cập nhật tại ngày 31/12/2025.

Hội đồng Quản trị

HDQT là cơ quan quản trị VietinBank, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VietinBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

DANH SÁCH TV HDQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch HDQT	5.015	0,000065%	TV không điều hành
2	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	TV HDQT kiêm TGD	04	0,00000005%	TV điều hành
3	Ông Trần Văn Tấn	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
4	Ông Lê Thanh Tùng	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
5	Ông Nguyễn Thế Huân	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	TV HDQT	189	0,000002%	TV không điều hành
7	Ông Nguyễn Văn Anh	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
8	Ông Nguyễn Việt Dũng	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
9	Ông Koji Iriguchi	TV HDQT kiêm Phó TGD	0	0%	TV điều hành
10	Ông Takeo Shimotsu	TV HDQT	0	0%	TV không điều hành
11	Ông Cát Quang Dương	TV độc lập HDQT	0	0%	TV độc lập

Ghi chú:
- Danh sách TV HDQT và số lượng cổ phiếu trong bảng này chưa bao gồm đại diện phần vốn Nhà nước.
- Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HDQT-NHCT-VPHDQT1. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCP.NV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). Số cổ phiếu sở hữu của TV HDQT trong bảng này được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).

THAY ĐỔI TV HDQT TRONG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/thôi nhiệm
1	Ông Nguyễn Đức Thành	TV HDQT	- Miễn nhiệm TV HDQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 18/4/2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025.

2	Ông Nguyễn Văn Anh	TV HDQT	- Bổ nhiệm TV HDQT nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025.
---	--------------------	---------	---



Hội đồng Quản trị

Ông TRẦN MINH BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1974.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 1999.

Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT VietinBank từ ngày 7/9/2021.

Hiện là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Thẻ, GD Trung tâm Thẻ, Trưởng Phòng Đầu tư VietinBank, GD VietinBank Nguyễn Trãi, PGD và GD VietinBank TP. Hà Nội, GD Khối Kinh doanh vốn và Thị trường VietinBank kiêm Chủ tịch Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào, Phó TGD kiêm GD Khối Kinh doanh vốn và Thị trường kiêm GD Khối Phê duyệt tín dụng VietinBank, Quyền TGD VietinBank, TV HĐQT kiêm TGD VietinBank.



Ông NGUYỄN TRẦN MẠNH TRUNG

TV HĐQT kiêm TGD

Sinh năm 1983.

Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 2005.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 17/10/2024; kiêm nhiệm TGD VietinBank từ ngày 17/10/2024.

Hiện là Phó Bí thư Đảng ủy, TV HĐQT kiêm TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng QLRR & Nợ có vấn đề - VietinBank CN Đồng Đa; Quyền Trưởng Phòng Quản lý HĐKD - Khối KHDN VietinBank; PGD Khối KHDN VietinBank, GD VietinBank CN TP. Hà Nội; Phó TGD VietinBank.



Hội đồng Quản trị



Ông TRẦN VĂN TẤN

TV HĐQT

Sinh năm 1968.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2019.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 23/4/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy, TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng Thị trường và Bảo lãnh, Trưởng Phòng Thị trường và Bảo lãnh, Trưởng Phòng Tín dụng - Vụ Tín dụng NHNN; Trưởng Phòng Tín dụng Ngành Nông nghiệp, Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các Ngành Kinh tế - NHNN.



Ông LÊ THANH TÙNG

TV HĐQT

Sinh năm 1978.

Tiến sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2003.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 3/11/2021.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank, Phó Phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank, Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank, GD Khối QLRR VietinBank, Phó TGD kiêm GD Khối QLRR kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính VietinBank; Chánh Văn phòng NHNN, Vụ trưởng - Trợ lý Thống đốc NHNN; Vụ trưởng - Thư ký, Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.



Ông NGUYỄN THẾ HUÂN

TV HĐQT

Sinh năm 1974.

Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật; Cử nhân Ngoại ngữ.

Công tác tại VietinBank từ năm 1995.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 23/4/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng KHDN Lớn, Trưởng Phòng Khách hàng DNNVV, VietinBank CN Ba Đình; Phó Phòng Xây dựng và Quản lý ISO, Phó phòng KHCN, TSC VietinBank; PGD VietinBank CN Bắc Giang; Phó Ban KTKSNB, Phó Phòng Kiểm toán Tuần thủ, Phó Phòng KTNB, Trưởng BKS VietinBank.



Bà PHẠM THỊ THANH HOÀI

TV HĐQT

Sinh năm 1978.

Thạc sỹ Tài chính.

Công tác tại VietinBank từ năm 2003.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 23/4/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, TV HĐQT VietinBank, kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Chế độ tín dụng - Đầu tư, Phó Phòng Đầu tư, Phó Phụ trách phòng Đầu tư, Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế; Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê tài chính VietinBank (kiêm nhiệm).

Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN VÂN ANH

TV HĐQT

Sinh năm 1970.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2025.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 18/4/2025.

Hiện là TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng, Trưởng Phòng tại Vụ Quản lý ngoại hối NHNN, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối; Ủy viên Ban Lãnh đạo, Ngân hàng Hợp tác kinh tế quốc tế, Liên bang Nga; GD, Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ngân hàng Trung ương, Sở Giao dịch NHNN; Cục trưởng, Bí thư chi bộ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước, NHNN; Cục trưởng, Văn phòng NHNN.



Ông NGUYỄN VIỆT DŨNG

TV HĐQT

Sinh năm 1986.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2024.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 17/10/2024.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Thư ký Phó Tổng đốc, Thư ký Tổng đốc NHNN.



Ông KOJI IRIGUCHI

TV HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1974, quốc tịch Nhật Bản.

Cử nhân Luật.

Công tác tại VietinBank từ năm 2022.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 2/6/2023; kiêm nhiệm Phó TGD VietinBank từ ngày 2/6/2023.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Sanwa Bank, Ltd. (Nhật Bản) từ năm 1998. Ngân hàng này sau đó đã sáp nhập với Ngân hàng UFJ Bank, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2002, và tiếp tục sáp nhập với Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2006 để trở thành ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (Nhật Bản), trước khi đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay.

Từng giữ các chức vụ: Trưởng Phòng, Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 2 của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., Tokyo, Nhật Bản; Trưởng Phòng, CN New York của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., New York, Hoa Kỳ; GD CN New York của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., New York, Hoa Kỳ; GD, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu Tokyo của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 10 của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản; Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi, VietinBank.



Ông TAKEO SHIMOTSU

TV HĐQT

Sinh năm 1979, quốc tịch Nhật Bản.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 27/4/2024.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng UFJ, Ltd (Nhật Bản) vào năm 2002. Ngân hàng này sau đó được sáp nhập với Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2006 để trở thành ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (Nhật Bản), trước khi đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng, Phòng Nhân sự toàn cầu, Bộ phận Nhân sự, Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD, Bộ phận Kế hoạch Doanh nghiệp của Châu Mỹ, Ngân hàng MUFG Union Bank N.A., New York, Hoa Kỳ; GD, Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 3, Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Nhóm Kế hoạch, Nhóm Kế hoạch trong Bộ phận Nhân sự, Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản.

Hiện ông là GD Điều hành, Phó GD Khối Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản.

Hội đồng Quản trị



Ông CÁT QUANG DƯƠNG

TV độc lập HĐQT

Sinh năm 1959.

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank và là TV HĐQT VietinBank từ ngày 1/2017 - 4/2019 trước khi nghỉ hưu. Được bầu đảm nhận chức vụ TV độc lập HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 từ ngày 27/4/2024.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng, Trưởng phòng tại Vụ tín dụng NHNN; Vụ Phó Vụ tín dụng NHNN; TV HĐQT và TV phụ trách HĐQT VietinBank.



Ban Kiểm soát

BKS là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ VietinBank đối với HĐQT, TGD trong việc quản trị và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS được sử dụng các quyền theo quy định của pháp luật và điều lệ VietinBank. BKS có vai trò thực hiện KTNB, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

DANH SÁCH TV BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Anh Hà	Trưởng BKS	6.473	0,000083%
2	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	TV BKS	2.159	0,000028%
3	Ông Nguyễn Hải Đăng	TV BKS	0	0%
4	Bà Mai Hương Thảo	TV BKS	217	0,000003%
5	Bà Phạm Thị Thu Huyền	TV BKS	0	0%

Ghi chú:
- Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCP.NV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). Số cổ phiếu sở hữu của TV BKS trong bảng này được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).

THAY ĐỔI TV BKS TRONG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Bà Phạm Thị Thu Huyền	TV BKS	- Bổ nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025.
2	Ông Nguyễn Hải Đăng	TV BKS	- Bổ nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.
3	Bà Mai Hương Thảo	TV BKS	- Bổ nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025.
4	Bà Phạm Thị Thơm	TV BKS	- Ngày 8/10/2025, VietinBank nhận được Đơn xin từ nhiệm chức vụ TV BKS của bà Phạm Thị Thơm kể từ ngày 1/11/2025 để nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH. VietinBank đã thực hiện CBTT theo Công văn số 987/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 08/10/2025. HĐQT VietinBank sẽ thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.



Bà LÊ ANH HÀ

Trưởng BKS

Sinh năm 1973.

Thạc sỹ Kinh tế và Quản lý công.

Công tác tại VietinBank từ năm 1995.

Được bầu vào BKS VietinBank và giữ chức vụ Trưởng BKS VietinBank từ ngày 23/4/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng BKS VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Quản lý Tín dụng, Trưởng Phòng Quản lý và Khai thác nguồn vốn, Trưởng Phòng QLRR tín dụng, đầu tư, Trưởng Phòng KHCN, TSC VietinBank; Phó GD Trưởng Đào tạo & Phát triển Nguồn Nhân lực VietinBank; Trưởng Phòng KTKSNB, PGĐ Khối QLRR kiêm Trưởng Phòng KTKSNB VietinBank.



Bà NGUYỄN THỊ ANH THƯ

TV BKS kiêm Trưởng phòng KTNB

Sinh năm 1976.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 1998.

Được bầu vào BKS VietinBank từ ngày 23/4/2019.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Tổng hợp, Trưởng Phòng Tổng hợp tiếp thị, Trưởng Phòng QLRR, Trưởng Phòng KHDN Lớn, VietinBank Hoàn Kiếm; Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ, Phó Phòng Kiểm soát giải ngân, Phó Phòng Phê duyệt Tín dụng, Phó Phòng QLRR Tín dụng, Trưởng Phòng KTNB TSC VietinBank.



Ông NGUYỄN HẢI ĐĂNG

TV BKS

Sinh năm 1974.

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 1999.

Được bầu làm TV BKS từ ngày 18/4/2025.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng KTKSNB, GD VietinBank Bắc Kạn, Trưởng Phòng KTKSNB VietinBank.



Bà MAI HƯƠNG THẢO

TV BKS

Sinh năm 1980.

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 2003.

Được bầu làm TV BKS từ ngày 1/7/2025

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Quản lý cân đối vốn & Kế hoạch tài chính; Phó TGD, Công ty bảo hiểm Aviva; Trưởng Phòng QLRR thị trường, Trưởng Phòng QLRR hoạt động VietinBank.



Bà PHẠM THỊ THU HUYỀN

TV BKS

Sinh năm 1978.

Thạc sỹ Kế toán kiểm toán.

Công tác tại VietinBank từ năm 2005.

Được bầu làm TV BKS từ ngày 18/4/2025.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng KTNB VietinBank; TV Hội đồng TV Ngân hàng GP Bank.



Ban Điều hành

BĐH chịu trách nhiệm điều hành HĐKD hằng ngày của VietinBank theo Điều lệ VietinBank và Quy chế Tổ chức và hoạt động BĐH. BĐH chịu sự lãnh đạo, quản lý và giám sát toàn diện của HĐQT. BĐH chịu trách nhiệm trước HĐQT và báo cáo công tác theo quy định với HĐQT.

DANH SÁCH TV BĐH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	TV HĐQT kiêm TGD	4	0,00000005%
2	Ông Koji Iriguchi	TV HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%
3	Ông Trần Công Quỳnh Lâm	Phó TGD	0	0%
4	Bà Lê Như Hoa	Phó TGD	61.548	0,00079%
5	Ông Lê Duy Hải	Phó TGD kiêm GĐ VietinBank TP. Hồ Chí Minh	32.323	0,00042%
6	Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó TGD	180	0,0000023%
7	Ông Nguyễn Đức Thành	Phó TGD	0	0%
8	Ông Dương Văn Quân	Phó TGD kiêm GĐ VietinBank TP. Hà Nội	0	0%
9	Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Phó TGD kiêm GĐ Khối Tài chính	26.589	0,00034%
10	Bà Đặng Thị Việt Hà	Phó TGD	0	0%
11	Ông Nguyễn Hải Hưng	Kế toán trưởng	40.232	0,000518%

Ghi chú:
- Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trữ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCP.NV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). Số cổ phiếu sở hữu của TV BĐH trong bảng này được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).

THAY ĐỔI TV BĐH TRONG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/thôi nhiệm
1	Ông Nguyễn Đức Thành	Phó TGD	- Bổ nhiệm Phó TGD theo quyết định số 6868/ QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 18/04/2025 của HĐQT VietinBank.
2	Ông Dương Văn Quân	Phó TGD	- Bổ nhiệm Phó TGD theo quyết định số 1988/ QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 28/05/2025 của HĐQT VietinBank.
3	Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Phó TGD	- Bổ nhiệm Phó TGD theo quyết định số 2626/ QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 28/5/2025 của HĐQT VietinBank.

4	Bà Đặng Thị Việt Hà	Phó TGD	- Bổ nhiệm Phó TGD theo quyết định số 8989/ QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 28/5/2025 của HĐQT VietinBank, hiệu lực từ ngày 1/6/2025.
---	---------------------	---------	---

Ông NGUYỄN TRẦN MẠNH TRUNG

TV HĐQT kiêm TGD

Sinh năm 1983.

Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 2005.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 17/10/2024; kiêm nhiệm TGD VietinBank từ ngày 17/10/2024.

Hiện là Phó Bí thư Đảng ủy, TV HĐQT kiêm TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng QLRR & Nợ có vấn đề - VietinBank CN Đồng Đa; Quyền Trưởng Phòng Quản lý HĐKD - Khối KHDN VietinBank; PGĐ Khối KHDN VietinBank, GĐ VietinBank CN TP. Hà Nội; Phó TGD VietinBank.



Ban Điều hành

**Ông KOJI IRIGUCHI**

TV HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1974, quốc tịch Nhật Bản.

Cử nhân Luật.

Công tác tại VietinBank từ năm 2022.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 2/6/2023; kiêm nhiệm Phó TGD VietinBank từ ngày 2/6/2023.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Sanwa Bank, Ltd. (Nhật Bản) từ năm 1998. Ngân hàng này sau đó đã sáp nhập với Ngân hàng UFJ Bank, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2002, và tiếp tục sáp nhập với Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2006 để trở thành ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (Nhật Bản), trước khi đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay.

Từng giữ các chức vụ: Trưởng Phòng, Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 2 của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., Tokyo, Nhật Bản; Trưởng Phòng, CN New York của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., New York, Hoa Kỳ; GD CN New York của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., New York, Hoa Kỳ; GD, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu Tokyo của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 10 của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản; Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi, VietinBank.

**Ông TRẦN CÔNG QUỲNH LÂN**

Phó TGD

Sinh năm 1979.

Thạc sỹ CNTT.

Công tác tại VietinBank từ năm 2012.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 3/2015.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD kiêm GD Khối CNTT VietinBank, Giám đốc Khối Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Trợ lý GD Ngân hàng OCBC Singapore, Trợ lý Phó Chủ tịch Ngân hàng OCBC Singapore, Phó Chủ tịch phụ trách CNTT - Ngân hàng Bán lẻ, Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư Ngân hàng OCBC Singapore; GD Trung tâm CNTT VietinBank.

**Ông NGUYỄN ĐỨC THÀNH**

Phó TGD

Sinh năm 1970.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2010.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 29/4/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Tùy viên thương mại - Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ả Rập Ai Cập; Phó Vụ trưởng - Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương; Trưởng Phòng ĐCTC VietinBank, đồng GD VietinBank CN Đức, Phó TGD VietinBank, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (kiêm nhiệm), GD Khối Kinh doanh vốn và Thị trường VietinBank (kiêm nhiệm), TV HĐQT VietinBank.

**Bà LÊ NHƯ HOA**

Phó TGD

Sinh năm 1969.

Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm.

Công tác tại VietinBank từ năm 1990.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 8/2016.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Kế toán Tài chính, Trưởng Phòng Kế toán Tài chính, Trưởng Phòng Kế toán giao dịch, Phó Phòng Kinh doanh VietinBank Phúc Yên; Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, PGD VietinBank TP. Hà Nội; Trưởng Phòng Quản lý Kế toán Tài chính VietinBank; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý VietinBank (kiêm nhiệm), Chủ tịch Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank (kiêm nhiệm).

Ban Điều hành



Ông LÊ DUY HẢI

Phó TGD

Sinh năm 1977.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2007.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó TGD VietinBank; kiêm nhiệm GD VietinBank TP. HCM, Chủ tịch Công đoàn VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phụ trách Phòng KHDN Lớn, Trưởng Phòng KHDN Lớn, PGĐ Khối KHDN VietinBank, PGĐ VietinBank Ba Đình, GD Khối KHDN VietinBank, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina (kiêm nhiệm); Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank (kiêm nhiệm).



Ông ĐỖ THANH SƠN

Phó TGD

Sinh năm 1976.

Tiến sỹ Tài chính ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 1999.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 10/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó TGD VietinBank kiêm nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng KHDN, Trưởng Phòng KHDN VietinBank Bình Phước; PGĐ VietinBank Bình Phước; PGĐ, GD VietinBank CN 11 TP. HCM; Chủ tịch HĐQT NHTM TNHH MTV Đại Dương (OceanBank); Phó TGD phụ trách BDH VietinBank.



Bà NGUYỄN BẢO THANH VÂN

Phó TGD

Sinh năm 1980.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2003.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2025.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó TGD VietinBank kiêm GD Khối Tài chính VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng KHDN, Trưởng phòng QLRR & Nợ có vấn đề, Phó GD VietinBank CN 3 TP. HCM; Phó phụ trách phòng Đánh giá xếp hạng và phê duyệt giới hạn tín dụng kéo dài tại TP. HCM; GD VietinBank CN 7 TP. HCM; GD Khối Tài chính.



Bà ĐẶNG THỊ VIỆT HÀ

Phó TGD

Sinh năm 1977.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2001.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 6/2025.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng KHDN Lớn, Phó phòng Quản lý HĐKD tại TSC VietinBank; Trưởng Phòng Đánh giá xếp hạng phê duyệt giới hạn tín dụng tại TSC VietinBank; Quyền GD Trung tâm thẩm định Hội sở, MB Bank; Trưởng Phòng Chế độ Chính sách tín dụng - đầu tư tại TSC VietinBank; Phó GD Khối Pháp chế và Tuân thủ VietinBank; GD VietinBank KCN Tiên Sơn.

Ban Điều hành



Ông DƯƠNG VĂN QUÂN

Phó TGD

Sinh năm 1988.

Cử nhân Kế toán kiểm toán.

Công tác tại VietinBank từ năm 2012.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2025.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó TGD VietinBank kiêm GD VietinBank TP. Hà Nội.

Từng giữ các chức vụ: Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng HĐQT VietinBank.



Ông NGUYỄN HẢI HƯNG

Kế toán trưởng

Sinh năm 1972.

Cử nhân Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 1991.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng VietinBank từ tháng 6/2011.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Kế toán trưởng VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng, Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VietinBank.

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Triết lý hoạt động, Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn



Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến năm 2030 thuộc Top Ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Đến năm 2045 là ngân hàng mạnh nhất và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới.

Sứ mệnh



Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng.

3 Triết lý hoạt động



VietinBank là NHTM Quốc gia Việt Nam, đóng vai trò trụ cột và chủ lực của nền kinh tế, đồng hành và phụng sự cho sự phát triển của đất nước. VietinBank luôn lấy "AN TOÀN - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG" là mục tiêu phát triển trong mọi thời kỳ, trên cơ sở thực hành tốt 3 triết lý hoạt động:



Khách hàng là trung tâm

Khách hàng là mục tiêu, là động lực phát triển, là trung tâm trong mọi hoạt động của Ngân hàng. VietinBank luôn đồng hành, tận tâm và thấu cảm với khách hàng; truyền tải thông tin trung thực, minh bạch, khách quan vì lợi ích khách hàng; mang lại những trải nghiệm tuyệt vời, những SPDV xuất sắc và những giá trị mới tối ưu cho khách hàng.



Phát triển con người là then chốt

Con người là nguồn lực cốt lõi của VietinBank. Tại VietinBank, phát triển con người toàn diện là nhiệm vụ then chốt; phát triển nhân tài là nhiệm vụ trọng tâm. VietinBank tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để cán bộ, người lao động cống hiến, phát triển, phát huy hết khả năng, đóng góp vào sự thành công của VietinBank.

VietinBank tuân thủ các nguyên tắc: **Công khai, Minh bạch, Khách quan, Toàn diện, Công bằng, Bình đẳng** trong phát triển con người, đảm bảo lộ trình công danh, thăng tiến rõ ràng cho đội ngũ.



Đổi mới sáng tạo là đột phá

Đổi mới và Sáng tạo là yếu tố tiên quyết nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế tiên phong của VietinBank. VietinBank khuyến khích đội ngũ đổi mới, sáng tạo trong mọi hoạt động mỗi ngày, trên cơ sở kế thừa để tạo ra những giá trị mới tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng.



5 giá trị cốt lõi

VietinBank là tập hợp những con người ưu tú, dám thách thức bản thân, vượt qua chính mình, sẵn sàng xông pha, cùng hợp lực, kiến tạo ra các giá trị mới, tiên phong vì khát vọng tầm cao mới. Hệ giá trị cốt lõi của người VietinBank gồm 5 giá trị:



Chính trực

Chính trực có nghĩa là luôn trung thực, thẳng thắn, khách quan, tuân thủ và đáng tin cậy. Chính trực là cơ sở tạo dựng nên Niềm tin và Uy tín của VietinBank.



Trí tuệ

Trí tuệ có nghĩa là khả năng suy nghĩ, sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, nhìn nhận, đánh giá vấn đề sâu sắc, đa chiều để tạo ra các giá trị mới, dẫn dắt sự phát triển. Trí tuệ là nền tảng thành công của người VietinBank.



Tận tâm

Tận tâm có nghĩa là luôn thể hiện sự nhiệt huyết, tình yêu nghề, trách nhiệm, đam mê, nỗ lực vượt khó, hết lòng, hết sức vì công việc. Tận tâm là nguồn lực nội sinh, là yếu tố nội lực của người VietinBank.



Thấu cảm

Thấu cảm có nghĩa là sự hiểu biết thấu đáo, trọn vẹn về điều gì đang xảy ra, những cảm xúc, những nhu cầu, những trải nghiệm và câu chuyện của từng khách hàng, cổ đông, đồng nghiệp, đối tác và xã hội. Thấu cảm góp phần tạo dựng nên một VietinBank tôn trọng, hợp tác và gắn kết.

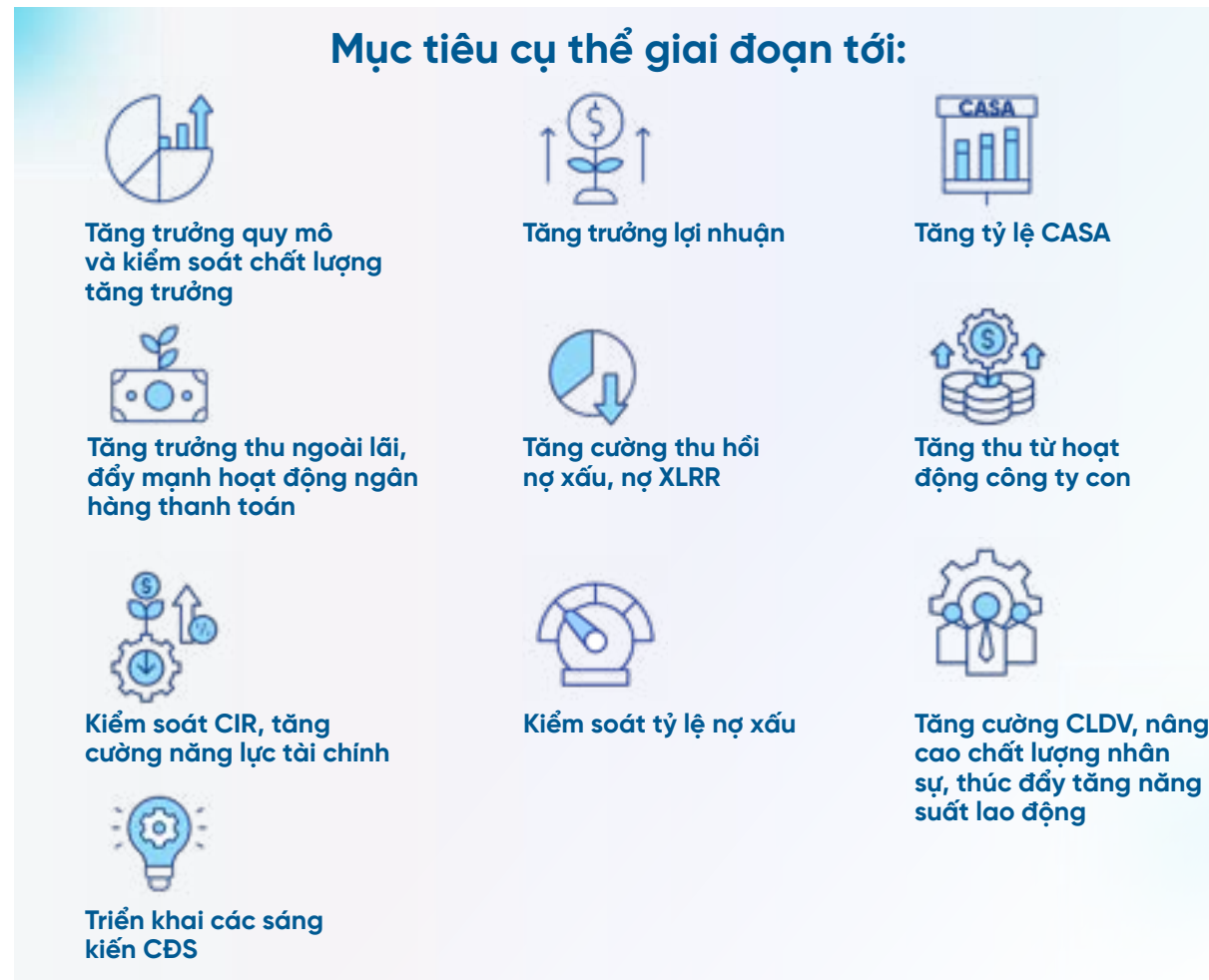


Thích ứng

Thích ứng có nghĩa là làm chủ sự thay đổi. Chỉ có sự nhạy bén, chủ động thích nghi và ứng biến với thời đại mới đem lại sự PTBV và trường tồn cho VietinBank.

Định hướng chiến lược phát triển trung hạn

Mục tiêu trung dài hạn của VietinBank là trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến năm 2030 thuộc Top Ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.



Với triết lý kinh doanh trong thời kỳ phát triển mới, VietinBank chú trọng đầu tư nâng cao năng lực nền tảng chính - là trụ cột thúc đẩy thực thi thành công định hướng chiến lược đã đặt ra.

Định hướng hoạt động năm 2026

VietinBank bước vào năm 2026 với vai trò là NHTM chủ lực, đánh dấu năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2030. Đây không chỉ là cơ hội để hoàn thành các mục tiêu chiến lược; mà còn là bước tạo đà vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Để thực hiện mục tiêu này, toàn hệ thống VietinBank sẽ tập trung vào 4 chiến lược trọng tâm sau:

(i) Đa dạng hóa doanh thu và tăng trưởng bền vững

- Phát triển quy mô bền vững:** Mở rộng quy mô hoạt động một cách bền vững, tập trung vào các nhóm khách hàng tại các địa bàn tiềm năng. Ưu tiên các ngành nghề có giá trị gia tăng cao như: Sản xuất, xuất khẩu, năng lượng tái tạo, công nghệ cao và lĩnh vực nông nghiệp hiện đại.
- Đa dạng hóa nguồn thu nhập:** Đẩy mạnh thu nhập từ dịch vụ thông qua các sản phẩm như: Tài trợ thương mại, kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh, hoạt động thẻ và bảo hiểm. Tăng cường cung cấp các gói SPDV tích hợp, cải tiến mô hình kinh doanh để phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

(ii) Trở thành ngân hàng phục vụ chính của khách hàng trọng tâm

- Hiểu rõ và cá nhân hóa dịch vụ:** Sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để am hiểu sâu sắc hành vi và nhu cầu của khách hàng. Từ đó, thiết kế các SPDV cá nhân hóa, đơn giản hóa quy trình tiếp cận, và mang lại trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.
- Đẩy mạnh khai thác chuyên sâu trên tập khách hàng hiện hữu, thúc đẩy khách hàng sử dụng

nhiều SPDV lõi, tăng tần suất và giá trị giao dịch tại VietinBank, đồng thời cải thiện mức độ hài lòng của khách hàng nhằm gia tăng gắn kết, giữ chân khách hàng và trở thành ngân hàng giao dịch chính (main-bank) của khách hàng; từ đó mở rộng cơ hội bán chéo, tối ưu hóa lợi nhuận trên khách hàng, góp tỷ trọng lớn trong tăng trưởng CASA, thu phí dịch vụ lõi, cải thiện cơ cấu doanh thu theo hướng bền vững, củng cố vị thế cạnh của VietinBank trên thị trường và cải thiện thị phần.

- Phát triển hệ sinh thái toàn diện:** Tạo lập hệ sinh thái tài chính toàn diện, kết nối KHDN, KHCN thông qua các sản phẩm như: Thẻ tín dụng, ví điện tử và các giải pháp thanh toán hiện đại. Thúc đẩy các hoạt động khai thác bán chéo hệ sinh thái, tăng cường sự phối hợp giữa các khối nghiệp vụ, CN VietinBank với hệ sinh thái các công ty con; xác định các công ty con là mảnh ghép, bộ phận gắn liền với hoạt động của hệ sinh thái VietinBank, cung cấp SPDV cho các khách hàng của VietinBank, tạo nên gói sản phẩm tổng thể nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

(iii) Tăng cường hiệu quả kênh bán

- Chuyển dịch giao dịch lên nền tảng số:** Tăng cường khuyến khích khách hàng sử dụng kênh số (Internet Banking, Mobile Banking) thay vì giao dịch tại quầy, đồng thời xây dựng các giải pháp cải thiện số lượng khách hàng active và quy mô giao dịch trên các kênh giao dịch ngoài quầy, tăng chất lượng và số lượng tính năng được đưa lên kênh số nhằm nâng cao tỷ lệ khách hàng sử dụng đa sản phẩm ngân hàng; từ đó tăng tỷ lệ CASA lên mức tiệm cận các ngân hàng hàng đầu trong khu vực.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kênh bán vật lý (mạng lưới PGD) thông qua để án cơ cấu lại mạng lưới PGD.

(iv) Tăng cường năng lực QTRR

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng:** Hoàn thiện mô hình nhận diện và xử lý sớm nợ tiềm ẩn rủi ro, thúc đẩy vai trò 3 vòng kiểm soát, nâng cao vai trò và cải thiện quy trình phân luồng xử lý nợ tại Trung tâm xử lý nợ, áp dụng các công cụ đo lường rủi ro tiên tiến như RORA (Return on Risk-Adjusted Assets) để đánh giá hiệu quả danh mục tín dụng.
- Đẩy mạnh thu hồi nợ:** Phối hợp chặt chẽ giữa TSC và các CN trong việc xử lý nợ xấu và nợ tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường hoạt động của Trung tâm Xử lý nợ để phân luồng và xử lý nợ kịp thời.
- Ứng phó với rủi ro công nghệ:** Triển khai các biện pháp bảo mật nâng cao, phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với các sự cố ANM, bảo đảm an toàn trong vận hành hệ thống ngân hàng số.
- Đẩy mạnh thu hồi nợ XLRR:** Triển khai đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ xấu, nợ XLRR, phấn đấu giữ vững mức tăng trưởng và quy mô thu hồi nợ XLRR thời gian qua, đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng doanh thu toàn hàng.

(v) Thúc đẩy sáng kiến kinh doanh mới và phương thức làm việc mới

- Tận dụng cơ hội thị trường, sự phát triển các công nghệ mới, các chính sách và hành lang pháp lý thúc đẩy đổi mới, lựa chọn nhóm đối tác để xây dựng quan hệ chiến lược cấp toàn hàng gắn với thực thi thành công chiến lược và các mảng HĐKD trọng yếu nhằm tạo dòng doanh thu mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của VietinBank.
- Nâng cao vai trò các đơn vị TSC thông qua triển khai các sáng kiến kinh doanh trực tiếp gia tăng hiệu quả hoạt động tại TSC nói riêng và toàn hàng nói chung.
- Phát triển cách làm mới nhằm đào tạo, thay đổi tư duy và nâng cao kỹ năng mới, kiến thức mới cho đội ngũ VietinBank từ đó nâng cao năng lực nhân sự, gia tăng năng suất lao động.
- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các sáng kiến CDS, nâng cao năng lực ứng dụng AI toàn hàng, tập trung hiện đại hóa hạ tầng thanh toán nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, an ninh và an toàn hệ thống.

Tầm nhìn 2026 và xa hơn: Với sự quyết tâm và khát vọng vươn xa, VietinBank đặt mục tiêu thực hiện thành công các trọng tâm chiến lược năm 2026, tạo nên những bước đột phá về hiệu quả kinh doanh và PTBV cho giai đoạn tiếp theo, khẳng định vai trò trụ cột trong hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA VIETINBANK

Hướng tới việc trở thành ngân hàng PTBV theo chuẩn quốc tế và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, định hướng của Chính phủ, VietinBank **cam kết PTBV** như sau:

- (i) Luôn đồng hành cùng Chính phủ, các tổ chức trong nước và quốc tế, khách hàng giải quyết các vấn đề môi trường - xã hội, thúc đẩy tài chính bền vững thông qua các hoạt động: **(i)** Xây dựng chính sách, sản phẩm tạo cơ chế linh hoạt trong tài trợ các dự án bền vững, **(ii)** Giảm tài trợ dự án có tác động tiêu cực tới môi trường xã hội, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, **(iii)** Ưu tiên nguồn lực để tài trợ các dự án PTBV, các hành vi tiêu dùng góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện các trách nhiệm xã hội.
- (ii)** Truyền thông về các mục tiêu và kết quả triển khai các hành động PTBV cho tất cả CBNV và các bên liên quan.
- (iii)** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, phát triển các kênh giao dịch điện tử, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới trên nền tảng công nghệ hiện đại góp phần hướng tới mục tiêu “xanh” hóa hoạt động hệ thống ngân hàng.
- (iv)** Minh bạch báo cáo với các mục tiêu liên quan đến về PTBV cho các đối tác trong và ngoài nước, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cổ đông và các bên có liên quan (theo quy định về CBTT).

Trong bối cảnh toàn cầu đang nỗ lực đạt Net-zero, VietinBank đã đặt ra **mục tiêu phát triển** như sau:

Mục tiêu chung:

- (i) PTBV là một trong các chiến lược trọng tâm của VietinBank. Môi trường và biến đổi khí hậu là mục tiêu quan trọng cần hướng tới, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng kế hoạch hành động để có thể đưa mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo tuyên bố tại Hội nghị COP26/COP27, là cơ hội để VietinBank thực hiện tái cấu trúc HĐKD theo hướng PTBV.
- (ii) VietinBank sẽ triển khai PTBV theo đúng định hướng của Chính phủ, thực hiện cam kết về môi trường xã hội, góp phần cải thiện môi trường xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng tín dụng “xanh” và chống biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của Việt Nam.
- (iii) VietinBank đồng hành cùng doanh nghiệp thúc đẩy việc huy động dòng tài chính bền vững, chuyển giao công nghệ “xanh”, công nghệ carbon thấp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu cụ thể:

- **Mục tiêu môi trường:** VietinBank thực hiện các mục tiêu môi trường thông qua việc cấp tín dụng, cung cấp SPDV cho các mục đích:
 - (i) **Giảm thiểu biến đổi khí hậu:** Các hoạt động góp phần ổn định nồng độ khí nhà kính (Greenhouse Gas – “GHG”) trong khí quyển bằng cách tránh hoặc giảm hoặc loại bỏ khí nhà kính.
 - (ii) **Thích ứng với biến đổi khí hậu:** Các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và tận dụng cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại.
 - (iii) **Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên:** Các hoạt động làm giảm mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên không tái tạo, góp phần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm tài nguyên tái tạo không bị sử dụng nhanh hơn là được tái tạo.
 - (iv) **Bảo tồn sinh học:** Các hoạt động góp phần bảo tồn và đa dạng hệ sinh thái trong môi trường trên cạn, biển và dưới nước.
 - (v) **Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm:** Các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường, con người khỏi các chất ô nhiễm khác với khí nhà kính.
- **Mục tiêu xã hội:** VietinBank thực hiện các mục tiêu xã hội thông qua việc cấp tín dụng, cung cấp SPDV hướng đến việc gia tăng tiện ích cho cuộc sống của con người, đặc biệt về các khía cạnh cơ sở hạ tầng cơ bản, nhà ở xã hội và tiếp cận dịch vụ thiết yếu.

Để đạt các mục tiêu trên, VietinBank xác định các **trụ cột chính** cần triển khai bao gồm:

- (i)** Kiện toàn lực lượng nhân sự chuyên trách PTBV;
- (ii)** Tăng cường công tác giám sát, báo cáo, CBTT;
- (iii)** Triển khai trọn gói bộ SPDV tài chính bền vững;
- (iv)** Kiện toàn hệ thống quy định nội bộ định hướng chuẩn quốc tế;
- (v)** Tăng cường hợp tác đối tác, mở rộng hệ sinh thái PTBV hỗ trợ khách hàng;
- (vi)** Đẩy mạnh CDS các hoạt động ngân hàng hướng tới mục tiêu giảm phát thải.

Nhằm góp phần cải thiện môi trường xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng tín dụng “xanh” và chống biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của Việt Nam, VietinBank luôn nỗ lực thực hiện các cam kết về môi trường xã hội. VietinBank đặt mục tiêu ưu tiên tài trợ các dự án/phương án kinh doanh mang lại lợi ích về môi trường và xã hội, tăng cường lực lượng nhân sự và hệ thống quản trị nội bộ, quy trình kiểm soát và ra quyết định hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi và đáp ứng nhu cầu của cổ đông.



5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Là một trong những ĐCTC trụ cột của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động và thách thức, VietinBank luôn chú trọng việc xây dựng, tăng cường hệ thống QTRR không chỉ bảo đảm tuân thủ các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước; mà còn hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Trên nền tảng đó, HĐKD được tái cấu trúc để phù hợp với hệ thống QLRR và khẩu vị rủi ro của VietinBank. Kiên định với định hướng tăng trưởng bền vững gắn với an toàn, hiệu quả, VietinBank luôn xác định nâng cao năng lực QTRR phải song hành với HĐKD; từ đó sẽ tạo một lực đẩy mạnh mẽ để bước nhanh và bước xa hơn trên chặng đường phát triển sắp tới.

Công tác QLRR luôn được VietinBank triển khai đồng bộ, quyết liệt, toàn diện từ TSC tới các đơn vị kinh doanh trong toàn hàng. Trên cơ sở quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN (*Thông tư 13*) của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, CN ngân hàng nước ngoài và thông lệ của Ủy ban Basel, VietinBank thực hiện mô hình 3 tuyến bảo vệ kết hợp với giám sát cấp cao của HĐQT, Ủy ban QLRR, BDH, Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO.

Với định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ bảo đảm mục tiêu tăng trưởng an toàn, bền vững, hiệu quả, trong năm 2025 VietinBank đã tiếp tục thực hiện nâng cấp, cải tiến các hoạt động QLRR xuyên suốt toàn hàng, cụ thể như sau:

- **Tăng cường kiểm soát chất lượng nợ từ TSC đến CN** với vai trò của BKS chất lượng nợ từ TSC và CN chủ động nhận diện, kiểm soát chất lượng nợ, đề xuất và triển khai phương án tối ưu đối với các nhóm phân khúc khách hàng;
- **Triển khai các nhóm sáng kiến CDS hỗ trợ kiểm soát chất lượng nợ như:** (i) Mô hình cảnh báo sớm EWS theo phương pháp thống kê và phương pháp xây dựng mô hình máy học nhằm tối ưu hóa công tác cảnh báo sớm tiềm ẩn RRTD đối với KHCN và KHDN ngày càng chính xác, kịp thời; (ii) Mô hình đo lường RRTD xuyên suốt chu trình tín dụng, đẩy mạnh số hóa/tự động hóa từ khâu tiếp cận khách hàng và chào bán sản phẩm, khâu thẩm định và phê duyệt tín dụng đến khâu thu hồi nợ.
- **Hoàn thiện mô hình QTRR:** Tuân thủ nghiêm ngặt quy định NHNN, tiên phong triển khai Basel II, chủ động nghiên cứu Basel III với nhiều tiêu chí khắt khe hơn, giúp Ngân hàng chống chịu trước các rủi ro và ngăn ngừa tổn thất hệ thống.
- **Tiếp tục duy trì nâng cao văn hóa QTRR thông qua** đổi mới, sáng tạo trong truyền thông, đào tạo, cảnh báo, cũng như những chương trình thi đua, khen thưởng... nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự QLRR; tăng cường nhận thức toàn hệ thống về công tác QLRR, chấp hành pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.



KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO

VietinBank là một trong những NHTM tiên phong trong công tác QLRR tại Việt Nam, luôn chủ động ứng dụng, cập nhật xu hướng thông lệ QTRR thế giới.

2017

Năm 2017, VietinBank đã ban hành lần đầu Quy định Khung QLRR nhằm chuẩn hóa công tác QLRR tại các bộ phận theo thông lệ tiên tiến trên thế giới và trong khu vực trên cơ sở kết quả dự án QLRR tích hợp và quy trình đánh giá an toàn vốn nội bộ do IFC tư vấn triển khai.

2018

Đến cuối năm 2018, sau khi NHNN ban hành Thông tư 13 - Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, CN ngân hàng nước ngoài, VietinBank đã nhanh chóng rà soát và cập nhật Quy định Khung QLRR nhằm đáp ứng các yêu cầu chi tiết về QLRR tại Thông tư 13 cũng như tiếp tục cập nhật các thông lệ chuẩn mực quốc tế về QLRR.

2023

Năm 2023 sau 5 năm vận hành kể từ khi ban hành lần 2, căn cứ sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo cũng như thực hiện yêu cầu tại Thông tư 13 về việc định kỳ rà soát chính sách QLRR, Quy định Khung QLRR tiếp tục được ban hành mới để bảo đảm các nội dung chính sách về QLRR luôn cập nhật các yêu cầu của cơ quan quản lý, các tiêu chuẩn về QLRR mới trên thế giới; đồng thời hoàn thiện văn bản phù hợp với hoạt động quản trị, điều hành tại VietinBank.

Quy định về Khung QLRR đang lưu hành bao gồm các nguyên tắc chung, cốt lõi trong công tác QLRR, là nền tảng cho việc xây dựng cơ cấu tổ chức, hệ thống văn bản chính sách, khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, chiến lược QLRR... tại VietinBank. Sau 8 năm kể từ lần đầu ban hành và triển khai trên thực tế, Quy định Khung QLRR đã góp phần củng cố nền tảng công tác QLRR nói riêng và công tác quản trị điều hành nói chung tại VietinBank.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Nhận diện rủi ro:

Năm 2025, thế giới tiếp tục đối mặt nhiều thách thức và biến động khi tăng trưởng kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị giữa các nước lớn vẫn tiếp diễn giữa Nga và Ukraine, xung đột Trung Đông và cạnh tranh thương mại giữa các quốc gia đã gia tăng rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu. Trước những biến động và thách thức trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng tích cực ở mức 8,02%; chỉ số lạm phát CPI tăng 3,31% so với năm trước. Trong tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,26%, đóng góp 51,08%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 514,3 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Nhìn chung, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất trên thị trường được điều hành tương đối ổn định nhằm hỗ trợ hồi phục HĐKD của các doanh nghiệp, GDP trong nước năm 2025 đã đạt được mức tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát dưới mức mục tiêu.

Năm 2026, kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng với tốc độ chậm trong bối cảnh Mỹ tiếp tục định hướng nới lỏng chính sách tiền tệ và các quốc gia lớn duy trì một bằng lãi suất điều hành ở mức thấp. Tuy nhiên, tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính quốc tế sẽ có nhiều biến động khó lường do các tác động từ chiến lược về thương mại - công nghệ, chính sách bảo hộ và thuế quan thương mại của các nền kinh tế lớn trên thế giới và xung đột địa chính trị gia tăng.

Kinh tế toàn cầu được nhận định có thuận lợi và khó khăn đan xen, rủi ro bất định gia tăng tác động tiêu cực đến xuất khẩu, thu hút đầu tư của Việt Nam. Là một nền kinh tế có độ mở lớn và phụ thuộc nhiều vào thương mại, nền kinh tế Việt Nam rất nhạy cảm với với các biến động bên ngoài, theo đó các rủi ro từ rào cản thương mại và sự bất ổn về chính sách là những rủi ro lớn đối với triển vọng kinh tế của Việt Nam trong năm 2026. Với mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên và kiểm soát các yếu tố vĩ mô khác ổn định là một mục tiêu thách thức, chính sách tài khóa có thể sẽ đóng vai trò trụ cột trong khi chính sách tiền tệ giữ vai trò hỗ trợ.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025 và kế hoạch trong năm 2026:

Năm 2025, VietinBank đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, chính sách tiền tệ của NHNN và các quốc gia lớn trên thế giới, linh hoạt điều chỉnh trong công tác định hướng cũng như điều hành thực tế để thúc đẩy HĐKD trong điều kiện thị trường có nhiều biến động. Trước những dự báo về tình hình kinh tế và xu hướng lãi suất của các NHTW Mỹ, châu Âu, Trung Quốc, tình hình biến động địa chính trị ở các khu vực, VietinBank đã chủ động phân tích các kịch bản tác động tới HĐKD và có phương án hành động cụ thể để nhanh chóng thích ứng, làm chủ các tình huống phát sinh, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro từ môi trường bên ngoài một cách hiệu quả.

RỦI RO TÍN DỤNG

Nhận diện rủi ro: Bao gồm RRTD và RRTD đối tác. Trong đó: **(i)** RRTD là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với VietinBank, trừ các trường hợp quy định khác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả TCTD, CN ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với VietinBank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; **(ii)** RRTD đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của giao dịch tự doanh; giao dịch repo và reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Trong năm 2025, tình hình kinh tế vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp do chính sách thuế Hoa Kỳ, căng thẳng địa chính trị... Trước tình hình đó, VietinBank chủ động kiểm soát có hiệu quả chất lượng nợ trong hệ thống. VietinBank tiếp tục hoàn thiện mô hình QTRR, đẩy mạnh ứng dụng CDS và quyết liệt triển khai đồng bộ công tác quản lý RRTD để duy trì cân bằng giữa mục tiêu về an toàn hoạt động và tăng trưởng kinh doanh. Cụ thể, VietinBank đã thực hiện:

- **Chủ động nhận diện khách hàng tiềm ẩn rủi ro suy giảm chất lượng tín dụng; nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro** để kịp thời triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng và các giải pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ; tiếp tục triển khai có hiệu quả BKS chất lượng nợ từ TSC tới CN. Từ đó VietinBank đã chủ động kiểm soát được chất lượng nợ toàn hệ thống, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao so với toàn Ngành Ngân hàng.
- **Tăng cường công tác quản lý RRTD thông qua:** **(i)** Ban hành định hướng tín dụng hằng năm, kịp thời cập nhật thường xuyên các thông tin kinh tế vĩ mô thế giới và Việt Nam tới hoạt động của VietinBank; **(ii)** Thiết lập và giám sát bộ hạn mức RRTD phù hợp với kế hoạch kinh doanh năm 2025; **(iii)** Chấm điểm xếp loại để giao thẩm quyền tín dụng cho các CN.
- **Nâng cao tính hiệu lực hiệu quả của mô hình đo lường RRTD**, bao gồm: **(i)** Cập nhật mô hình xác suất vỡ nợ PD (Hạng PD - probability of default) đối với KHCN và KHDN và **(ii)** Thực hiện ước lượng tỷ lệ tổn thất khi vỡ nợ (LGD - loss given default), giá trị dư nợ khi vỡ nợ (EAD - exposure at default) đối với KHDN nhằm thực hiện kế hoạch triển khai Thông tư 14/2025/TT-NHNN được phê duyệt tại Nghị Quyết số 483/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 01/12/2025 theo phương pháp nội bộ (IRB - internal ratings based) và các ứng dụng (use-test) tại các sáng kiến CDS.
- **Chủ động nghiên cứu, lập kế hoạch, xây dựng lộ trình, và đầu mối triển khai nhằm chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng chuẩn mực đo lường vốn theo Basel II tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN** về Quy định CAR đối với NHTM, CN ngân hàng nước ngoài bao gồm: **(i)** Xây dựng VBCS; **(ii)** Xây dựng hệ thống tính toán CAR theo phương pháp tiêu chuẩn (SA - standardized approach) và phương pháp theo xếp hạng nội bộ (IRB); **(iii)** Xây dựng các mô hình, thu thập dữ liệu trong 5 - 10 năm để tính toán CAR.

- **Tiếp tục duy trì, nâng cao văn hóa QTRR; đổi mới, sáng tạo trong truyền thông, đào tạo, cảnh báo, cũng như trong công tác thi đua, khen thưởng...** nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự QLRR; tăng cường nhận thức toàn hệ thống về công tác quản lý RRTD, chấp hành pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Kế hoạch trong năm 2026:

Trong năm 2026, để nâng cao khả năng ứng phó trước nền kinh tế còn nhiều biến động, VietinBank chủ động xây dựng và tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp giảm thiểu RRTD. Theo đó:

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng danh mục tín dụng và chi phí dự phòng rủi ro toàn hàng và tới từng CN. Yêu cầu CN bám sát chỉ tiêu được giao, nâng cao hơn nữa công tác chủ động nhận diện sớm, phân luồng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tại CN và kịp thời áp dụng các biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp.
- Tăng cường quản lý nhóm khách hàng liên quan/khách hàng tăng cường giám sát thông qua việc xây dựng và vận hành các công cụ quản lý và nhận diện.
- Tăng cường kết nối hơn nữa giữa công tác QLRR, ban hành các VBCS tại TSC với CN thông qua: **(i)** Điều chỉnh bộ chấm điểm xếp hạng để giao thẩm quyền CN; **(ii)** Điều chỉnh thẩm quyền tín dụng; **(iii)** Điều chỉnh bộ VBCS tín dụng, đầu tư đồng hành cùng HĐQT.
- Nâng cao các ứng dụng AI/ mô hình thống kê/công cụ CDS mạnh mẽ trong công tác quản lý RRTD như cập nhật thường xuyên diễn biến nền kinh tế và kịp thời nhận diện rủi ro đến danh mục tín dụng và điều chỉnh định hướng tín dụng kịp thời, hỗ trợ tăng trưởng tín dụng an toàn, bền vững.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường, bao gồm: **(i)** RRLS là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của VietinBank; **(ii)** Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi VietinBank có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng; **(iii)** Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu, chứng khoán phái sinh trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của VietinBank; **(iv)** Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của VietinBank.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Năm 2025, trước những diễn biến khó lường của thị trường tài chính trong nước và quốc tế do tác động từ các chính sách bảo hộ thương mại - công nghệ và căng thẳng địa chính trị ngày càng leo thang, VietinBank tiếp tục chú trọng giám sát chặt chẽ và kiểm soát kịp thời RRTT trong quá trình kinh doanh. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện:

- **Thiết lập chiến lược quản lý RRTT gồm mục tiêu và các biện pháp kiểm soát phù hợp gắn liền với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank**, bảo đảm HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược, phù hợp với thông lệ quốc tế.
- **Xây dựng nền tảng dữ liệu RRTT tập trung**, gồm lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa để chuẩn hóa làm nền tảng cho việc áp dụng công nghệ, CDS, tự động hóa hệ thống báo cáo giám sát khẩu vị rủi ro, hạn mức RRTT, trạng thái kinh doanh; cải tiến nâng cấp hệ thống giám sát sau giao dịch TTM (treasury transaction monitoring).
- **Ứng dụng AI vào công tác dự báo xu hướng lãi suất, tỷ giá** giúp nâng cao năng lực quản lý RRTT, nhận diện sớm rủi ro, đưa ra cảnh báo và biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.
- **Tăng cường mô hình 3 tuyến bảo vệ** trong quản lý RRTT với sự tham gia của Phòng Kinh doanh vốn, Phòng Quản lý RRTT và Phòng KTNB.
- **Rà soát, cập nhật kịp thời hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận** về quản lý RRTT, QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh để phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng thông lệ Basel II và các yêu cầu của cơ quan quản lý.
- **Thiết lập khẩu vị và hạn mức RRTT** gồm các chỉ số như: Lãi/lỗ theo giá thị trường, VaR (Value at Risk), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung... Các chỉ số được đo lường giám sát và báo cáo hằng ngày, kịp thời cảnh báo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VietinBank và có biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro.
- **Phân bổ và kiểm soát mức vốn yêu cầu cho RRTT và backtest các mô hình đo lường RRTT** để bảo đảm đánh giá chính xác mức độ rủi ro tiềm ẩn. Từ năm 2013, VietinBank đã triển khai hệ thống Treasury Murex nhằm thực hiện nhập, phê duyệt và quản lý giao dịch kinh doanh vốn và thị trường thông suốt cả 3 cấu phần: Front Office, Middle Office, Back Office.

Kế hoạch trong năm 2026:

Trong năm 2026, VietinBank dự kiến triển khai đồng bộ nhiều hoạt động tăng cường quản lý RRTT, bao gồm:

- Tiếp tục bám sát diễn biến thị trường trong nước, quốc tế để nhận biết cảnh báo sớm các biến động RRTT gây ảnh hưởng đến danh mục kinh doanh của VietinBank.
- Thực hiện backtest, cập nhật các mô hình đo lường RRTT và có những điều chỉnh phù hợp để bảo đảm đánh giá hợp lý mức độ rủi ro tiềm ẩn đối với danh mục kinh doanh.
- Tiếp tục cập nhật, cải tiến, ứng dụng công nghệ, CDS, tự động hóa để nâng cao hiệu quả, hiệu suất trong công tác quản lý RRTT, phù hợp với xu hướng của thị trường và định hướng của VietinBank.
- Liên tục cập nhật kịp thời hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận về quản lý RRTT, QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh để phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý và thông lệ Basel II, đồng thời nghiên cứu áp dụng các chỉ tiêu quản lý RRTT theo thông lệ Basel III.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VietinBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý nhưng không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược). Trong kỷ nguyên số hóa, với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ mới, VietinBank cũng phải đối mặt với những rủi ro mới như: Rủi ro trong hoạt động số hóa các SPDV, rủi ro bên thứ 3 và rủi ro tấn công mạng, dữ liệu và điện toán đám mây...

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Trong kỷ nguyên CDS, sự bùng nổ của công nghệ không chỉ trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của Ngành Ngân hàng mà còn mang đến nhiều thách thức khi Ngân hàng phải đối mặt với nhiều hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp và đa dạng. Theo đó, nhằm bảo đảm an ninh trên mặt trận công nghệ, VietinBank đã và đang xây dựng, triển khai công tác QLRR CNTT & ANM bao gồm:

- **Cải tiến hoạt động QLRR CNTT & ANM:** VietinBank không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa các quy định về QLRR trong hoạt động CNTT & ANM, từng bước xây dựng và kiện toàn mô hình, phương pháp luận và tăng cường nhân sự QLRR CNTT & ANM tại các tuyến bảo vệ.
- **Tăng cường bảo mật hệ thống và cơ sở hạ tầng:** Việc tập trung vào công tác bảo mật không chỉ là yếu tố then chốt để bảo vệ tài sản của VietinBank; mà còn là chiến lược bảo vệ niềm tin của khách hàng, đối tác và cổ đông. Ngân hàng không ngừng nỗ lực xây dựng kế hoạch mở rộng đầu tư và nâng cấp các trang thiết bị, các hệ thống phòng chống tấn công xâm nhập, giám sát tấn công cập nhật theo xu hướng trên thế giới. Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự CNTT của VietinBank cũng không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ năng lực, phẩm chất nhằm đáp ứng theo theo xu hướng phát triển.
- **Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động liên tục:** VietinBank đã và đang có những định hướng rất chủ động trong công tác xây dựng các kịch bản ứng phó sự cố, rủi ro trên hệ thống CNTT, ứng dụng của các nền tảng ngân hàng số, SPDV số cung cấp cho khách hàng.

Kế hoạch trong năm 2026:

Năm 2026 tiếp tục là một năm thách thức đối với công tác QLRR trong kỷ nguyên số hóa. Ngoài việc củng cố và tăng cường các hoạt động QLRR, năm 2026, VietinBank sẽ tăng cường triển khai nhiều giải pháp, cụ thể:

- **Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động QLRR trong CNTT & ANM:** (i) Triển khai công tác QLRR CNTT & ANM theo hướng chủ động, mở rộng phạm vi giám sát và chuẩn hóa dữ liệu; (ii) Đánh giá rủi ro CNTT & ANM thường xuyên và tăng cường bổ sung các biện pháp kiểm soát về kỹ thuật nhằm bảo vệ thông tin và dữ liệu trọng yếu.
- **Kiến toàn và đẩy mạnh QLRR tại CN xuyên suốt đến PGD** theo đặc thù riêng tại từng đơn vị.
- **Chú trọng công tác đào tạo, truyền thông về quản lý RRHĐ** nhằm tăng cường văn hóa QLRR, đặc biệt QLRR CNTT & ANM thông qua các bản tin, chương trình thi đua toàn hệ thống để nâng cao ý thức quản lý RRHĐ đối với từng đơn vị, cá nhân trong VietinBank.



RỦI RO GIAN LẬN, PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN VÀ TÀI TRỢ KHỦNG BỐ

Nhận diện rủi ro: Bao gồm rủi ro gian lận nội bộ, rủi ro gian lận bên ngoài và một phần rủi ro tuân thủ. Trong đó, rủi ro gian lận nội bộ là nguy cơ phát sinh từ hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, vi phạm các chiến lược, chính sách và quy định nội bộ liên quan đến ít nhất một cá nhân của VietinBank (bao gồm cả hành vi không đúng chức trách, nhiệm vụ, hành vi vượt thẩm quyền, trộm cắp, lợi dụng thông tin nội bộ để trục lợi); rủi ro gian lận bên ngoài là các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản do đối tượng bên ngoài gây nên mà không có sự trợ giúp, cấu kết của cá nhân, bộ phận của VietinBank (bao gồm cả hành vi trộm cắp, cướp, giả mạo thẻ ngân hàng, chứng từ ngân hàng, xâm nhập hệ thống CNTT để chiếm đoạt dữ liệu, tiền); và các rủi ro phát sinh từ các giao dịch đáng ngờ, giao dịch rửa tiền, giao dịch với khách hàng trong danh sách cấm vận, tài trợ khủng bố, không tuân thủ các cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác, cam kết quốc tế khác (nếu có).

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

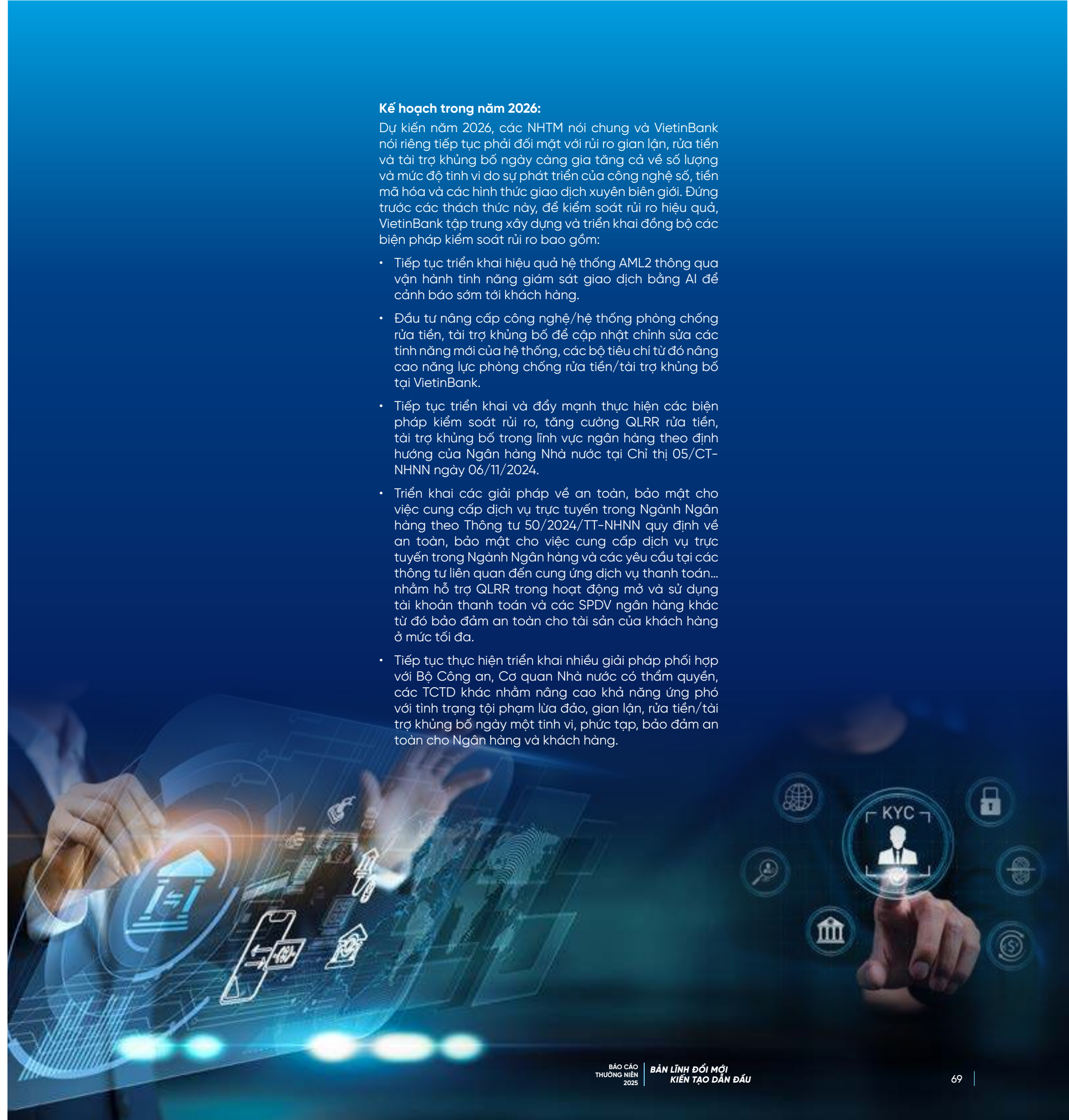
Để kiểm soát các rủi ro nhận diện, VietinBank đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp:

- Triển khai thành công bước đầu **"Hệ thống phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phòng chống gian lận giai đoạn 2"** nhằm hỗ trợ công tác giám sát, phát hiện và cảnh báo sớm các giao dịch đáng ngờ, nghi ngờ gian lận, rửa tiền.
- Cập nhật chính sách, quy định nội bộ về QLRR rửa tiền, tài trợ khủng bố phù hợp với quy định pháp luật mới tại Thông tư 27/2025/TT-NHNN và các quy định pháp luật có liên quan.
- Triển khai kết nối với Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán (Hệ thống SIMO) của NHNN và Hệ thống CIR của Cục An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng Công nghệ cao - Bộ Công an (A05) để kịp thời báo cáo các tài khoản thanh toán có dấu hiệu gian lận, lừa đảo hoặc vi phạm pháp luật đồng thời cảnh báo cho khách hàng trước khi khách hàng quyết định thực hiện giao dịch, giúp kịp thời ngăn chặn các rủi ro liên quan đến gian lận, lừa đảo.
- Tích cực truyền thông thường xuyên tới khách hàng, người lao động thông qua đa dạng hóa các kênh, các hình thức truyền thông nhằm cảnh báo tới khách hàng các thủ đoạn lừa đảo, hướng dẫn khách hàng giao dịch an toàn với ngân hàng, nâng cao cảnh giác để bảo đảm an toàn tài sản.

Kế hoạch trong năm 2026:

Dự kiến năm 2026, các NHTM nói chung và VietinBank nói riêng tiếp tục phải đối mặt với rủi ro gian lận, rửa tiền và tài trợ khủng bố ngày càng gia tăng cả về số lượng và mức độ tinh vi do sự phát triển của công nghệ số, tiền mã hóa và các hình thức giao dịch xuyên biên giới. Đứng trước các thách thức này, để kiểm soát rủi ro hiệu quả, VietinBank tập trung xây dựng và triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát rủi ro bao gồm:

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống AML2 thông qua vận hành tinh năng giám sát giao dịch bằng AI để cảnh báo sớm tới khách hàng.
- Đầu tư nâng cấp công nghệ/hệ thống phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố để cập nhật chỉnh sửa các tính năng mới của hệ thống, các bộ tiêu chí từ đó nâng cao năng lực phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố tại VietinBank.
- Tiếp tục triển khai và đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường QLRR rửa tiền, tài trợ khủng bố trong lĩnh vực ngân hàng theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước tại Chỉ thị 05/CT-NHNN ngày 06/11/2024.
- Triển khai các giải pháp về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong Ngành Ngân hàng theo Thông tư 50/2024/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong Ngành Ngân hàng và các yêu cầu tại các thông tư liên quan đến cung ứng dịch vụ thanh toán... nhằm hỗ trợ QLRR trong hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán và các SPDV ngân hàng khác từ đó bảo đảm an toàn cho tài sản của khách hàng ở mức tối đa.
- Tiếp tục thực hiện triển khai nhiều giải pháp phối hợp với Bộ Công an, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các TCTD khác nhằm nâng cao khả năng ứng phó với tình trạng tội phạm lừa đảo, gian lận, rửa tiền/tài trợ khủng bố ngày một tinh vi, phức tạp, bảo đảm an toàn cho Ngân hàng và khách hàng.



RỦI RO THANH KHOẢN

Nhận diện rủi ro: Liên quan đến các rủi ro không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định của VietinBank.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

VietinBank tiếp tục kiên định với chiến lược quản lý RRTK với các mục tiêu chính là bảo đảm an toàn thanh khoản, quản lý hiệu quả và ổn định nguồn vốn, đáp ứng tăng trưởng kinh doanh và nhu cầu thanh toán của khách hàng. Ngân hàng duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu trong điều kiện hoạt động bình thường cũng như khi có diễn biến bất lợi; kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro và hạn mức RRTK nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, cơ quan quản lý và các mục tiêu nội bộ. Chiến lược nguồn vốn được thực hiện theo hướng đa dạng hóa kênh huy động và tối ưu hóa cấu trúc kỳ hạn. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện:

- **Quản lý lãi suất và tăng trưởng:** Tăng cường cập nhật, đánh giá xu hướng điều chỉnh lãi suất VND và các ngoại tệ (USD, EUR, JPY) cùng kế hoạch tăng trưởng tín dụng khả thi theo từng giai đoạn. Từ đó, xây dựng chiến lược huy động nguồn phù hợp, kiểm soát chi phí vốn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.
- **Đa dạng hóa nguồn vốn:** Đẩy mạnh tăng trưởng CASA và đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn đáp ứng phù hợp với nhu cầu kinh doanh và bảo đảm các tỷ lệ an toàn theo quy định.
- **Thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các ĐCTC trong nước và quốc tế** để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- **Kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản (liquidity stress test)** đóng vai trò quan trọng trong quản lý bằng cân đối kế toán và xây dựng kế hoạch kinh doanh. Định kỳ tiến hành kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và rà soát kế hoạch dự phòng thanh khoản.
- **Tiếp tục phát huy hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ trong quản lý rủi ro thanh khoản:** Phòng Quản lý cân đối vốn (Khối Tài chính) đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn (Khối Kinh doanh vốn và Thị trường) và các đơn vị liên quan (Tuyến bảo vệ thứ nhất); Phòng Quản lý RRTT (Khối QLRR) đóng vai trò giám sát độc lập (Tuyến bảo vệ thứ hai); Phòng KTNB (BKS) thực hiện chức năng Tuyến bảo vệ thứ ba.
- **Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm và kiểm soát hạn mức RRTK:** Định kỳ hằng tháng/quý, thông qua các phiên họp của Ủy ban QLRR/Ủy ban ALCO và Hội đồng Rủi ro/ALCO, Ngân hàng đánh giá toàn diện tình hình thị trường, phương án cân đối vốn và trạng thái tuân thủ hạn mức rủi ro để kịp thời chỉ đạo điều hành. Ngoài ra, bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm (Early Warning System - EWS) được vận hành và giám sát chặt chẽ nhằm nhận diện sớm các dấu hiệu bất lợi từ thị trường và chủ động ngăn ngừa RRTK.
- **Vận hành ổn định và nâng cấp hệ thống ALM quản lý tài sản Nợ - Có theo thông lệ quốc tế.** Hệ thống đã tự động hóa các báo cáo cân đối vốn và dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày, cung cấp thông tin đa chiều, kịp thời. Qua đó, RRTK được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính trên cơ sở phân tích nhu cầu và nguồn thanh khoản của từng HĐKD.

Kế hoạch trong năm 2026:

Dự báo tình hình kinh tế năm 2026 vẫn tiềm ẩn các yếu tố biến động bất định từ thị trường tài chính toàn cầu và trong nước, NHNN dự kiến tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm cân đối vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Trên cơ sở đó, trong năm 2026, VietinBank dự kiến triển khai các biện pháp sau:

- **Bám sát thị trường:** Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến thị trường để nhận diện sớm các xu hướng lãi suất và thanh khoản, từ đó có chính sách điều hành linh hoạt nhằm thúc đẩy tín dụng, tăng trưởng huy động và điều chỉnh cơ cấu kỳ hạn tài sản - nguồn vốn phù hợp, bảo đảm tối ưu hóa lợi nhuận đi đôi với an toàn thanh khoản.
- **Duy trì đệm thanh khoản:** Tiếp tục duy trì danh mục tài sản thanh khoản cao đa dạng, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi tình huống. Tập trung đẩy mạnh tăng trưởng CASA bền vững và đa dạng hóa các kênh huy động vốn trong và ngoài nước.
- **Chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế:** Đẩy mạnh áp dụng toàn diện các chỉ tiêu quản lý RRTK theo chuẩn mực Basel III (LCR - loan coverage ratio, NSFR - Net stable funding ratio) vào công tác quản trị nội bộ.
- **Tăng cường ứng dụng công nghệ, phân tích dữ liệu và các sáng kiến CDS** trong quản lý RRTK để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm rủi ro, phù hợp với thực tiễn thị trường Việt Nam và định hướng phát triển của Ngân hàng.



RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất tác động tới trạng thái Sổ Ngân hàng của VietinBank, làm ảnh hưởng tới vốn và thu nhập của VietinBank. RRLS trên Sổ Ngân hàng phát sinh từ: **(i)** Chênh lệch kỳ hạn theo hợp đồng, kỳ định lại lãi suất giữa tài sản và nợ phải trả trên sổ ngân hàng; **(ii)** Chênh lệch giữa lãi suất được sử dụng để định giá tài sản và nợ phải trả có cùng kỳ hạn; **(iii)** Trạng thái phái sinh quyền chọn hoặc các yếu tố quyền chọn gắn với tài sản, nợ phải trả, các khoản mục ngoại bảng mà VietinBank và khách hàng có thể thay đổi giá trị và thời điểm phát sinh dòng tiền.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Đối với RRLS trên Sổ Ngân hàng phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất làm ảnh hưởng tới vốn và thu nhập của Ngân hàng, VietinBank tiếp tục áp dụng chính sách quản lý tập trung tại TSC với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ tương tự với công tác quản lý RRTK. Trên cơ sở tình hình thực tế, kế hoạch kinh doanh giai đoạn tiếp theo, dự báo đánh giá tình hình biến động lãi suất thị trường, VietinBank đã triển khai đồng bộ các biện pháp như sau:

- **Kiểm soát các chỉ số** Trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (Repricing GAP), chỉ số đo lường tác động của thay đổi lãi suất tới Thu nhập lãi thuần (Delta NII) và chỉ số đo lường tác động của thay đổi lãi suất tới Giá trị kinh tế của VCSH (Delta EVE) nhằm quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng.
- **Bám sát diễn biến chính sách tiền tệ** trong nước - quốc tế và tình hình kinh tế vĩ mô nhằm điều chỉnh kịp thời chính sách lãi suất và kỳ hạn định giá lại của tài sản - nguồn vốn phù hợp với xu thế lãi suất thị trường.
- **Phân tích, đánh giá và cập nhật thường xuyên các kịch bản** xu hướng biến động lãi suất và khả năng tác động đến NII, EVE, đánh giá lợi ích và hạn chế của các phương án đầu tư - huy động trong từng kịch bản... nhằm tìm ra phương án tối ưu nhất trong từng giai đoạn, gia tăng hiệu quả đồng thời kiểm soát mức độ rủi ro phát sinh.
- **Sử dụng linh hoạt đồng bộ chính sách mua bán vốn, các biện pháp tài chính, công cụ phòng ngừa RRLS** để thúc đẩy tăng trưởng tài sản nguồn vốn theo định hướng và phòng ngừa rủi ro phát sinh trong điều kiện thị trường liên tục thay đổi.
- **Duy trì vận hành tốt Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP** cho phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới NII và giá trị kinh tế của VCSH trong phạm vi cho phép.
- **Phân tích diễn biến lãi suất thị trường, các kịch bản và đo lường lợi ích/hạn chế của phương án điều hành lãi suất và huy động, cho vay cũng như mức độ RRLS có thể phát sinh** để báo cáo Ban Lãnh đạo tại các cuộc họp Ủy ban QLRR/Hội đồng rủi ro, Ủy ban ALCO/Hội đồng ALCO nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược đầu tư, cho vay và huy động vốn phù hợp với xu hướng biến động lãi suất thị trường, bảo đảm thực hiện mục tiêu lợi nhuận và mục tiêu về vốn của Ngân hàng.

Kế hoạch trong năm 2026:

Tình hình căng thẳng địa chính trị và quan hệ quốc tế vẫn là một rủi ro lớn đối với nền kinh tế và thương mại toàn cầu, trong đó nền kinh tế Việt Nam có thể bị ảnh hưởng lớn. Việt Nam vẫn theo đuổi các mục tiêu cân đối vĩ mô, tuy nhiên xu hướng biến động mạnh của lãi suất trong quý IV/2025 cho thấy có khả năng thị trường tài chính sẽ biến động khó lường trong năm 2026. Trong bối cảnh đó, VietinBank dự kiến triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm:

- Theo dõi sát diễn biến thị trường tài chính quốc tế, chính sách tiền tệ các nước lớn, xu hướng điều hành chính sách tiền tệ trong nước và tình hình thị trường tài chính trong nước.
- Chủ động đánh giá các kịch bản khả thi và xác định triển khai phương án kinh doanh tối ưu trong từng giai đoạn.
- Tiếp tục đổi mới, phát triển hoạt động cảnh báo RRLS trên Sổ Ngân hàng phù hợp thực tiễn thị trường, chuẩn mực quốc tế và định hướng HĐKD của Ngân hàng.



RỦI RO CNTT

Nhận diện rủi ro: Là khả năng xảy ra tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp do các điểm yếu của tài sản hay một nhóm tài sản bị khai thác bởi các mối đe dọa (như lỗ hổng bảo mật bị khai thác bởi các đối tượng hacker). Rủi ro CNTT gồm 4 loại rủi ro: Rủi ro ATTT, rủi ro gián đoạn hoạt động, rủi ro hệ thống CNTT không đáp ứng yêu cầu kinh doanh về mặt tính năng và hiệu năng hệ thống và rủi ro tuân thủ.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và sự gia tăng nhanh chóng của các dịch vụ ngân hàng điện tử, công tác QLRR CNTT trở thành một trong những trọng tâm chiến lược trong hoạt động QTRR tổng thể của VietinBank. Theo đó QLRR CNTT không chỉ giúp bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định của hạ tầng và dịch vụ ngân hàng mà còn góp phần bảo vệ lợi ích của khách hàng, đáp ứng các quy định của NHNN về an toàn hệ thống thanh toán, ATTT và ANM.

VietinBank đã xác định QLRR CNTT là một phần thiết yếu của QTRR hoạt động, với sự tập trung vào các yếu tố cốt lõi: **Con người - Công nghệ - Quy trình**. Việc QLRR CNTT được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chuyên trách trong nội bộ ngân hàng và việc tuân thủ các chuẩn mức quốc tế cũng như các quy định pháp luật hiện hành về an ninh thông tin.

Trong năm 2025, VietinBank tiếp tục củng cố năng lực QLRR CNTT với những giải pháp trọng tâm nhằm ứng phó hiệu quả trước các rủi ro mới phát sinh do tốc độ CDS diễn ra mạnh mẽ trong ngân hàng. Một số nội dung chính gồm:

Đối với con người:

- **Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách ATTT** thông qua các khóa tự đào tạo, khóa học do NHNN, các bộ ban ngành hay các đối tác tổ chức.
- **Tăng cường phối hợp, trao đổi với các Cơ quan Quản lý nhà nước chuyên trách** về an ninh thông tin và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng như các công ty bảo mật tại Việt Nam và thế giới.
- **Xây dựng văn hóa bảo mật và nâng cao nhận thức ATTT của nhân sự** thông qua việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, truyền thông về QLRR CNTT cho cán bộ người lao động trên toàn hệ thống; Tổ chức thi đua, các chương trình truyền thông và các khóa học nhằm nâng cao nhận thức về ATTT.
- **Truyền thông các nội dung nâng cao nhận thức ATTT** khi sử dụng SPDV Ngân hàng đối với khách hàng qua đa kênh.

Đối với công nghệ

- **Tiếp tục vận hành Trung tâm Điều hành ANM (Security Operation Center - SOC)** nhằm giám sát 24/7 và xử lý kịp thời các sự kiện bảo mật, dấu hiệu mất ATTT, bất thường xảy ra trong hệ thống CNTT.
- **Triển khai các giải pháp để tăng cường bảo mật hạ tầng và hệ thống.**
- **Thực hiện đánh giá an ninh toàn hệ thống định kỳ** trước khi triển khai dịch vụ mới nhằm bảo đảm các lỗ hổng bảo mật được kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.
- **Triển khai ứng dụng cảnh báo sớm gian lận giao dịch nội bộ** và tăng cường kiểm soát các tài khoản có dấu hiệu gian lận.
- **Phát triển và mở rộng các hệ thống phụ trợ trong hệ sinh thái quản lý thông tin và sự kiện bảo mật SIEM (Security Information and Event Management)** để kết hợp phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn, đặc biệt là các dữ liệu Tình báo ANM để phân tích và phát hiện sớm dấu hiệu tấn công

Đối với quy trình

- **Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác** đối với các SPDV.
- **Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn Chương trình An ninh khách hàng (CSP)** cho hệ thống SWIFT, ISO 27001 cho hệ thống Internet Banking, Bộ tiêu chuẩn PCI-DSS cho hệ thống thẻ, các tiêu chuẩn bảo mật CIS Benchmark cho các hệ thống quan trọng.
- **Văn bản hóa, triển khai các quy trình, chính sách bảo mật.**
- **Triển khai Tư vấn chiến lược ANM** để rà soát, đánh giá cũng như xây dựng lộ trình phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ mới như AI, Big data và quá trình CDS của VietinBank.
- **Hoàn thiện các kịch bản ứng phó xử lý sự cố CNTT và phục hồi sau thảm họa**, bảo đảm dịch vụ ngân hàng không bị gián đoạn trong các tình huống bất thường.
- **Tăng cường kiểm tra và thử nghiệm các biện pháp dự phòng**, bao gồm cả việc chuẩn bị cho việc chuyển đổi hệ thống sang môi trường dự phòng khi cần thiết

Kế hoạch trong năm 2026:

Công tác QLRR CNTT tại VietinBank trong năm 2025 đã được xây dựng và triển khai dựa trên nền tảng của các nguyên tắc QTRR toàn diện, ứng dụng CNTT tiên tiến và tuân thủ quy định pháp luật. Định hướng năm 2026, VietinBank sẽ tiếp tục nhấn mạnh vào việc hoàn thiện khung quản lý, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao nhân sự chuyên môn và hợp tác trong ngành để bảo đảm an toàn CNTT trong một môi trường đầy thách thức và biến động, cụ thể như sau:

Con người

- Tham gia sâu vào các sáng kiến chung của ngành ngân hàng trong chia sẻ dữ liệu tình báo và phối hợp xử lý sự cố liên ngân hàng.
- Áp dụng các hướng dẫn, tập huấn về nhận diện rủi ro CNTT do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và các cơ quan quản lý cung cấp nhằm nâng cao năng lực nội bộ.
- Phát triển chương trình đào tạo nâng cao cho các chuyên gia CNTT và ANM; xây dựng đội ngũ chuyên gia phản ứng nhanh chuyên trách XLRR CNTT.

Công nghệ

- Phát triển các mô hình giám sát dựa trên trí tuệ nhân tạo để dự đoán và phát hiện sớm xu hướng rủi ro mới.
- Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn BigData để theo dõi hành vi giao dịch và phát hiện bất thường ngay từ khi các dấu hiệu ban đầu xuất hiện.
- Tăng cường các hoạt động kiểm thử bảo mật, kiểm thử xâm nhập, diễn tập tấn công/ phòng thủ để kiểm thử độ an toàn hệ thống cũng như đánh giá các tình huống, kỹ thuật tấn công/phòng thủ thực tế.
- Mở rộng ứng dụng các giải pháp bảo mật thế hệ mới (NGFW, XDR, ZeroTrust....) để bảo vệ điểm cuối, dữ liệu và ứng dụng; kiểm soát chặt chẽ quyền truy cập và giảm thiểu rủi ro từ nội bộ.

Quy trình

- Chuẩn hóa các quy trình đánh giá và QLRR CNTT theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Tăng cường tích hợp các công cụ đánh giá rủi ro tự động vào quy trình.

RỦI RO DANH TIẾNG

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro do khách hàng, đối tác, cổ đông, NĐT hoặc công chúng có phản ứng tiêu cực về uy tín của VietinBank.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Năm 2025, VietinBank xây dựng chính sách QLRR danh tiếng với các mục tiêu nhằm bảo đảm và nâng cao uy tín danh tiếng của VietinBank, thiết lập và kiểm soát các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro danh tiếng phù hợp với mục tiêu nội bộ của VietinBank cũng như chiến lược quản trị thương hiệu của VietinBank. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện:

- **Ban hành Quy định QLRR danh tiếng trong hệ thống VietinBank cấp HĐQT** là nền tảng cho hệ thống chính sách, phương pháp luận để triển khai công tác QLRR danh tiếng tại VietinBank.
- **Xây dựng chỉ tiêu khẩu vị rủi ro đối với rủi ro danh tiếng** phù hợp với chiến lược kinh doanh, yêu cầu của HĐQT nhằm bảo đảm uy tín và danh tiếng của VietinBank.
- **Thiết lập hạn mức rủi ro danh tiếng cấp TGD** và luôn theo dõi kiểm soát có các biện pháp quản trị phù hợp để nhằm kiểm soát hạn mức rủi ro danh tiếng không vượt ngưỡng cho phép.
- **Xây dựng, rà soát bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm rủi ro danh tiếng (KRIs rủi ro danh tiếng)** phù hợp với thông lệ về QLRR trên thế giới để nhằm nhận diện sớm rủi ro danh tiếng từ đó có các biện pháp kiểm soát và cảnh báo phù hợp.

Kế hoạch trong năm 2026:

Trong bối cảnh phát triển của các kênh truyền thông đa dạng và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, đối tác, nhiều thách thức được đặt ra đối với công tác QLRR danh tiếng của VietinBank. Theo đó, trong năm 2026 VietinBank dự kiến:

- Tiếp tục triển khai xây dựng và kiểm soát chỉ tiêu khẩu vị rủi ro danh tiếng, hạn mức rủi ro danh tiếng và bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm rủi ro danh tiếng.
- Liên tục cập nhật, đổi mới bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm rủi ro danh tiếng theo kịp những thay đổi tình hình HĐKD, chiến lược quản trị thương hiệu của VietinBank nói riêng và thực tiễn thị trường Việt Nam; tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới nói chung.

RỦI RO MÔ HÌNH

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro phát sinh từ việc kết quả ước lượng của mô hình không bảo đảm độ tin cậy và/hoặc việc sử dụng mô hình không phù hợp với mục đích đã xác định.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

CĐS là xu hướng tất yếu của các tổ chức tài chính, đặc biệt là trong Ngành Ngân hàng, khi công nghệ số đang thay đổi cách thức hoạt động, tương tác với khách hàng và cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này cũng đi kèm với nhiều thách thức và rủi ro, trong đó có rủi ro mô hình. QLRR mô hình trong bối cảnh CĐS tại VietinBank trở thành yếu tố quan trọng để bảo đảm các mô hình tài chính, phân tích và dự báo luôn chính xác, hiệu quả và an toàn.

Năm 2025, VietinBank xây dựng chính sách QLRR mô hình song hành với việc thiết lập và kiểm soát các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro mô hình nhằm bảo đảm các mục tiêu nội bộ của VietinBank, chiến lược kinh doanh của VietinBank trong bối cảnh CĐS. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện:

- **Quy định QLRR mô hình trong hệ thống VietinBank cấp HĐQT** là nền tảng cho hệ thống chính sách, phương pháp luận để triển khai công tác QLRR mô hình tại VietinBank.
- **Xây dựng chỉ tiêu khẩu vị rủi ro đối với rủi ro mô hình** phù hợp với chiến lược kinh doanh, yêu cầu của HĐQT...
- **Thiết lập hạn mức rủi ro mô hình cấp TGD**, luôn theo dõi, kiểm soát để hạn mức rủi ro mô hình không vượt ngưỡng cho phép.
- **Xây dựng Sổ đăng ký mô hình** để quản lý toàn diện và chi tiết về các loại mô hình đang sử dụng tại VietinBank trên hệ thống CNTT.

Kế hoạch trong năm 2026:

Dự báo tình hình kinh tế, chính trị, xã hội cũng như sự bùng nổ phát triển của CĐS trong năm 2026 sẽ đặt ra nhiều thách thức và khó khăn cho VietinBank trong việc QLRR mô hình. Theo đó, trong năm 2026, VietinBank dự kiến tiếp tục triển khai, rà soát và cập nhật chỉ tiêu khẩu vị rủi ro mô hình, hạn mức rủi ro mô hình và QLRR mô hình hiệu quả tại VietinBank.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Nhận diện rủi ro: Là rủi ro phát sinh từ biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên và các yếu tố môi trường khác có thể ảnh hưởng trực tiếp đến Ngân hàng hoặc đến khách hàng. Rủi ro môi trường bao gồm rủi ro bắt nguồn từ những thiệt hại về tài sản, cơ sở hạ tầng và đất đai; các rủi ro phát sinh từ những thay đổi trong chính sách về khí hậu, công nghệ, tâm lý thị trường và người tiêu dùng trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.

Các biện pháp kiểm soát rủi ro trong năm 2025:

Nhận thức được ảnh hưởng sâu sắc của biến đổi khí hậu đối với kinh tế toàn cầu và cuộc sống con người, VietinBank đã và đang xây dựng, triển khai công tác QLRR môi trường để hạn chế tối đa tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động của Ngân hàng. Cụ thể:

- **Tăng cường công tác QLRR môi trường trong hoạt động cấp tín dụng:** Coi thực hành môi trường, xã hội, quản trị doanh nghiệp (ESG), thúc đẩy tài chính “xanh”, tín dụng “xanh” là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, Ngân hàng thường xuyên rà soát, cập nhật và đồng bộ triển khai các chính sách về QLRR môi trường trong hoạt động cấp tín dụng phù hợp với định hướng của Chính phủ và NHNN. Ngân hàng thực hiện chặt chẽ, xuyên suốt công tác QLRR về môi trường khi thực hiện cấp tín dụng nhằm nhận diện sớm rủi ro phát sinh; từ đó có biện pháp ứng xử tín dụng kịp thời, phù hợp nhằm hạn chế rủi ro và giảm thiểu tổn thất cho VietinBank. VietinBank cũng tăng cường truyền thông, đào tạo để tất cả các đơn vị kinh doanh nắm được các chính sách về QLRR môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.
- **Định kỳ thực hiện báo cáo về hiệu quả công tác quản lý môi trường tới các bên liên quan:** VietinBank thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý tới NHNN về danh mục tín dụng “xanh” và tình hình thực hiện để án phát triển “Ngân hàng xanh”. Ngoài ra, Ngân hàng cũng cung cấp thông tin cho các bên đối tác về các chính sách liên quan đến quản lý môi trường – xã hội tại VietinBank và thực hiện báo cáo đến cơ quan quản lý, NĐT, cộng đồng về HĐKD đến môi trường, xã hội trong BCTN hằng năm. Năm 2025, VietinBank lần đầu tiên phát hành Báo cáo PTBV 2024 với chủ đề “Chuyển đổi số – Chuyển đổi xanh”. Báo cáo tham chiếu tiêu chuẩn CBTT theo Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) do Ủy ban Tiêu chuẩn Báo cáo Bền vững Toàn cầu (GSSB) thiết lập và 17 Mục tiêu PTBV (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Báo cáo được bổ sung yếu tố Economic (Kinh tế bền vững), phản ánh hiệu quả hoạt động kinh tế của ngân hàng và đóng góp vào nền kinh tế qua các khía cạnh PTBV, bên cạnh các yếu tố E (Môi trường), S (Xã hội) và G (Quản trị) truyền thống.
- **Thúc đẩy hoạt động ngân hàng số hướng đến mục tiêu phát triển xanh:** VietinBank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển các SPDV trên kênh số nhằm hướng tới mục tiêu xanh hóa hoạt động hệ thống ngân hàng. VietinBank đang triển khai mạnh mẽ hành trình CDS giai đoạn 2024 – 2028. Các hoạt động CDS của VietinBank được kỳ vọng sẽ đóng góp to lớn vào mục tiêu giảm phát thải từ chính hoạt động vận hành của VietinBank.
- **Nâng cao năng lực triển khai ESG trên toàn hàng:** VietinBank đã tổ chức các chương trình đào tạo ESG cho các Lãnh đạo, cán bộ tại TSC và CN với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm cập nhật những kiến thức chuyên sâu và mới nhất về ESG và tài trợ PTBV. Đặc biệt trong năm 2024,

mô hình nhân sự phụ trách ESG từ TSC tới 100% các CN trong hệ thống đã được kiện toàn.

- **Tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường:** Ngân hàng nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Định kỳ hằng năm, VietinBank ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các tòa trụ sở theo quy định của pháp luật. Đồng thời, VietinBank cũng ban hành và phổ biến trên toàn hệ thống hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- **Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:** VietinBank đã xây dựng bộ KPI đo lường để giao tới các đơn vị về kiểm soát chi phí hoạt động nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực tài chính; đặc biệt đối với Phòng Quản trị và Dịch vụ tài sản có chỉ tiêu: “Số lượng lỗi ghi nhận trong công tác y tế, vệ sinh an toàn lao động, an ninh trật tự các tòa nhà TSC, quản lý vận hành tòa nhà TSC” và của các CN có chỉ tiêu về các chi phí về điện, nước, mực in, xăng dầu... Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã ban hành các văn bản về tiết kiệm chống lãng phí trong toàn hệ thống nhằm tiết giảm chi phí hoạt động. Ngân hàng thực hiện công tác truyền thông tới từng đơn vị, từng CBNV để tiết giảm lượng điện năng tiêu thụ, lượng nước sạch sử dụng nhằm tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Năm 2024, VietinBank đã triển khai lắp đặt thí điểm hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái cho một số đơn vị, CN trên toàn hệ thống, qua đó đã góp phần vào việc bảo tồn nguồn năng lượng sơ cấp của Quốc gia, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu.

Kế hoạch trong năm 2026:

Hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững, năm 2026, VietinBank tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp linh hoạt để giảm thiểu tác động tới môi trường. Cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp để: *(i)* Rà soát/cập nhật các quy định về quản lý môi trường trong hoạt động cấp tín dụng cho phù hợp với mô hình kinh doanh của VietinBank và tuân thủ quy định pháp luật; *(ii)* Xây dựng và triển khai định hướng tín dụng hằng năm tới các đơn vị kinh doanh, trong đó có nội dung về QLRR môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.
- Tăng cường truyền thông, đào tạo chính sách QLRR môi trường trong hoạt động cấp tín dụng để nâng cao chất lượng công tác thẩm định môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.
- Tiếp tục nâng cao năng lực, triển khai ESG đồng bộ trên toàn hàng thông qua các chương trình đào tạo ESG trong nội bộ.
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và đồng hành cùng các Cơ quan Chính phủ để triển khai các hoạt động PTBV; tích cực tìm kiếm khách hàng phù hợp và phát triển các sản phẩm tài chính bền vững đa dạng.
- Thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động CDS nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu, thúc đẩy bảo vệ môi trường.

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

- 1 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 2 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 3 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025
- 4 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- 5 TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NĂM 2025





Khép lại năm 2025, VietinBank ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, thể hiện nền tảng phát triển vững chắc cùng sự chủ động, linh hoạt của Ngân hàng khi ứng phó thách thức. Sự tăng trưởng ở hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh, chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng công nghệ số, kiểm soát và quản trị tốt rủi ro chính là dấu ấn đặc biệt để VietinBank bút phá, khẳng định sự minh bạch và toàn diện.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TOÀN HÀNG TRONG NĂM 2025

Trong bối cảnh vĩ mô đầy thách thức, kết quả HĐKD của VietinBank vẫn tăng trưởng tích cực. Quy mô mở rộng phù hợp, chất lượng tài sản nâng cao. Cơ cấu nguồn vốn - sử dụng vốn chủ trọng cân đối tối ưu, kết hợp với các hoạt động thúc đẩy các dịch vụ ngân hàng số và phát triển hệ sinh thái. LNTT cải thiện mạnh mẽ và vượt kế hoạch, tạo điều kiện gia tăng năng lực tài chính. Các tỷ lệ an toàn hoạt động được kiểm soát trong giới hạn quy định và ngày càng tăng tính bền vững.



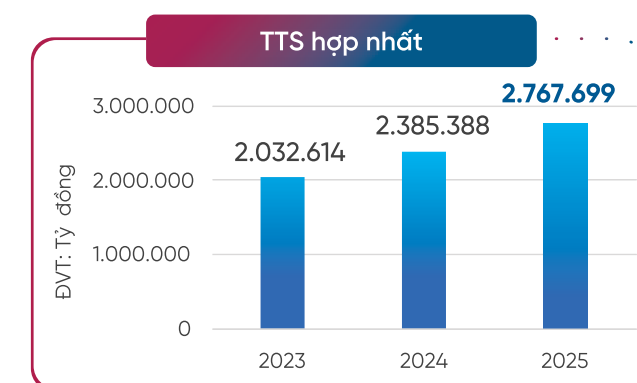
Nhóm chỉ tiêu quy mô

TTS

2.767.699 TỶ ĐỒNG

Năm 2025, TTS của VietinBank đạt gần 2,8 triệu tỷ đồng, tăng **16%** so với cuối năm 2024. Chất lượng tài sản luôn được củng cố, đảm bảo cho HĐKD tăng trưởng ổn định.

↑ 16% so với năm 2024

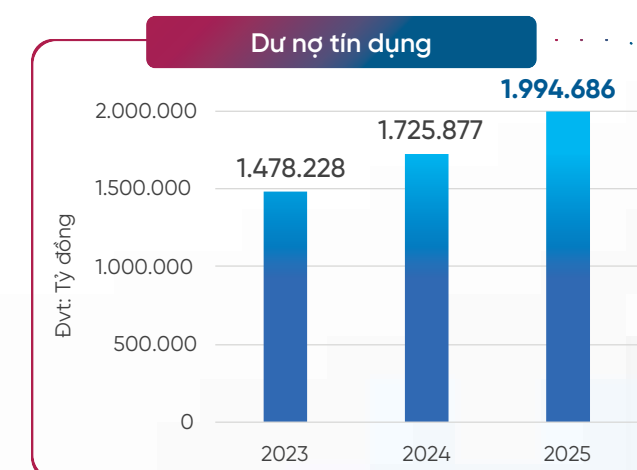


DƯ NỢ TÍN DỤNG

1.994.686 TỶ ĐỒNG

Dư nợ tín dụng tăng trưởng tích cực đạt gần 2 triệu tỷ đồng, tăng **15,6%** so với cuối năm 2024. Tăng trưởng tín dụng phân bổ ở tất cả phân khúc KHDN và bán lẻ; các lĩnh vực tăng chủ yếu như vay tiêu dùng, điện, vật liệu xây dựng khác, kinh doanh bất động sản, các sản phẩm nông nghiệp khác, thực phẩm - đồ uống, thủy sản, nhựa...

↑ 15,6% so với năm 2024

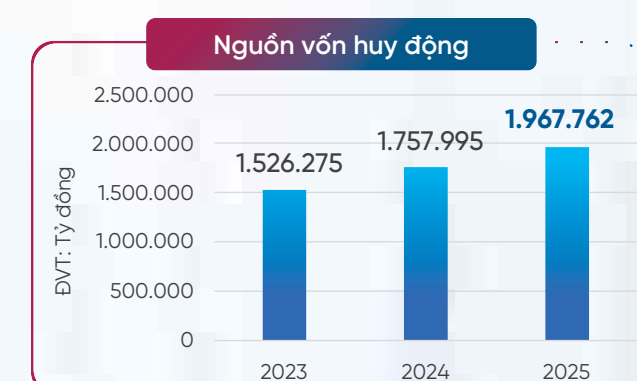


NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

1.967.762 TỶ ĐỒNG

Nguồn vốn huy động đạt gần 1,97 triệu tỷ đồng, tăng **11,9%** so cuối năm 2024. Nguồn vốn được cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn thanh khoản. Quy mô huy động vốn tăng đều qua các năm, khẳng định vị thế và uy tín của VietinBank trên thị trường.

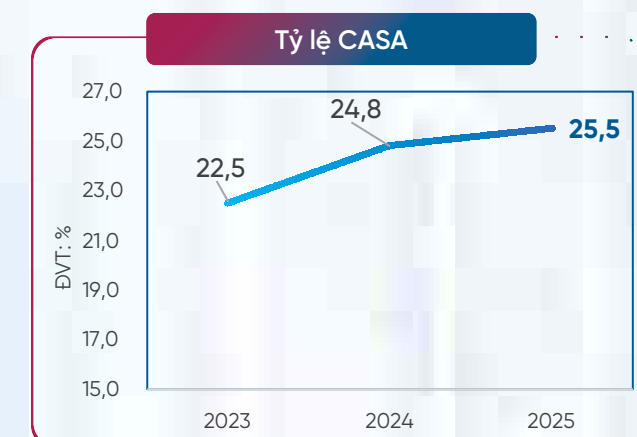
↑ 11,9% so với năm 2024



CASA

25,5%

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, CASA của VietinBank đạt **25,5%**, tiếp tục tăng trưởng so với mức 24,8% vào cuối năm 2024. Tiền gửi CASA tăng **14,8%** so cuối năm 2024. Tín hiệu tích cực từ xu thế tăng trưởng CASA phản ánh nỗ lực của Ngân hàng trong việc mở rộng tập khách hàng, phát triển các giải pháp quản lý dòng tiền, thanh toán, chuyển dịch sang kênh số...



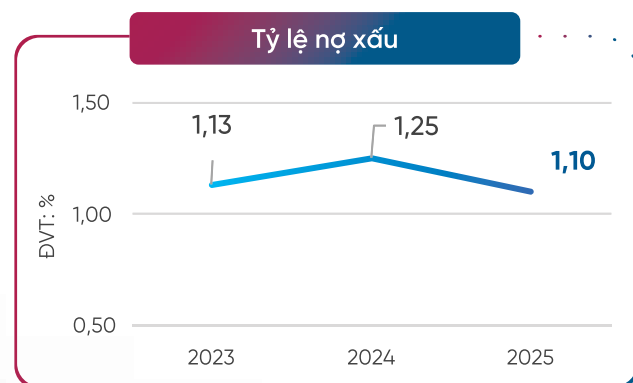
1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhóm chỉ tiêu chất lượng

TỶ LỆ NỢ XẤU

1,1% (HỢP NHẤT)/ 1% (RIÊNG LẺ, THEO THÔNG TƯ 31/2024/TT-NHNN)

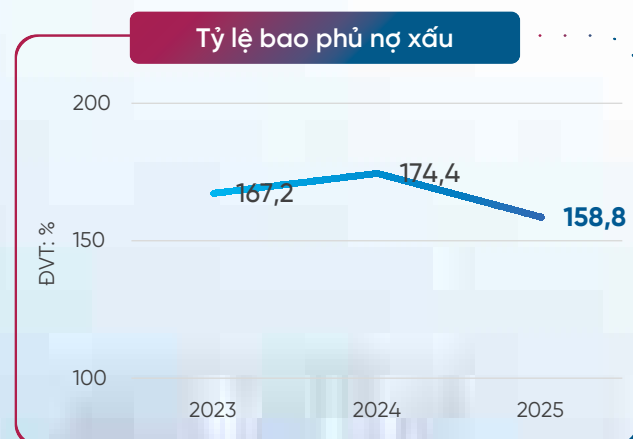
Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu trên cơ sở hợp nhất của VietinBank duy trì ở mức thấp, đạt 1,1%. Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN (số liệu riêng lẻ) đạt 1%. Nợ xấu tập trung ở một số ngành chịu tác động tiêu cực từ khó khăn của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước như: Lúa gạo, điều, các sản phẩm nông nghiệp khác, xây dựng cơ bản, xăng dầu...



TỶ LỆ BAO PHỦ NỢ XẤU

158,8%

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietinBank duy trì ở mức cao (158,8%), tiếp tục củng cố đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của VietinBank để sẵn sàng ứng phó với các biến động kinh tế có thể xảy ra trong thời gian tới cũng như công tác chuyển đổi BCTC theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực quốc tế (IFRS).



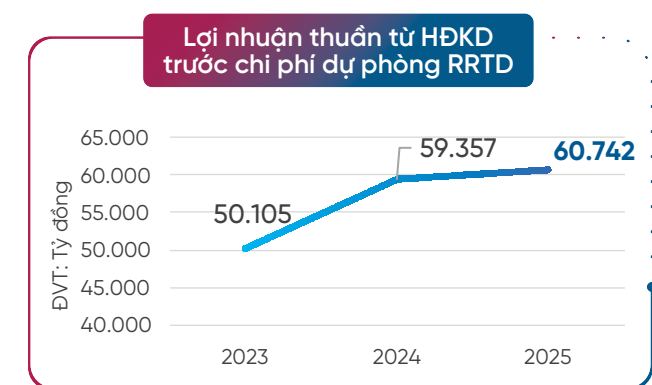
Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HĐKD TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RRTD

60.742 TỶ ĐỒNG

Năm 2025, lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD đạt hơn 60,7 nghìn tỷ đồng, tăng **2,3%** so với cuối năm 2024 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Lợi nhuận trước trích dự phòng rủi ro năm 2025 tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng bền vững, vượt trội trong cả giai đoạn 2021 - 2025.

↑ **2,3% so với năm 2024**

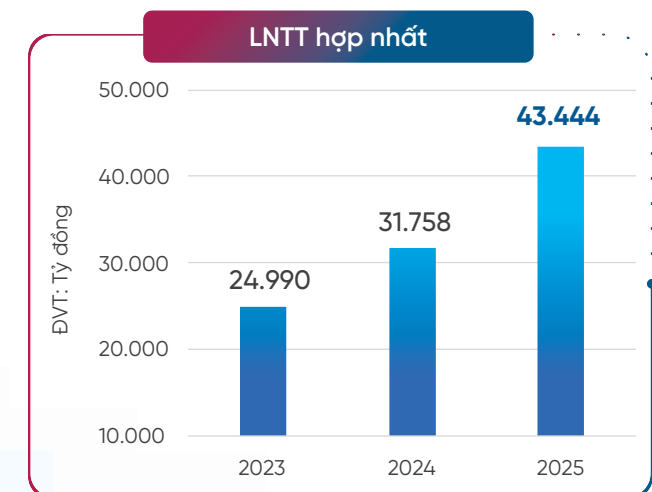


LNTT HỢP NHẤT

43.444 TỶ ĐỒNG

LNTT hợp nhất 2025 đạt 43,4 nghìn tỷ đồng, tăng **36,8%** so với năm 2024. LNTT riêng lẻ đạt 41,1 nghìn tỷ đồng, tăng **35,5%** so với năm 2024 - hoàn thành mục tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

↑ **36,8% so với năm 2024**



CIR

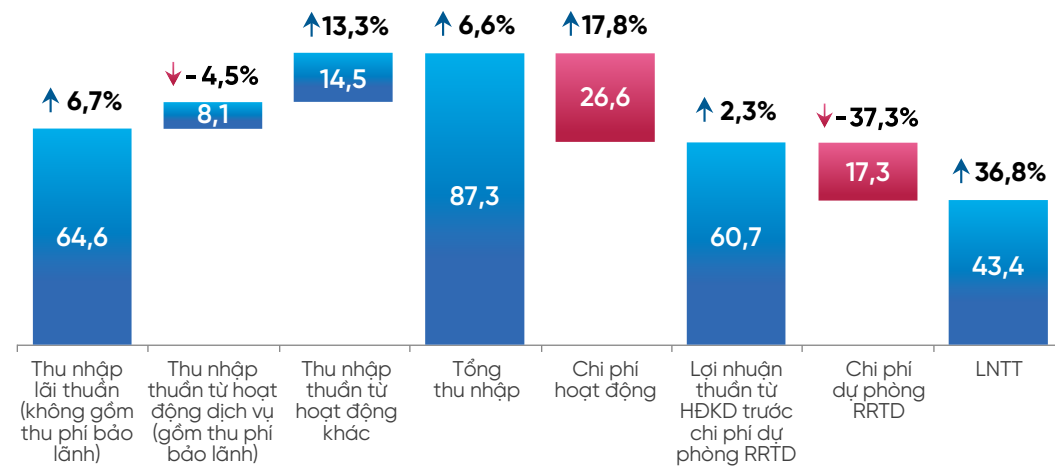
30,4%

Tỷ lệ CIR của VietinBank năm 2025 đạt 30,4%. VietinBank tiếp tục tối ưu hiệu quả sử dụng chi phí, ưu tiên chi phí cho HĐKD, CDS, cải tiến CLDV, các sự kiện tăng cường quảng bá, phát triển và mở rộng khách hàng, nâng cao trải nghiệm của khách hàng để tạo sự PTBV của Ngân hàng.



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cấu phần lợi nhuận năm 2025



DVT: Nghìn tỷ đồng

- Các đầu thu nhập hoạt động của VietinBank trong năm 2025 tăng trưởng tích cực so với năm 2024.
 - Thu nhập lãi thuần (không gồm thu phí bảo lãnh) đạt 64,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2024 nhờ tăng trưởng tín dụng, triển khai chương trình ưu đãi lãi suất để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, VietinBank nỗ lực cân đối vốn hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng CASA và nguồn vốn ngắn hạn để tối ưu chi phí huy động vốn của Ngân hàng.
 - Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) năm 2025 đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (giảm 4,5% so với năm 2024, do điều chỉnh cách thức hạch toán đối với sản phẩm UPAS L/C). VietinBank thực hiện miễn giảm nhiều loại phí dịch vụ để thu hút khách hàng mới và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý, nâng cao trải nghiệm và gia tăng sự gắn kết của khách hàng.
 - Thu hồi từ các khoản nợ XLRR hợp nhất năm 2025 đạt 10 nghìn tỷ đồng, tăng 17,9% so với năm 2024 và là số thu lớn nhất trong lịch sử thu XLRR.
- ROA và ROE của VietinBank năm 2025 cải thiện so với năm 2024, lần lượt đạt 1,7% và 21,3%.
- Tỷ lệ an toàn hoạt động đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.



ẢNH HƯỞNG CỦA CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VÀ LÃI SUẤT ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Năm 2025, thị trường tài chính nói chung và ngoại tệ nói riêng chứng kiến những biến động tương đối mạnh, phần lớn tới từ những bất định trong chính sách thương mại của chính quyền Trump 2.0, định hướng chính sách lãi suất thận trọng từ FED trong 3 quý đầu năm, và các bất ổn địa chính trị khác trên thế giới. Trong bối cảnh đó, VietinBank chủ động theo sát diễn biến thị trường, định hướng chính sách trong nước và quốc tế, để triển khai chiến lược tự doanh phù hợp. Kết thúc năm 2025, VietinBank ghi nhận lãi thuần từ HĐKD ngoại hối đạt 3,1 nghìn tỷ đồng.

Ảnh hưởng của lãi suất

Trong giai đoạn đầu năm 2025, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, hỗ trợ các NHTM tiết giảm chi phí vốn và ban hành các chương trình/gói tín dụng ưu đãi, thúc đẩy hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, lãi suất huy động có xu hướng tăng trở lại kể từ quý IV/2025. Là một trong những ngân hàng đi đầu trong việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ cung ứng vốn cho nền kinh tế, năm 2025, VietinBank thực hiện HTLS cho khách hàng. Để đảm bảo mục tiêu NIM như kế hoạch, VietinBank thực hiện các biện pháp để tiết giảm, kiểm soát COF thông qua đẩy mạnh các biện pháp gia tăng tiền gửi thanh toán, đẩy mạnh các SPDV số, thúc đẩy chuyển dịch kênh, cải thiện tỷ trọng tiền gửi có chi phí thấp, chủ động tìm kiếm sớm các nguồn vốn có chi phí tốt từ các kênh thị trường 2 và quốc tế để hỗ trợ thanh khoản của Ngân hàng.

Với những nỗ lực kiểm soát chi phí vốn và gia tăng hiệu quả sinh lời, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ, NIM hợp nhất năm 2025 của VietinBank **đạt 2,6%**, giảm nhẹ so với năm 2024 (2,9%).



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH ĐHCĐ



DVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025 SO VỚI 31/12/2024				KẾ HOẠCH ĐHCĐ NĂM 2025	SO KẾ HOẠCH NĂM 2025
	31/12/2024	31/12/2025	+/-	+/- %		
TTS	2.385.388	2.767.699	382.312	16,0%	Tăng trưởng từ 8 - 10%	Đạt
Nguồn vốn huy động	1.757.995	1.967.762	209.768	11,9%	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN	Đạt
Dư nợ tín dụng	1.725.877	1.994.686	268.809	15,6%	Tăng trưởng theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ	Đạt
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	1,1%	1,0%			<1,8%	Đạt
LNTT riêng lẻ	30.361	41.146	10.785	35,5%	32.500	127%
LNTT hợp nhất	31.764	43.444	11.680	36,8%		

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2024 và 2025)

Ghi chú:

- Kế hoạch kinh doanh 2025 được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua tại Nghị quyết số 29/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2025 và HĐQT VietinBank phê duyệt (theo ủy quyền của ĐHCĐ) tại Nghị quyết số 347/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 03/09/2025.
- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng tính theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024, trên cơ sở số liệu riêng lẻ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI

KHỐI BÁN LẺ

Vượt qua dấu mốc 10 năm, bước sang tuổi 11, Khối Bán lẻ tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong HĐKD của VietinBank. Trong năm 2025, các chính sách vĩ mô và điều hành thị trường có nhiều thay đổi sâu rộng, tác động trực tiếp, đa chiều đến thị trường, hành vi khách hàng như Nghị quyết 68, Nghị định 70, sáp nhập tỉnh thành... HĐKD bán lẻ của VietinBank chủ động thích ứng, bám sát định hướng của Ban Lãnh đạo VietinBank và các chủ điểm trọng tâm năm 2025 để triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh và đạt một số kết quả nổi bật.

CON SỐ NỔI BẬT

26%

Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng

23%

Tốc độ tăng trưởng CASA

8,8 triệu

Số lượng khách hàng giao dịch thường xuyên trên VietinBank iPay

Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Hoạt động bán lẻ của VietinBank ngày càng trở nên sôi động, hấp dẫn và phát triển mạnh mẽ khi Ngân hàng điều hành HĐKD phù hợp, thích ứng và bắt kịp thị trường; liên tục triển khai các giải pháp linh hoạt cùng các chiến dịch bán hàng thu hút sự quan tâm của đông đảo khách hàng.

- **Tăng trưởng quy mô tín dụng vượt trội và cải thiện cơ cấu danh mục để tăng hiệu quả**
Dư nợ bình quân trong năm 2025 đạt 736,9 nghìn tỷ đồng, tăng 25,5% so với cuối năm 2024, hoàn thành 106,7% kế hoạch năm. Dư nợ bình quân tăng trưởng trong năm đạt 149,8 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 145% kế hoạch năm.
Cơ cấu danh mục cải thiện: Tỷ trọng dư nợ trung dài hạn tại ngày 31/12/2025 là 33,3%, tăng 58,7 nghìn tỷ đồng, mức tăng vượt trội so với cuối năm 2024 (năm 2024 mức tăng là 23,5 nghìn tỷ đồng) thông qua việc tăng cường phát triển các sản phẩm/hợp tác với các Chủ đầu tư lớn, kết nối đối tác bất động sản các dự án lớn.
Thị phần dư nợ đạt 9,57% (tăng 0,4% so với 2024), xếp sau Agribank và BIDV.
- **Nguồn vốn duy trì nhịp tăng trưởng và gia tăng hiệu quả với nguồn vốn giá rẻ**
Mặc dù trong năm 2025 nguồn vốn từ các tệp khách hàng trọng điểm của VietinBank (hộ kinh doanh, khách hàng nhận lương) chịu tác động giảm mạnh, CASA bình quân trong năm 2025 vẫn đạt 168,1 nghìn tỷ đồng, tăng 22,5% so với cuối năm 2024, mức tăng CASA bình quân trong năm đạt 31 nghìn tỷ đồng. Tỷ trọng CASA/ nguồn vốn bình quân trong phân khúc bán lẻ tăng lên ~ 20% từ mức 17,6% cuối năm 2024. Nguồn vốn có kỳ hạn cuối kỳ đạt 696 nghìn tỷ đồng, tăng gần 47 nghìn tỷ đồng (+7,2%) so với cuối năm 2024.
- **Duy trì mức đóng góp trong tổng doanh thu toàn hàng và cải thiện tỷ trọng thu thuần ngoài lãi bán lẻ:** TOI bán lẻ trong năm 2025 đạt hơn 30 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cuối năm 2024, duy trì mức đóng góp 47% vào tổng doanh thu mảng khách hàng (doanh nghiệp và bán lẻ), trong đó, tỷ trọng thu thuần ngoài lãi/tổng TOI cải thiện so với năm 2024, đạt 12%.

1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2025, Khối Bán lẻ tích cực triển khai hành trình CDS gắn liền với HĐKD.

- Trong hành trình CDS, năm 2025, 16 cụm sáng kiến của Khối Bán lẻ được triển khai với phương châm “CDS là đòn bẩy then chốt tạo doanh thu, giảm chi phí và mở rộng hệ sinh thái khách hàng”. Các sáng kiến ứng dụng mô hình và phân tích dữ liệu, máy học trong công tác nhận diện tệp khách hàng tiềm năng, xây dựng hành trình khách hàng, gợi ý sản phẩm theo chân dung và triển khai hoạt động bán với các phương thức mới để hỗ trợ đội ngũ bán và CSKH một cách tối ưu.
- Các sáng kiến về sản phẩm/hành trình khách hàng liên tục được cập nhật, cải tiến và triển khai đúng tiến độ. Số hóa sản phẩm và nền tảng đầu tư, số hóa hành trình tín dụng, số hóa hệ sinh thái phân khúc trọng điểm tạo ra những tác động tích cực trong gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, rút ngắn thời gian sử dụng dịch vụ, giảm tải tác nghiệp thủ công, nâng cao năng suất lao động cho cán bộ CN, từ đó đóng góp quan trọng vào kết quả HĐKD bán lẻ 2025.

Khối Bán lẻ là đơn vị tiên phong triển khai các chính sách, chương trình, SPDV để phát triển kinh doanh và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

- Triển khai chương trình tín dụng phù hợp với đặc thù địa bàn, thu hút CASA đi kèm với bán chéo sản phẩm thu phí; định kỳ rà soát đánh giá hiệu quả chương trình tín dụng, đề xuất cơ chế FTP cố định, các gói vay trung dài hạn để thúc đẩy tăng thu lãi. Xây dựng bộ giải pháp dành cho khách hàng trẻ, cải tiến sản phẩm tiêu dùng (sản phẩm cho vay nhà đất, sản phẩm cho vay phục vụ đời sống có/không tài sản bảo đảm), phát triển các sản phẩm mới cho các đối tượng khách hàng theo ngành nghề kinh doanh cụ thể (cho vay bất động sản công nghiệp, cho vay luồng nhanh...) và các quy trình/quy định liên quan đến các sản phẩm số (giải ngân online, hành trình cho vay nhà đất, xe ô tô trên kênh số...).
- Xây dựng và triển khai sản phẩm, chính sách dành cho seller/hộ kinh doanh, khách hàng nhận lương, khách hàng hưởng chính sách tạo nền tảng trưởng CASA chi phí thấp, trực tiếp hỗ trợ cải thiện NIM và TOI. CASA VietQR, CASA lương và CASA ngoại tệ đều vượt kế hoạch, đóng vai trò chủ lực trong cấu trúc thu nhập năm 2025.
- Phát triển một số SPDV nổi bật để tăng nguồn huy động và cung cấp các giải pháp thanh toán cho khách hàng theo hướng “cá nhân hóa”: **(i)** Về sản phẩm thanh toán: Triển khai gói giải pháp dành cho khách hàng kinh doanh, tính năng quản lý bán hàng iShop, sản phẩm điều tiền tự động, quản lý dòng tiền bán hàng trên nền tảng bán hàng của đối tác, thông báo biến động số dư qua OTT (cho các khách hàng tiểu thương)...; **(ii)** Về sản phẩm đầu tư: Ra mắt nền tảng đầu tư thông minh giúp gia tăng trải nghiệm và gắn kết khách hàng.
- Tiên phong Công nghệ & Trải nghiệm kênh số: Cải tiến/cập nhật hơn 157 tính năng, nâng tổng số lên gần 500 tính năng, phục vụ chuyên sâu cho từng phân khúc (Kinh doanh, Ưu tiên, Phổ thông).
- Số hóa toàn trình cho các sản phẩm tài chính lõi như phát hành thẻ ghi nợ – thẻ tín dụng qua eKYC, mở sổ tiết kiệm trực tuyến, khoản vay tín chấp số hóa, đăng ký hạn mức thấu chi và các gói tài chính cá nhân, bảo hiểm số và các giải pháp đầu tư thông qua hệ sinh thái đối tác, cho phép khách hàng tiếp cận sản phẩm đầu tư linh hoạt trong một nền tảng số duy nhất. Bên cạnh đó, Khối Bán lẻ cũng liên tục tích hợp các chức năng để đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý tài chính cá nhân của khách hàng như phân loại chi tiêu, lập kế hoạch tài chính, dự báo dòng tiền và cảnh báo giao dịch bất thường giúp khách hàng chủ động hơn trong quản lý tài chính hằng ngày.
- Triển khai các chiến dịch phản ứng nhanh với tác động của chính sách vĩ mô (chiến dịch khách hàng nhận lương, hộ kinh doanh, Ban Lãnh đạo doanh nghiệp): Ứng dụng dữ liệu để triển khai các bài toán phân tích chuyên sâu, từ đó chủ động nhận diện, đánh giá tác động của các chính sách trong nước và thế giới tác động đến hoạt động kinh doanh bán lẻ (như tác động của chính sách thuế quan đối ứng Mỹ, sáp nhập tỉnh thành, Nghị quyết 68, Nghị định 70...) để triển khai các chiến dịch đồng hành cùng CN thúc đẩy bán như: Chiến dịch dành cho hộ kinh doanh “Ngân hàng đồng hành – An tâm kinh doanh” tăng 246,9 nghìn khách hàng (so với thời điểm tháng 6/2025); Chiến dịch thu hút khách hàng nhận lương sau sáp nhập tỉnh thành tăng ~ 60 nghìn khách hàng (so với thời điểm tháng 6/2025).

Hoạt động bán lẻ năm 2025 nhận nhiều giải thưởng vinh danh của các tổ chức uy tín:

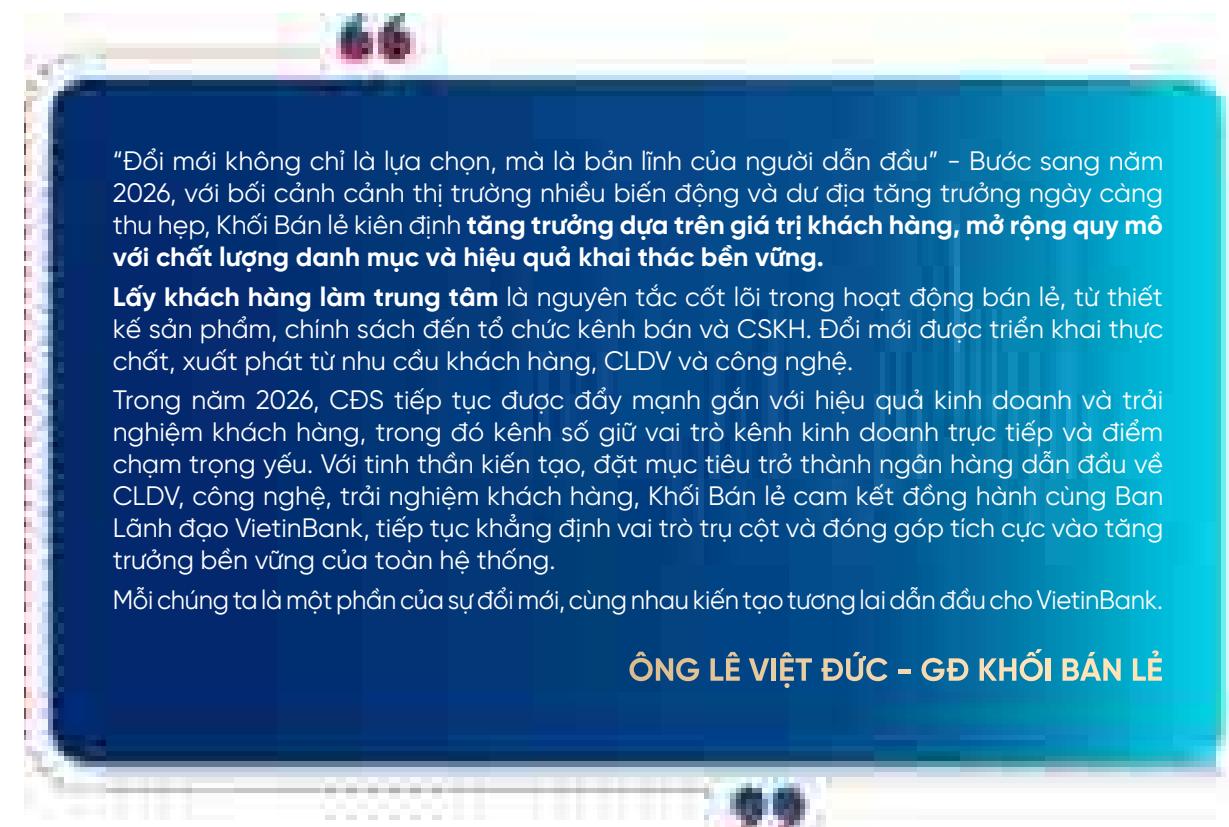
Năm 2025, Khối Bán lẻ nhận 12 giải thưởng từ các tổ chức trong nước và quốc tế:

- “**Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất 2025**” cho thương hiệu bán lẻ và “**Giải thưởng Ứng dụng Ngân hàng số sáng tạo nhất Việt Nam 2025**” cho VietinBank iPay Mobile do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.
- “**Giải thưởng Ngân hàng Bán lẻ tiêu biểu năm 2025**” cho thương hiệu bán lẻ và “**Giải thưởng Ngân hàng có SPDV sáng tạo tiêu biểu năm 2025**” cho tính năng Giải ngân online do tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG trao tặng.
- “**Top 10 Giải Sao Khuê cho Ứng dụng VietinBank iPay Mobile**” và “**Giải Sao Khuê cho tính năng Giải ngân Online và DigiGold**” do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam –VINASA trao tặng.
- 5 giải thưởng thẻ** do Tổ chức Thẻ Quốc tế JCB vinh danh.

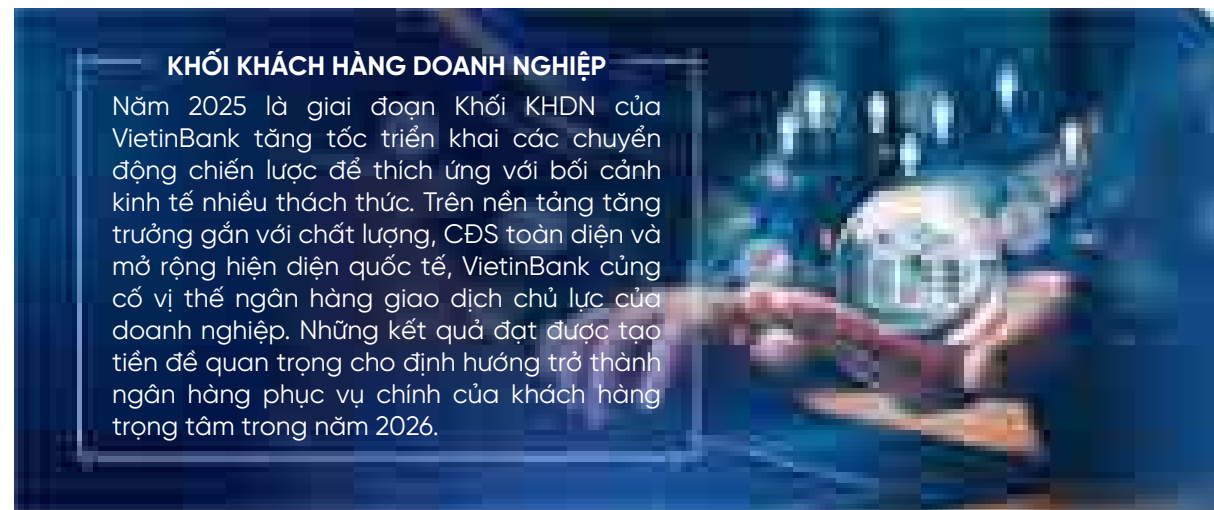
Định hướng kế hoạch hành động trong năm 2026:

Bám sát 5 chủ điểm định hướng toàn hàng 2026 đã được HĐQT, BĐH phê duyệt, Khối Bán lẻ định hướng kinh doanh năm 2026 với các kế hoạch sau:

- Phát triển toàn diện các SPDV tài chính cá nhân, ứng dụng công nghệ số, mở rộng hệ sinh thái khách hàng.
- Lấy khách hàng làm trung tâm, trở thành Ngân hàng phục vụ chính của khách hàng trọng tâm.
- Tối ưu hóa lợi nhuận và hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả kênh bán: VietinBank iPay thành kênh kinh doanh trực tiếp, đồng bộ và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng tại từng điểm chạm.
- Thúc đẩy sáng kiến kinh doanh mới và nâng cao hiệu quả hoạt động TSC.



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025: Nâng tầm dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp hướng tới tăng trưởng bền vững

Những định hướng chiến lược nêu trên phản ánh rõ nét qua kết quả kinh doanh năm 2025 của Khối KHDN. Tổng thu nhập từ HĐKD đạt gần 38 nghìn tỷ đồng, khẳng định vai trò trụ cột của phân khúc KHDN trong kết quả chung của VietinBank.

Đặc biệt, VietinBank vươn lên dẫn đầu thị phần cho vay KHDN tại Việt Nam, cải thiện rõ rệt chất lượng nguồn vốn khi tỷ trọng nguồn vốn CASA bình quân trên tổng nguồn vốn KHDN tăng thêm 2,1 điểm phần trăm so với năm trước. Đây là những chỉ số quan trọng thể hiện tăng trưởng của Khối KHDN không chỉ dựa trên mở rộng quy mô, mà gắn chặt với hiệu quả và tính bền vững.

Song hành với tăng trưởng, xác định QTRR là nền tảng bảo vệ kết quả kinh doanh bền vững, Khối KHDN đặc biệt chú trọng công tác QTRR trên cơ sở tăng cường ứng dụng phân tích dữ liệu lớn. Các công cụ nhận diện rủi ro theo từng khách hàng, từng ngành nghề và đặc thù vùng miền triển khai đồng bộ, giúp nâng cao khả năng dự báo và phòng ngừa rủi ro. Các chỉ tiêu hạn mức rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, quản lý hiệu quả chi phí dự phòng RRTD, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng an toàn và bền vững của Khối KHDN.

Hoạt động tín dụng: Đồng hành phát triển các động lực tăng trưởng bền vững

Trong hoạt động tín dụng, VietinBank thể hiện vai trò ngân hàng tiên phong trong việc thực thi các chủ trương, chính sách của Chính phủ và NHNN. Dòng vốn ưu tiên hướng vào các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các dự án trọng điểm quốc gia và những ngành nghề có khả năng tạo giá trị gia tăng dài hạn.

Dư nợ tín dụng KHDN tăng trưởng tích cực và vượt kế hoạch, trong đó dư nợ trung và dài hạn ghi nhận mức tăng 31% - cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Sự dịch chuyển này góp phần nâng tỷ trọng dư nợ trung dài hạn lên 42%, phản ánh định hướng tài trợ vốn dài hơi cho các dự án đầu tư sản xuất - kinh doanh và phát triển hạ tầng.

VietinBank xác định tín dụng xanh là một trong những trụ cột chiến lược trong danh mục tín dụng KHDN. Quy mô dư nợ tín dụng xanh đạt gần 56 nghìn tỷ đồng, tăng 30,5% so với đầu năm.

Song song với đó, VietinBank đẩy mạnh cấp tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên như DNNVV, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và xuất khẩu. Thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi và gói hỗ trợ chuyên biệt, Ngân hàng kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn do thiên tai, ổn định sản xuất và từng bước phục hồi HĐKD.

Huy động vốn và thu nhập ngoài lãi: Gia tăng chiều sâu dịch vụ doanh nghiệp

Năm 2025 ghi nhận bước tiến rõ nét trong hoạt động huy động vốn KHDN, đặc biệt là CASA. Việc nâng cấp các giải pháp thanh toán, quản lý dòng tiền và số hóa quy trình giao dịch giúp VietinBank thu hút hiệu quả nguồn vốn từ các nhóm khách hàng trọng tâm.

Tỷ trọng CASA bình quân trên nguồn vốn KHDN đạt hơn 32%, góp phần cải thiện chi phí vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh tổng thể. Bên cạnh đó, công tác thu hút nguồn vốn ngoại tệ, đặc biệt là USD, đạt kết quả tích cực, hỗ trợ cân đối nguồn vốn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán quốc tế của doanh nghiệp.

Thu nhập ngoài lãi là một điểm sáng trong HĐKD của Khối KHDN, phản ánh chiều sâu và tính đa dạng của hệ sinh thái dịch vụ VietinBank dành cho doanh nghiệp. Ngân hàng duy trì vị thế dẫn đầu và top đầu thị trường trong các mảng bảo lãnh, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

Thu phí từ các nghiệp vụ này tăng trưởng mạnh, trong đó VietinBank giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường về quy mô số dư cam kết L/C và ghi nhận mức tăng thu phí thanh toán quốc tế cao nhất trong ba năm trở lại đây. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ đóng góp quan trọng với lợi nhuận gần 3.200 tỷ đồng, khẳng định vai trò ngân hàng dẫn đầu thị trường ngoại hối, đặc biệt ở sản phẩm phái sinh lãi suất với nỗ lực tăng cường chuyển dịch sang kênh số và đa dạng hóa sản phẩm giao dịch ngoại tệ.

Mở rộng hiện diện quốc tế và CDS: Động lực nâng cao trải nghiệm và năng lực cạnh tranh

Năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng thị trường quốc tế của VietinBank thông qua việc thành lập các Văn phòng hợp tác tại Singapore, Trung Quốc và Đài Loan. Đây là các thị trường có vai trò then chốt trong chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư khu vực.

Các Văn phòng hợp tác nhanh chóng trở thành đầu mối kết nối giữa VietinBank với NGT, tổ chức tài chính, cơ quan ngoại giao và chính quyền địa phương, góp phần hỗ trợ thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam và mở rộng cơ hội hợp tác cho doanh nghiệp trong nước.

Khối KHDN xác định CDS là động lực tăng trưởng dài hạn với 18 sáng kiến CDS được triển khai đồng bộ trong năm 2025, tạo ra giá trị gia tăng rõ nét cho HĐKD.

Lấy nền tảng VietinBank eFAST làm trung tâm, Khối KHDN tiếp tục mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số dành cho doanh nghiệp, từ mở và quản lý tài khoản đến giao dịch tín dụng, L/C, bảo lãnh và quản lý dòng tiền. Các giải pháp kết nối ERP, Open API và phương thức làm việc linh hoạt theo mô hình Agile giúp VietinBank cung cấp các giải pháp “đo ni đóng giày” cho từng nhóm khách hàng.



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động KHDN năm 2025 nhận nhiều giải thưởng vinh danh của các tổ chức uy tín:

Với những nỗ lực trong đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao CLDV và thúc đẩy tăng trưởng bền vững, VietinBank đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế trong năm 2025, trải rộng ở các lĩnh vực ngân hàng doanh nghiệp, SME, FDI, ngân hàng số, tín dụng xanh và ngoại hối.

- Giải thưởng **“Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam và Sáng kiến API”** và **“Ngân hàng mở đột phá nhất Việt Nam 2025”** do The Asian Banker vinh danh.
- Giải thưởng **“Ngân hàng dành doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam”** và **“Nền tảng số dành cho đơn vị chấp nhận thanh toán tốt nhất Việt Nam”** do International Finance Magazine vinh danh.
- **“Giải thưởng Sao Khuê dành cho nền tảng VietinBank eFAST X-Mate”** do VINASA (Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam) vinh danh.
- Giải thưởng **“Ngân hàng tiêu biểu về tín dụng xanh 2025”** do IDG vinh danh.
- Giải thưởng **“Ngân hàng nội địa tốt nhất cho doanh nghiệp FDI tại Việt Nam 2025”** do Global Banking & Finance Review vinh danh.
- Giải thưởng **“Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam”** do Tạp chí Global Finance vinh danh.

Các danh hiệu này là sự ghi nhận khách quan từ thị trường, khẳng định uy tín và năng lực cạnh tranh của VietinBank trước bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

“Bản lĩnh đổi mới” – định hướng xuyên suốt trong chiến lược KHDN

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động khó lường, từ rủi ro địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng cho tới áp lực lãi suất và dòng vốn quốc tế. Trong bức tranh đó, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đứng trước yêu cầu vừa phải thích ứng linh hoạt trong ngắn hạn, vừa cần những nền tảng tài chính đủ vững chắc cho chiến lược phát triển dài hạn.

Bối cảnh mới đòi hỏi các NHTM, đặc biệt ở phân khúc KHDN cần tái định vị vai trò, từ nhà cung ứng vốn trở thành đối tác tài chính chiến lược, đồng hành cùng doanh nghiệp trong quản trị dòng tiền, mở rộng thị trường, kiểm soát rủi ro và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Tại VietinBank, năm 2025 được xác lập là giai đoạn tăng tốc chuyển đổi dựa trên tinh thần **“Bản lĩnh đổi mới – Kiến tạo dẫn đầu”**. Định hướng này được cụ thể hóa thông qua việc đẩy mạnh CDS toàn diện, ứng dụng Big Data và AI vào thiết kế và cung ứng các giải pháp tài chính chuyên sâu cho từng phân khúc doanh nghiệp.

Trong hoạt động phục vụ phân khúc KHDN, đổi mới không chỉ là áp dụng công nghệ mới, mà là thay đổi cách tiếp cận khách hàng – từ tư duy bán sản phẩm sang tư duy đồng hành giải quyết bài toán tổng thể của doanh nghiệp. Trên nền tảng đó, VietinBank từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng phục vụ chính (Main Bank) của các khách hàng trọng tâm.

ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG – GĐ KHỐI KHDN

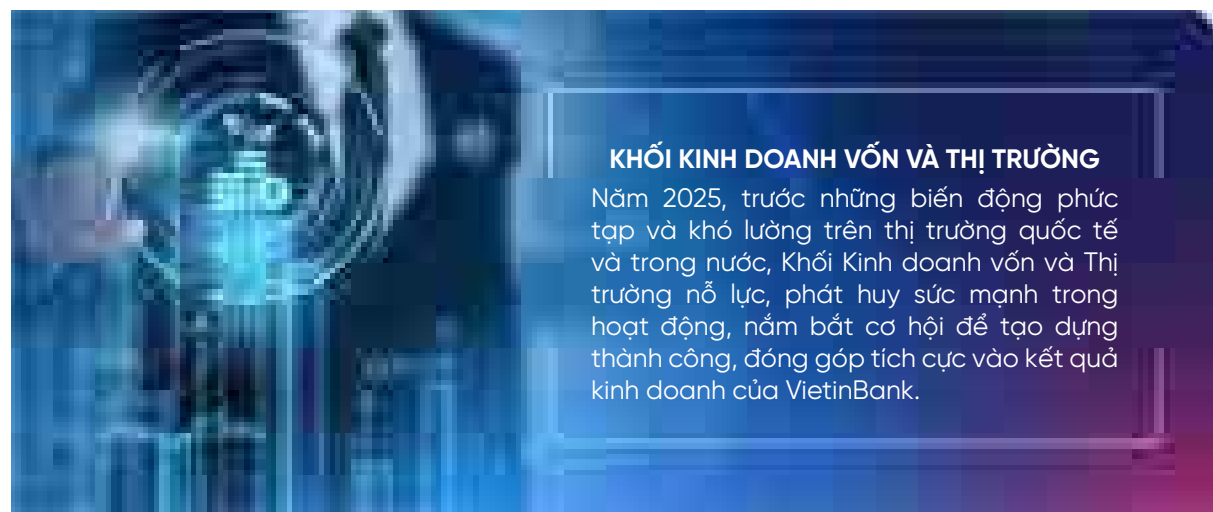
Định hướng hoạt động trong năm 2026: Củng cố vai trò ngân hàng phục vụ chính của doanh nghiệp

Bước sang năm 2026, Khối KHDN xác định rõ các trọng tâm chiến lược để duy trì đà tăng trưởng và nâng cao vị thế trên thị trường. Trọng tâm là đa dạng hóa doanh thu gắn với chất lượng tín dụng, đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái SPDV, nâng cao hiệu quả kênh bán, kênh số và tăng cường QTRR.

Trên nền tảng đó, VietinBank hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng phục vụ chính của khách hàng trọng tâm, không chỉ cung cấp giải pháp tài chính, mà đồng hành cùng doanh nghiệp trong quản trị, đầu tư và mở rộng thị trường.

Với nền tảng xây dựng và tầm nhìn dài hạn, VietinBank khẳng định cam kết đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Thông qua đổi mới liên tục, quản trị hiệu quả và cách tiếp cận lấy khách hàng làm trung tâm, Ngân hàng hướng tới việc cùng doanh nghiệp kiến tạo giá trị mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và PTBV trong giai đoạn tiếp theo.

1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Năm 2025 với sự chủ động đánh giá, nắm bắt cơ hội thị trường, đưa ra chiến lược kinh doanh hợp lý, HĐKD của Khối Kinh doanh vốn và Thị trường đã có nhiều kết quả tích cực, khẳng định vị thế và uy tín của VietinBank trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ.

- **HĐKD vốn:** Kết thúc năm 2025, VietinBank ghi nhận mức lợi nhuận kinh doanh vốn là hơn 2.800 tỷ đồng, doanh số và lợi nhuận giao dịch giữ vững vị trí top đầu thị trường, vượt kế hoạch giao. VietinBank đa dạng nhiều kênh huy động vốn, tận dụng triệt để các nguồn huy động có lãi suất tốt để tối ưu chi phí nguồn vốn cho các HĐKD vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản cho HĐKD. Bên cạnh đó, VietinBank thực hiện đa dạng hóa các cấu trúc đầu tư linh hoạt, chủ động, an toàn như: **(i)** Đầu tư trái phiếu với lãi suất cố định kết hợp với giao dịch IRS để hoán đổi sang lãi suất thả nổi theo VNIBOR; **(ii)** Thực hiện phương án đầu tư kết hợp với mua ngoại tệ kỳ hạn có hủy ngang với NHNN; **(iii)** Không thực hiện hoạt động tự doanh mua, nắm giữ trái phiếu chính phủ khi lợi suất trái phiếu chính phủ có xu hướng tăng. Ngoài ra, Khối cũng luôn đáp ứng nhiệm vụ thanh khoản và chỉ số cho Banking book.
- **Hoạt động phát hành công cụ nợ:** Đối với hoạt động phát hành giấy tờ có giá, tổng khối lượng phát hành lũy kế của VietinBank trong năm 2025 đạt 119.400 tỷ. Số dư bình quân 122.902 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch. Đối với hoạt động phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2, VietinBank đã phát hành với tổng khối lượng 16.350 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm nhu cầu vốn trung dài hạn phục vụ cho tăng trưởng tín dụng và đáp ứng các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Đồng thời, việc phát hành thành công trái phiếu với khối lượng lớn thể hiện niềm tin của các NĐT vào thương hiệu VietinBank, khẳng định uy tín và vị thế của VietinBank trên thị trường tài chính.
- **Hoạt động phục vụ giao dịch ngân hàng đầu tư (investment banking - IB):** VietinBank tập trung phục vụ tài khoản cho các giao dịch ngân hàng đầu tư; đẩy mạnh thu xếp vốn vay nước ngoài và bảo lãnh vay vốn cho khoản vay, hướng tới tăng thu phí dịch vụ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tổng thu nhập từ giao dịch IB cuối năm đạt 297 tỷ đồng, đạt 140% kế hoạch năm. Đối với dịch

vụ thu xếp vốn vay nước ngoài, VietinBank thực hiện thu xếp vốn trong 11 giao dịch, tổng quy mô 12.500 tỷ đồng. Phí liên quan tới hoạt động thu xếp vốn vay nước ngoài là hơn 370 tỷ đồng.

- **Hoạt động quản lý vốn góp tại công ty con:** VietinBank triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả vốn góp tại các đơn vị nhận vốn nói chung và các công ty con nói riêng. Do vậy, trong năm 2025, HĐKD của các công ty con và công ty liên kết đều ghi nhận sự tăng trưởng, đóng góp tích cực vào lợi nhuận chung toàn hàng. Tổng lợi nhuận năm 2025 của Hệ sinh thái (bao gồm Ngân hàng con tại Lào, 2 CN tại Đức) đạt 2.537 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong lịch sử hình thành và phát triển hệ sinh thái. Đồng thời, hoạt động bán chéo trong hệ sinh thái cũng được đẩy mạnh và lan tỏa. Tổng lợi nhuận bán chéo lũy kế 12 tháng trong năm 2025 đạt 185,9 tỷ đồng, trong đó lợi ích bán chéo CN thực hiện lũy kế 12 tháng đạt 69,7 tỷ đồng, đều vượt kế hoạch giao.
- **Hoạt động huy động vốn từ khách hàng ĐCTC:** Trong năm 2025, Khối thực hiện đẩy mạnh huy động vốn có kỳ hạn từ các ĐCTC phi TCTD và đẩy bán sản phẩm tiền gửi không kỳ hạn có điều kiện để tăng cường thu hút nguồn vốn từ các khách hàng TCTD. Qua đó, VietinBank huy động thành công một lượng lớn VND và ngoại tệ với nhiều kỳ hạn khác nhau để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động cân đối vốn của toàn hàng. Tổng giá trị huy động vốn phân khúc ĐCTC đạt bình quân 208.500 tỷ đồng.
- **Hoạt động tín dụng đối với khách hàng ĐCTC:** Khối luôn nỗ lực quản lý và điều tiết dư nợ theo chỉ đạo của Ban Lãnh đạo trong từng thời kỳ, do vậy dư nợ bình quân nhóm công ty chứng khoán tăng trưởng vượt trội so với kế hoạch năm 2025. Đồng thời, Ngân hàng thực hiện khai thác các khách hàng lớn còn nhiều dư địa để phát triển, khai thác tối đa giới hạn tín dụng cấp và tăng cường quan hệ với các công ty chứng khoán mới, áp dụng mức LSCV phù hợp và cạnh tranh kèm các điều kiện tín dụng cần thiết trên cơ sở tổng hòa lợi ích cho VietinBank. Tính đến 31/12/2025, dư nợ bình quân nhóm công ty chứng khoán đạt 32.022 tỷ đồng, tăng trưởng gần 40% so với thực hiện năm 2024.

Kết thúc năm 2025, Khối Kinh doanh vốn và Thị trường đạt nhiều kết quả kinh doanh ấn tượng. Tổng lợi nhuận của Khối đóng góp cho toàn hàng là 7.419 tỷ đồng. Trong đó, từ mảng Kinh doanh vốn đạt hơn 2.800 tỷ đồng, Thị trường vốn đạt 2.978 tỷ đồng, ĐCTC đạt hơn 1.641 tỷ đồng. Khối cũng luôn duy trì quan hệ hợp tác bền vững với các TCTD nước ngoài để chủ động dự phòng một kênh huy động vốn ngoại tệ với giá trị lớn, lãi suất tốt và các điều kiện vay phù hợp nhu cầu của VietinBank.

Năm 2025 cũng ghi dấu bước chuyển mạnh mẽ của Khối Kinh doanh vốn và Thị trường trong hành trình CDS và ứng dụng AI. Nhiều sáng kiến gắn với công nghệ số và AI được triển khai hiệu quả, từ giải ngân trực tuyến, ứng dụng AI trong quản lý giới hạn nhận bảo đảm của TCTD, các giải pháp số hóa quản lý công ty con, đến các mô hình phân tích, dự báo lãi suất, tỷ giá và lợi suất trái phiếu Chính phủ. Đặc biệt, các sáng kiến Chatbot AI hỗ trợ thẩm định sơ bộ hồ sơ thu xếp vốn và MM Agent - công cụ dự báo biến động lãi suất thị trường liên ngân hàng được vinh danh tại AI Workup Summit 2025, khẳng định tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực ứng dụng công nghệ của Khối.

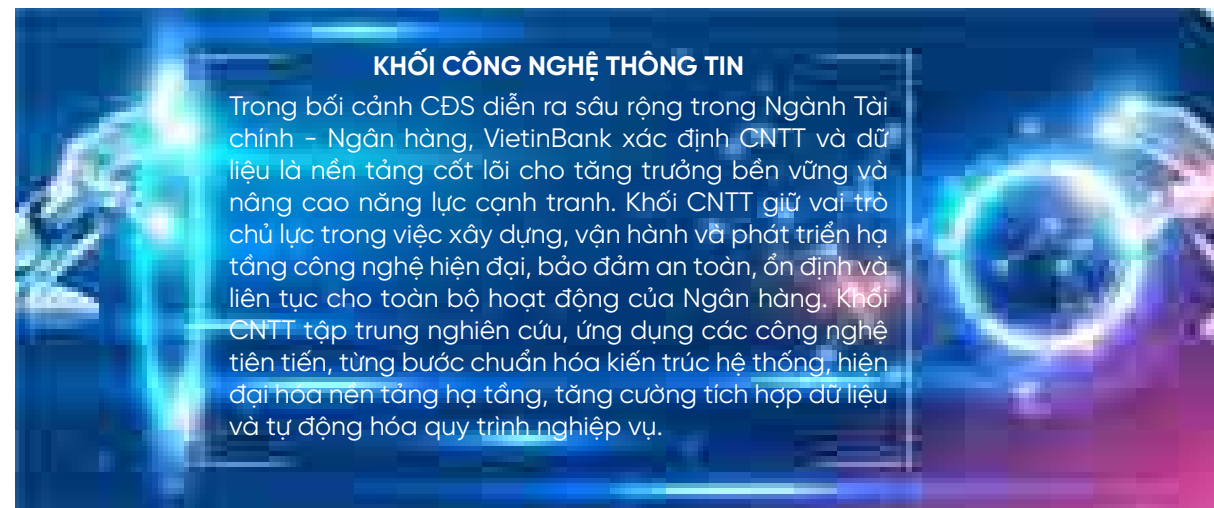
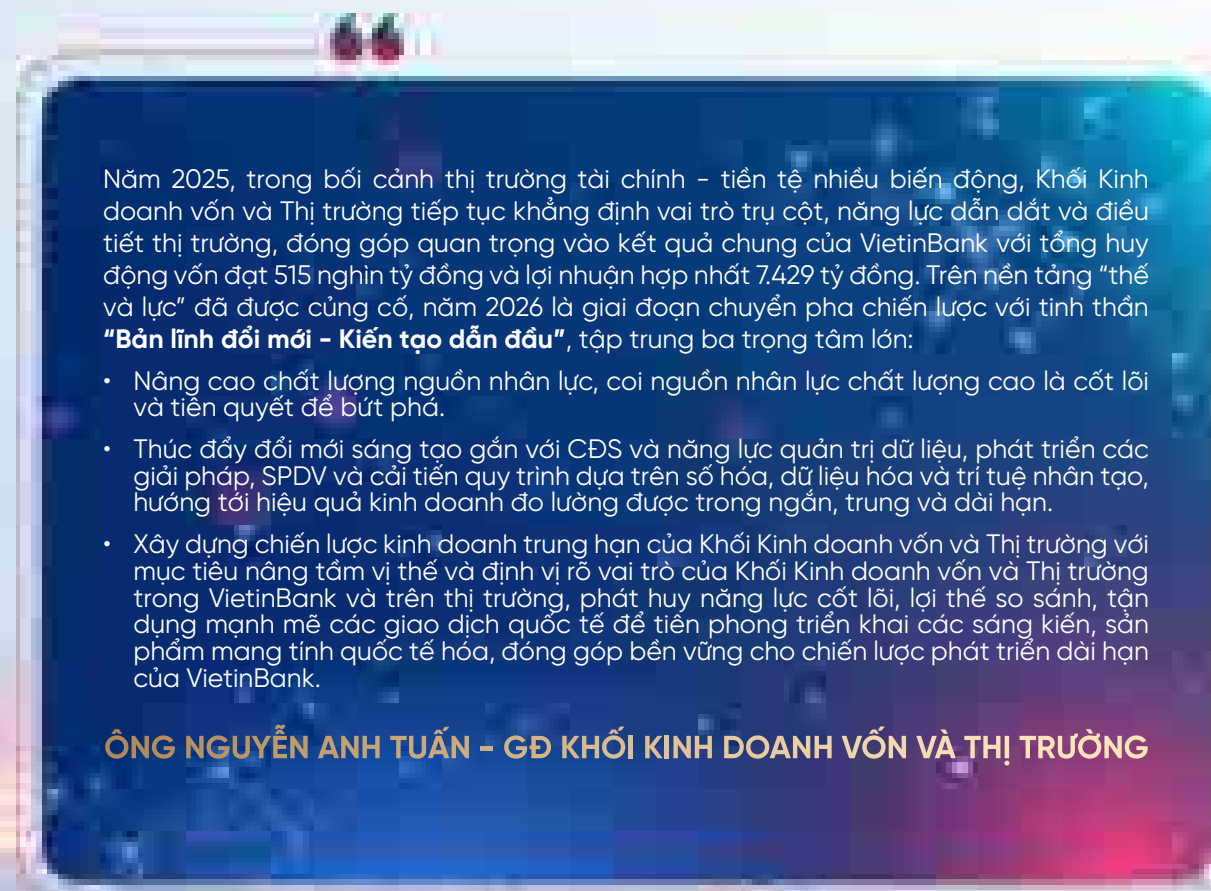
1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HĐKD vốn và thị trường năm 2025 nhận nhiều giải thưởng vinh danh của các tổ chức uy tín:

- Giải thưởng “**Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam**” do tổ chức Global Finance trao tặng.
 - Giải thưởng “**Ngân hàng kinh doanh sản phẩm phái sinh tiêu biểu**” của năm do tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.
- Đây là năm thứ 6 liên tiếp VietinBank được các tổ chức uy tín độc lập khác nhau trong cộng đồng tài chính toàn cầu xướng danh ở hạng mục này.

Kế hoạch hành động năm 2026

Bước sang năm 2026, Khối Kinh doanh vốn và Thị trường kiên định ba trụ cột: **Linh hoạt trong kinh doanh - Liên kết trong tổ chức - Hiệu quả trong đầu tư**. Trên nền tảng đó, Khối chủ động mở rộng quy mô đi đôi với tối ưu danh mục, phát triển hệ sinh thái đối tác và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ. Mỗi cán bộ sẽ là một “digital banker”, làm chủ công nghệ, am hiểu thị trường và sẵn sàng kiến tạo giá trị trong kỷ nguyên số, đồng hành cùng VietinBank trên hành trình PTBV.



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Khối CNTT phát huy vai trò trong quản trị, điều hành, kiểm soát, phát triển kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn bảo mật thông tin. Khối CNTT đạt một số thành tựu như sau:

- Triển khai mạnh mẽ hoạt động CDS:** Trong năm 2025, Khối CNTT là đầu mối triển khai 12 sáng kiến nền tảng kỹ thuật trọng điểm, tất cả đều hoàn thành đúng hoặc vượt tiến độ; phối hợp triển khai 32 sáng kiến cấp Khối và toàn hàng phục vụ kinh doanh, từ đó đem lại hiệu quả nhanh và rộng khắp.
- Triển khai 30 dự án trọng điểm về CNTT:** Bên cạnh CDS, Khối CNTT đầu mối triển khai nhiều dự án trọng điểm khác nhau, trong đó dự án Metro Hà Nội triển khai diện rộng cho tất cả các khách hàng sử dụng thẻ Visa cho luồng Tap & Go. Dự án RPA (Robotic Process Automation) giúp phải phóng toàn bộ thời gian thao tác thủ công cho nhóm BE và TF, giúp ngăn chặn rủi ro do các sự cố sai sót tác nghiệp, tăng số lượng giao dịch trung bình.
- Cải tiến sản phẩm, tăng cường kết nối giao dịch thanh toán:** Thành lập và triển khai mô hình làm việc Agile cho 9 Tribe, 20 Squad thuộc 5 Khối nghiệp vụ trong đó Tribe iPay, eFAST liên tục phát triển/nâng cấp các tính năng góp phần tăng trưởng các chỉ tiêu kinh doanh. Năm 2025, VietinBank mở rộng đối tác mới trên kênh Open Banking, nâng số lượng đối tác qua kênh này lên 889 đối tác, tăng 36% so với năm 2024. Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, số lượng giao dịch tài chính của khách hàng tại VietinBank ngày càng tăng và đạt hơn 6,5 tỷ giao dịch trong năm 2025, những ngày cao điểm lên hơn 21 triệu giao dịch/ngày.
- Nâng cấp hạ tầng đáp ứng khả năng mở rộng giao dịch:** Trong năm 2025, VietinBank chính thức đưa Trung tâm Dữ liệu Vân Canh vào vận hành thay thế cho Trung tâm Dữ liệu 108 Trần Hưng Đạo đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế TIA-942/Tier 3, kết quả này là nền tảng cho việc mở rộng hệ thống Core Banking, các kênh giao dịch điện tử và các dịch vụ số của VietinBank trong giai đoạn 2025-2030. Ngân hàng cũng triển khai hơn 100 các đầu mục tối ưu khác nhau giúp Core Banking vận hành ổn định, đáp ứng 23-25 triệu giao dịch tài chính/ngày. Đồng thời, VietinBank hoàn thành kế hoạch kiến trúc chi tiết để dịch chuyển hệ thống lên Cloud theo lộ trình, tự động hóa vận hành, tăng khả năng mở rộng, bảo mật và tối ưu chi phí hạ tầng.

1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- **Tăng cường an toàn bảo mật CNTT:** VietinBank vận hành SOC 24/7 để giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời sự kiện, bất thường và rủi ro ATTT trên toàn hệ thống CNTT. Ngân hàng cũng thực hiện đánh giá an ninh định kỳ, kiểm thử xâm nhập (Pentest), diễn tập tấn công/phòng thủ để kiểm soát lỗ hổng và đảm bảo an toàn trước khi triển khai dịch vụ mới. VietinBank cũng mở rộng giải pháp bảo mật thể hệ mới (NGFW, XDR, Zero Trust, ...) để bảo vệ điểm cuối, dữ liệu, ứng dụng và kiểm soát truy cập nội bộ. Đồng thời Ngân hàng xây dựng văn hóa bảo mật, tăng cường đào tạo và truyền thông nhận thức và phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý, đối tác ANM trong nước và quốc tế.

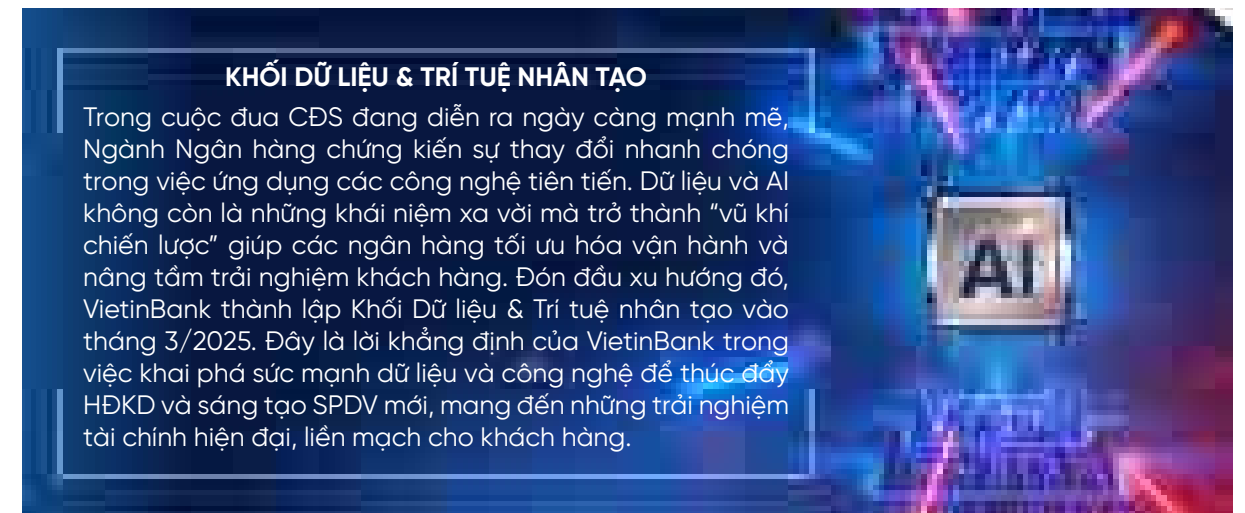
Hoạt động CNTT năm 2025 nhận giải thưởng vinh danh của tổ chức uy tín

- Giải thưởng “**Best API and Open Banking Initiative in Vietnam**” do tạp chí Asian Banker trao tặng trên nền tảng VietinBank iConnect DX.
- 5 giải thưởng công nghệ danh giá cho các sản phẩm: **VietinBank iPay Mobile, VietinBank eFAST X-Mate phiên bản cao cấp Quản lý dòng tiền dành cho KHDN, sản phẩm Giải ngân online, VietinBank digiGOLD, VietinBank Genie – trợ lý ảo AI dành cho cán bộ VietinBank** do VINASA trao tặng.
- Giải thưởng “**IT Maestro of the year – Nhà Lãnh đạo IT của năm**” dành cho ông Trần Công Quỳnh Lâm – Phó TGD kiêm GD Khối CNTT, GD Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo VietinBank.

Kế hoạch hành động năm 2026

Năm 2026, để nâng cao CLDV CNTT hỗ trợ toàn hàng, thúc đẩy triển khai các sáng kiến CDS, Khối CNTT triển khai các hoạt động sau:

- Tăng cường nguồn lực, tuyển dụng đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật để phát triển nhanh phần mềm SPDV, phân tích dữ liệu, quản trị hệ thống và các sáng kiến CDS.
- Tăng cường giám sát bảo mật an toàn và đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt hệ thống CNTT.
- Tiếp tục đẩy mạnh và đưa vào vận hành các công nghệ mới như: Cloud, ứng dụng AI/GenAI vào HĐKD, RPA vào hoạt động vận hành.
- Tiếp tục đầu tư vào Phân tích dữ liệu, AI để cá nhân hóa dịch vụ đến từng khách hàng, tăng cường trải nghiệm khách hàng nội bộ, tạo ra giá trị đột phá trong kinh doanh.



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo vận hành với ba trụ cột: Quản trị dữ liệu, Phát triển nền tảng dữ liệu và Ứng dụng phân tích dữ liệu & AI.

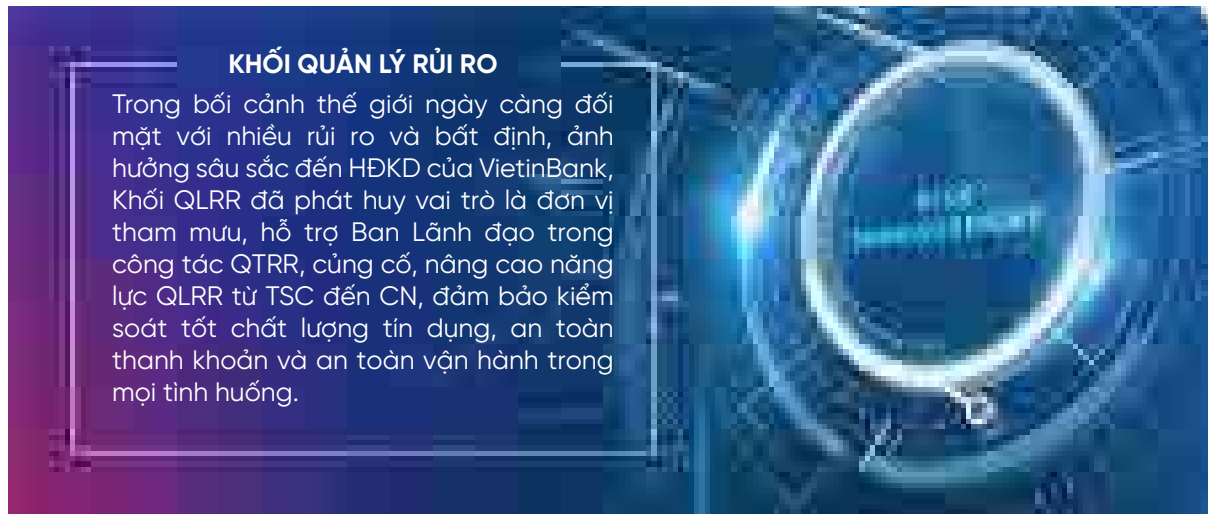
- **Hoạt động phân tích dữ liệu:** Hơn 50 sáng kiến ứng dụng AI, BigData, Machine Learning để tối ưu vận hành, cải thiện năng suất lao động, nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng hiệu quả kinh doanh, trong đó nhiều sáng kiến tạo ra tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh và hiệu quả vận hành.
- **Mở rộng quy mô lưu trữ và xử lý dữ liệu** với 191 TB (terabyte) dữ liệu, 57 nguồn dữ liệu, hình thành các sản phẩm dữ liệu trọng yếu như Customer 360, HR 360, Finance Datamart, Risk Datamart. Cung cấp dữ liệu thường xuyên cho 34 sáng kiến CDS, các dashboard điều hành near realtime và các yêu cầu phân tích quan trọng của Ban Lãnh đạo và CN.
- **Xây dựng, phát triển các Dashboard, BI:** Khối đã hoàn thành 98 yêu cầu báo cáo tuần thủ, triển khai báo cáo theo Thông tư 15 và các báo cáo của NHNN. Cùng với đó Khối xây dựng hệ thống BCTC tự động, hoàn thành 43 yêu cầu báo cáo ERS, 19 yêu cầu EDW (Kho dữ liệu doanh nghiệp - enterprise data warehouse), 8 yêu cầu trên hệ thống DCPS hỗ trợ các đơn vị tăng năng suất lao động, hỗ trợ kiểm soát số liệu, ra quyết định và quản trị điều hành.
- **Thúc đẩy hoạt động ứng dụng AI:** Khối đã nghiên cứu và phát triển trợ lý ảo dành cho CBNV - VietinBank Genie và Genie Meeting với 85% người dùng trên toàn hệ thống với khoảng 10.000 câu hỏi mỗi ngày, rút ngắn 95% thời gian tra cứu văn bản, giảm 70% thời gian viết biên bản họp. Khối cũng phối hợp với Trường Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực VietinBank tổ chức các khóa đào tạo về AI trên toàn hệ thống.
- **Công tác Quản trị dữ liệu:** Khối đã xây dựng, chuẩn hóa bộ từ điển dữ liệu và thuật ngữ nghiệp vụ cho các dữ liệu trọng yếu, giúp đồng nhất mô tả và định nghĩa cho các Khối khi khai thác và sử dụng dữ liệu. Việc triển khai này cũng thúc đẩy mạnh mẽ công tác chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng dữ liệu. Cụ thể, Khối đã xây dựng mới 20 quy tắc và cập nhật 17 quy tắc chất lượng dữ liệu. Tỷ lệ chuẩn hóa dữ liệu toàn hàng đạt 91,4%, tăng 2,7% so với cuối năm 2024.

Kế hoạch hành động năm 2026

Năm 2026, Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo dự kiến triển khai các hoạt động sau:

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyên môn sâu, thu hút nguồn nhân lực trong lĩnh vực dữ liệu và AI.
- Hoàn thiện cơ cấu chức năng, nhiệm vụ và tăng cường phối hợp để đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, mạnh trong giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục đầu tư vào Phân tích dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa dịch vụ đến từng khách hàng, tăng cường trải nghiệm khách hàng nội bộ, tạo ra giá trị đột phá trong kinh doanh.

1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Với mục tiêu giữ vững vai trò dẫn đầu Ngành Ngân hàng của VietinBank, Khối QLRR chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát chất lượng tài sản, nâng cao năng lực QLRR và tập trung nguồn lực triển khai các sáng kiến CDS trong công tác QLRR. Cụ thể như sau:

- **Triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát chất lượng danh mục tín dụng xuyên suốt từ TSC đến CN** với vai trò của BKS chất lượng nợ từ TSC và CN. Thông qua công tác tổng điều tra danh mục và KTKSNB, nhận diện sớm và cảnh báo nhóm khách hàng có liên quan, nhóm khách hàng cần tăng cường giám sát, khách hàng tiềm ẩn rủi ro chủ động nhận diện, do đó kịp thời triển khai phương án tối ưu để giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng.
- **Đẩy mạnh hiệu quả công tác giám sát QLRR thị trường, thanh khoản, lãi suất**, phân tích kịch bản cân đối vốn, kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản, kế hoạch dự phòng đảm bảo an toàn thanh khoản.
- **Tăng cường năng lực quản lý rủi ro CNTT thông qua:** (i) Xây dựng hướng dẫn cơ chế phối hợp đánh giá rủi ro và quản lý sự kiện rủi ro CNTT & ANM; (ii) Giám sát khẩu vị rủi ro/hạn mức rủi ro/KRI, phối hợp với Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo xây dựng KRI mới; (iii) Xây dựng công cụ giám sát tự động theo dõi thời gian gián đoạn về CNTT đối với hệ thống trọng yếu (VietinBank iPay và VietinBank eFAST); (iv) Đẩy mạnh nhận thức ATTT cho CBNV toàn hàng liên quan đến phishing mail (email giả mạo), đổi mới phương thức diễn tập nhằm tăng cường ý thức cảnh giác và tuân thủ toàn hàng; (v) Lập kế hoạch và phối hợp diễn tập duy trì hoạt động liên tục (business continuity plan - BCP) cho hệ thống thẻ (end-to-end).
- **Tăng cường năng lực kiểm soát RRHĐ tổng thể tại CN xuyên suốt đến PGD.** Hỗ trợ CN chuẩn bị và triển khai kế hoạch ứng phó và duy trì hoạt động liên tục hiệu quả đối với các sự kiện bất khả kháng liên quan đến thiên tai, bão, lũ lụt.
- **Ứng dụng CDS mạnh mẽ trong công tác QLRR:**
 - » Vận hành **11 hệ thống CNTT và 4 sáng kiến:** (1) **M28S01** (Nâng cấp, cải tiến hệ thống cảnh báo sớm EWS) triển khai 9 mô hình, đang thực hiện bổ sung 15 mô hình; (2) **MS28S02** (Tăng cường năng lực mô hình rủi ro): Hoàn thiện 25 mô hình, đang thực hiện cài đặt lên các hệ thống; (3) **M28S03** (Quản lý nhóm khách hàng liên quan tiềm ẩn rủi ro bằng công cụ số) tạo ra kết quả bước đầu trong tháng 12/2025; (4) **M28S04** (Nhận diện sớm rủi ro theo hành trình giám sát CN và khách hàng).
 - » **Tự động hóa, nâng cấp 6 hệ thống** (VIC, BMS, ALM, Vision Commo, TTM, VPRO), ứng dụng AI vào phân tích vĩ mô, phân tích ngành, xu hướng lãi suất.

- » **Hiện đại hóa các công cụ QLRRHĐ:** (i) Hoàn thành nghiệm thu Dự án Phòng chống thất thoát dữ liệu và phân loại dữ liệu tự động DLP (data loss prevention); (ii) Bước đầu hiện đại hóa công tác đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát RCSA (Risk control self assessment) hỗ trợ tổng hợp danh mục, lưu trữ bản đánh giá rủi ro và tiến độ thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ.
- » **Nâng cao hiệu lực hiệu quả của mô hình đo lường RRTD** (mô hình xác suất vỡ nợ, thực hiện ước lượng tổn thất khi vỡ nợ để thực hiện kế hoạch triển khai Thông tư 14/2025/TT-NHNN).
- » **Ứng dụng AI trong tổng hợp VBCS** để hỗ trợ công tác tra cứu tự động cho người sử dụng.

- **Tiếp tục duy trì nâng cao văn hóa QTRR thông qua:** (i) Công tác kiểm tra giám sát thường xuyên của Đảng, công tác kiểm tra của chuyên môn, triển khai quyết liệt các chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy, Ủy ban kiểm tra và Ban Lãnh đạo trong tất cả các hoạt động; (ii) Đổi mới, sáng tạo trong truyền thông, đào tạo, cảnh báo, cũng như những chương trình thi đua, khen thưởng... để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự QLRR; tăng cường nhận thức toàn hệ thống về công tác QLRR, chấp hành pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

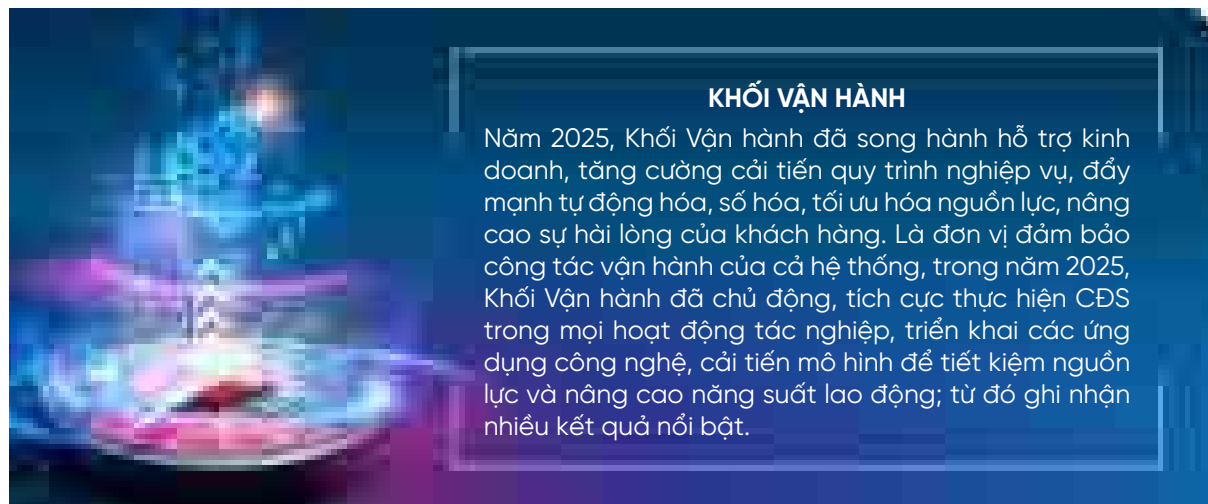
Kế hoạch hành động năm 2026

Năm 2026, các rủi ro tiềm tàng từ môi trường vĩ mô, căng thẳng địa chính trị, thị trường tài chính, biến đổi của công nghệ cùng với các rủi ro lớn như: thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các rủi ro không lường trước và các vấn đề rủi ro hiện hữu nội tại như: Nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro vẫn gia tăng; tuân thủ ở một số CN còn hạn chế, rủi ro từ nhóm khách hàng có liên quan ngày càng khó kiểm soát; VietinBank sẽ cải tiến liên tục chiến lược, chính sách QLRR để phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh tế và công nghệ. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, vận hành của các đơn vị thực thi nhiệm vụ quản lý rủi ro thuộc tuyến bảo vệ thứ 2 tại TSC thông qua việc đẩy mạnh CDS, ứng dụng hệ thống, công nghệ vào công tác kiểm tra, giám sát, góp phần nhận diện từ sớm, từ xa dấu hiệu rủi ro, từ đó nâng cao hiệu quả QTRR toàn hàng.
- Tập trung giám sát chỉ tiêu trích lập dự phòng rủi ro cụ thể giao về các CN đảm bảo các đơn vị thực hiện đúng kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro HĐQT VietinBank giao trong 2026, từng bước cải thiện chi phí tín dụng, tăng cường hiệu quả hoạt động của VietinBank.



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Năm 2025, Khối Vận hành thực hiện hiệu quả nhiệm vụ vận hành và hỗ trợ kinh doanh với tôn chỉ ổn định, an toàn, chính xác; đảm bảo tất cả các mảng hoạt động vận hành thông suốt và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của toàn hàng.

- **Thúc đẩy đổi mới, ứng dụng AI/RPA, số hóa nâng cấp hệ thống, tăng tỷ lệ tự động hóa**

Với định hướng tích cực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, triển khai đồng bộ các sáng kiến ứng dụng tự động hóa vào toàn diện các hoạt động của đơn vị, Khối Vận hành đã đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động của VietinBank khi **tiết kiệm hơn 2,1 triệu giờ làm việc/năm cho toàn hệ thống và khách hàng**. Trong số đó, nổi bật là các sáng kiến:

- » **“Tự động hóa 4 quy trình trên hệ thống tài trợ thương mại theo công nghệ Robotics (RPA)”** góp phần nâng cao năng suất lao động.
- » **“Triển khai 5 ứng dụng AI vào công tác CSKH”** bao gồm Voice Biometrics, Voice Bot, Agent Assist, Chatbot AI, Virtual QC tạo tiền đề cho việc mở rộng ứng dụng AI trên quy mô toàn hệ thống.
- » **“Mô hình Agile đối với 3 Squad trọng điểm: Squad quây, Squad chuyển tiền và Squad thẻ”** góp phần giảm thiểu lỗi, rút ngắn thời gian xử lý.
- » **“Triển khai số hoá toàn diện chứng từ tài trợ thương mại”** giúp gia tăng hiệu quả tác nghiệp, tiết giảm tối đa chi phí vận hành...

Năm 2025, Khối Vận hành đóng vai trò chủ nhiệm sáng kiến CDS **“M21S02 – Tối ưu hóa hệ thống thanh toán và đáp ứng tuân thủ SWIFT ISO 20022”** góp phần tối ưu hóa luồng điện MX, nâng cao tốc độ xử lý giao dịch, tăng cường tính an toàn và minh bạch trong hoạt động chuyển tiền quốc tế. Kết quả tích cực của sáng kiến (xử lý thành công 100% điện MX đến trong ngày đầu tiên triển khai, nâng tỷ lệ tự động hoá Payment Hub lên 85%...) là minh chứng cho vai trò tiên phong, khả năng thích ứng nhanh và cam kết đổi mới để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, vừa là một bước tiến quan trọng giúp VietinBank hội nhập với chuẩn thanh toán quốc tế mới nhất.

- **Nâng cao CLDV liên tục theo hướng quản trị trải nghiệm khách hàng toàn diện**

Năm 2025, Khối Vận hành triển khai thành công **Dự án Quản trị trải nghiệm khách hàng** (Dự án CX), tạo nền tảng quản trị CX bài bản, tiệm cận thông lệ quốc tế với các kết quả trọng tâm: Hoàn thiện tầm nhìn chiến lược CX toàn hàng; ban hành khung nguyên tắc và hành vi nâng cao trải nghiệm khách hàng theo 3 cấp độ; xây dựng lộ trình nâng cao năng lực CX giai đoạn 2025 – 2027; mô hình quản trị trải nghiệm khách hàng theo thông lệ quốc tế; thiết lập bản đồ hành trình khách hàng để xác định các giải pháp cải thiện trải nghiệm khách hàng. Mức độ hài lòng của khách hàng về CLDV (CSAT) đạt 98,8%, duy trì mức xuất sắc theo chuẩn quốc tế, với ~ 9,8 triệu lượt khách hàng phục vụ – tăng gấp ~ 3 lần trong hai năm.

Đồng thời, nhiệm vụ thúc đẩy chuyển dịch giao dịch trên kênh điện tử liên tục chú trọng với những giải pháp tiên phong như hành trình giải ngân, Digital L/C... giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại cho khách hàng, thúc đẩy tỷ lệ chuyển dịch kênh bình quân toàn hàng lên 98,5%, vượt mức yêu cầu kế hoạch năm 2025 là 97,5%.

- **Đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của toàn hàng**

Trong năm 2025, tất cả các mảng hoạt động của Khối Vận hành: Xử lý thanh toán VND, chuyển tiền ngoại tệ, tài trợ thương mại, quản lý vận hành thẻ, quản lý tiền mặt, quản lý chất lượng, hỗ trợ tín dụng và hỗ trợ khách hàng... đều thực hiện an toàn, chính xác, hiệu quả, thông suốt, đóng góp quan trọng vào hiệu quả kinh doanh toàn hàng.

Tổng thu phí tài trợ thương mại và dịch vụ thanh toán chuyển tiền nội ngoại tệ đạt 2.333 tỷ đồng, đóng góp ~30% tổng thu ngoài lãi toàn hàng; Doanh số thanh toán chuyển tiền đạt 76,5 triệu tỷ đồng; Doanh số tài trợ thương mại đạt 20,7 tỷ USD, chiếm ~26% thị phần thanh toán tài trợ thương mại, giữ vững vị trí Top đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Các đơn vị trong Khối Vận hành hoàn thành 100% SLA về thời gian xử lý giao dịch, tư vấn hỗ trợ giải đáp vướng mắc cho toàn hệ thống.

Hoạt động của Khối Vận hành trong năm 2025 ghi nhận với các giải thưởng danh giá:

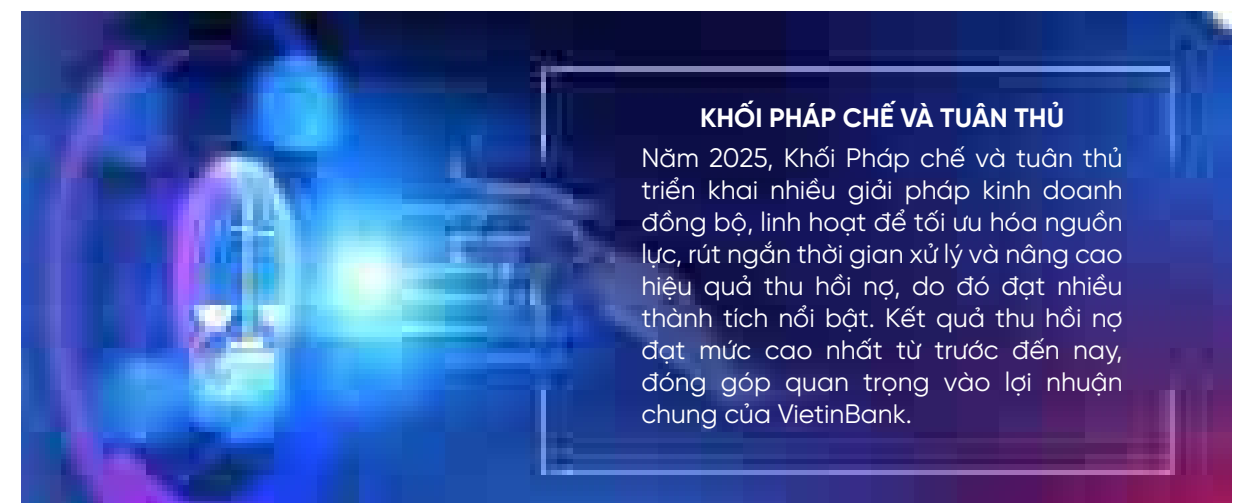
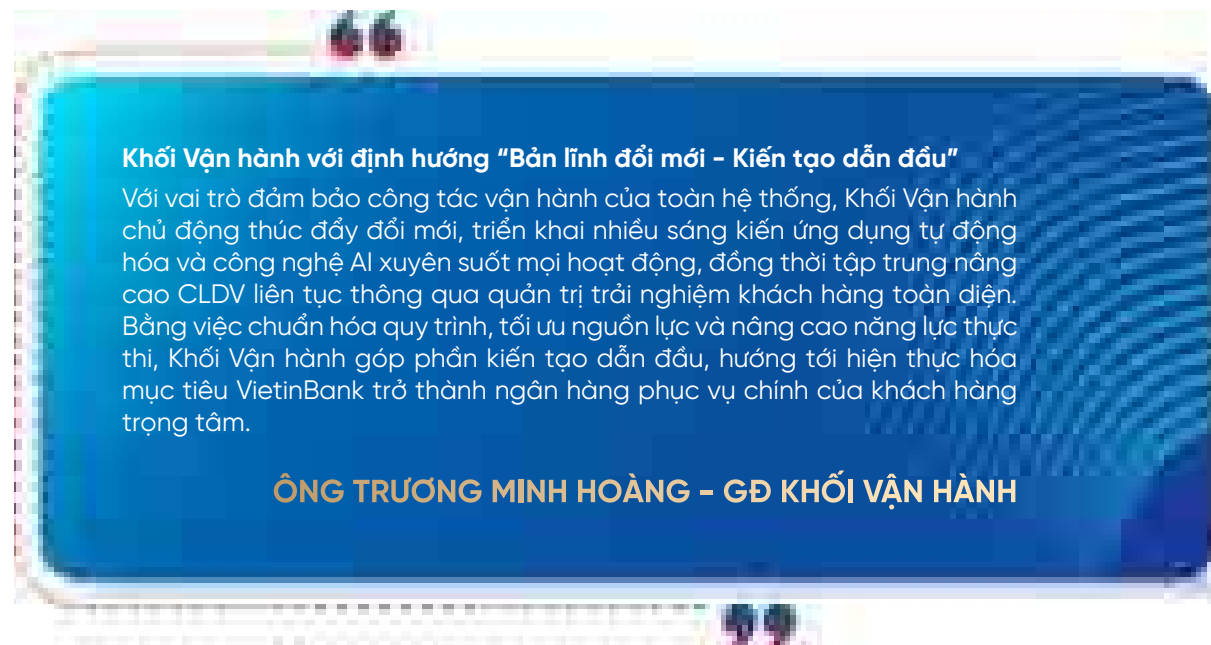
- Giải thưởng **“Ngân hàng có chất lượng Vận hành tài trợ thương mại xuất sắc – Client Excellent Award”** của Deutsche Bank.
- Giải thưởng **“Operational Excellence Award”** của Wells Fargo.
- Giải thưởng **“Straight Through Processing Award”** ghi nhận tỷ lệ điện chuyển tiền tài trợ thương mại đạt chuẩn (STP) của BNY Mellon.
- Giải thưởng **“Best-in-Class Award”** cho ngân hàng có tỷ lệ STP ấn tượng 99,94% đối với điện thanh toán tài trợ thương mại – thuộc nhóm cao nhất toàn cầu của JP Morgan.
- Giải thưởng **“Best DX for Contact Center Vietnam 2025”** của Global Banking & Finance Review vinh danh Trung tâm DVKH CDS tốt nhất Việt Nam năm 2025.



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kế hoạch hành động năm 2026

Năm 2026, Khối Vận hành triển khai hoạt động bám sát mục tiêu chiến lược chung của VietinBank thông qua việc tăng cường tự động hóa, khai thác hiệu quả AI, chuẩn hóa quy trình, giảm thiểu giấy tờ thủ công; triển khai nhất quán chiến lược CX toàn hàng, bảo đảm vận hành thông suốt, an toàn, ổn định, mỗi điểm giao dịch thực sự trở thành điểm chạm trải nghiệm tích cực đối với khách hàng, đóng vai trò quan trọng kiến tạo VietinBank trở thành ngân hàng phục vụ chính của khách hàng trọng tâm.



Dấu ấn hoạt động trong năm 2025

Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch được Ban Lãnh đạo giao trong năm 2025, tập thể cán bộ và lãnh đạo của Khối Pháp chế và Tuân thủ nỗ lực, phấn đấu, với tinh thần trách nhiệm cao. Kết thúc năm 2025, hoạt động của Khối Pháp chế và Tuân thủ đạt được kết quả hết sức tích cực và ấn tượng, ghi dấu ấn một năm thành công, cụ thể như sau:

- **Về hoạt động quản lý và xử lý nợ:** VietinBank thực hiện kiểm soát chất lượng nợ toàn diện từ nợ nhóm 1 tiềm ẩn rủi ro, nợ nhóm 2, nợ xấu, nợ XLRR và đạt nhiều kết quả ấn tượng, nổi bật trong năm 2025. Thu hồi nợ XLRR năm 2025 (số liệu hợp nhất) đạt **10 nghìn tỷ đồng**; Thu hồi nợ xấu năm 2025 (số liệu riêng lẻ) đạt **gần 8000 tỷ**, tăng **10,2%** so năm 2024. Đây là kết quả thu hồi nợ lớn nhất từ trước tới nay, đóng góp quan trọng vào lợi nhuận chung của VietinBank. Đối với công tác phân luồng, ứng xử tín dụng, Khối Pháp chế và Tuân thủ chủ động phối hợp với các đơn vị tại TSC (Khối Khách hàng, Khối Phê duyệt tín dụng, Khối QLRR) hỗ trợ CN xây dựng giải pháp phân luồng ứng xử tín dụng kịp thời, tham mưu cho BKS chất lượng nợ, Ban Lãnh đạo các biện pháp kiểm soát chất lượng nợ hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho VietinBank. Trong năm 2025, Khối Pháp chế và Tuân thủ đưa vào vận hành hệ thống quản lý và xử lý nợ DCRM (Debt collection recovery management) giai đoạn 1 để tăng cường quản lý, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác phân luồng giải pháp đối với nợ nhóm 1 tiềm ẩn rủi ro và nợ có vấn đề, giảm thiểu tác nghiệp thủ công.
- **Về hoạt động quản lý tuân thủ:** Khối Pháp chế và Tuân thủ phát huy vai trò giám sát từ xa nhằm phát hiện các trường hợp có dấu hiệu gian lận ảnh hưởng đến hoạt động, uy tín của VietinBank, từ đó có biện pháp ứng xử kịp thời. Phòng Quản lý tuân thủ thuộc Khối Pháp chế và Tuân thủ thực hiện tốt vai trò rà soát, quản lý hệ thống VBCS, công tác phòng chống rửa tiền, đưa vào vận hành dự án AML2 và quản trị, cải tiến tính năng, chỉnh sửa lỗi hệ thống AML1; thực hiện tốt công tác cung cấp thông tin, yêu cầu khác của cơ quan có thẩm quyền.
- **Về hoạt động pháp chế:** Phòng Pháp chế thuộc Khối Pháp chế và Tuân thủ thực hiện tốt công tác hỗ trợ tư vấn HDKD, tư vấn quản trị nội bộ của toàn hệ thống. Phòng đảm nhận vai trò đầu mối soạn thảo, kiểm tra và đào tạo cho các đơn vị trong hệ thống về bộ mẫu hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.

Định hướng kế hoạch hành động năm 2026

Với mục tiêu phát huy các kết quả đã đạt được trong năm 2025, toàn Khối Pháp chế và Tuân thủ sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, kế hoạch Ban Lãnh đạo giao, trong đó hoạt động kiểm soát chất lượng nợ và xử lý thu hồi nợ vẫn là một trong hoạt động trọng tâm của Khối trong năm 2026.



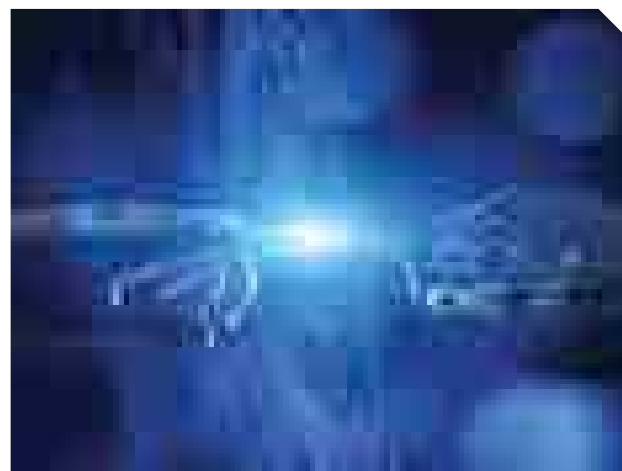
HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA VIETINBANK

Trong dòng chảy CDS quốc gia, VietinBank đang từng bước khẳng định bản lĩnh đổi mới với những chuyển mình mạnh mẽ từ bên trong. Thông qua CDS toàn diện, VietinBank đang gia tăng hiệu quả kinh doanh, kiến tạo năng lực mới, đưa đổi mới trở thành nền tảng cho hiệu quả, tăng trưởng và khả năng thích ứng dài hạn, đóng góp vào tiến trình phát triển của đất nước trong kỷ nguyên số.

Tăng tốc chuyển đổi toàn diện

VietinBank xác định CDS toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm của toàn hệ thống, đóng vai trò đòn bẩy cho tăng trưởng và tối ưu mô hình tổ chức, đồng thời đồng hành cùng mục tiêu quốc gia về CDS, chuyển đổi xanh và ESG, hướng tới giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

Trong 2 năm qua, VietinBank kiến tạo Hành trình CDS toàn diện mang tên X01 dựa trên các trụ cột **Số hóa, Dữ liệu, Công nghệ, Con người & Tổ chức**. Bốn trụ cột then chốt được triển khai đồng bộ, sâu rộng, với tầm nhìn dài hạn và quyết tâm cao độ, đem đến những thay đổi cốt lõi trong toàn tổ chức, kiến tạo năng lực cạnh tranh mới của VietinBank trong kỷ nguyên số.



- Năm 2024 được coi là giai đoạn **“chạy đà”**, đặt nền tảng cho những bước tiến đột phá của VietinBank. Năm 2025, VietinBank **“tăng tốc”** triển khai hơn **90 sáng kiến** CDS, với **64 sáng kiến** ra mắt chính thức, **36 sáng kiến** được triển khai rộng khắp đến CN trong toàn hệ thống, đóng góp trực tiếp vào kết quả kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất lao động và thúc đẩy chuyển dịch kênh.

Những sản phẩm số tiêu biểu triển khai trong năm như: Hành trình vay SXKD online cho KHCN, Giải ngân & Bảo lãnh online cho KHDN, eKYC KHDN, Vay tiêu dùng online, Đăng ký khoản vay mua nhà, Đầu tư gia sản (Wealth), Click to pay, digiGOLD,... tạo ra sự thay đổi về trải nghiệm dịch vụ số. Đặc biệt, tỷ lệ giải ngân online VietinBank đạt trên **93%** đến cuối tháng 12/2025, thời gian xử lý rút ngắn xuống chỉ còn **5 - 10 phút**, thay vì hàng giờ như trước đây. Bên cạnh đó, VietinBank iPay khẳng định vai trò là “ngân hàng trong lòng bàn tay” - All in one của KHCN tiên phong chuyển dịch sang ngân hàng số toàn diện với trải nghiệm số lấy khách hàng làm trung tâm. Ở mảng KHDN, nền tảng eFAST thực sự trở thành “trợ lý tài chính số” hơn 130 tiện ích số, cho phép KHDN quản lý dòng tiền, thực hiện bảo lãnh và giải ngân online một cách liền mạch, an toàn và minh bạch. Quan trọng hơn, những bước tiến này không chỉ gia tăng năng lực cạnh tranh của VietinBank mà còn góp phần trực tiếp thúc đẩy quá trình CDS của nền kinh tế, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại đến gần hơn với mọi người dân, thúc đẩy xã hội số và kinh tế số bền vững.

- Ở trụ cột Dữ liệu, VietinBank xác định dữ liệu không chỉ là công cụ vận hành hay hỗ trợ ra quyết định, mà là **tài sản chiến lược** của hành trình CDS. Năm 2025, việc thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo đánh dấu bước ngoặt, tạo ra một đầu mối thống nhất để quản trị, bảo vệ và khai thác dữ liệu. Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo tập trung vào ba trọng tâm then chốt: **(i)** Quản trị dữ liệu toàn diện, bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật và tuân thủ pháp lý; **(ii)** Xây dựng hạ tầng và nền tảng để xử lý, phân tích dữ liệu theo thời gian thực; **(iii)** Triển khai các giải pháp phân tích nâng cao và trí tuệ nhân tạo để biến dữ liệu thô thành giá trị kinh doanh cụ thể.

Hơn 50 sáng kiến ứng dụng AI và Machine Learning được đưa vào vận hành, bao phủ nhiều mảng hoạt động: Từ mô hình dự đoán nhu cầu và gợi ý sản phẩm tiếp theo, nhận diện khách hàng có nguy cơ rời bỏ, cho đến nhận diện gian lận giao dịch và cảnh báo sớm RRTD. Nhờ những ứng dụng này, VietinBank nâng tầm khả năng cá nhân hóa trải nghiệm, tăng hiệu quả bán chéo, nâng cao tỷ lệ giữ chân khách hàng và chủ động kiểm soát rủi ro trên cả phân khúc cá nhân và doanh nghiệp. Đặc biệt, VietinBank tiên phong ứng dụng AI trong quản trị nội bộ thông qua VietinBank Genie - “trợ lý ảo” hiện đang hỗ trợ trả lời 15.000 câu hỏi/ngày. Công cụ này giúp rút ngắn tới **95%** thời gian tra cứu văn bản, giải phóng hàng nghìn giờ làm việc để mỗi cán bộ có thể tập trung vào những nhiệm vụ mang giá trị gia tăng cao hơn. Các ứng dụng công nghệ cũng được triển khai trong nhiều tác vụ, hoạt động nội bộ nhằm đem đến trải nghiệm nhân viên tiện ích, tối ưu hơn.

- Ở trụ cột công nghệ, VietinBank tập trung đẩy mạnh nền tảng công nghệ, tăng cường ứng dụng Cloud, DevSecOps, chuẩn hóa kiến trúc microservices và APIs để tăng tính linh hoạt, khả năng kết nối và mở rộng hệ sinh thái số. Song song, VietinBank hiện đại hóa hạ tầng thanh toán với tối ưu hệ thống Core Banking, hoàn tất tối ưu Swift, đáp ứng tuân thủ ISO 20022, và triển khai các hệ thống quản trị CNTT tiên tiến (ITSM, CMDB, SSO&MFA...) để nâng cao hiệu quả vận hành, an ninh và an toàn hệ thống.

- Cuối cùng, Con người & Tổ chức chính là yếu tố quyết định thành công của CDS. VietinBank tập trung đào tạo kỹ năng số, kỹ năng phân tích dữ liệu, và tư duy đổi mới sáng tạo cho cán bộ; đồng thời xây dựng văn hóa “số” - nơi mọi cán bộ đều hiểu, tin và chủ động áp dụng công nghệ vào công việc hàng ngày. Đến nay, đã có hơn 70 lớp đào tạo cùng hơn 2,6 triệu lượt học online về CDS. VietinBank cũng chú trọng công tác đào tạo về năng lực hiểu và sử dụng thành thạo công cụ AI. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu về chuyển đổi, đến năm 2025, VietinBank đã tăng 250% nhân sự công nghệ, thu hút chuyên gia AI, ML, Data.

VietinBank đã triển khai và áp dụng phương pháp làm việc Agile giúp rút ngắn chu kỳ phát triển sản phẩm thông qua thành lập 17 Squads bên cạnh các Squad đang vận hành tại Nhà máy số (Digital Factory), đồng thời thành lập Trung tâm năng lực xuất sắc về Phân tích nâng cao. Đặc biệt, Văn phòng Chuyển đổi (Transformation Office) được thành lập với vai trò quản trị thay đổi và điều phối, giám sát triển khai các sáng kiến chuyển đổi trên toàn hệ thống một cách đồng bộ, hiệu quả. Văn hóa đổi mới sáng tạo cũng đang lan tỏa mạnh mẽ thông qua các phong trào thi đua, sự đồng hành của hàng trăm Đại sứ chuyển đổi trên toàn hệ thống và những câu chuyện truyền cảm hứng từ thực tiễn. Từ đội ngũ lãnh đạo đến cán bộ nhân viên, tất cả cùng chung một tư duy: CDS không phải là một giai đoạn, mà là cách thức vận hành mới của VietinBank trong kỷ nguyên số.

Với tinh thần **“Hòa nhịp – Kiến tạo”**, từng bước đi trên con đường CDS của VietinBank là một nhịp hòa vào bản đại hợp xướng đổi mới của đất nước. Với những bước chuyển mang tính nền tảng, VietinBank không chỉ khẳng định vị thế ngân hàng số tiên phong của Việt Nam, mà còn đồng hành cùng tầm nhìn quốc gia về CDS, đóng góp vào mục tiêu phát triển đất nước, là nguồn cảm hứng để Ngân hàng tiếp tục bứt phá trên hành trình mới.

Hòa nhịp chuyển đổi năm 2026

Bước sang năm 2026, VietinBank đánh dấu giai đoạn **“Hòa nhịp”**, CDS toàn diện, tạo nên năng lực cốt lõi mới của ngân hàng trong kỷ nguyên số. Chủ điểm trọng tâm của CDS 2026 bao gồm: **(i)** Gia tăng hiệu quả, thúc đẩy các sáng kiến nâng cao hiệu quả tài chính, QTRR và năng suất lao động; **(ii)** Biến CDS thành DNA mới của tổ chức, chuẩn hóa tư duy và phương pháp làm việc; **(iii)** Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trên toàn hệ thống; và **(iv)** Nâng cao sức mạnh công nghệ để tạo nền móng bền vững cho hành trình CDS trong tương lai.

VietinBank đang chuyển mình mạnh mẽ từ việc triển khai các sáng kiến đơn lẻ sang làm chủ năng lực CDS, từ thử nghiệm sang chuẩn hóa, kiến tạo nền tảng dài hạn. Trong đó, việc gia tăng hiệu quả các sáng kiến CDS để thúc đẩy chuyển dịch từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh mới, hướng tới mục tiêu đến năm 2028, TOI trên kênh số chiếm 30-35% TOI toàn hàng. Năm 2026 cũng đánh dấu bước thay đổi quan trọng trong quản trị điều hành khi chỉ tiêu MAU (Monthly active user) trên các kênh VietinBank iPay, VietinBank eFAST được đưa vào thẻ điểm đánh giá GD CN, góp phần thúc đẩy chuyển dịch kênh và gia tăng mức độ gắn kết của khách hàng, với kỳ vọng số lượng khách hàng giao dịch online thường xuyên tăng 20 -30% so với năm 2025. Đặc biệt, việc triển khai đồng bộ 6 mega projects gồm CRM, Corporate Lending, Dự án Affluent, Core thẻ, tối ưu hóa Core Banking và VietinBank iPay, VietinBank eFAST sẽ giúp tác động của CDS trở nên trực tiếp, rõ nét hơn đối với hoạt động của CN và trải nghiệm của khách hàng.

Trên nền tảng đó, VietinBank tập trung chuẩn hóa và nhân rộng năng lực CDS thành DNA mới của tổ chức, thông qua vận hành 8 Trung tâm năng lực (CoEs), chuẩn hóa phương pháp phát triển sản phẩm số, phân tích nâng cao và mở rộng mô hình làm việc linh hoạt theo Agile. Song song, Ngân hàng thúc đẩy mạnh mẽ văn hóa đổi mới sáng tạo, khuyến khích cán bộ, đặc biệt tại CN chủ động đề xuất, thử nghiệm sáng kiến và gắn đổi mới sáng tạo với đánh giá kết quả công việc, thi đua và phát triển năng lực, qua đó hình thành động lực dài hạn để CDS thực sự trở thành năng lực cốt lõi và lợi thế cạnh tranh bền vững của VietinBank.

Năm 2026, VietinBank dự kiến cơ bản hoàn tất 108 sáng kiến, nhanh hơn 2 năm so với kế hoạch ban đầu, và bổ sung hàng loạt sáng kiến mới được đề xuất bởi đội ngũ VietinBank, trong đó 55% là sáng kiến gia tăng hiệu quả, 37% nền tảng và 8% nâng cao năng lực cốt lõi. Đồng thời, năm 2026, VietinBank chủ động thúc đẩy các ý tưởng mới, nuôi dưỡng tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống, để tạo nguồn sáng kiến liên tục cho hành trình CDS bền vững và dài hạn của VietinBank.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOÁI VỐN LỚN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Trong năm 2025, VietinBank không thực hiện mới các khoản đầu tư lớn, bao gồm các khoản đầu tư tài chính và đầu tư dự án.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



VietinBank INSURANCE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VBI
TSC	Tầng 10 - 11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, phường Ba Đình, TP. Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0243 9425 650 / Fax: 0243 9425 646
Giấy phép hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 21GP/KDBH ngày 12/12/2002 và GPĐC số 21/GPĐC35/KDBH ngày 30/07/2025 do Bộ Tài chính cấp
Lĩnh vực hoạt động	Bảo hiểm phi nhân thọ
VĐL (ngày 31/12/2025)	1.013,9 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	73,37%

TTS
10.886
TỶ ĐỒNG
↑ 10,1%
so với năm 2024

TỔNG DOANH THU
5.149
TỶ ĐỒNG
↑ 16,4%
so với năm 2024

LNTT
450
TỶ ĐỒNG
↑ 23,2%
so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Năm 2025, HĐKD của VBI tiếp tục phát triển và mở rộng:

- TTS của Công ty đạt 10.886 tỷ đồng, tăng 10,1% so với thời điểm 31/12/2024.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2025 đạt 5.149 tỷ đồng (tăng 16,4% so với năm 2024), tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc của VBI năm 2025 đạt 14,5%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng trung bình Ngành (11,0%).
- LNTT của Công ty năm 2025 đạt 450 tỷ đồng (tăng 23,2% so với năm 2024).
- Hiệu quả kinh doanh ROE năm 2025 đạt 17,3%, đạt Top 3/11 công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất thị trường bảo hiểm.

Với kết quả kinh doanh như trên, trong năm 2025, thị phần của VBI là 5,5%, tăng 0,3% so với năm 2024, giữ vững thị phần top 7 doanh thu bảo hiểm gốc Ngành Bảo hiểm phi nhân thọ. Cụ thể, thị phần của VBI đã liên tục được mở rộng từ 2,5% năm 2016, trên 3% năm 2019, đạt 3,7% năm 2020, 4% năm 2021, 4,5% năm 2022, đạt 5% năm 2023, 5,2% năm 2024 và 5,5% năm 2025.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Trong năm 2026, VBI phấn đấu lên vị trí top 6 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về thị phần bảo hiểm gốc. Công ty tiếp tục tập trung phát triển HĐKD cốt lõi, khai thác hiệu quả danh mục SPDV nhằm đáp ứng đa dạng phân khúc khách hàng; ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh để tối ưu phân bổ nguồn lực. Song song đó, công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong vận hành và QLRR, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo đảm tăng trưởng bền vững.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBank FMC
TSC	Tầng 2, Tòa 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0243 9388 855 / Fax: 0243 9388 500 Hotline: 0911 771 855
Giấy phép hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN; và sửa đổi gần nhất theo GPĐC số 77/GPĐC-UBCK ngày 03/09/2025 của UBCKNN
Lĩnh vực hoạt động	Quản lý quỹ
VĐL (ngày 31/12/2025)	300 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

TTS
430,7
TỶ ĐỒNG
↑ 1,0%
so với năm 2024

TỔNG DOANH THU
13,8
TỶ ĐỒNG
↑ 3%
so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, thực hiện các nghiệp vụ: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

- TTS tại thời điểm ngày 31/12/2025 đạt 430,7 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2024.
- Tổng doanh thu năm 2025 đạt gần 13,8 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2024.
- LNTT đạt 8,5 tỷ đồng, giảm 37,7% so với năm 2024.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng SPDV và gia tăng trải nghiệm khách hàng; nghiên cứu, phát triển các SPDV mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm; tăng cường hoạt động truyền thông, quảng bá, mở rộng và đa dạng hóa kênh phân phối.

Song song với đó, Công ty thực hiện các giải pháp tái cơ cấu toàn diện hoạt động, bao gồm kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả vận hành và tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững.

Trên cơ sở định hướng nêu trên, trong năm 2026, Công ty tiếp tục tập trung khai thác tối đa sức mạnh tổng thể hệ sinh thái của VietinBank nhằm thúc đẩy phát triển các nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động trong giai đoạn tới.

	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank
Tên viết tắt	VBSE
TSC	Tầng 1 - 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Đình, TP. Hà Nội.
Liên hệ	Điện thoại: 0243 9741 771 / Fax: 0243 9741 760
Giấy phép hoạt động	107/UBCK-GP ngày 01/07/2009 do UBCKNN cấp và các GPĐC số 103/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2025; số 50/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2025; số 64/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2025; số 133/GPĐC-UBCK ngày 10/12/2025.
Lĩnh vực hoạt động	Chứng khoán
VĐL (ngày 31/12/2025)	2.126,9 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	75,64%

TTS
12.411
TỶ ĐỒNG
↑ 42,7%
so với năm 2024

DOANH THU NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI
CHỨNG KHOÁN
180,8
TỶ ĐỒNG
↑ 71,8% so với năm 2024

DOANH THU TỪ LÃI CHO VAY GIAO DỊCH KÝ
QUỸ VÀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN
434,2
TỶ ĐỒNG
↑ 35,8% so với năm 2024

LNTT
714,7
TỶ ĐỒNG
↑ 148,7%
so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường các mảng hoạt động và ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực:

- TTS đạt 12.411 tỷ đồng, tăng 42,7% so với 31/12/2024.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 đạt gần 2.099 tỷ đồng, tăng 102% so với năm 2024. Trong đó, hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty được đẩy mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt 180,8 tỷ đồng, tăng 71,8% so với năm 2024 và doanh thu từ lãi cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 434,2 tỷ đồng, tăng 35,8% so với cùng kỳ.
- LNTT năm 2025 của Công ty đạt 714,7 tỷ đồng, tăng mạnh 148,7% so với năm 2024, trong đó, lợi nhuận đã thực hiện đạt 768,6 tỷ đồng, tăng 154,7% so với năm 2024. Tỷ lệ ROE đạt 22,6%, tăng 109,9% so với năm 2024.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng HKKD cốt lõi phù hợp với xu hướng và nhận định thị trường như sau:

- Tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán, tăng trưởng thị phần và dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ.
- Tìm kiếm, tận dụng cơ hội thị trường để đầu tư và chốt lời hiệu quả trên cơ sở QTRR chặt chẽ danh mục tự doanh.
- Gia tăng năng lực tài chính, mở rộng các hạn mức đầu tư kinh doanh và cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.
- Tiếp tục duy trì, tối ưu hóa hiệu quả quản trị điều hành, QLRR, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty, đẩy mạnh công tác CDS trong quá trình hoạt động.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBank Leasing
TSC	16 Phan Đình Phùng, phường Ba Đình, TP. Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0243 8233 045 / Fax: 0243 7333 579
Quyết định thành lập	Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 ngày 26/01/1998 của NHNN.
Lĩnh vực hoạt động	Cho thuê tài chính
VĐL (ngày 31/12/2025)	1.000 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

TTS
7.347,8
TỶ ĐỒNG
↑ **21,8%**
so với năm 2024

LNTT
125,1
TỶ ĐỒNG
↑ **430%**
so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính bao gồm: Cho thuê tài chính, cho vay bổ sung vốn lưu động, cho thuê vận hành và các hình thức cấp tín dụng khác khi được NHNN chấp thuận đối với các doanh nghiệp, cá nhân, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Năm 2025, sau giai đoạn nhiều thách thức từ bối cảnh kinh tế chung, Công ty đã ổn định hoạt động và ghi nhận sự phục hồi rõ nét. Kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực so với năm trước, các chỉ tiêu hiệu quả được cải thiện, trong khi chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Công tác QTRR và tối ưu chi phí được đẩy mạnh, tạo nền tảng vững chắc cho đà tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

- TTS của VietinBank Leasing đạt 7.347,8 tỷ đồng, tăng 21,8% so với ngày 31/12/2024.
- Tổng thu nhập đạt 539,3 tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2024. Tổng chi phí là 414,2 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2024.
- LNTT năm 2025 của Công ty là 125,1 tỷ đồng tăng 430% so với năm 2024.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Công ty duy trì mục tiêu nâng cao hiệu quả và an toàn hoạt động, tăng tính tự chủ về tài chính qua việc từng bước đa dạng hóa nguồn vốn. Đồng thời, Công ty nghiên cứu triển khai các thủ tục đề nghị NHNN chấp thuận mở rộng, bổ sung một số nghiệp vụ kinh doanh nhằm đa dạng hóa các SPDV.

	Công ty TNHH Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBank Gold & Jewellery
TSC	Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0243 9388 679
Giấy phép hoạt động	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105011873, đăng ký lần đầu ngày 25/11/2010 của Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội; thay đổi lần 12 ngày 02/04/2025.
Lĩnh vực hoạt động	Kinh doanh, sản xuất gia công chế tác vàng, bạc, đá quý
VĐL (ngày 31/12/2025)	200 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

TỔNG THU NHẬP
75
TỶ ĐỒNG
↑ **18,7%** so với năm 2024

LỢI NHUẬN GỘP VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
52,6
TỶ ĐỒNG
↑ **44,2%** so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc và các kim loại quý khác.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan, cụ thể:

- TTS đạt gần 361 tỷ đồng tăng 150,2 tỷ đồng, tương ứng 71,2% so với ngày 31/12/2024.
- Tổng thu nhập đạt gần 75 tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2024.
- Tổng chi phí là 64,8 tỷ đồng, tăng 40,2% so với năm 2024.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 52,6 tỷ đồng, tăng 44,2% so với năm 2024.
- LNTT năm 2025 là 52,6 tỷ đồng, tăng 34,9 tỷ đồng so với năm 2024.

Trong năm 2025 Công ty chú trọng vào việc phát triển sản phẩm quà tặng và tặng phẩm vàng thiết kế riêng (bespoke), sản phẩm cao cấp dành cho công ty/doanh nghiệp/cá nhân tạo dấu ấn riêng, sử dụng trong dịp lễ, kỉ niệm lớn: Quà tặng linh vật, tặng phẩm Vàng, logo (Tập đoàn VNPT, Yến sào Khánh hòa, AHT), charm vàng 24K (12 con giáp).

Công ty đã triển khai HDKD bán hàng theo đơn đặt hàng của các NGT am hiểu thị trường.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Công ty dự kiến triển khai đồng bộ nhiều giải pháp kinh doanh bao gồm:

- Đẩy mạnh bán các sản phẩm trên digiGOLD, kết nối đối tác (Mobile Banking, apps Tài chính) và trên kênh số (thương mại điện tử).
- Đa dạng hóa các dòng sản phẩm quà tặng, quà tặng vàng, vàng tích lũy (trọng lượng nhỏ), tặng phẩm vàng, vàng phong thủy, trang sức giới trẻ, đá quý, bạc tích lũy (10 lượng, 1kg, 3 kg) thương hiệu VietinBank Gold & Jewellery.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên kênh số để tăng doanh số bán hàng qua kênh online.
- Phát triển mạng lưới khách hàng: Tập trung khai thác KHDN có lễ kỷ niệm lớn bao gồm các tập đoàn, tổng công ty và các TCTD (sản phẩm quà tặng và tặng phẩm vàng thiết kế riêng - bespoke).
- Thúc đẩy công tác bán chéo trong hệ thống VietinBank.
- Chú trọng nâng cấp hệ thống quản lý và quản trị doanh nghiệp (ERP), phát triển các sản phẩm mang thương hiệu VGJ. Hoàn thiện nâng cấp các kênh bán hàng số (digiGOLD, thương mại điện tử), mở rộng kết nối đối tác tăng doanh thu, lợi nhuận.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

VietinBank AMC	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBank AMC
TSC	46A Tầng Bạt Hổ, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0247 3026 168 / Fax: 0283 9203 982
Giấy phép hoạt động	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302077030 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp ngày 20/07/2010, thay đổi lần 7 ngày 07/01/2025.
Lĩnh vực hoạt động	Định giá và xử lý nợ
VĐL (ngày 31/12/2025)	120 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

TTS
366,6
TỶ ĐỒNG
↑ 39%
so với năm 2024

TỔNG THU NHẬP
238,7
TỶ ĐỒNG
↑ 29%
so với năm 2024

LNTT
95,6
TỶ ĐỒNG
↑ 41%
so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tiếp nhận tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, định giá tài sản bảo đảm, xử lý nợ.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Là đơn vị độc lập trực thuộc VietinBank với nhiệm vụ chính là hỗ trợ cho các CN VietinBank trong công tác định giá tài sản bảo đảm, góp phần tích cực vào công tác QTRR trong hệ thống VietinBank. Do đó, hiệu quả hoạt động của Công ty thể hiện ở kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống.

- TTS đạt 366,6 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2024.
- Tổng thu nhập đạt 238,7 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2024. Trong đó mảng định giá tài sản có doanh thu đạt 176,7 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2024.
- LNTT đạt 95,6 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2024.

Ngoài ra, đối với hoạt động xử lý nợ, năm 2025, Công ty đã thực hiện thu hồi nợ đạt gần 1.224 tỷ đồng, trong đó hơn 1.192 tỷ đồng thu từ nợ XLRR và 31,6 tỷ đồng từ nợ xấu.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026

Năm 2026, Công ty dự kiến thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp bao gồm:

- Về mô hình tổ chức: Công ty thực hiện **(i)** Mở rộng địa bàn, cụm điểm, thành lập CN Đà Nẵng.
- Về quản trị điều hành: **(ii)** Chuyển đổi tư duy hoạt động theo hướng chủ động, hướng tới khách hàng; **(iii)** CDS, số hóa hoạt động; **(iii)** Cải cách mạnh mẽ cơ chế tiền lương và tăng cường chất lượng nhân sự, CLDV; **(iv)** Tăng cường QLRR.
- Về nâng cao hiệu quả kinh doanh: **(i)** Kiểm soát chi phí, tăng tiềm lực tài chính; **(ii)** Nâng cao năng lực định giá; **(iii)** Đột phá năng cao hoạt động xử lý nợ; **(iv)** Thúc đẩy mảng kinh doanh mới.

VietinBank MONEY TRANSFER	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tên viết tắt	VietinBank Global Money Transfer
TSC	126 Đội Cấn, phường Ba Đình, TP. Hà Nội
Liên hệ	Điện thoại: 0243 9428 690 / 0243 9428 691 Fax: 0243 9428 693
Giấy phép hoạt động	- Quyết định số 2187/QĐ-NHNN ngày 06/10/2011 của NHNN; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105757686 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/02/2025
Lĩnh vực hoạt động	Trung gian tiền tệ
VĐL (ngày 31/12/2025)	50 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Năm 2025, trong bối cảnh cạnh tranh chuyển tiền kiều hối diễn ra mạnh mẽ giữa các công ty/ngân hàng, Công ty đã tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cấp hệ thống chuyển tiền kiều hối 24/7, nâng cao CLDV; tích cực tìm kiếm và phát triển khách hàng, ký hợp đồng hợp tác với các đối tác chuyển tiền mới. Kết quả hoạt động trong năm 2025 như sau:

- TTS đến cuối năm 2025 đạt 588 tỷ đồng.
- Tổng thu nhập năm 2025 đạt gần 57,9 tỷ đồng.
- LNTT năm 2025 đạt 22,8 tỷ đồng.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ kiều hối theo hướng tăng cường tự động hóa, tối ưu hóa vận hành, kiểm soát chặt chẽ rủi ro và triển khai các giải pháp phát triển kinh doanh, bao gồm:

- Mở rộng thị trường, củng cố hợp tác với các đối tác trên phạm vi toàn cầu.
- Nâng cấp và phát triển sản phẩm mới, cải tiến, nâng cao CLDV.
- Tăng cường hoạt động quảng bá, giới thiệu SPDV chuyển tiền tới các khách hàng tiềm năng.
- Đẩy mạnh bán chéo sản phẩm trong hệ sinh thái nhằm tăng trưởng doanh số kiều hối và các SPDV ngân hàng đi kèm.



2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào
Tên viết tắt	VietinBank Laos
TSC	268 Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
Liên hệ	Điện thoại: (+856) 2126 3997 / Fax: (+856) 2126 1026
Giấy phép hoạt động	- Giấy phép thành lập ngân hàng số 37/NHCHDCNDL ngày 30/08/2024 của NHTW CHDCND Lào; - Giấy ĐKKD số 3262/ĐKDN ngày 29/08/2024 của Bộ Công thương Lào.
Lĩnh vực hoạt động	Dịch vụ tài chính - ngân hàng
VĐL (ngày 31/12/2025)	62 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	100%

TỶ LỆ NỢ XẤU

0,35%

TTS

9.013,7

TỶ ĐỒNG

↑ 32,2%

so với năm 2024

LNTT

150,9

TỶ ĐỒNG

↑ 28,5%

so với năm 2024

VietinBank Lào được thành lập từ tháng 3/2012 dưới hình thức CN trực thuộc TSC VietinBank. Đến tháng 8/2015, CN Lào được nâng cấp lên ngân hàng con, tạo cơ hội mở rộng quy mô tại các tỉnh thành, cung ứng các SPDV tiện ích, đa năng tới khách hàng, thúc đẩy quá trình tăng trưởng mạnh mẽ tại Lào. Hiện nay, VietinBank Lào đang nằm trong Top 10 các NHTM tại Lào và đứng đầu trong các NHTM Việt Nam đầu tư 100% vốn tại Lào về quy mô và hiệu quả HĐKD.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Năm 2025, VietinBank Lào đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch được HĐQT VietinBank giao. Đặc biệt, VietinBank Lào đã được NHTW Lào tin tưởng và giao nhiệm vụ phát triển hệ thống và là ngân hàng quyết toán cho dịch vụ thanh toán qua mã QR Lào - Việt. Đây là kết quả nỗ lực của 2 nước nhằm thúc đẩy du lịch và góp phần phát triển kinh tế - xã hội giữa 2 quốc gia láng giềng thân cận. Các chỉ tiêu hiệu quả HĐKD cụ thể như sau:

- TTS của VietinBank Lào năm 2025 đạt gần 342,8 triệu USD (~ 9.013,7 tỷ đồng), tăng 32,2% so với năm 2024.
- Tổng huy động vốn đạt 262,3 triệu USD (~ 6.898 tỷ đồng), tăng 31,8% so với cuối năm 2024.
- Tổng dư nợ cho vay trước dự phòng rủi ro đạt gần 249,4 triệu USD (~ 6.557,7 tỷ đồng), tăng 22,6% so với cuối năm 2024.
- LNTT lũy kế đến ngày 31/12/2025 đạt 5,7 triệu USD (~ 150,9 tỷ đồng), tăng 28,5% so với năm 2024.
- Tỷ lệ nợ xấu là 0,35% (thấp hơn theo quy định của NHTW Lào là 3%) trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 470%.
- Các chỉ số tài chính ROA: 1,90%, ROE 12,74% cải thiện so với năm 2024 (2024 ROA: 1,84%, ROE 10,52%).

(Tỷ giá quy đổi USD/VND: 26.295)

(Theo BCTC tự lập của VietinBank Lào)

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, VietinBank Lào kiên định với chiến lược phát triển theo chiều sâu, tập trung mở rộng quy mô tại phân khúc SME và bán lẻ, đồng thời từng bước khẳng định vị thế là ngân hàng giao dịch chính của các doanh nghiệp lớn. HĐKD đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, bám sát chủ trương của NHTW Lào và định hướng chiến lược của VietinBank, cụ thể **(i)** Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; **(ii)** Gia tăng thị phần; **(iii)** Cơ cấu lại danh mục tín dụng; **(iv)** CDS và quản trị.

	Ngân hàng Liên doanh Indovina
Tên viết tắt	IVB
TSC	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. HCM
Liên hệ	Điện thoại: 0283 9421 042 / Fax: 0283 9421 043
Giấy phép hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động NHLD số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019 (thay thế Giấy phép hoạt động NHLD số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992) Quyết định số 1583/QĐ-QLGS3 ngày 15/07/2025 do Cục Trưởng Cục Quản lý, Giám sát TCTD NHNN v.v sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh số 101/GP-NHNN.
Lĩnh vực hoạt động	Ngân hàng
VĐL (ngày 31/12/2025)	252 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu của VietinBank	50%

TTS

128.765

TỶ ĐỒNG

↑ 17,1%

so với năm 2024

DƯ NỢ CHO VAY

48.338

TỶ ĐỒNG

↑ 20,6%

so với năm 2024

LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HĐKD

TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RRTD

1.260

TỶ ĐỒNG

↑ 10,4% so với năm 2024

Ngành nghề kinh doanh:

Huy động vốn và cho vay, giao dịch ngoại hối, dịch vụ thương mại quốc tế, cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và các dịch vụ ngân hàng khác được chấp thuận bởi NHNN.

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025:¹

- TTS của IVB tại ngày 31/12/2025 đạt 128,8 nghìn tỷ đồng (~ 4,9 tỷ USD), tăng 17,1% so với năm 2024. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 48,3 nghìn tỷ đồng (~1,8 tỷ USD) (~48,3 nghìn tỷ đồng), tăng 20,6% so với năm 2024, chiếm 37,5% TTS.
- Tổng thu nhập của IVB năm 2025 đạt 1.941 tỷ đồng (~74,6 triệu USD), tăng 5,6% so với năm 2024. Trong đó: thu nhập lãi thuần đạt 1.508 tỷ đồng (~57,9 triệu USD), thu thuần từ hoạt động dịch vụ đạt gần 53,5 tỷ đồng (~2,1 triệu USD). Tổng chi phí hoạt động năm 2025 là 681,2 tỷ đồng (~ 26,2 triệu USD), giảm 5,7% so với năm 2024.
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD đạt 1.260,4 tỷ đồng (~ 48,4 triệu USD), tăng 10,4% so với năm 2024.
- Trong năm 2025, IVB đã thu hồi được hơn 530 tỷ đồng nợ xấu, đưa tỷ lệ nợ xấu toàn hàng giảm còn 2,86%.
- LNTT năm 2025 đạt 934,2 tỷ đồng (~ 36 triệu USD) giảm 0,4% so với năm 2024.

Mục tiêu, định hướng kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Ngân hàng dự kiến triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm:

- Phát triển HĐKD bền vững và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu theo quy định của NHNN.
- Tăng cường công tác QLRR và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và thu hồi nợ xấu, nợ XLRR trong đó tỷ lệ nợ xấu < 3%.
- Cải tiến hệ thống, hướng tới gia tăng trải nghiệm khách hàng.
- Rà soát kiện toàn chất lượng nhân sự.

¹Lưu ý:

+ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay ("tỷ giá giao ngay") tại ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm (ngày 31/12/2025).

+ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3 - TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025



ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU HỢP NHẤT	2025	2024	% TĂNG/GIẢM
TTS	2.767.699	2.385.388	16,0%
Nguồn vốn huy động	1.967.762	1.757.995	11,9%
Dư nợ tín dụng	1.994.686	1.725.877	15,6%
LNTT	43.444	31.764	36,8%
LNST	34.871	25.483	36,8%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2025	2024
1. Quy mô tài sản và nguồn vốn		
TTS	2.767.699	2.385.388
VĐL	77.669	53.700
VCSH	179.641	148.505
2. Hiệu quả hoạt động		
Thu nhập lãi thuần (gồm thu phí bảo lãnh)	66.453	62.403
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6.324	6.696
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD	60.742	59.363
LNTT	43.444	31.764
LNST	34.871	25.483
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) Không gồm thu phí bảo lãnh	2,6%	2,9%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR)	30,4%	27,5%
ROE	21,3%	18,6%
ROA	1,7%	1,4%
3. Tỷ lệ nợ nhóm 2 và nợ xấu		
Tỷ lệ nợ nhóm 2/tổng dư nợ tín dụng	0,87%	1,35%
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ tín dụng	1,1%	1,22%
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ tín dụng theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN (*)	1%	1,09%
4. Tỷ lệ về an toàn thanh khoản và an toàn vốn		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	17,6%	15,9%
Tổng dư nợ cho vay/nguồn vốn huy động (LDR)	82,9%	83,1%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	25,9%	22,2%
CAR	Tuần thủ	Tuần thủ

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024 và 2025 của VietinBank)

Ghi chú:

(*) Số liệu về tỷ lệ nợ xấu tính toán theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của NHNN, trên cơ sở số liệu riêng lẻ.

4 - CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CỔ PHẦN

* Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCP.NV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). **Số cổ phiếu trong các bảng dưới đây được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).**

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

7.766.944.637

CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

7.766.944.637

CỔ PHIẾU

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DỰ TRỮ, CỔ PHIẾU QUỸ THEO TỪNG LOẠI

0

CỔ PHIẾU

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

30%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỞ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG (tại thời điểm 15/1/2026)

VietinBank có 8 người đại diện phần vốn Nhà nước gồm ông Trần Minh Bình - 25%; ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - 15%; ông Trần Văn Tấn - 10%; ông Lê Thanh Tùng - 10%; ông Nguyễn Thế Huân - 10%; bà Phạm Thị Thanh Hoài - 10%; ông Nguyễn Văn Anh - 10%; ông Nguyễn Việt Dũng - 10%.

STT	TÊN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	SỐ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN/ĐKKD/ MÃ SỐ GIAO DỊCH	TỔNG SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
Cổ đông Nhà nước (NHNN là cơ quan đại diện chủ sở hữu)			5.006.850.325	64,46%	5.006.850.325
Trong đó:					
1	- Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 25% vốn Nhà nước		1.251.712.584	16,12%	1.251.712.584
	- Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung, TV HĐQT kiêm TGD, đại diện 15% vốn Nhà nước		751.027.549	9,67%	751.027.549
	- Ông Trần Văn Tấn, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước		500.685.032	6,45%	500.685.032
	- Ông Lê Thanh Tùng, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	15/SL	500.685.032	6,45%	500.685.032
	- Bà Phạm Thị Thanh Hoài, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước		500.685.032	6,45%	500.685.032
	- Ông Nguyễn Thế Huân, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước		500.685.032	6,45%	500.685.032
	- Ông Nguyễn Văn Anh, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước		500.685.032	6,45%	500.685.032
	- Ông Nguyễn Việt Dũng, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước		500.685.032	6,45%	500.685.032
Cổ đông nội bộ			134.697	0,0017%	14.057
2	- HĐQT		5.208	0,000067%	5.208
	- BKS		8.849	0,000114%	8.849
	- BDH (không tính TV HĐQT kiêm TGD Nguyễn Trần Mạnh Trung)		120.640	0,001553%	0
3	Công đoàn VietinBank	310/ToC-CĐNH	89.145.089	1,15%	0
Cổ đông chiến lược					
4	MUFG Bank	0100-01-008846	1.532.391.718	19,73%	0



1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại thời điểm 15/1/2026)

STT	CỔ ĐÔNG (THEO LOẠI HÌNH CỔ ĐÔNG LỚN/CỔ ĐÔNG NHỎ)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% VDL trở lên)	6.539.242.043	84,19%
1.1	Cổ đông Nhà nước (NHNN là cơ quan đại diện chủ sở hữu)	5.006.850.325	64,46%
1.2	MUFG Bank	1.532.391.718	19,73%
2	Cổ đông nhỏ	1.227.702.594	15,81%
	TỔNG CỘNG	7.766.944.637	100%

STT	CỔ ĐÔNG (THEO LOẠI HÌNH TỔ CHỨC/CÁ NHÂN)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Cổ đông tổ chức	7.360.079.396	94,76%
	Trong đó:		
	- Cổ đông Nhà nước (NHNN là cơ quan đại diện chủ sở hữu)	5.006.850.325	64,46%
	- Cổ đông tổ chức khác	2.353.229.071	30,30%
2	Cổ đông cá nhân	406.865.241	5,24%
	TỔNG CỘNG	7.766.944.637	100%

STT	CỔ ĐÔNG (THEO LOẠI HÌNH TRONG NƯỚC/NƯỚC NGOÀI)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
	Cổ đông Nhà nước (NHNN là cơ quan đại diện chủ sở hữu)	5.006.850.325	64,46%
	Trong đó:		
	- Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 25% vốn Nhà nước	1.251.712.584	16,12%
	- Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung, TV HĐQT kiêm TGD, đại diện 15% vốn Nhà nước	751.027.549	9,67%
1	- Ông Trần Văn Tấn, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
	- Ông Lê Thanh Tùng, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
	- Bà Phạm Thị Thanh Hoài, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
	- Ông Nguyễn Thế Huân, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
	- Ông Nguyễn Văn Anh, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
	- Ông Nguyễn Việt Dũng, TV HĐQT, đại diện 10% vốn Nhà nước	500.685.032	6,45%
2	Công đoàn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	89.145.089	1,15%
3	Cổ đông khác	2.670.949.223	34,39%
3.1	Cổ đông trong nước	675.270.805	8,69%
	- Tổ chức trong nước	271.654.148	3,50%
	- Cá nhân trong nước	403.616.657	5,20%
3.2	Cổ đông nước ngoài	1.995.678.418	25,69%
	- Tổ chức nước ngoài	1.992.429.834	25,65%
	- Cá nhân nước ngoài	3.248.584	0,04%
	TỔNG CỘNG	7.766.944.637	100%

4 - CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Trong năm 2025, sau khi thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016, VDL của VietinBank tăng lên gần **77.670 tỷ đồng**.

Lịch sử các lần tăng vốn của VietinBank liệt kê trong bảng dưới đây:

STT	NỘI DUNG PHÁT HÀNH	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH (CỔ PHIẾU)	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY KẾT THÚC ĐỢT PHÁT HÀNH	VDL SAU KHI PHÁT HÀNH (ĐỒNG)
1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016	44,63658403	2.396.952.889	17/12/2025	18/12/2025	77.669.446.370.000
2	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu	11,7415	564.241.139	30/11/2023	1/12/2023	53.699.917.480.000
3	Trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 bằng cổ phiếu	29,07	1.082.346.053	7/7/2021	21/7/2021	48.057.506.090.000
4	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2013	14,00	457.260.208	6/9/2013	14/10/2013	37.234.045.560.000
5	Phát hành chào bán cổ phần riêng lẻ cho BTMU (nay là MUFG Bank)	19,73	644.389.811	14/5/2013	14/5/2013	32.661.443.480.000
6	Trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu từ nguồn thặng dư	29,60	598.782.376	30/3/2012	9/4/2012	26.217.545.370.000
7	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2011	20,00	337.162.027	29/11/2011	28/12/2011	20.229.721.610.000
8	Phát hành chào bán cổ phần riêng lẻ cho IFC	10,00	168.581.013	10/3/2011	10/3/2011	16.858.101.340.000
9	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2010	28,00	315.083.238	6/9/2010	18/10/2010	15.172.291.210.000
	Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	6,83	76.848.603			

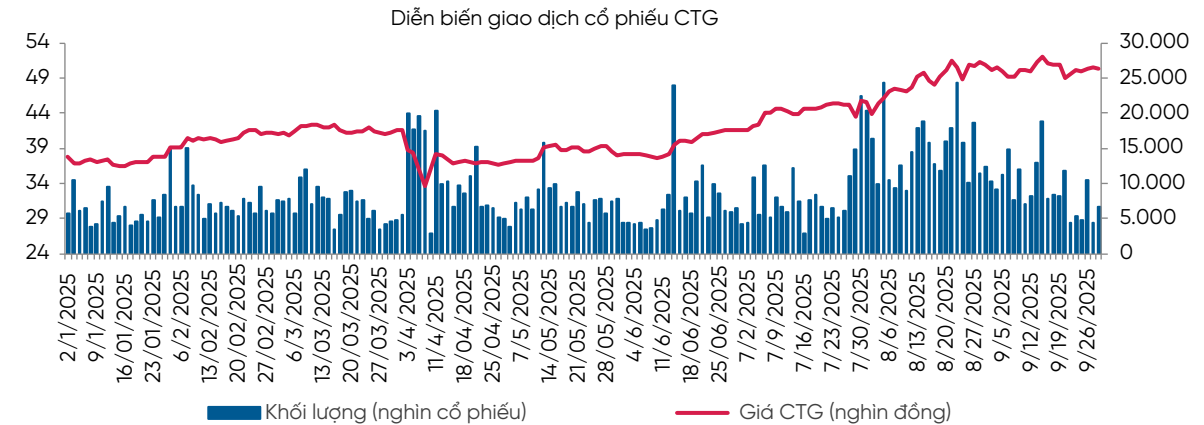
LỊCH SỬ TRẢ CỔ TÚC BẰNG TIỀN MẶT

NĂM	TỶ LỆ (%)	HÌNH THỨC TRẢ	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN
2024	4,50	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/10/2025	17/11/2025
2020	8,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	14/12/2021	17/1/2022
2019	5,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17/12/2020	21/1/2021
2016	7,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	27/9/2017	17/10/2017
2015	7,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	16/1/2017	16/2/2017
2014	10,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	23/6/2015	17/7/2015
2013	10,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	21/5/2014	6/6/2014
2012	16,00	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6/9/2013	24/9/2013
2010	13,47	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt	14/1/2011	16/2/2011

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUÝ

Năm 2025 không phát sinh giao dịch (toàn bộ cổ phiếu của VietinBank đều là cổ phiếu phổ thông).

DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU TRONG NĂM



CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Giá phiên giao dịch đầu năm 2025 sau điều chỉnh (ngày 2/1/2025)	26.130 đồng/cổ phiếu
Giá phiên giao dịch cuối quý IV/2025 (ngày 31/12/2025)	35.750 đồng/cổ phiếu
Biến động giá trong năm 2025	+9.620 đồng (+36,82%)
Khối lượng giao dịch trong năm 2025	2.231.240.156 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch của NĐT nước ngoài trong năm 2025	Bán ròng 74.597.893 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu của NĐT nước ngoài (ngày 31/12/2025)	25,65%
EPS lũy kế	4.454 đồng/cổ phiếu
P/E	8,03x
BVPS (ngày 31/12/2025)	23.129 đồng/cổ phiếu
P/B (ngày 31/12/2025)	1,55x





16.350

TỶ ĐỒNG

KHỐI LƯỢNG TRÁI PHIẾU
PHÁT HÀNH NĂM 2025

8.000

TỶ ĐỒNG

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA
CÔNG CHÚNG

8.350

TỶ ĐỒNG

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH
RIÊNG LẺ

Năm 2025, VietinBank huy động thành công 16.350 tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 qua hai kênh phát hành trái phiếu ra công chúng (8.000 tỷ đồng) và phát hành trái phiếu riêng lẻ (8.350 tỷ đồng). Trái phiếu phát hành là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành. Trái phiếu có kỳ hạn từ 8 - 15 năm, lãi suất thả nổi (bằng lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 NHTM là VietinBank, Vietcombank, BIDV, Agribank cộng biên độ) hoặc lãi suất cố định. Mục đích chính của các đợt phát hành trái phiếu là bổ sung nguồn vốn cấp 2, tăng quy mô vốn cấp 2 và thực hiện cho vay nền kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng cũng như các yêu cầu an toàn hoạt động theo chuẩn Basel II. Việc phát hành thành công trái phiếu với khối lượng lớn là điểm sáng trên thị trường, thể hiện niềm tin của các NGT vào thương hiệu VietinBank, khẳng định uy tín và vị thế của VietinBank trên thị trường tài chính.

Đồng thời, VietinBank thực hiện niêm yết 8.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng năm 2025 và đăng ký giao dịch toàn bộ 8.350 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo đúng quy định pháp luật, giúp tăng tính minh bạch và thanh khoản cho trái phiếu.

VietinBank luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ đối với NGT. Kênh huy động vốn từ trái phiếu giúp bổ sung nguồn lực quan trọng cho VietinBank để thực hiện mục tiêu cung ứng vốn cho nền kinh tế, góp phần triển khai các định hướng, chỉ đạo điều hành của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua.

PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 1 TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI, KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 2 KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2025
- 3 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026
- 4 GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- 5 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



03

1 - TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI, KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

DIỄN BIẾN KINH TẾ THẾ GIỚI, VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2025

Kinh tế thế giới

Năm 2025 tiếp tục là một năm thử thách với toàn thế giới khi chứng kiến nhiều biến động địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đi kèm với các tác động sâu rộng từ biến đổi khí hậu và công nghệ. Nhu cầu thế giới về hàng hóa đang có xu hướng chậm lại dưới tác động của lạm phát và sự bất ổn về thuế quan, trong khi đó tình hình địa chính trị tiếp tục bất ổn kéo dài và biến động giá các loại tài sản (vàng, bạc...) có dấu hiệu tăng mạnh. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới trong năm 2025 ước đạt 3,2%. Với sự hỗ trợ từ lập trường chính sách tiền tệ của các NHTW, lạm phát toàn phần được kiểm soát, hiện đã lùi về sát mức mục tiêu ở hầu hết nền kinh tế tiên tiến và các nền kinh tế mới nổi. Thị trường việc làm tại các nền kinh tế lớn bắt đầu có dấu hiệu hồi phục nhưng chưa bền vững; xu hướng dịch chuyển sang các nguồn năng lượng tái tạo, sản lượng xe điện ở mức cao, khiến giá dầu nhìn chung giảm và tương đối ổn định theo xu hướng đi xuống.

Kinh tế Việt Nam

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà phục hồi, là điểm sáng về tăng trưởng và thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng cao trên thế giới. Nhờ những giải pháp đồng bộ từ Chính phủ và các cơ quan, ban, ngành, kinh tế Việt Nam đã có những dấu ấn nổi bật trong năm 2025 như: Triển khai Cuộc cách mạng tinh giản tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và điều chỉnh địa giới hành chính, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, xuất nhập khẩu tăng trưởng tốt¹.

Trong năm 2025, động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế là hoạt động xuất nhập khẩu nhờ việc tận dụng cơ hội từ các thỏa thuận thương mại quốc tế nhằm tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm hàng rào thuế quan. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục khả quan, vốn FDI thực hiện đạt mức cao kỷ lục trong bối cảnh thương mại, đầu tư toàn cầu bị thu hẹp, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các NĐT nước ngoài. Bên cạnh đó, đầu tư công tiếp tục là trụ cột tăng trưởng nền kinh tế với chính sách tài khóa mở rộng, quyết liệt loại bỏ các rào cản đối với việc thực hiện hiệu quả đầu tư công và giải quyết các điểm nghẽn cơ sở hạ tầng, từ đó hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Tiêu dùng trong nước mặc dù tăng trưởng chậm lại nhưng du lịch là điểm sáng trong năm 2025 với số lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng 21,5% so với năm trước, đạt 21,2 triệu lượt². Các kết quả cụ thể như sau:

→ Kinh tế vĩ mô ổn định, giữ vững đà tăng trưởng

Năm 2025, vượt qua những biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02%, vượt mục tiêu đề ra, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 3,31%, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra (4,5 - 5%). Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp hỗ trợ tăng trưởng.

→ Xuất nhập khẩu tăng trưởng tích cực

Xuất nhập khẩu duy trì mức tăng trưởng tích cực, đóng vai trò động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Theo đó, tính chung cả năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm 2024; trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 19,2%. Bên cạnh ngành hàng xuất khẩu chủ lực là công nghệ gồm điện thoại, linh kiện điện tử (đạt 59,1 tỷ USD), ngành hàng dệt may tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với kim ngạch đạt 46 tỷ USD.

→ Đầu tư công tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế

Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách tài khóa mở rộng bằng cách tăng cường giải ngân vốn đầu tư công. Đặc biệt, đầu tư công được cơ cấu lại theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án có tính lan tỏa cao, tạo động lực phát triển, liên kết vùng. Giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt 858.621,8 tỷ đồng, tương đương 94,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn 3,4% so với cùng kỳ.

→ Vốn FDI thực hiện đạt kỷ lục

Vốn FDI thực hiện đạt mức kỷ lục 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với 2024, chủ yếu trong lĩnh vực chế biến chế tạo (chiếm 82,8%). Vốn FDI đăng ký đạt 38,42 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ. Trong đó, số dự án đăng ký mới đạt 4.054 dự án, tăng 20,1% so với năm 2024, chủ yếu là Ngành chế biến chế tạo (chiếm 56,5% tổng vốn) và bất động sản (chiếm 21,2% tổng vốn). Vốn đăng ký điều chỉnh đến từ 1.404 lượt dự án hiện hữu đạt 14,07 tỷ USD, tăng 0,8% so với năm trước. Có thể thấy, các dự án FDI hiện hữu tiếp tục được triển khai và mở rộng quy mô, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Dấu ấn kinh tế Việt Nam năm 2025

GDP

↑ 8,02%

so với năm 2024

XUẤT KHẨU

↑ 17%

so với năm 2024

NHẬP KHẨU

↑ 19,2%

so với năm 2024

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CPI

↑ 3,31%

so với năm 2024

TỶ GIÁ USD/VND
bình quân liên ngân hàng

25.990

GIẢI NGÂN VỐN FDI

27,62 tỷ USD

¹ Nghị quyết hội nghị Chính Phủ với địa phương và phiên họp thường kỳ chính phủ tháng 12/2025

² Theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2025

1 - TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI, KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

Ngành Ngân hàng Việt Nam

Ngay từ đầu năm 2025, NHNN đã chủ động triển khai các giải pháp tăng trưởng tín dụng và ổn định kinh tế, tiếp tục đảm bảo sự ổn định, an toàn của hệ thống các TCTD đồng thời giữ vững quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Tín dụng tăng trưởng cả năm khoảng 19%, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như sản xuất, kinh doanh, nông nghiệp, xuất khẩu, DNNVV và công nghiệp phụ trợ.

Trong năm 2025, NHNN đã triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ. Cụ thể:

- **NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành** trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp, có điều kiện hỗ trợ nền kinh tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm LSCV, thực hiện báo cáo và công bố công khai mức LSCV bình quân, chênh lệch lãi suất huy động và LSCV bình quân trên trang thông tin điện tử.
- **Đảm bảo an ninh, an toàn tiền tệ, điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài; đồng thời, phối hợp đồng bộ giữa các công cụ chính sách tiền tệ.** Dù trong năm đã có lúc tỷ giá tăng hơn 5%, đến thời điểm cuối năm, tỷ giá USD/VND tăng khoảng hơn 3,8%, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và NĐT.
- **Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hoạt động ngân hàng** thông qua việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Luật số 96/2025/QH15), có hiệu lực từ 15/10/2025. Đây là dấu mốc pháp lý quan trọng nhất của Ngành Ngân hàng trong năm qua bổ sung và làm rõ quyền thu giữ tài sản bảo đảm của các TCTD, đồng thời hoàn thiện cơ chế can thiệp sớm và xử lý ngân hàng yếu kém, cho thấy tư duy quản lý đã chuyển từ “xử lý khi khủng hoảng xảy ra” sang “phòng ngừa rủi ro từ sớm”.
- **Cải cách toàn diện thị trường vàng** thông qua việc ban hành Nghị định số 232/2025/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý HĐKD vàng đánh dấu bước thay đổi căn bản trong quản lý thị trường vàng tại Việt Nam sau hơn một thập kỷ thực hiện khung pháp lý cũ, qua đó góp phần tăng tính minh bạch, kiểm soát rủi ro và ngăn chặn xuất nhập khẩu vàng trái phép; từng bước đưa thị trường vàng vận hành hiệu quả và ổn định hơn.
- **Đẩy mạnh CDS, thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đi cùng với các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng.** Tính đến tháng 12/2025, đã có 122/149 tổ chức kết nối với hệ thống giám sát tại NHNN, với tổng số 596 nghìn bản ghi tài khoản thanh toán và ví điện tử có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật. Hệ thống đã hỗ trợ cảnh báo hơn 2,26 triệu lượt khách hàng, trong đó trên 700 nghìn lượt khách hàng đã tạm dừng hoặc hủy bỏ giao dịch sau khi nhận cảnh báo, với tổng trị giá giao dịch tương ứng hơn 2,78 nghìn tỷ đồng.

TRIỂN VỌNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2026

Triển vọng kinh tế thế giới trong năm 2026

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 được dự báo suy giảm tăng trưởng xuống mức 2,9% theo dự báo của OECD. Các rủi ro cản trở đà tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn đang hiện hữu, đặc biệt là: **(i)** Căng thẳng địa chính trị và nguy cơ xung đột tại một số khu vực trên thế giới vẫn tiếp tục leo thang và diễn biến phức tạp, có dấu hiệu lan rộng; **(ii)** Cạnh tranh gay gắt trên các mặt trận của hai cực kinh tế Mỹ - Trung Quốc tiếp tục căng thẳng, chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khiến chiến tranh thương mại và sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ ngày càng lớn.

Trong năm 2026, các NHTW trên thế giới được dự báo sẽ duy trì nới lỏng chính sách tiền tệ do lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt. Tuy nhiên, tốc độ và mức độ cắt giảm lãi suất sẽ phụ thuộc vào tình hình của từng nền kinh tế, và đặc biệt là những diễn biến chính trị tại Mỹ.



1 - TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI, KINH TẾ VIỆT NAM VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

Triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2026

Năm 2026, trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn nhiều diễn biến khó lường, Việt Nam dự báo tăng trưởng tích cực chủ yếu nhờ động lực đến từ đầu tư công, đầu tư tư nhân cải thiện, tiêu dùng nội địa phục hồi, cùng với xuất khẩu và FDI tiếp tục mở rộng hoạt động để Việt Nam tận dụng các lợi thế thương mại.

- **Đầu tư công** được Thủ tướng chính phủ giao kế hoạch là 995.348,05 tỷ đồng, cao hơn 93 nghìn tỷ đồng (~ 10,3%) so với kế hoạch 2025. Áp lực giải ngân đầu tư công ngay từ đầu năm với mục tiêu đạt 100% kế hoạch năm, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm và các chương trình mục tiêu quốc gia.
- **Tiêu dùng nội địa** dự báo sẽ hồi phục dần nhờ các chính sách kích cầu tiêu dùng và tác động của chi tiêu ngân sách Nhà nước gia tăng. Cùng với đó, du lịch tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao cũng sẽ kích thích tiêu dùng trực tiếp và lan tỏa sang nhiều ngành dịch vụ khác.
- **Đầu tư tư nhân** được kỳ vọng sẽ cải thiện với sự dẫn dắt của chính sách tài khóa - vốn đầu tư công (trọng tâm của chính sách tài khóa) và việc gia hạn chính sách miễn giảm 2% thuế GTGT đến cuối năm 2026, đi cùng với chính sách tiền tệ (lãi suất duy trì ở mức phù hợp, thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định), thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng HĐKD, triển khai dự án.
- **Nguồn vốn FDI** từ Trung Quốc, Hong Kong, Singapore tiếp tục chuyển dịch về Việt Nam đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, xe điện, pin xe điện... Các NĐT FDI cũng thể hiện cam kết với Chính phủ Việt Nam trong việc gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ giúp nâng cao giá trị gia tăng cũng như trình độ lao động.
- **Xuất nhập khẩu** dự kiến chịu áp lực từ bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm; tuy nhiên, khu vực này vẫn được kỳ vọng duy trì vai trò trụ cột, đóng góp đáng kể vào quy mô và động lực tăng trưởng của nền kinh tế...

Bên cạnh đó, trong năm 2026, NHNN dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

- **Định hướng tăng trưởng tín dụng** năm 2026 khoảng 15% vào các lĩnh vực SXKD, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và linh hoạt điều chỉnh trần tín dụng phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.
- **Lãi suất:** Điều hành lãi suất của NHNN dự báo sẽ linh hoạt để thực hiện mục tiêu ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát (dưới 4 - 4,5%) và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- **Tỷ giá** dự báo biến động khó lường dưới tác động của chính sách bảo hộ của Mỹ và chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn (NHTW Trung Quốc, ECB...) và diễn biến dự trữ ngoại hối của NHNN. Biên độ biến động dự kiến trong giới hạn của NHNN nhờ chính sách tiền tệ điều hành linh hoạt, phù hợp.

	IMF	ADB	MỤC TIÊU QUỐC HỘI
Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026	5,6%	6,0%	Từ 10%
Dự báo tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	3,2%	3,8%	4,5% - 5%



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, trong bối cảnh vĩ mô đầy thách thức, kết quả HĐKD của VietinBank vẫn tăng trưởng tích cực. Quy mô tiếp tục được mở rộng phù hợp với chất lượng tài sản được nâng cao. Cơ cấu nguồn vốn - sử dụng vốn được chú trọng cân đối tối ưu, kết hợp thúc đẩy các SPDV hiện đại nhằm gia tăng nguồn thu. LNTT cải thiện mạnh mẽ và vượt kế hoạch, tạo điều kiện gia tăng năng lực tài chính. Các tỷ lệ an toàn hoạt động được kiểm soát trong giới hạn quy định và ngày càng tăng tính bền vững.

01 Củng cố nền tảng vốn vững chắc

- VDL trong năm 2025 của VietinBank tăng lên gần 77.670 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016. Việc nâng VDL tạo tiền đề để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng HĐKD, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, phát triển CLDV; từ đó tăng cường khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng và thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước.

02 Quy mô hoạt động duy trì nhịp độ tăng trưởng khả quan

- Quy mô tổng tài sản tại ngày 31/12/2025 tiếp tục tăng trưởng, đạt 2,77 triệu tỷ đồng - lần đầu tiên vượt mức 100 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2024.
- Dư nợ tín dụng đạt 1,99 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 15,6% so với cuối năm 2024. Tốc độ tăng trưởng duy trì ổn định, bền vững, xuyên suốt trong năm, trong đó có đóng góp quan trọng của việc VietinBank luôn tích cực chủ động triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi lãi suất để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.
- Nguồn vốn huy động đạt 1,97 triệu tỷ đồng, tăng 11,9% so cuối năm 2024; tiền gửi khách hàng thị trường 1 đạt 1,79 triệu tỷ đồng, tăng 11,7% so cuối năm 2024, cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn thanh khoản. Tỷ lệ CASA đạt 25,5%, tiếp tục nâng cao so năm 2024, hỗ trợ cải thiện chi phí vốn.

03 Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ

- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay trên cơ sở hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2025 đạt 1,1%, trong khi tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN trên số liệu riêng lẻ đạt 1% vào cuối năm 2025. Các chỉ tiêu về nợ xấu đều tuân thủ hạn mức kế hoạch NHNN và ĐHĐCĐ giao.
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2025 là 158,8%, tiếp tục củng cố đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của Ngân hàng trong thời gian tới.

04 Thu nhập tăng trưởng tích cực nhờ hiệu quả của các nguồn doanh thu lõi

- Tổng thu nhập hoạt động năm 2025 của VietinBank đạt gần 87,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,6% so với năm 2024. Ngân hàng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thu nhập thông qua các giải pháp tài chính toàn diện, cải thiện chất lượng SPDV...
- Thu nhập lãi thuần (không gồm thu phí bảo lãnh) năm 2025 đạt 64,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2024 nhờ tăng trưởng tín dụng, triển khai chương trình ưu đãi lãi suất để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, VietinBank nỗ lực cân đối vốn hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng CASA và nguồn vốn ngắn hạn để tối ưu chi phí huy động vốn của Ngân hàng.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) năm 2025 đạt 8,1 nghìn tỷ đồng giảm 4,5% so với năm 2024, do điều chỉnh cách thức hạch toán đối với sản phẩm UPAS L/C). VietinBank tiếp tục thực hiện miễn giảm nhiều loại phí dịch vụ để thu hút khách hàng mới và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp được tiếp cận các dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý, nâng cao trải nghiệm và gia tăng sự gắn kết của khách hàng.
- Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR năm 2025 đạt 10 nghìn tỷ đồng (số liệu hợp nhất), tăng 17,9% so với thời điểm 31/12/2024 và là số thu lớn nhất trong lịch sử thu XLRR.

05 Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được tối ưu

- Tỷ lệ CIR năm 2025 của VietinBank đạt 30,4%. VietinBank tiếp tục tối ưu hiệu quả sử dụng, quản trị chi phí, ưu tiên phân bổ chi phí vào các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, chương trình CDS và các dự án trọng điểm của VietinBank.

06 Kết quả kinh doanh tăng trưởng bứt phá, khẳng định vị thế ngân hàng trụ cột

- Với sự chủ động, nỗ lực phát huy tối đa mọi nguồn lực, HĐKD của VietinBank trong năm 2025 tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước. Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD năm 2025 tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng bền vững, vượt trội trong cả giai đoạn 2021 - 2025, đạt hơn 60,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với cuối năm 2024 và đạt mức cao nhất từ trước đến nay.
- VietinBank chủ động dành nguồn lực trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định nhằm gia tăng bộ đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của Ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều diễn biến khó lường. Chi phí dự phòng RRTD năm 2025 đạt 17,3 nghìn tỷ đồng, giảm 37,3% so với năm 2024 do VietinBank quản lý chất lượng nợ hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu.
- LNTT riêng lẻ năm 2025 đạt 41,1 nghìn tỷ đồng, tăng 35,5% so với năm 2024, hoàn thành 127% kế hoạch ĐHĐCĐ giao. LNTT hợp nhất đạt 43,4 nghìn tỷ đồng, tăng 36,8% so với năm 2024, là mức cao nhất từ trước đến nay.
- ROA và ROE năm 2025 tiếp tục cải thiện so với năm 2024, lần lượt đạt 1,7% và 21,3%.

07 Tăng tốc hành trình chuyển đổi số toàn diện

- Trong năm 2025, VietinBank tiếp tục triển khai hành trình CDS toàn diện X01 dựa trên bốn trụ cột: Số hóa, Dữ liệu, Công nghệ, Con người & Tổ chức. Nếu năm 2024 là giai đoạn đặt nền tảng thì sang năm 2025, VietinBank bước vào giai đoạn “tăng tốc” với việc triển khai hơn 90 sáng kiến CDS, đóng góp trực tiếp vào kết quả kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất lao động và thúc đẩy chuyển dịch kênh.
- Trong năm 2025, VietinBank đã ra mắt các hành trình số tiêu biểu như: hành trình vay SXKD online cho KHCN, giải ngân và bảo lãnh online cho KHDN, eKYC, vay tiêu dùng online, đăng ký khoản vay mua nhà, đầu tư gia sản (V-Wealth), Click to pay, ... Các giải pháp này tạo ra sự thay đổi rõ rệt về trải nghiệm dịch vụ số. Đặc biệt, tỷ lệ giải ngân online hiện đạt trên 90%, thời gian xử lý rút ngắn xuống còn 5 - 10 phút, thay vì hàng giờ như trước đây.
- Năm 2025 cũng đánh dấu bước ngoặt về dữ liệu và trí tuệ nhân tạo khi VietinBank thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo, tạo đầu mối thống nhất để quản trị, bảo vệ và khai thác dữ liệu. Hơn 50 sáng kiến ứng dụng AI và Machine Learning đã được đưa vào vận hành, bao phủ nhiều mảng hoạt động, từ dự đoán nhu cầu và gợi ý sản phẩm, nhận diện khách hàng có nguy cơ rời bỏ, cảnh báo sớm RRTD....

08 Thúc đẩy hoạt động ngân hàng số

- Đối với phân khúc KHCN, VietinBank iPay đã phát triển với hơn 200 tính năng, tiện ích giúp người dùng tận hưởng cuộc sống trọn vẹn, tối ưu nhất theo tiêu chí “All in one”, kết nối tới hơn 6.000 nhà cung cấp, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng - “Vận tinh năng, trăm tiện ích”. Tính đến ngày 31/12/2025, VietinBank có khoảng 10,2 triệu KHBL sử dụng VietinBank iPay, tăng 12,7% so với năm 2024; đạt 2.749 triệu giao dịch, tăng 40,3% so với năm 2024.
- Đối với phân khúc KHDN, nền tảng ngân hàng số VietinBank eFAST được xem là “trợ lý tài chính số” với hơn 130 tính năng. Tính đến ngày 31/12/2025, số lượng khách hàng tổ chức sử dụng VietinBank eFAST đạt 317 nghìn, tăng 19,2% so với năm 2024; số lượng giao dịch qua kênh eFAST đạt 74,4 triệu, tăng 56,4% so với năm trước. Giá trị giao dịch qua kênh VietinBank eFAST đạt 10,8 triệu tỷ đồng, tăng 48,3% so với năm 2024.

TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA KÊNH
VIETINBANK IPAY CỦA KHBL

95,8%

TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA KÊNH
VIETINBANK EFAST CỦA KHDN

86%

09 Thúc đẩy các dự án xanh, thân thiện với môi trường để hướng tới sự phát triển bền vững

- Hướng tới mục tiêu đưa VietinBank trở thành ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực tín dụng xanh, tài trợ bền vững, VietinBank chú trọng PTBV, triển khai các chương trình tài trợ vốn trong lĩnh vực năng lượng xanh, xuất khẩu xanh và công trình xanh. VietinBank đã ra mắt Gói tài chính xanh GREEN UP cho doanh nghiệp PTBV với quy mô 5.000 tỷ đồng. Đồng thời, Ngân hàng cũng giới thiệu sản phẩm Tiền gửi xanh để huy động nguồn vốn bền vững phục vụ các dự án mang lại lợi ích cho cộng đồng, xã hội và môi trường. Với các sản phẩm xanh, VietinBank mong muốn tạo ra một nơi giao thoa cho các doanh nghiệp cùng chung định hướng PTBV, qua đó tận dụng tối đa nguồn lực tài chính để phục vụ các dự án có lợi cho cộng đồng và xã hội.
- Trong năm 2025, VietinBank chính thức khởi động Hoạt động Hỗ trợ Kỹ thuật thuộc Cấu phần “Nâng cao năng lực ngân hàng xanh” trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “Thúc đẩy tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu”. Đây là một trong những hoạt động quan trọng nằm trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “Thúc đẩy tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu” được ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) quản lý cho cấu phần về phát triển ngân hàng xanh, tín dụng xanh. Đối tác uy tín trong lĩnh vực tài chính bền vững là PwC Việt Nam sẽ đồng hành cùng VietinBank trong việc tư vấn triển khai hoạt động.
- Kết thúc năm 2025, số dư tài trợ dự án xanh của Ngân hàng đạt 55,9 nghìn tỷ đồng, tăng 30,5% so với thời điểm 31/12/2024, chiếm gần 2,8% tổng dư nợ cho vay của năm 2025, với gần 600 khách hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng trong các lĩnh vực PTBV.

10 Tích cực thực thi có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước và công tác an sinh xã hội

- Bám sát, thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, VietinBank đã nỗ lực kiểm soát chi phí và quản lý tốt chất lượng tài sản, tạo điều kiện triển khai đồng bộ các giải pháp, ban hành hàng loạt chương trình tín dụng với lãi suất ưu đãi, định hướng tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tín dụng xanh, các lĩnh vực ưu tiên. VietinBank cũng phân bổ nguồn lực vào các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng hành cùng các vùng và các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.
- Ngân hàng là một trong những NHTM đi đầu trong triển khai Chương trình ưu đãi cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP và các chương trình khác theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Trong năm 2025, VietinBank dành nguồn lực hỗ trợ cho công tác ASXH với tổng số tiền hơn 675 tỷ đồng.

2 - KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2025

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Bám sát định hướng, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN cũng như diễn biến thị trường, VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành chủ động, thống nhất xuyên suốt từ TSC đến các đơn vị kinh doanh, cụ thể:

- 01 Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, nỗ lực đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế đồng thời thực hiện tái cấu trúc danh mục tín dụng theo hướng nâng cao chất lượng tài sản.** Triển khai hàng loạt gói/chương trình tín dụng với lãi suất cạnh tranh, hỗ trợ cung ứng vốn cho nền kinh tế; định hướng tập trung tăng trưởng tín dụng vào lĩnh vực SXKD và các ngành/lĩnh vực được Chính phủ, NHNN ưu tiên, khuyến khích.
- 02 Linh hoạt điều hành công tác cân đối vốn và chính sách lãi suất, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ và NHNN.** VietinBank luôn bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, điều chỉnh lãi suất huy động các thang kỳ hạn theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, linh hoạt quản lý cân đối vốn nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản, tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN, tối ưu hóa chi phí huy động vốn, ổn định mặt bằng lãi suất để có nguồn lực triển khai các chương trình hỗ trợ, ưu đãi về lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế theo định hướng của NHNN.
- 03 Tiếp tục tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác giám sát và điều hành tài chính, triển khai đồng bộ các biện pháp nâng cao năng lực tài chính.**
- 04 Ưu tiên nguồn lực triển khai mạnh mẽ công tác CDS nhằm cải thiện sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao CLDV, nâng cao trải nghiệm của khách hàng.**
- 05 Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, công tác thẩm định tín dụng, QTRR liên tục được tăng cường.**
- 06 Đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ XLRR.**
- 07 Tinh gọn, chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy tổ chức mạng lưới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công tác cán bộ, nâng cao năng suất lao động.**

Với những SPDV nổi trội và kết quả kinh doanh ấn tượng trong thời gian qua, vị thế, thương hiệu của VietinBank không ngừng được khẳng định với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: TOP 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới; TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam; TOP 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới năm 2025 và nhiều giải thưởng khác.

Bên cạnh HĐKD, VietinBank tiếp tục đóng góp tích cực trong công tác ASXH theo chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và NHNN.

ĐÁNH GIÁ VỊ THẾ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK SO VỚI NGÀNH NGÂN HÀNG

Trên hành trình xây dựng và phát triển, VietinBank tự hào khi tạo lập được hệ sinh thái tài chính toàn diện trên mọi lĩnh vực, nâng cao vị thế cạnh tranh, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, người lao động, cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Là ngân hàng có vai trò trụ cột trong nền kinh tế, **các chỉ tiêu quy mô** của VietinBank luôn đứng trong Top đầu của Ngành Ngân hàng (VĐL, TTS, nguồn vốn huy động, dư nợ tín dụng, CASA...), thể hiện tầm vóc và năng lực vững mạnh của một ĐCTC uy tín hàng đầu.

Bên cạnh đó, VietinBank cũng chú trọng lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động. **Các chỉ tiêu về hiệu quả** liên tục được cải thiện qua các năm nhờ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thu nhập và tối ưu hóa chi phí hoạt động. Trong những năm qua, VietinBank luôn nằm trong nhóm những ngân hàng có tổng thu nhập hoạt động trước chi phí dự phòng RRTD cao nhất Ngành Ngân hàng; trong khi đó, tỷ lệ CIR được kiểm soát tốt ở mức thấp và nằm trong nhóm thấp nhất toàn Ngành Ngân hàng.

HĐKD của VietinBank được tái cấu trúc để hài hòa với hệ thống QLRR và “khẩu vị” rủi ro mới. VietinBank luôn chủ động kiểm soát chất lượng tài sản với kỷ luật chặt chẽ, do đó **các chỉ tiêu chất lượng** luôn nằm trong nhóm những ngân hàng tốt nhất. Tỷ lệ nợ xấu liên tục ở mức thấp trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu duy trì ở mức cao.

Đặc biệt, theo công bố xếp hạng TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2025 của Brand Finance (hãng định giá thương hiệu hàng đầu thế giới), giá trị thương hiệu VietinBank đạt 1,6 tỷ USD, tăng 9% so với năm trước. Với 9 lần được xướng tên trong TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam từ năm 2015 đến nay, VietinBank đã ghi dấu ấn, khẳng định vị thế trụ cột và sự tin tưởng mà khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng dành cho Ngân hàng.



3 - ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

Nhằm tạo ra sự PTBV trong giai đoạn mới, dựa trên phân tích tiềm năng, động lực tăng trưởng của nền kinh tế và những kết quả đã đạt được năm 2025, VietinBank đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động năm 2026, tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp điều hành, thúc đẩy kinh doanh bám sát định hướng, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN cũng như diễn biến thị trường song song với việc tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Một số mục tiêu chính trong hoạt động kinh doanh năm 2026 như sau:

TỔNG TÀI SẢN

Tăng trưởng

5%-10%

TÍN DỤNG

Theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ

NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản

TỶ LỆ NỢ XẤU

< 1,8%

LNTT RIÊNG LẺ

Theo phê duyệt của NHNN và Bộ Tài chính

Một số giải pháp chủ đạo triển khai HĐKD trong năm 2026 gồm:

- 01** Tổ chức triển khai các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ và NHNN. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ của Ngành Ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; quản trị hiệu quả chi phí hoạt động; nâng cao năng lực tài chính và khả năng cấp tín dụng cho nền kinh tế; ổn định mặt bằng lãi suất.
- 02** Tiếp tục tăng trưởng quy mô dư nợ bền vững, ưu tiên tăng trưởng các ngành/lĩnh vực sản xuất ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN, tăng tỷ trọng các sản phẩm có hiệu quả cao và rủi ro trong hạn mức quy định, đa dạng hóa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho nền kinh tế.
- 03** Quản trị hiệu quả cân đối vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn CASA và các nguồn vốn có chi phí thấp.
- 04** Triển khai dự án nâng cao trải nghiệm khách hàng nhằm cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tăng tỷ trọng thu ngoài lãi.
- 05** Tiếp tục triển khai quyết liệt CDS trong mọi mặt hoạt động theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- 06** Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu, nợ XLRR.
- 07** Nâng cao hiệu quả QTRR, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- 08** Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, tiếp tục kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập.
- 09** Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

4 - GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

5 - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trên hành trình xây dựng và phát triển, VietinBank luôn kiên định khi thực hiện chiến lược PTBV theo hướng tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn, song hành với các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên liên quan. VietinBank chú trọng thực hiện cam kết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và nỗ lực đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội thông qua nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa.

Chi tiết báo cáo đánh giá về các nội dung trên được trình bày tại Phần 6 - Báo cáo PTBV.

PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

- 1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK
- 2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026

04

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

Năm 2025, tình hình chính trị, kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp. Việt Nam không nằm ngoài chuỗi ảnh hưởng địa chính trị toàn cầu, với khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Trong bối cảnh đó, VietinBank đã bám sát chính sách, định hướng của Đảng, Nhà nước và diễn biến thị trường, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đẩy mạnh **tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả** gắn với kiểm soát rủi ro; chuyển đổi mạnh mẽ **mô hình tăng trưởng**, thực hiện **CĐS**, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập và mở rộng các kênh phục vụ hiện đại; chủ động tối ưu hiệu quả sử dụng chi phí và tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản; tiếp tục triển khai quyết liệt **Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025** và đẩy nhanh các giải pháp cơ cấu lại, tạo điều kiện tiếp tục tăng trưởng an toàn, hiệu quả.

Cụ thể, HĐQT đánh giá về các mặt hoạt động của VietinBank năm 2025 như sau:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025, bám sát định hướng đã được thông qua tại ĐHĐCĐ, với sự chỉ đạo quyết liệt từ Ban Lãnh đạo và sự đồng lòng của toàn thể CBNV, người lao động, VietinBank đã hoàn thành xuất sắc những mục tiêu kinh doanh năm 2025 với nhiều dấu ấn nổi bật. Quy mô tiếp tục được mở rộng phù hợp với chất lượng tài sản được nâng cao. Cơ cấu nguồn vốn được chú trọng cân đối tối ưu, kết hợp thúc đẩy các dịch vụ số hóa và hoạt động của hệ sinh thái nhằm gia tăng nguồn thu. LNTT cải thiện mạnh mẽ và vượt kế hoạch, tạo điều kiện gia tăng năng lực tài chính. Các tỷ lệ an toàn hoạt động được kiểm soát trong giới hạn quy định và ngày càng tăng tính bền vững.

✓ Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả

- Dự nợ tín dụng hợp nhất đạt trên **1,99 triệu tỷ đồng**, tăng **15,6%** so với cuối năm 2024.
- Dự nợ tăng trưởng vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực được ưu tiên phát triển theo định hướng của Chính phủ và NHNN; các lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế; ưu tiên nguồn lực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn.
- VietinBank tiếp tục chuyển dịch cơ cấu danh mục tín dụng theo định hướng đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ phân khúc KHLB và khách hàng DNNVV, theo đó tỷ trọng dư nợ 2 phân khúc này tăng từ **61,5%** cuối năm 2024 lên **63%** cuối năm 2025.

✓ Tăng trưởng nguồn vốn hiệu quả, điều hành cơ cấu vốn theo hướng tối ưu

- VietinBank triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm quản trị hiệu quả cân đối vốn, tăng trưởng nguồn vốn huy động ổn định, bền vững, khai thác linh hoạt và đa dạng các nguồn vốn trong và ngoài nước. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt gần **1,97 triệu tỷ đồng**, tăng **11,9%** so với năm 2024.
- Đáng chú ý, nguồn vốn CASA của VietinBank tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với quy mô CASA đạt **458,1 nghìn tỷ đồng**, nằm trong **Top 3** các ngân hàng có quy mô và tốc độ tăng trưởng CASA cao nhất tại Việt Nam. Tỷ trọng CASA/tổng nguồn vốn huy động đạt **25,5%**, cải thiện tích cực so với cuối năm 2024 (**24,8%**); qua đó hỗ trợ tích cực trong việc kiểm soát chi phí vốn của VietinBank.
- VietinBank luôn duy trì LDR (*Loan to deposit – tỷ lệ cho vay trên tiền gửi*) và các tỷ lệ thanh khoản đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.

✓ Tăng cường năng lực QTRR, đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ XLRR

- Tăng cường công tác QTRR, công tác dự báo, nhận diện các khách hàng tiềm ẩn rủi ro, chủ động xây dựng các kịch bản chất lượng nợ. VietinBank thành lập các tổ hỗ trợ các khu vực, CN suy giảm chất lượng nợ, phát sinh nợ xấu lớn; liên tục rà soát, đánh giá khả năng chuyển nhóm nợ của các khách hàng, không để phát sinh nợ nhóm 2, nợ xấu ngoài dự kiến. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN tại thời điểm cuối năm 2025 được kiểm soát ở mức **1%**, thấp hơn năm 2024 và đảm bảo mục tiêu dưới 1,8% theo kế hoạch ĐHĐCĐ giao.
- VietinBank trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định, số dự phòng rủi ro trích lập trong năm 2025 là 17,3 nghìn tỷ đồng, số dự phòng được sử dụng để XLRR là 19,1 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2025 đạt **158,8%**, tiếp tục duy trì ở mức cao.
- VietinBank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thu hồi, xử lý nợ xấu, nợ XLRR; thực hiện phần luồng biến pháp tự thu/tái cấu trúc đối với khách hàng/nhóm khách hàng; xây dựng bộ chỉ tiêu và ngưỡng quản trị hiệu quả phân luồng các giải pháp thu hồi, xử lý nợ xấu, nợ XLRR. Theo đó, thu hồi nợ XLRR đạt **10 nghìn tỷ đồng**, tăng **17,9%** so năm 2024, **cao nhất từ trước đến nay** và đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động của ngân hàng.
- VietinBank cũng kiện toàn mô hình QTRR CNTT, kiện toàn tổ chức, vận hành, đảm bảo kinh doanh liên tục, triển khai dự án tư vấn chiến lược ANM, dự án Pentest, RedTeam, tình báo ANM...

✓ Nâng cao hiệu quả sử dụng, quản trị chi phí

- Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được nâng cao. Tỷ lệ CIR năm 2025 ở mức **30,4%**. VietinBank tiếp tục ưu tiên sử dụng chi phí hỗ trợ trực tiếp cho các HKD, đẩy mạnh hoạt động CĐS, nâng cao CLDV, chất lượng nhân sự, tạo tiền đề cho sự PTBV của Ngân hàng.

✓ Thu nhập hoạt động tiếp tục tăng trưởng, hiệu quả sinh lời được cải thiện

- Tổng thu nhập hoạt động đạt **87,3 nghìn tỷ đồng**, tăng **6,6%** so với năm 2024. Trong đó, thu nhập lãi thuần (không gồm thu phí bảo lãnh) đạt **64,6 nghìn tỷ đồng**, tăng **6,7%** so với năm 2024, chiếm **74%** tổng thu nhập hoạt động. Thu nhập ngoài lãi đạt **20,8 nghìn tỷ đồng**, tăng **6,8%** so với năm 2024. Một số đầu thu có sự tăng trưởng tốt so với năm 2024 là mua bán chứng khoán kinh doanh/đầu tư, thu thanh toán, thu từ góp vốn/mua cổ phần, thu XLRR...
- Các chỉ tiêu hiệu quả tiếp tục được cải thiện: ROA đạt **1,7%**, ROE đạt **21,3%**, **cải thiện mạnh mẽ** so với năm 2024 (1,4% và 18,6%).

Nhìn chung, trong năm 2025, với việc triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, lợi nhuận trước trích dự phòng rủi ro của VietinBank đạt **60,7 nghìn tỷ đồng**, tăng **2,3%** so với năm 2024, **đạt cao nhất từ trước tới nay và nằm trong nhóm cao nhất Ngành Ngân hàng**. LNTT hợp nhất đạt **43,4 nghìn tỷ đồng**, tăng **36,8%** so với năm 2024, đạt **Top 2 Ngành Ngân hàng**. LNTT riêng lẻ đạt **41,1 nghìn tỷ đồng**, tăng **35,5%** so với năm 2024 – hoàn thành **127%** kế hoạch ĐHĐCĐ giao, tạo nguồn lực tài chính vững mạnh để VietinBank tiếp tục phát huy tốt vai trò NHTM Nhà nước chủ lực, trụ cột của nền kinh tế, đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước và sự phát triển kinh tế xã hội đất nước trong thời gian tới.

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Năm 2025, với định hướng chiến lược rõ ràng và mục tiêu cụ thể, HĐQT VietinBank đã định hướng, chỉ đạo BDH xây dựng các phương án hành động cụ thể để vượt qua nhiều khó khăn, biến động của thị trường, đảm bảo tăng trưởng đi đôi với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản.

Các dấu ấn nổi bật trong công tác quản trị điều hành của VietinBank trong năm 2025 như sau:

01 Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức và nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực

- Triển khai Đề án “**Tinh gọn, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ VietinBank**”, trọng tâm là công tác tinh giản biên chế; tái cơ cấu nguồn nhân lực; thúc đẩy nâng cao năng suất lao động; thúc đẩy kiện toàn, chuyển đổi mô hình theo định hướng tinh gọn, chuyên môn hóa, tối ưu hóa hoạt động tổ chức bộ máy (tái cơ cấu mạng lưới PGD, rút giảm tổng số PGD từ **953** trong năm 2024 xuống **845** trong năm 2025), phát triển nhân tài gắn với kiểm soát tăng trưởng lao động và cơ cấu nhân sự toàn hàng.
- VietinBank cũng số hóa hoạt động nhân sự, ứng dụng AI trong công tác xây dựng định biên cho CN, thi đua, quản lý hồ sơ; tiếp tục đổi mới cơ chế giao quỹ lương theo hướng nâng cao năng suất lao động, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy các CN có năng suất lao động cao; tiếp tục thực hiện các cơ chế về khoán quỹ lương cho TSC, thúc đẩy tiền lương thúc đẩy bán cho cán bộ bán tại CN.
- VietinBank tập trung công tác đào tạo thông qua việc tổ chức hơn 100 lớp với số lượt học viên là trên 13 nghìn người, trung bình điểm đánh giá của học viên là 4,97/5 điểm. Ngân hàng tiếp tục tập trung vào các khóa học phát triển năng lực CDS, dữ liệu và AI, nâng cao năng lực bán, năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng tại CN, nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý và nhân tài tiềm năng trong hệ thống.

02 Tăng tốc CDS tạo đà bứt phá để về đích thành công

- Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ của VietinBank từ số hóa hoạt động sang CDS toàn diện, đóng vai trò trung tâm trong chiến lược phát triển dài hạn của Ngân hàng. VietinBank không chỉ ứng dụng công nghệ vào vận hành mà còn tái định hình mô hình kinh doanh, trải nghiệm khách hàng và năng lực quản trị dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, dữ liệu lớn và AI. **Hơn 90 sáng kiến CDS được triển khai thực hiện, hơn 99% giao dịch thanh toán đã thực hiện qua kênh số.** Ngân hàng đã thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo, vận hành Nhà máy số, đẩy mạnh ứng dụng AI trong vận hành, nổi bật là trợ lý ảo VietinBank Genie giúp rút ngắn **95% thời gian tra cứu văn bản. Hơn 50 sáng kiến ứng dụng AI và Machine Learning** đã được đưa vào vận hành, bao phủ nhiều mảng hoạt động, từ dự đoán nhu cầu và gợi ý sản phẩm, nhận diện khách hàng có nguy cơ rời bỏ, cảnh báo sớm RRTD. Theo đó, VietinBank được Bộ Khoa học và Công nghệ vinh danh là **Doanh nghiệp CDS xuất sắc 2025**.

03 Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, nâng cao hoạt động quản trị tài chính từ công tác giám sát và điều hành tài chính, kiểm soát chi phí hoạt động

- VietinBank luôn linh hoạt trong điều hành cân đối vốn, bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, điều chỉnh lãi suất huy động các thang kỳ hạn theo định hướng điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, đảm bảo an toàn thanh khoản, tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN, triển khai đồng bộ các biện pháp để nâng cao năng lực vốn tự có, củng cố nguồn lực tài chính để phát triển HĐKD bền vững. Đồng thời, VietinBank đảm bảo CAR theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và cải thiện mức đệm vốn dự phòng theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN và tiến tới tuân thủ Thông tư 14/2025/TT-NHNN theo chuẩn mực quốc tế Basel III.

04 Nâng tầm trải nghiệm khách hàng, quản trị CLDV toàn diện theo hành trình

- Trong năm qua, VietinBank đã đạt được những bước tiến quan trọng trong chuyển đổi công tác quản lý CLDV theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, tiệm cận các thông lệ quốc tế về quản trị trải nghiệm khách hàng. Nổi bật là việc triển khai thành công Dự án CX, hoàn thiện mô hình quản trị CX trên toàn hệ thống, tạo nền tảng quản trị CX bài bản, tiệm cận thông lệ quốc tế.
- VietinBank cũng chuẩn hóa các thước đo vận hành và hoàn thiện công cụ/hệ thống quản trị nội bộ, triển khai bộ **49 chỉ số vận hành** và CLDV được đo lường tự động lên Dashboard CLDV nhằm nâng cao tính minh bạch, giám sát và hiệu quả vận hành.

05 Phát triển mô hình kinh doanh mới – Đón đầu xu hướng, mở rộng không gian tăng trưởng

- VietinBank chủ động nghiên cứu, phát triển mô hình kinh doanh mới trên cơ sở đón đầu cơ hội từ các chính sách sandbox, chính sách phát triển trung tâm tài chính quốc tế IFC tại Việt Nam, nắm bắt cơ hội thị trường như xu hướng tài chính xanh, tài chính số, sàn giao dịch số,... qua đó đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và đồng hành cùng quá trình hiện đại hóa thị trường tài chính Việt Nam.
- VietinBank cũng thúc đẩy hợp tác đa dạng đối tác gồm các đối quốc tế để phát triển hệ sinh thái số, thúc đẩy tài chính toàn diện, hướng đến vai trò **ngân hàng kiến tạo hệ sinh thái tài chính hiện đại**, mang tầm quốc gia và khu vực.

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

06 Tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết đại chúng quy mô lớn

- Trong năm 2025, HĐQT VietinBank đã tổ chức các phiên họp định kỳ để đánh giá kết quả kinh doanh, đưa ra các định hướng, chỉ đạo hoạt động và trao đổi về các nội dung, chuyên đề phục vụ công tác quản trị của VietinBank. Ngoài ra, HĐQT còn quyết định nhiều nội dung khác thông qua hình thức họp/lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐQT và Chủ tịch HĐQT đã tổ chức đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 của từng TV HĐQT. Theo đó, tất cả các TV HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo Điều lệ của VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank, Quy chế về hoạt động giám sát của HĐQT VietinBank và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của VietinBank và cổ đông; nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của VietinBank; tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình; triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT và có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu; thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo phân công của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các TV HĐQT cũng thực hiện giám sát toàn diện các lĩnh vực hoạt động trọng yếu của VietinBank theo phân công, kịp thời nhận diện và hỗ trợ giải quyết, khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở các cấp.
- Hoạt động của TV độc lập HĐQT VietinBank trong năm 2025 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ của VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật hiện hành và hệ thống quy định nội bộ của VietinBank, thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền, thực hiện vai trò nổi bật và tích cực trong việc định hướng chiến lược kinh doanh và hoạt động của hệ thống, giám sát việc thực thi cũng như QTRR, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của toàn hệ thống.
- Bên cạnh đó, 9 Ủy ban trực thuộc HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với các phòng/ban, bộ phận có liên quan để thực hiện đầy đủ, kịp thời, có kết quả các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành. Qua đó, các Ủy ban thuộc HĐQT đã giúp HĐQT tăng cường hiệu quả quản trị, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với các đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát của HĐQT trong hệ thống VietinBank.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH tiếp tục được kiện toàn, đồng bộ, hỗ trợ cho các đơn vị trực thuộc HĐQT thực hiện công tác tham mưu và triển khai công tác giám sát, phối hợp làm việc với các đơn vị trong toàn hệ thống.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Nhận thức được vai trò quan trọng của Ngành Ngân hàng – kênh dẫn vốn chính của nền kinh tế, VietinBank luôn chú trọng thực thi về ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) nhằm đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, thiết lập những chuẩn mực mới về PTBV trên thị trường và xây dựng sức mạnh nội sinh trong chính Ngân hàng.

- Trong năm 2025, VietinBank đã đồng hành cùng các cơ quan Nhà nước trong các hoạt động thúc đẩy PTBV. Ngân hàng tích cực tham gia việc soạn thảo các Nghị định, Quy định của Chính phủ liên quan đến các hoạt động PTBV. Đồng thời, VietinBank tiếp tục phối hợp, tài trợ chuyên đề Kinh tế tuần hoàn trong khuôn khổ sự kiện “**Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2025, triển vọng 2026**” (VEPF) do Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương và Chính phủ đồng chủ trì tổ chức.
- VietinBank tiếp tục mở rộng danh mục SPDV tài chính bền vững đa dạng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, trong đó: **(i)** Gói tài chính xanh **Green UP 5.000 tỷ đồng** mở rộng thêm đối tượng áp dụng cho các dự án giao thông xanh và kinh tế tuần hoàn nhằm góp phần đẩy mạnh cấp vốn cho các dự án PTBV của VietinBank; **(ii)** Sản phẩm **Tiền gửi xanh** dành cho KHDN do VietinBank tiên phong triển khai tiếp tục tạo nên một kênh kết nối giữa khách hàng gửi tiền xanh và khách hàng vay xanh; **(iii)** Năm 2025, VietinBank cũng đã ra mắt **Gói tín dụng ưu đãi 4.000 tỷ đồng V-Green Powerup** nhằm hỗ trợ các chủ đầu tư trạm sạc V-Green.
- Trong năm 2025, VietinBank liên tục đào tạo, nâng cao năng lực nội bộ về các vấn đề PTBV và tài chính xanh: **(i)** Tháng 7/2025, VietinBank đã khởi động hoạt động hỗ trợ kỹ thuật thuộc cấu phần “**Nâng cao năng lực ngân hàng xanh**” trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “**Thúc đẩy tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu**” được ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); **(ii)** Trong tháng 5, 6/2025, VietinBank đã tham gia Đoàn công tác của NHNN do Phó Thống đốc Thường trực NHNN làm Trưởng đoàn tại Đức và Luxembourg – hai trung tâm tài chính bền vững hàng đầu châu Âu nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính bền vững, thúc đẩy tín dụng xanh và chuyển đổi công bằng.
- VietinBank đồng hành, hợp tác và nâng cao nhận thức của khách hàng và đối tác về vấn đề PTBV thông qua các chương trình như sự kiện MUFG Now (Net Zero World) Việt Nam 2025 với chủ đề “**Chiến lược đổi mới bền vững hướng tới bứt phá xanh**” phối hợp với MUFG Bank (Nhật Bản). Đồng thời Ngân hàng cũng sắp xếp, tham gia các sự kiện, diễn đàn, tọa đàm, hội thảo về các chủ đề kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh để chia sẻ kinh nghiệm triển khai tài chính bền vững, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp

Nhờ những hoạt động trên, VietinBank là doanh nghiệp niêm yết **5 năm liên tiếp** lọt vào rổ chỉ số PTBV của HOSE (VNSI) từ 2021 đến 2025.

Trong năm 2025, VietinBank cũng dành tổng số tiền **hơn 675 tỷ đồng** thực hiện công tác ASXH, xóa đói giảm nghèo, làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn tại các tỉnh/thành trên toàn quốc. Đây cũng là sự tiếp nối tinh thần tiên phong chung tay chia sẻ trách nhiệm xã hội, góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, gắn kinh doanh với xã hội, cộng đồng.

2 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tại các cuộc họp định kỳ hằng tháng của HĐQT, TGD thay mặt BDH VietinBank báo cáo đầy đủ về các mảng hoạt động của VietinBank, các hoạt động nổi bật trong tháng; báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT hoặc các báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Ủy ban trực thuộc HĐQT, báo cáo các chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT để phục vụ hoạt động giám sát của HĐQT; tình hình thực hiện hạn mức kiểm soát rủi ro, các biện pháp đề xuất khi (các) hạn mức có nguy cơ bị vượt hoặc nguy cơ phát sinh rủi ro trọng yếu ngoài dự kiến, các nội dung đề xuất với HĐQT.

Thông qua hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH, HĐQT nhận thấy BDH luôn kịp thời báo cáo, tiếp nhận các định hướng, chỉ đạo của HĐQT và tổ chức triển khai đầy đủ, có kết quả trên toàn hệ thống các nội dung này cùng các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Trong bối cảnh nền kinh tế nhiều biến động, BDH đã chủ động triển khai linh hoạt các giải pháp kinh doanh đồng bộ, toàn diện, thực hiện có hiệu quả các chủ điểm trọng tâm và chủ điểm kinh doanh theo định hướng của HĐQT. Nhờ đó, VietinBank ghi nhận kết quả tăng trưởng ấn tượng, tạo tiền đề để Ngân hàng ngày càng tiến xa trên hành trình phát triển.
- Các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của HĐQT và các báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT và các đơn vị trực thuộc HĐQT được thực thi khẩn trương, kịp thời, đảm bảo tính minh bạch trong công tác quản trị.
- Ngoài ra, BDH đã nghiêm túc thực hiện rà soát, kiện toàn hệ thống cơ chế, quy chế quản trị nội bộ, VBCS của VietinBank theo hướng tinh gọn, mạch lạc, bảo đảm triển khai hiệu quả HĐKD, nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời kiểm soát chặt chẽ các rủi ro trọng yếu.
- Bên cạnh đó, BDH đã triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, tiên phong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Đặc biệt, đối với hoạt động CDS, BDH đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong toàn hàng nghiên cứu, xây dựng và triển khai các sáng kiến; thực hiện nâng cấp hạ tầng công nghệ, dữ liệu, quản trị; phát triển các mô hình kinh doanh trên nền tảng số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Với những kết quả ấn tượng đạt được trong năm 2025, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của tập thể BDH trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu được NHNN và ĐHĐCĐ giao trong năm 2025. Tập thể BDH đã thực hiện tốt công tác điều hành HĐKD theo định hướng an toàn - hiệu quả - bền vững. Ngoài ra, các TV BDH cũng đã thực thi có trách nhiệm các nhiệm vụ được giao, gương mẫu đi đầu trong việc lan tỏa văn hóa làm việc chuyên nghiệp, gắn kết trong Ngân hàng.



3 - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Năm 2026, tình hình chính trị, kinh tế thế giới dự kiến vẫn tiếp tục biến động phức tạp với nhiều khó khăn và thách thức. Việt Nam không nằm ngoài chuỗi ảnh hưởng địa chính trị toàn cầu, trong bối cảnh khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen, Chính phủ và NHNN dự kiến sẽ vẫn điều hành chính sách chủ động, linh hoạt để ổn định vĩ mô, phát triển kinh tế.

Trên cơ sở định hướng của Đảng, Chính phủ và NHNN, phân tích diễn biến thị trường và những kết quả đã đạt được năm 2025, VietinBank đã xác định một số giải pháp điều hành chủ động, thống nhất xuyên suốt từ TSC đến các đơn vị kinh doanh để tiếp tục hướng tới mục tiêu hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được giao trong năm 2026, tập trung vào **5** trọng tâm chiến lược: **(i)** Đa dạng hóa doanh thu và tăng trưởng bền vững; **(ii)** Trở thành ngân hàng phục vụ chính của khách hàng trọng tâm; **(iii)** Tăng cường hiệu quả kênh bán; **(iv)** Nâng cao hiệu quả QTRR & thu hồi nợ xấu, nợ XLRR; **(v)** Thúc đẩy sáng kiến kinh doanh mới và nâng cao hiệu quả hoạt động TSC.

Định hướng triển khai đối với một số hoạt động trọng yếu:

- Tiếp tục tăng trưởng quy mô dư nợ bền vững, tăng trưởng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tín dụng xanh, ưu tiên lĩnh vực hạ tầng và công nghệ nhằm tạo đòn bẩy phát triển kinh tế bền vững và toàn diện theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN.
- Tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, nỗ lực triển khai và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ và NHNN.
- Quản trị hiệu quả cân đối vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn vốn CASA và các nguồn vốn có chi phí hợp lý.
- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện CDS, phát triển hạ tầng số, nền tảng số hiện đại, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống, bám sát định hướng của Chính phủ và NHNN về Chương trình CDS quốc gia.
- Cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng SPDV, tăng trưởng thu ngoài lãi.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí.
- Nâng cao hiệu quả QTRR, bảo đảm an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu, nợ XLRR.
- Tinh gọn mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.
- Nghiên cứu và triển khai và tìm kiếm sáng kiến/cơ hội hợp tác kinh doanh mới, thúc đẩy hỗ trợ triển khai tập trung vào các mô hình hợp tác kinh doanh với start-ups, fintech.

Năm 2026, VietinBank quyết tâm nắm bắt cơ hội, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung cao độ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, kế hoạch mà Đảng, Nhà nước giao phó, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Ngành Ngân hàng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 2 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
- 3 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
- 4 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH
- 5 HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ
- 6 HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ
- 7 ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN
- 8 CAM KẾT THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY

→ VIETINBANK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

05

1 - TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công tác quản trị điều hành là nền tảng quyết định hiệu quả hoạt động của một ngân hàng. Mô hình quản trị của VietinBank có đầy đủ các chủ thể quản trị của một doanh nghiệp niêm yết (bao gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, các ủy ban trực thuộc HĐQT, BKS, BDH...), đảm bảo nền tảng cơ cấu quản trị công ty vững chắc. Cơ cấu quản trị của VietinBank luôn đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa HĐQT, BDH và BKS; để cao tính minh bạch và kịp thời là các nguyên tắc trọng yếu cấu thành nên một hệ thống quản trị ngân hàng hiệu quả.

Mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật Việt Nam hiện hành



Ngoài ra, VietinBank đã xây dựng và kiện toàn mô hình quản trị xuyên suốt, đồng bộ nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi lĩnh vực hoạt động. Đồng thời, Ngân hàng triển khai áp dụng khung pháp lý về quản trị công ty, bao gồm:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank.
- Quy chế quản trị nội bộ.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VietinBank.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của BDH VietinBank.
- Các quy chế và tài liệu khác liên quan đến hoạt động quản trị công ty.

VietinBank luôn nỗ lực tham chiếu và áp dụng các thông lệ tốt nhất trong nước và quốc tế về quản trị công ty để nâng cao chất lượng quản trị, làm nền tảng để phát triển HĐKD "An toàn - Hiệu quả - Bền vững". Theo đó, hệ thống quản trị tại VietinBank không chỉ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của một TCTD cũng như quy định về quản trị đối với doanh nghiệp niêm yết; mà còn được xây dựng và tham chiếu tới các thông lệ và chuẩn mực quốc tế như: Bộ nguyên tắc Quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành, Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN. Dựa trên đánh giá hằng năm, VietinBank xác định điểm cần cải thiện để không ngừng hoàn thiện cơ cấu quản trị phù hợp.

Trong năm 2025, VietinBank tiếp tục được vinh danh trong Danh sách 50 Doanh nghiệp niêm yết tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam - VNCG50 tại Diễn đàn thường niên Quản trị công ty (AF8). Thành tích này là sự ghi nhận của các tổ chức chuyên môn đối với cam kết và nỗ lực liên tục của VietinBank trong việc hướng tới chuẩn mực quản trị tiên tiến, đồng thời thể hiện cam kết mạnh mẽ của VietinBank trong việc thúc đẩy minh bạch thông tin và PTBV, từ đó mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng xã hội dựa trên sự quan tâm, tôn trọng và thấu hiểu.



Ông Vương Huy Đông - Phó Ban Thư ký HĐQT & QHCD VietinBank (thứ 3 từ trái sang) nhận Chứng nhận VNCG50

1 - TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động quản trị công ty hướng đến PTBV

Hướng đến mục tiêu PTBV của VietinBank, hoạt động quản trị công ty cũng được xây dựng và kiện toàn nhằm đảm bảo hiệu quả công tác triển khai liên quan đến PTBV. Cụ thể, Ngân hàng phân công nhiệm vụ cho 1 TV HĐQT và 1 TV BDH phụ trách Ban Chỉ đạo PTBV - Cơ quan đầu mối tham mưu HĐQT và BDH các vấn đề liên quan đến PTBV với các nhiệm vụ cụ thể là: **(i)** Tham mưu cho HĐQT trong nghiên cứu, xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và đánh giá kết quả, hiệu quả chiến lược PTBV của VietinBank; **(ii)** Tham mưu cho HĐQT, BDH về việc ban hành các chính sách, hệ thống công cụ để triển khai các công việc liên quan đến PTBV tại VietinBank; **(iii)** Giám sát tình hình thực hiện các công việc liên quan đến PTBV đối với các TV/đơn vị có liên quan tại VietinBank và (iv) Báo cáo HĐQT/BDH về việc thực hiện công việc liên quan đến PTBV.

Đồng thời HĐQT giám sát việc triển khai chiến lược phát triển toàn hàng, trong đó bao gồm mục tiêu PTBV; đồng thời phê duyệt nội dung BCTN và Báo cáo PTBV.

Đề cử và lựa chọn cấp quản lý cao nhất

Công tác đề cử và lựa chọn nhân sự cấp cao tại VietinBank được thực hiện tuân thủ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, Quy chế Quản trị nội bộ VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VietinBank cũng như quy định pháp luật có liên quan. Các tiêu chuẩn và điều kiện đối với TV HĐQT, BKS, BDH được quy định cụ thể, tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo tính đa dạng, độc lập và phù hợp với đặc thù HĐKD của VietinBank.

Các danh sách ứng viên HĐQT, BKS được xin ý kiến NHNN trước khi trình ĐHĐCĐ. Công tác bầu cử (theo hình thức dẫn phiếu) được tiến hành công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank. Các TV HĐQT sẽ được đào tạo và giám sát chặt chẽ trong quá trình thực thi quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

Trong năm 2025, ĐHĐCĐ thường niên 2025 của VietinBank đã thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Thành - TV HĐQT và bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Anh vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029. Cùng với đó, Đại hội cũng bầu bổ sung 3 TV BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029, bao gồm các ông/bà sau: Ông Nguyễn Hải Đăng, bà Phạm Thị Thu Huyền và bà Mai Hương Thảo,. Các TV HĐQT và BKS được lựa chọn đều có trình độ tại nhiều lĩnh vực khác nhau, kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

2 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

HĐQT VietinBank đều là những chuyên gia Tài chính - Ngân hàng trong nước và quốc tế có nhiều kinh nghiệm trong mọi lĩnh vực, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và gắn bó, tâm huyết với chiến lược PTBV của Ngân hàng, cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho NĐT, đối tác, khách hàng, CBNV và cộng đồng, xã hội.

- Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HĐQT-NHCT-VP HĐQT1. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCP. NV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). Số cổ phiếu sở hữu ở bảng dưới đây được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).
- Từ 15/5/2025 đến 31/12/2025, theo Quyết định số 2122/QĐ-NHNN và 2123/QĐ-NHNN ngày 15/5/2025 của NHNN, VietinBank có 8 người đại diện phần vốn Nhà nước (ông Trần Minh Bình - 25%; ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - 15%; ông Trần Văn Tấn - 10%; ông Lê Thanh Tùng - 10%; ông Nguyễn Thế Huân - 10%; bà Phạm Thị Thanh Hoài - 10%; ông Nguyễn Văn Anh - 10%; ông Nguyễn Việt Dũng - 10%).

Cụ thể:

STT	HỌ VÀ TÊN (BAO GỒM CHỨC VỤ)	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT	1.251.717.599	16,1160%
	Sở hữu cá nhân	5.015	0,000065%
	Đại diện 25% vốn Nhà nước (*)	1.251.712.584	16,1159%
2	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - TV HĐQT kiêm TGD	751.027.553	9,6695%
	Sở hữu cá nhân	4	0,00000005%
	Đại diện 15% vốn Nhà nước (*)	751.027.549	9,6695%
3	Ông Trần Văn Tấn - TV HĐQT	500.685.032	6,4464%
	Đại diện cá nhân	0	0%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%
4	Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT	500.685.032	6,4464%
	Sở hữu cá nhân	0	0%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%
5	Ông Nguyễn Thế Huân - TV HĐQT	500.685.032	6,4464%
	Sở hữu cá nhân	0	0%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài - TV HĐQT	500.685.221	6,4464%
	Sở hữu cá nhân	189	0,000002%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%

7	Ông Nguyễn Văn Anh - TV HĐQT	500.685.032	6,4464%
	Sở hữu cá nhân	0	0%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%
8	Ông Nguyễn Việt Dũng - TV HĐQT	500.685.032	6,4464%
	Sở hữu cá nhân	0	0%
	Đại diện 10% vốn Nhà nước (*)	500.685.032	6,4464%
9	Ông Koji Iriguchi - TV HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%
10	Ông Takeo Shimotsu - TV HĐQT	0	0%
11	Ông Cát Quang Dương - TV độc lập HĐQT	0	0%
TỔNG CỘNG		5.006.855.533	64,4636%

- Tính đến ngày 31/12/2025, có 1 TV HĐQT VietinBank đang nắm giữ chức vụ quản lý tại công ty khác là bà Phạm Thị Thanh Hoài - kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào).
- Tại thời điểm ngày 31/12/2025, VietinBank có 1 TV độc lập HĐQT là ông Cát Quang Dương.
- Thay đổi TV HĐQT trong năm 2025: Xem tại phần Giới thiệu nhân sự - trang 31.
- Cơ cấu HĐQT có 9/11 là TV không điều hành (chiếm tỷ lệ 82%), 1/11 TV là nữ (chiếm tỷ lệ 9%). HĐQT có 2 nhân sự là đại diện của cổ đông chiến lược - MUFG Bank, với kinh nghiệm quản lý đa quốc gia tại tập đoàn tài chính hàng đầu thế giới.



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, VietinBank đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2025 để kiện toàn nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029. Ngay sau các ĐHCĐ, HĐQT đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho các TV HĐQT, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, minh bạch, phù hợp và hoạt động hiệu quả của HĐQT. Các TV HĐQT giúp HĐQT tổ chức thực hiện hoạt động giám sát đối với BDH trong việc triển khai các chủ trương, định hướng, chính sách được ban hành theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại khu vực, mảng công việc được phân công giám sát, đảm bảo nguyên tắc không làm thay vai trò chỉ đạo, điều hành của BDH.

Các TV HĐQT VietinBank được phân công phụ trách các nội dung sau:

TV HĐQT	NHIỆM VỤ
Ông Trần Minh Bình Chủ tịch HĐQT	- Là người đứng đầu hệ thống, người đại diện theo pháp luật, người phát ngôn của VietinBank, chỉ đạo, quản lý toàn diện hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. - Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, phụ trách các lĩnh vực công tác: + Xây dựng chiến lược, các chính sách, kế hoạch thuộc thẩm quyền HĐQT; các công việc lớn, quan trọng, những vấn đề có tính chất chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác. + Công tác xây dựng thể chế, cơ chế chính sách; cơ cấu, mô hình tổ chức; VHDN. + Quản trị doanh nghiệp; quản trị nguồn lực: vốn, tài chính, công nghệ, nhân sự; QTRR và các sự kiện, sự cố/nguy cơ rủi ro trọng yếu, các việc/vụ việc rủi ro có tính cấp cấp bách, đột xuất, bất ngờ trong quản trị toàn hàng. + Công tác tái cơ cấu ngân hàng; quản trị sự thay đổi; thúc đẩy đổi mới, CDS; chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hiện đại hóa hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực và hiệu quả hoạt động bộ máy. + Công tác khách hàng; thương hiệu; quan hệ đối tác, hợp tác; góp vốn, mua cổ phần; xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản. + Công tác phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra. + Điều hòa mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, HĐQT, BDH và các tổ chức chính trị, đoàn thể. + Chủ trì, xem xét các trường hợp đặc biệt, ngoại lệ trước khi quyết định hợp HĐQT/lấy ý kiến TV HĐQT.
	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Phụ trách toàn diện hoạt động điều hành của BDH, GD khối; điều hành hoạt động hằng ngày của VietinBank theo các nghị quyết, kế hoạch do HĐQT phê duyệt và quy định của VietinBank. Chịu trách nhiệm toàn diện trước HĐQT, pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm với vai trò TGD và công tác chỉ đạo, điều hành đối với TV BDH, GD khối VietinBank.
Ông Trần Văn Tấn TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến lĩnh vực phê duyệt tín dụng và đầu tư. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 6.
Ông Lê Thanh Tùng TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến các lĩnh vực: Tài chính, công tác rủi ro, thông tin truyền thông. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 7.
Bà Phạm Thị Thanh Hoài TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến các lĩnh vực: Chiến lược phát triển SPDV và chuyển dịch cơ cấu kinh doanh, quan hệ cổ đông, chuyển đổi số. - Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 3.

TV HĐQT	NHIỆM VỤ
Ông Nguyễn Thế Huân TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến các lĩnh vực: Vận hành; pháp chế; tuân thủ; xử lý nợ xấu - nợ XLRR; các vấn đề liên quan đến rủi ro, pháp lý, tuân thủ và các vụ án, vụ việc có liên quan đến Khối nội chính. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 1, 2.
Ông Nguyễn Văn Anh TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến các lĩnh vực: Kinh doanh vốn, quản lý vốn góp và hoạt động của các Công ty con (bao gồm VietinBank Lào), Ngân hàng Indovina, CN Đức. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 4.
Ông Nguyễn Việt Dũng TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến các lĩnh vực: Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức bộ máy, chính sách quản trị, công tác tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, VHDN. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 8.
Ông Koji Iriguchi TV HĐQT kiêm Phó TGD	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Trực tiếp phụ trách, giám sát mảng hoạt động liên quan đến chiến lược hợp tác khai thác KHDN FDI và KHDN Việt Nam và triển khai hợp tác toàn diện giữa MUFG Bank và VietinBank.
Ông Takeo Shimotsu TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm.
Ông Cát Quang Dương TV HĐQT	- Giúp việc Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc được ủy nhiệm. - Giám sát hoạt động của BDH tại Khu vực 5.

Định kỳ hằng năm, HĐQT thực hiện đánh giá kết quả hoạt động của các TV HĐQT dựa trên các công việc thực hiện, bao gồm **(i)** Kết quả hoạt động theo quyền hạn, trách nhiệm của TV HĐQT; **(ii)** Giám sát các mảng công việc được phân công; **(iii)** Giám sát theo các chuyên đề. Dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng TV HĐQT, HĐQT sẽ quyết định mức thù lao, các khoản lợi ích trên cơ sở đảm bảo tuân thủ pháp luật và nghị quyết ĐHCĐ.



2 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT VietinBank đã hoạt động tích cực và tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định liên quan về chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025

Năm 2025, HĐQT VietinBank đã triệu tập 1 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào ngày 18/4/2025. Tại cuộc họp, ĐHĐCĐ của VietinBank đã thảo luận và thông qua các nội dung sau:

• ĐHĐCĐ thường niên 2025 (Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ)

- » Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024 và định hướng phát triển năm 2025; Báo cáo của BDH về kết quả HĐKD năm 2024, định hướng và kế hoạch năm 2025; Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025.
- » Các BCTC năm 2024 được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán các TCTD Việt Nam tại ngày 31/12/2024 và cho giai đoạn từ ngày 1/1/2024 đến ngày 31/12/2024 của VietinBank đã được kiểm toán.
- » Việc ủy quyền cho HĐQT VietinBank quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư 51/2024/TT-NHNN và thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 và được cập nhật đến thời điểm lựa chọn để thực hiện soát xét BCTC bán niên, kiểm toán BCTC và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày BCTC của VietinBank năm 2026.
- » Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 VietinBank đang trình Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- » Mức thù lao năm 2025 đối với HĐQT và BKS tối đa bằng 0,25% LNST năm 2025 của VietinBank.
- » Việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2025 của VietinBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc các đợt chào bán.
- » Phương án tăng VDL thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016 VietinBank đang trình Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- » Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
- » Công tác nhân sự VietinBank:
 - + Miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 đối với ông Nguyễn Đức Thành để bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank kể từ ngày 18/4/2025.
 - + Bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Anh vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 18/4/2025.
 - + Bầu bổ sung vào BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029: Ông Nguyễn Hải Đăng, bà Phạm Thị Thu Huyền, bà Mai Hương Thảo, ông Đào Xuân Tuyên. Trong đó: **(i)** Ông Nguyễn Hải Đăng, bà Phạm Thị Thu Huyền TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 là kể từ ngày 18/4/2025; **(ii)** Ông Đào Xuân Tuyên thực hiện quyền và nghĩa vụ của TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 sau khi có văn bản phê duyệt chủ trương của Đảng ủy Chính phủ và Quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy VietinBank thôi phân công nhiệm vụ Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy VietinBank; **(iii)** Bà Mai Hương Thảo là TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 1/7/2025.



ĐHĐCĐ đã diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ và minh bạch. Các thông tin về ĐHĐCĐ được công bố đầy đủ, kịp thời trên website VietinBank bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để mọi cổ đông đều có thể tiếp cận thông tin và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp tại VietinBank.

Định kỳ tổ chức họp HĐQT nhằm đánh giá HĐKD và đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời

Trong năm 2025, HĐQT VietinBank đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ để đánh giá kết quả kinh doanh, đưa ra các định hướng, chỉ đạo hoạt động, trao đổi về một số nội dung, chuyên đề phục vụ công tác quản trị. Số lượng cuộc họp đã tổ chức trong năm là 11 cuộc họp, tỷ lệ tham gia họp của các TV HĐQT đều ở mức cao.

Công tác tổ chức họp định kỳ HĐQT đều được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank. Các TV HĐQT nghiêm túc tham dự đầy đủ và biểu quyết theo đúng quy trình. Sau các cuộc họp, Văn phòng HĐQT sẽ có trách nhiệm lưu giữ biên bản họp và triển khai Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đến các đơn vị liên quan trong toàn hàng.

Lấy ý kiến TV HĐQT bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT VietinBank cũng thực hiện phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản theo tổ trình của TGD, Ủy ban, Hội đồng cấp cao. Số lượng Nghị quyết do HĐQT ban hành trong năm 2025 là 407 (đã bao gồm 11 Nghị quyết của các cuộc họp định kỳ HĐQT). Các Nghị quyết của HĐQT được phê duyệt đều tuân thủ theo quy định pháp luật, trên tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo tính minh bạch, dân chủ trong công tác quản trị vì lợi ích của cổ đông và VietinBank.



2 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Số lượng cuộc họp HĐQT và phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản như sau:

STT	TV HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ TV HĐQT	NGÀY KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	– Nhiệm kỳ 2014 – 2019: 8/12/2018; – Nhiệm kỳ 2019 – 2024: 23/4/2019; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.		407/407	100%	
2	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	TV HĐQT kiêm TGD	– Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 17/10/2024		407/407	100%	
3	Ông Trần Văn Tấn	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 23/4/2019; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024		407/407	100%	
4	Ông Lê Thanh Tùng	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 3/11/2021; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.	23/04/2024	404/407	99,3%	– Không tham gia họp HĐQT 03 buổi (ngày 5/6/2025, 7/7/2025, 5/9/2025) vì lý do cá nhân.
5	Ông Nguyễn Thế Huân	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 23/4/2019; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.		406/407	99,8%	– Không tham gia họp HĐQT 1 buổi (ngày 8/4/2025) vì đi công tác.
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 23/4/2019; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.		401/407	98,5%	– Không lấy ý kiến đối với 6 Nghị quyết HĐQT liên quan đến giao dịch với VietinBank Lào do xung đột lợi ích.
7	Ông Nguyễn Đức Thành (1)	Nguyên TV HĐQT Phó TGD	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 29/4/2022; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.	18/4/2025	102/407	25,1%	– Không tham gia họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản kể từ ngày 18/4/2025 (không còn là TV HĐQT).
8	Ông Koji Iriguchi	TV HĐQT kiêm Phó TGD	– Nhiệm kỳ 2019–2024: 2/6/2023; – Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024		404/407	99,3%	– Không tham gia họp HĐQT 1 buổi (ngày 8/4/2025) vì đi công tác. – Không lấy ý kiến đối với 2 Nghị quyết HĐQT liên quan đến giao dịch với MUFG do xung đột lợi ích.

STT	TV HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ TV HĐQT	NGÀY KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
9	Ông Takeo Shimotsu	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024		404/407	99,3%	– Không tham gia họp HĐQT 1 buổi (ngày 5/12/2025) vì đi công tác. – Không lấy ý kiến đối với 2 Nghị quyết HĐQT có liên quan đến MUFG do xung đột lợi ích.
10	Ông Cát Quang Dương	TV độc lập HĐQT	– Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 27/4/2024.		407/407	100%	
11	Ông Nguyễn Việt Dũng	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 17/10/2024.		406/407	99,8%	– Không tham gia họp HĐQT 1 buổi (ngày 5/2/2025) vì đi công tác.
12	Ông Nguyễn Văn Anh (2)	TV HĐQT	– Nhiệm kỳ 2024 – 2029: 17/10/2024.		305/407	74,9%	– Không tham gia họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản trước ngày 18/4/2025 (chưa là TV HĐQT).

Ghi chú:

(1) Ông Nguyễn Đức Thành tham gia họp HĐQT trực tiếp và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản kể từ ngày 1/1/2025 đến hết ngày 17/4/2025.

(2) Ông Nguyễn Văn Anh tham gia họp HĐQT trực tiếp và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản kể từ ngày 18/4/2025 (ngày bắt đầu là TV HĐQT).

– Tổng số cuộc họp trong năm 2025 của HĐQT là **407** cuộc, gồm **11** cuộc họp trực tiếp hằng tháng và **396** lần lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung và kết quả biểu quyết của các cuộc họp được trình bày cụ thể tại Phụ lục 01, Báo cáo Quản trị Công ty năm 2025 đã được CBTT trên trang web Quan hệ NĐT của VietinBank tại đường link: <https://investor.vietinbank.vn/vi/governancereports2.aspx>

– Ông Koji Iriguchi là TV HĐQT cư trú; ông Takeo Shimotsu là TV HĐQT không cư trú.

– Từ ngày 1/1/2025 đến hết ngày 17/4/2025: HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 – 2029 có 11 TV gồm: Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – TV HĐQT kiêm TGD, ông Trần Văn Tấn – TV HĐQT, ông Lê Thanh Tùng – TV HĐQT, ông Nguyễn Thế Huân – TV HĐQT, bà Phạm Thị Thanh Hoài – TV HĐQT, **ông Nguyễn Đức Thành – TV HĐQT**, ông Nguyễn Việt Dũng – TV HĐQT, ông Koji Iriguchi – TV HĐQT kiêm Phó TGD, ông Takeo Shimotsu – TV HĐQT và ông Cát Quang Dương – TV độc lập HĐQT.

– Từ ngày 18/4/2025 đến hết ngày 31/12/2025: HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 – 2029 có 11 TV gồm: Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – TV HĐQT kiêm TGD, ông Trần Văn Tấn – TV HĐQT, ông Lê Thanh Tùng – TV HĐQT, ông Nguyễn Thế Huân – TV HĐQT, bà Phạm Thị Thanh Hoài – TV HĐQT, **ông Nguyễn Văn Anh – TV HĐQT**, ông Nguyễn Việt Dũng – TV HĐQT, ông Koji Iriguchi – TV HĐQT kiêm Phó TGD, ông Takeo Shimotsu – TV HĐQT và ông Cát Quang Dương – TV độc lập HĐQT.

– VietinBank nhiệm kỳ 2024 – 2029 hiện có 1 TV độc lập HĐQT (được ĐHCĐ thường niên 2024 và nhiệm kỳ 2024 – 2029 thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHCĐ ngày 27/04/2024). Theo quy định tại Khoản 1, Điều 69, Luật các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (Luật các TCTD năm 2024) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 thì “HĐQT phải có tối thiểu 2 TV độc lập”. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 8, Điều 210, Luật các TCTD năm 2024 thì “HĐQT của TCTD được bầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 69 của Luật này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT”. Như vậy, HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 – 2029 tiếp tục được hoạt động với 1 TV độc lập HĐQT cho đến hết nhiệm kỳ.

Giám sát hoạt động đối với BDH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH được thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế về hoạt động giám sát của HĐQT VietinBank. Theo đó, TV HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT, Đoàn giám sát giúp HĐQT thực hiện hoạt động giám sát thường xuyên theo kế hoạch giám sát hằng năm và đột xuất; Văn phòng HĐQT là đơn vị tham mưu, giúp HĐQT trong việc tổ chức, thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT; các cá nhân, đơn vị chịu sự giám sát được thông báo về kế hoạch giám sát hằng năm hoặc đột xuất của HĐQT, phân công nhiệm vụ giám sát của TV HĐQT. Trên cơ sở kế hoạch giám sát hằng năm hoặc giám sát đột xuất, HĐQT thực hiện hoạt động giám sát thông qua các hình thức sau:

- **Xem xét báo cáo:** TV HĐQT, Ủy ban trực thuộc HĐQT xem xét báo cáo theo phạm vi giám sát được phân công hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT đối với từng báo cáo cụ thể. Sau khi xem xét báo cáo, TV HĐQT, Ủy ban trực thuộc HĐQT lập báo cáo kết quả giám sát gửi Chủ tịch HĐQT hoặc báo cáo kết quả giám sát tại cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT.
- **Họp với cá nhân, đơn vị chịu sự giám sát:** Chủ tịch HĐQT hoặc TV HĐQT tham gia họp với cá nhân, đơn vị chịu sự giám sát. Sau cuộc họp, TV HĐQT báo cáo Chủ tịch HĐQT về các vấn đề phát sinh liên quan đến nội dung giám sát được thảo luận trong cuộc họp để xử lý, chỉ đạo giải quyết hoặc báo cáo HĐQT tại cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất
- **Đoàn giám sát:** Căn cứ kế hoạch giám sát hằng năm được HĐQT phê duyệt hoặc khi phát sinh yêu cầu giám sát đột xuất, Chủ tịch HĐQT quyết định thành lập Đoàn giám sát để thực hiện hoạt động giám sát. Thành phần Đoàn giám sát gồm: Trưởng đoàn là Chủ tịch HĐQT hoặc một TV HĐQT. Sau khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát lập Báo cáo kết quả giám sát để trình Chủ tịch HĐQT. Trên cơ sở đó, Chủ tịch HĐQT quyết định tổ chức cuộc họp toàn thể HĐQT để xem xét, thảo luận, xử lý theo thẩm quyền đối với các nội dung đề xuất tại Báo cáo kết quả giám sát.

Công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT trong năm 2025 được thực hiện toàn diện, sát sao, hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát cấp cao tại VietinBank. Trong năm 2025, HĐQT triển khai 17 chuyên đề giám sát trong các hoạt động trọng yếu và các chủ điểm trọng tâm của ngân hàng, bao gồm: **(i)** Tăng trưởng thu nhập lõi đảm bảo hiệu quả bền vững; **(ii)** Tăng mức độ gắn kết của khách hàng, trở thành ngân hàng chính; **(iii)** Quản trị nguồn lực hiệu quả; (iv) Tăng cường năng lực QTRR. Theo đó, các TV HĐQT, Ủy ban giúp việc HĐQT được phân công triển khai giám sát theo các chuyên đề, báo cáo HĐQT định kỳ hằng tháng hoặc theo yêu cầu cụ thể tại kế hoạch giám sát.

Trong năm 2025, các TV HĐQT đã tăng cường vai trò định hướng, giám sát, phối hợp chặt chẽ với các TV BDH để thúc đẩy kinh doanh, triển khai công tác PDCA liên tục đảm bảo bám sát tiến độ kế hoạch đề ra, nhanh chóng giải quyết và tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho CN. Các TV HĐQT (theo phạm vi giám sát được phân công) đã kịp thời nắm bắt, ghi nhận thông tin, kịp thời giúp HĐQT xem xét, phê duyệt những nội dung thuộc thẩm quyền để hỗ trợ BDH và các đơn vị khắc phục, giải quyết các điểm nghẽn trong quá trình hoạt động.

Trong thời gian tới, công tác giám sát của HĐQT đối với BDH sẽ tiếp tục tập trung vào giám sát các chuyên đề đối với các chủ điểm nền tảng và lĩnh vực hoạt động trọng yếu của ngân hàng.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 – 2029 có 1 TV độc lập HĐQT là ông Cát Quang Dương.

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của TV độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành và hệ thống cơ chế, quy chế quản trị nội bộ VietinBank, TV độc lập HĐQT VietinBank đã tham gia đầy đủ vào các hoạt động của HĐQT VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định nội bộ của VietinBank và phân công của Chủ tịch HĐQT. Cụ thể:

- **Về thực hiện quyền, nghĩa vụ của TV HĐQT theo quy định**

- » Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, đưa ra ý kiến/biểu quyết đối với các nội dung được thảo luận với ý thức bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ và trên tinh thần xây dựng VietinBank phát triển, an toàn, hiệu quả, bền vững.
- » Về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT được biểu quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Đã nghiên cứu, xem xét đầy đủ toàn diện hồ sơ kèm theo phiếu lấy ý kiến và đưa ra ý kiến nhận xét/biểu quyết một cách độc lập, bảo đảm đúng pháp luật, quy định nội bộ của VietinBank và đảm bảo tiến độ.

- **Về thực hiện nhiệm vụ TV độc lập HĐQT**

- » Đã thực hiện giám sát việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến TV HĐQT đối với toàn bộ các hồ sơ thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt, bảo đảm chuẩn xác đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank và ký đầy đủ vào các biên bản kiểm phiếu.
- » Thực hiện việc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT theo đúng quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank.

- **Về thực hiện nhiệm vụ là TV Ủy ban QLRR trực thuộc HĐQT**

- » Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ủy ban QLRR và đưa ra ý kiến độc lập về các nội dung thảo luận;
- » Tham gia đầy đủ và đảm bảo tiến độ những ý kiến đối với các nội dung mà Ủy ban QLRR yêu cầu, tích cực đóng góp trong việc xây dựng chiến lược, chính sách, quy trình QLRR của VietinBank.

- **Về hoạt động giám sát đối với hoạt động của BDH theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT:**

- » Giám sát đối với BDH trong việc triển khai các chủ trương, định hướng, chính sách được ban hành theo các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các CN Khu vực 5;
- » Tham gia đầy đủ các cuộc họp thúc đẩy công tác kinh doanh, công tác thu hồi xử lý nợ và xem xét đầy đủ các báo cáo của BDH về các công việc liên quan đến quản lý các CN tại Khu vực 5 với vai trò giám sát; qua đó đã đưa ra các đánh giá và đề xuất với HĐQT để chỉ đạo.

Với tính chất độc lập khi tham gia HĐQT, vai trò của TV độc lập trong HĐQT VietinBank đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng, tính khách quan, minh bạch của các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.



ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC ÁP DỤNG QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2025, HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 được kiện toàn lại, đồng thời tiếp tục thực hiện công tác quản trị, chỉ đạo và giám sát BDH triển khai kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Qua đó, cùng với sự nỗ lực của toàn hệ thống, VietinBank đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao và hiệu quả, đảm bảo vận hành an toàn trước những biến động trong nước và quốc tế.

• Về việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh

Trong bối cảnh nền kinh tế năm 2025 còn nhiều khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả gắn với kiểm soát rủi ro; chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, thực hiện CDS, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập và mở rộng các kênh phục vụ hiện đại; chủ động tối ưu hiệu quả sử dụng chi phí và tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản; tiếp tục triển khai quyết liệt Phương

án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025 và đẩy nhanh các giải pháp cơ cấu lại, tạo điều kiện tiếp tục tăng trưởng an toàn, hiệu quả. Với sự chỉ đạo quyết liệt trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh ngay từ đầu năm và nỗ lực chung của toàn hệ thống, VietinBank đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong kinh doanh năm 2025. LNTT riêng lẻ đạt 41,1 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 35,5% so với năm 2024, hoàn thành 127% kế hoạch ĐHĐCĐ 2025. Ngân hàng tập trung tăng trưởng thu nhập lõi đảm bảo hiệu quả bền vững; tăng mức độ gắn kết khách hàng, trở thành ngân hàng chính; quản trị nguồn lực hiệu quả trên cơ sở tăng năng suất lao động và quản trị chi phí hiệu quả khi tỷ lệ CIR duy trì ở mức thấp (30,4%); tăng cường năng lực QTRR trên cơ sở kiểm soát chất lượng nợ. Thu hồi nợ XLRR hợp nhất đạt 10 nghìn tỷ đồng, tăng 17,9% so với năm 2024 và là số thu lớn nhất trong lịch sử thu XLRR.

• Hoạt động quản trị doanh nghiệp

VietinBank luôn chú trọng đến việc xây dựng các quy định nội bộ, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, NHNN, điều lệ và các quy định nội bộ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong mọi hoạt động. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống quản trị nội bộ, điều hành và kiểm soát hoạt động một cách hiệu lực và hiệu quả, với sự phân định trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT, BKS và BDH.

- » Cơ chế giám sát của HĐQT đã được triển khai có kết quả trong năm 2025, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát cấp cao tại VietinBank, đảm bảo kiểm soát toàn diện các nội dung trọng yếu, đặc biệt về quản trị hiệu quả hoạt động, CLDV, QTRR, thu hồi xử lý nợ rủi ro.
- » HĐQT có tiêu chí đánh giá cụ thể về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng TV HĐQT. Hiện HĐQT VietinBank có 11 TV, trong đó có 1 TV độc lập HĐQT, với kinh nghiệm và chuyên môn đa dạng, phù hợp với yêu cầu của pháp luật. TV độc lập HĐQT luôn chủ động, tích cực tham gia các hoạt động của HĐQT trong định hướng hoạt động của Ngân hàng.

- » HĐQT VietinBank thành lập đầy đủ các ủy ban chuyên môn trực thuộc với sự phân công trách nhiệm và thẩm quyền rõ ràng, kịp thời có những đề xuất hiệu quả nhằm cải thiện hoạt động, bảo đảm an toàn, bền vững. HĐQT và các ủy ban chuyên môn thực hiện họp định kỳ tối thiểu hằng quý hoặc khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban.
- » Các TV BDH cùng CN thúc đẩy HĐKD, phát huy mạnh mẽ hơn trong việc quản lý toàn diện hoạt động, hỗ trợ tối đa cho CN từ công tác khách hàng, thúc đẩy việc thực hiện các chỉ tiêu cho đến chỉ đạo các khối TSC trong việc hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, tồn tại cho CN.
- » VietinBank thực hiện tuân thủ các quy định về CBTT, đảm bảo cổ đông được đối xử bình đẳng và được tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện các quyền của mình. ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã được tổ chức thành công, đúng thời hạn quy định.
- » VietinBank luôn chú trọng công tác nhân sự, với chính sách tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm và lộ trình thăng tiến rõ ràng. Trong năm 2025, HĐQT đã có các chỉ đạo, Nghị quyết về kiện toàn mô hình tổ chức, chính sách sắp xếp lại lao động của VietinBank hướng tới mục tiêu tinh gọn, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ VietinBank. Chính sách lương của VietinBank tiếp tục được điều chỉnh theo hướng giao quỹ lương theo năng suất lao động, nâng trần quỹ lương của CN, thúc đẩy tiền lương thúc đẩy bán (SI) cho cán bộ bán tại CN.
- » Năm 2025, hoạt động CDS tại VietinBank bước vào giai đoạn tăng tốc thông qua: Triển khai hơn 90 sáng kiến CDS với 64 sáng kiến vận hành chính thức, 99% giao dịch thanh toán được thực hiện qua kênh số; thực hiện giải pháp kiện toàn, chuyên môn hóa đối với các bộ phận CNTT và dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu CDS thông qua thành lập Khối Dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh nền tảng công nghệ, dữ liệu thông qua vận hành quản trị dữ liệu, nâng cao năng lực ứng dụng AI toàn hàng; tập trung hiện đại hóa hạ tầng thanh toán nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, an ninh và an toàn hệ thống.

Với những kết quả tích cực đã đạt được trong năm 2025, tôi rất tin tưởng rằng trong năm 2026 và các năm tới, VietinBank sẽ có những bứt phá mạnh mẽ, bền vững.



ĐÁNH GIÁ CỦA TV HĐQT KOJI IRIGUCHI – ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC MUFG BANK

Quản trị doanh nghiệp là nền tảng quan trọng giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp khi thực thi chiến lược PTBV. Bên cạnh đó, đây cũng là một yếu tố rất quan trọng để thu hút nguồn vốn vào thị trường và doanh nghiệp, đồng thời giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, QLRR hiệu quả và tạo dựng uy tín với các NĐT, đặc biệt là các tổ chức quốc tế. Với tư cách là TV HĐQT, đồng thời là đại diện của MUFG Bank – đối tác chiến lược nước ngoài của VietinBank, chúng tôi đánh giá cao hệ thống quản trị doanh nghiệp của Ngân hàng và đặc biệt nỗ lực của tập thể HĐQT, BDH cùng toàn thể các CBNV trong việc xây dựng VietinBank trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại và hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam và thuộc Top ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương, không chỉ về hiệu quả kinh doanh; mà còn về hệ thống quản trị doanh nghiệp, QLRR, quản lý tuân thủ.

Trong năm 2025, VietinBank đã, đang và tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị công ty (QTCT) theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. VietinBank nhận thức rằng: QTCT tốt là một trong những yếu tố xây dựng niềm tin đối với cổ đông, khách hàng, NĐT, nhân viên và các bên có liên quan. Đây là yếu tố then chốt tạo lợi thế cạnh

tranh và nâng tầm vị thế của VietinBank trên thị trường tài chính – ngân hàng. Mô hình quản trị của VietinBank luôn đề cao các yếu tố minh bạch, an toàn và hiệu quả. Theo đó, VietinBank không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật; mà còn hướng đến “vượt trên tuân thủ” để áp dụng các chuẩn mực quốc tế cao hơn về QTCT. Hiện nay, VietinBank đang tích cực tham chiếu các thông lệ, chuẩn mực tốt nhất của trong nước và quốc tế về QTCT như: Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất do UBCKNN và IFC phát hành, Quy tắc QTCT của OECD, Thẻ điểm QTCT khu vực ASEAN... Dựa trên đánh giá hằng năm, VietinBank xác định điểm cần cải thiện để không ngừng hoàn thiện cơ cấu quản trị phù hợp.

Bên cạnh đó, VietinBank đang chủ động định hướng hoạt động theo các mục tiêu khí hậu toàn cầu. HĐQT tiếp tục tăng cường giám sát các vấn đề liên quan đến tài chính xanh và rủi ro khí hậu, đảm bảo các hoạt động của ngân hàng hỗ trợ quá trình chuyển đổi của Việt Nam hướng tới nền kinh tế phát thải ròng bằng không.

Công tác quản trị điều hành các hoạt động của Ngân hàng được phân cấp thẩm quyền cụ thể, rõ ràng và có cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ lẫn nhau đảm bảo việc triển khai thực hiện đạt được các mục tiêu đề ra theo định hướng, chiến lược kinh doanh của VietinBank trong từng thời kỳ. Hoạt động kiểm tra, giám sát cũng thường xuyên được đánh giá, kiện toàn và nâng cao hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ. Các đơn vị tham gia hoạt động giám sát, bao gồm các TV HĐQT, TV BDH được phân công giám sát theo các chuyên đề, chủ điểm được đánh giá định kỳ thông qua việc sử dụng thẻ điểm KPIs làm thước đo để đánh giá hiệu quả công việc.

Là doanh nghiệp niêm yết với số lượng cổ đông lớn, VietinBank luôn hướng đến minh bạch thông tin theo đúng quy định, đáp ứng quyền của cổ đông, NĐT, thu hút sự quan tâm của NĐT đối với cổ phiếu CTG, từ đó tối đa hóa giá trị của ngân hàng cũng như nâng cao giá trị cổ đông. Ngân

hàng luôn xác định duy trì đối thoại chủ động, minh bạch với cổ đông và NĐT là yếu tố then chốt nhằm xây dựng niềm tin và PTBV. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, chúng tôi càng chú trọng đa dạng hóa các kênh giao tiếp để đảm bảo thông tin được truyền tải kịp thời, chính xác và nhất quán tới NĐT.

Hiện nay, VietinBank sử dụng đồng thời nhiều kênh để kết nối với cộng đồng NĐT. Đầu tiên là các báo cáo định kỳ như BCTC, BCTN, báo cáo PTBV... được công bố trên website Quan hệ NĐT và cổng thông tin của UBCKNN/các Sở giao dịch chứng khoán. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tổ chức các hội nghị cập nhật kết quả kinh doanh định kỳ hằng quý/hằng năm, tham gia các sự kiện kết nối doanh nghiệp – NĐT do các công ty chứng khoán uy tín trên thị trường tổ chức, duy trì các buổi làm việc trực tiếp, trao đổi thông tin gián tiếp (qua email/điện thoại) với NĐT trong và ngoài nước... Những hoạt động này không chỉ là cơ hội để VietinBank chia sẻ kết quả kinh doanh, định hướng/chiến lược dài hạn; mà còn là dịp lắng nghe và ghi nhận phản hồi từ cổ đông, NĐT.

Ngoài ra, VietinBank còn có chuyên trang IR với giao diện hiện đại, chuyên nghiệp tại địa chỉ <http://investor.vietinbank.vn>, giúp cung cấp thông tin cập nhật, phong phú, hữu ích, dễ tra cứu cho cổ đông, NĐT. Ngân hàng cũng đang nghiên cứu để tăng cường ứng dụng công nghệ và nền tảng số để cập nhật thông tin nhanh chóng, thuận tiện hơn cho cổ đông, NĐT trong và ngoài nước.

Trong thời gian qua, Ngân hàng cũng tiếp tục nâng cao hơn nữa hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực vốn, năng lực QTRR, đảm bảo hệ thống QLRR hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, cam kết lợi ích cao nhất cho khách hàng. Trong bối cảnh đẩy mạnh CDS, HĐQT xác định ANM và Bảo mật dữ liệu là những vấn đề trọng yếu trong công tác quản trị. Để giữ vững niềm tin vào Ngân hàng, VietinBank đảm bảo các nền tảng số dành cho NĐT và khách hàng được hỗ trợ bởi hệ thống kiểm soát nội bộ mạnh mẽ và các tiêu chuẩn an ninh quốc tế. Các đại diện của MUFG Bank tại VietinBank liên tục chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi, thảo luận về thực tiễn quản trị và vận hành tại MUFG Bank – một trong những ĐCTC toàn cầu lớn nhất thế giới, với mong muốn đảm bảo VietinBank luôn giữ vị thế tiên phong trong quản trị doanh nghiệp, mang lại giá trị bền vững và độ an toàn cao nhất cho cổ đông và khách hàng.



CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

VietinBank có **9 Ủy ban trực thuộc HĐQT** là: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban QLRR, Ủy ban Chính sách, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có, Ủy ban CNTT, Ủy ban CLDV, Ủy ban Quản lý vốn góp, Ủy ban Quản lý chất lượng nợ. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật. HĐQT đánh giá trong năm 2025, các Ủy ban đã phối hợp chặt chẽ với các phòng/ban, bộ phận có liên quan để thực hiện đầy đủ, kịp thời, có kết quả các chức năng, nhiệm vụ theo quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành. Qua đó, các Ủy ban thuộc HĐQT đã giúp HĐQT tăng cường hiệu quả quản trị, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với các đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát của HĐQT trong hệ thống VietinBank. Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

**QT****Ủy ban Nhân sự**

Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc

HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT về xây dựng chính sách nhân sự, tuyển chọn và bố trí các chức danh nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT; giúp HĐQT thực hiện giám sát việc triển khai cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank.

Về thành phần

- + Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự;
- + TGD và 1 TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự;

+ Các TV trong Ủy ban hiện là 4 TV HĐQT, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Phó TGD kiêm GD khối CNTT, PGD Khối Nhân sự kiêm Trưởng Phòng Phát triển nhân sự, Phó Ban Thường trực Ban Tổ chức Đảng ủy, Trưởng Phòng Chính sách nhân sự và Phát triển tổ chức, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi, GD các Khối và tương đương.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Nhân sự đã tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong các công tác sau:

- + Tinh gọn, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng chuyên môn hóa cao, đảm bảo hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng với các thay đổi của thị trường.
- + Tái cơ cấu mạng lưới PGD hướng tới tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của VietinBank trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
- + Tiếp tục triển khai đề án tinh gọn, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ VietinBank, trọng tâm là tinh giản biên chế; tái cơ cấu nguồn nhân lực; thúc đẩy nâng cao năng suất lao động; phát triển nhân tài gắn với kiểm soát tăng trưởng lao động và cơ cấu nhân sự toàn hàng; đổi mới toàn diện hệ thống chính sách về nhân sự, tiền lương.
- + Kiện toàn nhân sự HĐQT, BDH, BKS VietinBank; nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT quản lý tại các đơn vị trong hệ thống VietinBank đảm bảo tuân thủ đúng quy định, quy trình của VietinBank.
- + Triển khai các sáng kiến CDS gắn với mảng nhân sự theo lộ trình, số hóa công tác quản lý nhân sự, nghiên cứu áp dụng AI trong lĩnh vực nhân sự.

Định hướng hoạt động trong năm 2026.

Ủy ban Nhân sự sẽ tiếp tục tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hiệu quả Đề án tinh gọn, đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực VietinBank; đồng thời tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT quản lý, quy hoạch mạng lưới PGD và CN đảm bảo tuân thủ đúng quy định, gia tăng hiệu quả hoạt động của VietinBank.

02 Ủy ban QLRR



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu để xuất cho HĐQT trong công tác QLRR.

Về thành phần

- + 1 TV HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban QLRR;
- + Các TV trong Ủy ban hiện là TV độc lập HĐQT, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự, Phó TGD phụ trách Khối CNTT, Phó TGD phụ trách Khối QLRR, GD Khối QLRR, GD Khối Pháp chế và Tuân thủ, Trưởng Phòng Phát triển nhân sự, Trưởng Phòng KTKSNB.

Các hoạt động trong năm 2025

Ủy ban QLRR họp định kỳ hàng quý cũng như bất thường để thảo luận, thống nhất các nội dung tham mưu, đề xuất HĐQT trong công tác QLRR. Trong 2025, Ủy ban QLRR đã chủ động tham mưu cho HĐQT nhiều chủ trương, chính sách, chỉ đạo về hoạt động QLRR như:

- + Xây dựng định hướng tín dụng; quản trị chất lượng nợ và chuyển dịch danh mục tín dụng; kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược QLRR 2024 - 2026; kiện toàn hệ thống VBCS QLRR phù hợp với sửa đổi tại các VBCS của Cơ quan quản lý và pháp luật; đẩy mạnh công tác QLRR CNTT; tăng cường các biện pháp để kiểm soát, giảm thiểu rủi ro gian lận.
- + Với vai trò Chủ nhiệm Ủy ban rủi ro thuộc Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, Ủy ban QLRR đã tích cực phối hợp và tham gia các hoạt động chuyên môn cùng các NHTM TV thuộc Ủy ban rủi ro. Thông qua các cuộc họp định kỳ, sự kiện và hội thảo chuyên đề, VietinBank đã góp phần tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn QLRR, đồng thời tiếp cận các thông lệ về công tác QLRR từ các NHTM/đơn vị tư vấn cùng tham dự. Những hoạt động này không chỉ củng cố năng lực QLRR của VietinBank; mà còn tạo giá trị lan tỏa cho toàn hệ thống ngân hàng, góp phần thúc đẩy QTRR ngày càng chuyên nghiệp và hội nhập theo các chuẩn mực quốc tế.
- + Chủ động theo dõi, đánh giá rủi ro và tham mưu kịp thời cho HĐQT nhiều nội dung quan trọng nhằm bảo đảm hoạt động VietinBank an toàn, hiệu quả và phù hợp thông lệ thị trường, đồng thời hỗ trợ triển khai các dự án trọng điểm để giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Ủy ban QLRR định hướng tiếp tục nâng cao vai trò tham mưu chiến lược, thúc đẩy áp dụng thông lệ quốc tế về QTRR, đồng thời tăng cường giám sát và bảo đảm thực thi hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro nhằm duy trì tăng trưởng ổn định, bền vững trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động.

03 Ủy ban Chính sách



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo tính phù hợp, đầy đủ, đồng bộ của các VBCS của VietinBank.

Về thành phần

- + 1 TV HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách.
- + 1 Phó TGD là Phó Chủ nhiệm.
- + Các TV trong Ủy ban là Trưởng các Phòng: Quản lý Tuân thủ; KTKSNB; QLRR tín dụng, đầu tư; Pháp chế; Chính sách Kế toán và Tiền tệ kho quỹ; Phát triển giải pháp KHDN; Phát triển sản phẩm Bán lẻ; Chính sách nhân sự và Phát triển tổ chức.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Chính sách tập trung thực hiện:

- + Theo dõi, nắm bắt thay đổi quy định của pháp luật, xu hướng thị trường trong công tác số hóa, nhận diện đánh giá tác động của các văn bản pháp luật mới điều chỉnh có ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng, bao gồm các Luật, Nghị định, Thông tư. Từ đó, tham mưu HĐQT xây dựng kế hoạch điều chỉnh các VBCS nội bộ, cũng như chỉ đạo BDH điều chỉnh kịp thời các quy định nội bộ có liên quan, đảm bảo hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, cũng như thúc đẩy HĐKD.
- + Trực tiếp xem xét, đánh giá kế hoạch điều chỉnh VBCS của các khối/phòng/ban và giám sát tiến độ thực hiện ban hành theo kế hoạch.
- + Kiểm soát cây thư mục VBCS đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, hạn chế việc ban hành VBCS tràn lan, ảnh hưởng tới người sử dụng.
- + Tiếp tục phối hợp trong triển khai CDS để tham mưu cho HĐQT trong công tác xây dựng lại quy trình hoạt động nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao trải nghiệm người dùng, giảm thiểu các bước tác nghiệp không cần thiết, đồng thời kiểm soát rủi ro.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Trong năm 2026, Ủy ban Chính sách sẽ triển khai các công việc sau:

- + Tiếp tục tham mưu cho HĐQT trong công tác xây dựng, điều chỉnh VBCS kịp thời, phù hợp với thay đổi của quy định pháp luật; kiểm soát cây VBCS hiện hành của VietinBank đảm bảo nguyên tắc tinh gọn.
- + Tham mưu cho HĐQT chỉ đạo BDH tiếp tục cải tiến hệ thống công cụ quản lý VBCS, đảm bảo tính đầy đủ, nhất quán và bảo mật.



Ủy ban Chiến lược



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc HĐQT trong công tác xây dựng, giám sát triển khai chiến lược, MTBP, kế hoạch kinh doanh và chủ điểm trọng tâm hằng năm, giải quyết các điểm nghẽn trong hoạt động của VietinBank.

Về thành phần

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược.

+ 1 TV HĐQT là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là TV HĐQT kiêm TGD, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự, 4 TV HĐQT, TV HĐQT kiêm Phó TGD, TV HĐQT, các Phó TGD, Phó TGD kiêm GD Khối CNTT, Phó TGD kiêm GD Khối Tài chính, Chánh VP HĐQT, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025

Ủy ban Chiến lược đã thảo luận, đánh giá về môi trường vĩ mô, ngành và hoạt động nội tại có ảnh hưởng đến việc triển khai chiến lược của VietinBank; giám sát triển khai các chủ điểm trọng tâm năm 2025 về cả khía cạnh kinh doanh và khía cạnh nền tảng; trao đổi về các điểm nghẽn trong mô hình kinh doanh và tham mưu cho HĐQT phương hướng giải quyết.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Trong thời gian tới, Ủy ban Chiến lược sẽ tiếp tục thực hiện, nâng cao vai trò:

- + Tham mưu HĐQT trong việc theo dõi đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các tác động đến hoạt động Ngân hàng.
- + Giám sát việc triển khai các trọng tâm hoạt động, gắn kết với kế hoạch hành động của các đơn vị ở cấp toàn hàng.
- + Xây dựng và giám sát triển khai các định hướng lớn, kế hoạch kinh doanh, giải pháp trọng tâm của VietinBank trong năm kế hoạch tiếp theo.



Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT trong công tác quản lý tài sản nợ - tài sản có.

Về thành phần

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có.

+ TV HĐQT kiêm TGD và 1 TV HĐQT là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là TV HĐQT, TV HĐQT kiêm Phó TGD, Phó TGD kiêm GD Khối Tài chính, GD Khối KHDN, GD Khối Bán lẻ, GD Khối Kinh doanh vốn và Thị trường, GD Khối QLRR, Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có đã triển khai các hoạt động sau:

- + Tham mưu HĐQT các định hướng, biện pháp: **(i)** Tối ưu hiệu quả danh mục Tài sản nợ - Tài sản có; **(ii)** Theo dõi sát diễn biến chỉ số rủi ro toàn hàng.
- + Tham mưu HĐQT các biện pháp quản trị RRTK, RRLS và RRTT, định hướng điều hành chính sách lãi suất của VietinBank đối với khách hàng và chính sách định giá điều chuyển vốn nội bộ, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu HĐKD, đảm bảo lợi ích tổng thể của VietinBank.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Trong thời gian tới, Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có sẽ tiếp tục các hoạt động sau:

- + Tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời tham mưu HĐQT chỉ đạo, triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả bảng cân đối của VietinBank.
- + Nâng cao công tác đảm bảo kiểm soát rủi ro tuân thủ các quy định nội bộ và quy định của cơ quan quản lý.

Ủy ban CNTT



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT đối với các nội dung liên quan đến CNTT của VietinBank, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, tối ưu về nguồn lực và QTRR CNTT hiệu quả.

Về thành phần

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban CNTT.

+ 1 TV HĐQT là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là TV HĐQT, TV HĐQT kiêm TGD, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự, TV HĐQT kiêm Phó TGD, Phó TGD kiêm GD Khối CNTT, Phó TGD kiêm GD Khối Tài chính, GD Khối KHDN, GD Khối Bán lẻ, GD Khối Mua sắm và Quản lý Tài sản, GD Nhà máy số, Trưởng Phòng Phát triển nhân sự, GD Trung tâm Phát triển phần mềm, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban CNTT đã triển khai các hoạt động sau:

+ Tham mưu cho HĐQT các nội dung liên quan đến CNTT bao gồm: đảm bảo an ninh an toàn bảo mật CNTT; nâng cao năng lực CNTT, quản trị dữ liệu; theo dõi, đánh giá việc thực thi các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và hiệu quả hoạt động CNTT.

+ Tổ chức các cuộc họp định kỳ, tổ chức thảo luận phân tích, đánh giá, kiểm tra giám sát và thúc đẩy hoạt động CNTT; báo cáo, kiến nghị HĐQT các nội dung về gắn ứng dụng CNTT với các HĐKD, các chuyên đề về dữ liệu, vận hành liên tục, đảm bảo an toàn an ninh hệ thống...

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Ủy ban CNTT sẽ tiếp tục theo sát và tham mưu cho HĐQT chỉ đạo, giám sát triển khai các nội dung về CNTT, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; QTRR CNTT, an toàn bảo mật thông tin của Ngân hàng; việc đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm; nâng cao năng lực CNTT của VietinBank.

Ủy ban CLDV



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản lý CLDV toàn hàng, nâng cao năng lực nền tảng hoạt động, gắn kết với chiến lược kinh doanh và sự PTBV của Ngân hàng.

Về thành phần

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban CLDV.

+ 1 TV HĐQT kiêm TGD và 1 TV HĐQT là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là TV HĐQT, TV HĐQT kiêm Phó TGD, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự, các Phó TGD, GD Khối KHDN, GD Khối Bán lẻ, GD Khối QLRR, Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Ủy ban CLDV tập trung thực hiện các hoạt động sau:

+ Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT các chủ điểm cũng như những định hướng đổi mới, cải tiến nâng cao CLDV cho VietinBank như: kiện toàn cơ chế hoạt động quản trị CLDV xuyên suốt từ cấp Ủy ban đến cấp Hội đồng CLDV TSC, Hội đồng CLDV CN; hoàn thiện cơ chế, quy định về CBTT, xử lý truyền thông khi xảy ra các sự kiện ảnh hưởng tới CLDV; nâng cao năng lực và chất lượng xử lý khiếu nại phàn nàn; điều chỉnh cách thức đo lường và tính KPI về CLDV cho các CN.

+ Tổ chức các cuộc họp định kỳ, báo cáo kết quả đánh giá CLDV và hoạt động quản lý chất lượng trên tất cả các kênh, các điểm chạm tiếp xúc với khách hàng; hoàn thiện báo cáo tự động các chỉ số đo lường CLDV trên 5 kênh; phân tích nguyên nhân; thảo luận và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó báo cáo và kiến nghị HĐQT một số định hướng nhằm cải thiện CLDV.

+ Giám sát tiến độ triển khai Dự án Trải nghiệm khách hàng (CX) theo đúng kế hoạch, bảo đảm hoàn thành các mốc lộ trình đề ra.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Ủy ban CLDV tiếp tục nâng cao vai trò tham mưu cho HĐQT trong việc định hướng xây dựng hoạt động quản lý CLDV một cách toàn diện, cụ thể:

+ Tiếp tục tham mưu cho HĐQT trong việc định hướng xây dựng hoạt động quản lý CLDV một cách toàn diện về mọi mặt (từ chất lượng bán hàng, chất lượng SPDV cung cấp cho khách hàng, chất lượng vận hành cho đến chất lượng CSKH trên tất cả các kênh), công tác ứng dụng CNTT, CDS trong việc cải tiến quy trình, thủ tục nâng cao trải nghiệm của khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ.

+ Giám sát kết quả triển khai các giải pháp cải thiện CLDV, nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với SPDV của VietinBank; từ đó góp phần thúc đẩy HĐKD, xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Ngân hàng.

08 Ủy ban Quản lý vốn góp



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của VietinBank tại công ty con và đưa ra các định hướng tổng thể nhằm tái cơ cấu, thúc đẩy, gia tăng giá trị phần vốn góp của VietinBank tại các công ty con.

Về thành phần

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý vốn góp.

+ 1 TV HĐQT kiêm TGD là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là TV HĐQT, TV HĐQT kiêm GD khối Nhân sự, Phó

TGD, Phó TGD kiêm GD Khối CNTT, Phó TGD kiêm GD Khối Tài chính, GD Khối Kinh doanh vốn và Thị trường, GD Khối KHDN, GD Khối Bán lẻ, GD Khối QLRR, Đồng GD VietinBank CN Đức, các Chủ tịch, TGD Công ty con/ngân hàng con, Chủ tịch HĐQT Indovina, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025:

Trong năm 2025, Ủy ban Quản lý vốn góp đã tập trung thực hiện:

+ Tổ chức họp, thảo luận, đánh giá thực trạng của các đơn vị nhận vốn góp từ VietinBank, xác định các điểm nghẽn trọng tâm cần giải quyết và tham mưu cho HĐQT phương hướng giải quyết.

+ Thảo luận, thống nhất định hướng chiến lược dài hạn đối với hoạt động góp vốn, trong đó tập trung nâng cao năng lực hoạt động lõi và nâng cao vị thế của các đơn vị nhận vốn góp; thảo luận, thống nhất về định hướng phát triển hệ sinh thái nhằm gia tăng sức mạnh toàn hệ thống, gia tăng SPDV phục vụ đa nhu cầu khách hàng VietinBank.

+ Giúp việc cho HĐQT trong việc điều phối các công việc triển khai mang tính chiến lược, tổng thể để phù hợp với định hướng, thực tế hoạt động của hệ thống VietinBank và đơn vị nhận vốn của VietinBank.

Định hướng hoạt động trong năm 2026:

Trong thời gian tới, Ủy ban Quản lý vốn góp sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động sau:

+ Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao vai trò tham mưu HĐQT trong việc giám sát việc triển khai các giải pháp của các đơn vị nhận vốn, gắn kết với mục tiêu chiến lược của hệ thống VietinBank và đạt được mục tiêu chiến lược của các đơn vị nhận vốn VietinBank.

+ Phát huy vai trò tham mưu HĐQT để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc của các đơn vị nhận vốn trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược.

09 Ủy ban Quản lý chất lượng nợ



Chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác nhận diện rủi ro, kiểm soát chất lượng nợ; quản lý thu hồi, xử lý nợ toàn hàng; giám sát, đánh giá hiệu quả công tác thu hồi, xử lý nợ; đưa ra các định hướng tổng thể nhằm nâng cao chất lượng tín dụng và hiệu quả công tác thu hồi, xử lý nợ của VietinBank.

Về thành phần:

+ Chủ tịch HĐQT VietinBank là Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý chất lượng nợ.

+ 1 TV HĐQT kiêm TGD và 1 TV HĐQT là Phó Chủ nhiệm.

+ Các TV trong Ủy ban là 2 TV HĐQT, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự, Phó TGD, Phó GD phụ trách Khối Pháp chế và Tuân thủ, GD Khối QLRR, Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị thay đổi.

Các hoạt động trong năm 2025:

Ủy ban quản lý chất lượng nợ đã tham mưu cho HĐQT về định hướng tổng thể, kế hoạch, giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác QTRR và thu hồi, xử lý nợ trong hệ thống VietinBank; giám sát, đánh giá tiến độ, hiệu quả triển khai các giải pháp QTRR và thu hồi, xử lý nợ trong hệ thống VietinBank.

Định hướng hoạt động trong năm 2026:

Ủy ban quản lý chất lượng nợ sẽ tập trung thực hiện các hoạt động sau:

+ Tiếp tục tham mưu cho HĐQT về định hướng tổng thể, kế hoạch, giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác QTRR và thu hồi, xử lý nợ trong hệ thống VietinBank.

+ Giám sát, đánh giá tiến độ, hiệu quả triển khai các giải pháp QTRR và thu hồi, xử lý nợ trong hệ thống VietinBank; tham mưu các biện pháp nâng cao hiệu quả phù hợp.

2 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, Quy chế Quản trị nội bộ VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank, HĐQT đã bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty theo quy định. Đến thời điểm ngày 31/12/2025, Người phụ trách Quản trị Công ty là ông Trần Minh Đức - Chánh Văn phòng HĐQT, phụ trách Văn phòng HĐQT và tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong các hoạt động của HĐQT và trong công tác quản trị công ty.

Chức năng, nhiệm vụ chính:

- Hỗ trợ, tham mưu cho HĐQT trong công tác tổ chức ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.
- Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ/HĐQT, tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT phù hợp với quy định.
- Tổ chức lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các hồ sơ tài liệu liên quan khác theo quy định.
- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; hỗ trợ TV HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Hỗ trợ HĐQT các công việc liên quan giữa VietinBank và cổ đông; xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động CBTT của VietinBank; tham mưu, triển khai việc CBTT của VietinBank theo quy định.
- Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT, nghị quyết HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và TV BKS theo quy định.

Hoạt động của Người phụ trách Quản trị Công ty trong năm 2025

Năm 2025, Người phụ trách Quản trị Công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Ngân hàng và yêu cầu của HĐQT, cụ thể như sau:

- Tham mưu cho HĐQT công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 và các cuộc họp HĐQT theo quy định.
- Tham dự và/hoặc tổ chức ghi chép, lập biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát và báo cáo HĐQT các hoạt động xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; triển khai nghĩa vụ CBTT của VietinBank theo quy định pháp luật.
- Tổ chức lưu trữ, các hồ sơ, tài liệu, biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các hồ sơ tài liệu liên quan khác theo quy định.
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và TV BKS theo quy định.
- Hỗ trợ HĐQT trong công tác ban hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp; tham mưu, giúp việc HĐQT trong việc giám sát, theo dõi, báo cáo định kỳ về việc thực hiện các nghị quyết đã ban hành/các công việc HĐQT giao triển khai.
- Nghiên cứu, đề xuất HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị nội bộ của VietinBank phù hợp với các quy định pháp luật.
- Triển khai Hệ thống giám sát công việc của HĐQT VietinBank (EMS) để thực hiện công tác giao việc, giám sát, báo cáo tình hình triển khai các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của HĐQT.

Định hướng hoạt động của Người phụ trách Quản trị Công ty trong năm 2026

Thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc cho HĐQT, trong năm 2026, Người phụ trách Quản trị Công ty sẽ tiếp tục hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị nội bộ, công tác quan hệ NĐT và cổ đông và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của Người phụ trách Quản trị Công ty và chỉ đạo của HĐQT.



ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2025, Ban Lãnh đạo VietinBank cùng các Lãnh đạo phòng/ban/đơn vị tại TSC và các CN đã tham dự các khóa học, chương trình hội nghị, hội thảo, tọa đàm do các đơn vị trong nước và quốc tế, các đối tác chiến lược tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến để cập nhật, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về quản trị công ty. Do vậy, Ban Lãnh đạo VietinBank và các cấp quản lý của VietinBank đã liên tục cập nhật các kiến thức mới và chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế nhằm không ngừng cải tiến, tiếp thu, chọn lọc và ứng dụng và thực tế tình hình quản trị, điều hành HĐKD tại VietinBank.

Một số chương trình Ban Lãnh đạo, các cấp quản lý và Ban Thư ký HĐQT & QHCD của VietinBank đã và đang tham dự trong năm 2025 được liệt kê dưới đây:

STT	TÊN KHÓA HỌC	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	THỜI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH	SỐ LƯỢNG NGƯỜI THAM GIA
1	Nâng cao năng lực Lãnh đạo thông qua đọc sách	VietinBank	137 ngày	5 người
2	Lãnh đạo quản trị hiệu quả trong kỷ nguyên AI	VietinBank	1 ngày	4 người
3	Tọa đàm MUFG Now: Chiến lược đổi mới bền vững hướng tới bứt phá xanh	VietinBank và MUFG Bank	1 ngày	1 người
4	Tọa đàm Kinh nghiệm quốc tế và vai trò của hệ thống ngân hàng trong xây dựng Trung tâm Tài chính	Thời báo Ngân hàng	1 ngày	1 người
5	Hội thảo giới thiệu Cẩm nang quản trị công ty 2024	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	1 ngày	2 người
6	Khóa học chuyên sâu dành cho thư ký quản trị công ty	Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD)	1,5 ngày	2 người
7	Nâng cao năng lực Lãnh đạo và Quản trị trên các nền tảng Udemy Busines, Coursera, Fonos	VietinBank	321 ngày	3 người
8	Hội thảo khoa học “Vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong các ngành trọng yếu của nền kinh tế”	Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương và Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội	1 ngày	1 người
9	Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	1 buổi	2 người
10	Khóa học ESG Pioneers	MCG Management Consulting	7 buổi	2 người
11	Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty lần thứ 8	Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD)	1 ngày	2 người
12	Hội nghị truyền thông Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	1 buổi	1 người

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai các khóa học về quản trị công ty do UBCKNN và các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới tổ chức; đẩy mạnh tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm dành cho Ban Lãnh đạo và các cấp quản lý của VietinBank nhằm nâng cao kiến thức về quản trị, xây dựng và quản trị chiến lược, hướng đến xây dựng VietinBank là một trong những ngân hàng hàng đầu của Việt Nam, phát triển an toàn, bền vững, chủ động hội nhập quốc tế.

PHƯƠNG HƯỚNG, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2026

Với định hướng chiến lược phát triển rõ ràng, trong năm 2026 và các năm tiếp theo, HĐQT VietinBank tập trung thực hiện các công việc sau:



3 - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- **Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành VietinBank**

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của VietinBank trong quản trị, điều hành để thực hiện theo định hướng và mục tiêu tài chính của VietinBank đã được ĐHĐCĐ thông qua. Căn cứ kết quả giám sát cho thấy về cơ bản HĐQT, TGD đã chỉ đạo, điều hành HĐKD của VietinBank theo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định của Luật các TCTD và Điều lệ. BKS đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau: **(i)** Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cập nhật thông tin, tình hình HĐKD của VietinBank, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH; **(ii)** Rà soát VBCS, xem xét các Nghị quyết của HĐQT; **(iii)** Chỉ đạo hoạt động KTNB.

- **Giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB**

Trong năm 2025, BKS thường xuyên chỉ đạo và giám sát hoạt động KTNB theo chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch KTNB đã được phê duyệt. Công tác giám sát của quản lý cấp cao đối với KTNB được triển khai thông qua vai trò người phụ trách đoàn KTNB, qua đó, kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cũng như đánh giá điểm đạt được/hạn chế của KTNB để rút kinh nghiệm kịp thời qua mỗi đoàn kiểm toán.

- **Thẩm định BCTC**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, trong năm 2025, BKS đã thành lập tổ thẩm định BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và thẩm định BCTC cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 trên cơ sở BCTC đã được công ty kiểm toán độc lập. Thông qua thẩm định, BKS đã đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, tính đầy đủ và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.

- **Giám sát thực trạng tài chính và các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động**

Giám sát thực trạng tài chính và các hạn chế để đảm bảo an toàn được BKS thực hiện thường xuyên và/hoặc định kỳ, qua đó giám sát việc thực hiện mục tiêu tài chính theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và kế hoạch của NHNN giao, các hạn chế để đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật, thông qua việc thường xuyên cập nhật thông tin tình hình triển khai HĐKD, các chỉ tiêu tài chính được giao. Từ đó nắm bắt đầy đủ thực trạng và tình hình HĐKD của VietinBank, có ý kiến về các tồn tại, rủi ro trong HĐKD và công tác quản trị điều hành, kiến nghị/khuyến nghị các giải pháp để khắc phục hạn chế, tồn tại, đảm bảo tăng trưởng an toàn bền vững.

- **Giám sát thông qua và thực hiện các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ, HĐQT**

Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ và những nhiệm vụ mới theo Luật các TCTD, BKS đã thực hiện: **(i)** Rà soát hợp đồng, giao dịch với NCLQ của VietinBank thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; **(ii)** Rà soát giao dịch giữa VietinBank với Công ty trong đó TV HĐQT, TGD, người điều hành khác là TV sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; **(iii)** Giám sát việc thông qua các dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác.

Kết quả rà soát cho thấy trình tự, thủ tục, thẩm quyền thông qua đúng quy định của pháp luật, Điều lệ. Đối với các giao dịch với NCLQ, việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT thông qua phù hợp thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

- **Cập nhật danh sách cổ đông lớn và NCLQ của TV HĐQT, TV BKS, TV BDH**

Việc cập nhật danh sách những NCLQ của TV HĐQT, TVBKS, TV BDH và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank đã được BKS thực hiện định kỳ trên cơ sở phối hợp, trao đổi thông tin với Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông. Kết quả theo dõi, cập nhật cho thấy so với thời điểm cuối năm 2024, danh sách những NCLQ của VietinBank trong năm 2025 có một số thay đổi do có sự thay đổi TV HĐQT, TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 và TV BDH. Cụ thể:

- » Ông Nguyễn Đức Thành thôi giữ chức vụ TV HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 để đảm nhiệm chức vụ Phó TGD VietinBank kể từ ngày 18/4/2025.
- » Ông Nguyễn Văn Anh được bầu làm TV HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 18/4/2025.
- » Ông Nguyễn Hải Đăng và bà Phạm Thị Thu Huyền được bầu làm TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 18/4/2025.
- » Ông Dương Văn Quân và bà Nguyễn Bảo Thanh Vân được bổ nhiệm làm Phó TGD VietinBank kể từ ngày 28/5/2025.
- » Bà Đặng Thị Việt Hà được bổ nhiệm làm Phó TGD VietinBank kể từ ngày 1/6/2025.
- » Bà Mai Hương Thảo được bầu làm TV BKS VietinBank nhiệm kỳ 2024 - 2029 kể từ ngày 1/7/2025.
- » Ngày 8/10/2025, VietinBank nhận được Đơn xin từ nhiệm chức vụ TV BKS của bà Phạm Thị Thơm kể từ ngày 1/11/2025 để nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH. VietinBank đã thực hiện CBTT theo Công văn số 987/HĐQT-NHCT-VPHQQT1 ngày 8/10/2025. HĐQT VietinBank sẽ thực hiện báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.

Danh sách này đã được BKS cập nhật kịp thời và lưu giữ đầy đủ theo quy định.

- **Rà soát hợp đồng, giao dịch với NCLQ thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ**

Trong năm 2025, BKS rà soát các hợp đồng giữa VietinBank và NCLQ là tổ chức (công ty con, công ty liên kết, cổ đông lớn). Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT thông qua phù hợp thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

Ngoài ra, **trong công tác phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác**, các bên liên quan đã trao đổi thông tin đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ. BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, cuộc họp giao ban hằng tháng của BDH; tham gia với tư cách khách mời trong cuộc họp của một số Ủy ban thuộc HĐQT, Hội đồng thuộc TGD. BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, trao đổi thông tin trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của VietinBank. Trên cơ sở kết quả giám sát, hoạt động KTNB, BKS đã có những kiến nghị/khuyến nghị các giải pháp, tư vấn hỗ trợ HĐQT, BDH nâng cao công tác quản trị điều hành, kiểm soát rủi ro, triển khai các giải pháp cần thiết để khắc phục những tồn tại, hạn chế, hỗ trợ Chủ tịch HĐQT, TGD có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai các biện pháp thúc đẩy kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược, kiểm soát rủi ro có hiệu quả, nâng cao chất lượng và an toàn hoạt động Ngân hàng.

PHƯƠNG HƯỚNG, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2026

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, định hướng, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2026, trong năm 2026, BKS sẽ phần đầu tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- **Thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và chỉ đạo của NHNN**

- » Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của VietinBank trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước; giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật TCTD 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động; Giám sát công tác tổ chức và triển khai thực hiện Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025; Giám sát thực trạng tài chính, kết quả triển khai kế hoạch kinh doanh, thẩm định BCTC hằng năm.
- » Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo/yêu cầu của NHNN tại các văn bản cảnh báo, khuyến nghị. Xây dựng kế hoạch KTNB toàn diện các mặt hoạt động trên cơ sở định hướng theo rủi ro và bám sát các chỉ đạo của NHNN.

- » Tiếp tục tăng cường công tác kiểm toán, giám sát đối với các mặt hoạt động nhằm phát hiện, nhận diện các rủi ro, cảnh báo, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, các hoạt động tiềm ẩn rủi ro, trong đó tập trung một số rủi ro trọng yếu như: RRTD, RRTK, RRHĐ... (đặc biệt lưu ý đối với hoạt động cấp tín dụng, lĩnh vực cho vay bất động sản, nhóm khách hàng và người liên quan, dự thu lãi, cơ cấu phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro...). Tiếp tục giám sát thông qua hệ thống thông tin, báo cáo, nhận diện và kiểm soát kịp thời các vấn đề có tác động trọng yếu đến hoạt động ngân hàng để có kiến nghị/khuyến nghị và xây dựng biện pháp ứng xử phù hợp.
- » Tiếp tục thực hiện cơ chế trao đổi thông tin với HĐQT, BĐH để nắm bắt thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động, tình hình triển khai các chỉ đạo của NHNN, phát huy tối đa vai trò trách nhiệm của BKS.
- » Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các tồn tại, hạn chế theo yêu cầu, kiến nghị của các đơn vị ngoại ngành và kiến nghị/khuyến nghị nội bộ của BKS, KTNB.

- **Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của bộ phận KTNB**

- » Thực hiện vai trò giám sát cấp cao đối với KTNB đảm bảo công tác KTNB hoàn thành kế hoạch hằng năm đã được phê duyệt, các báo cáo KTNB phải đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chuẩn mực KTNB (chính xác, khách quan, rõ ràng, súc tích, mang tính xây dựng, đầy đủ và kịp thời).
- » Tiếp tục nâng cao năng lực CNTT và ứng dụng AI trong hoạt động kiểm toán, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, triển khai các giải pháp làm việc theo nhóm, phát triển các công cụ, phần mềm hỗ trợ, tiếp tục đổi mới phương pháp, tư duy kiểm toán để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm toán, đảm bảo công tác kiểm toán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội bộ, bám sát định hướng chỉ đạo của NHNN.



4 - CÁC GIAO DỊCH, THU LẠO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH, CHÍNH SÁCH VỀ THU LẠO, MỨC LƯƠNG THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

HDQT, BDH, BKS được hưởng lương, thù lao, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng và các chế độ phúc lợi tại quy định hiện hành của VietinBank. Trong đó, tiền lương của các TV HDQT, TV BDH, TV BKS chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương của người quản lý VietinBank và được chi trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Mức thù lao của người quản lý thuộc đối tượng hưởng thù lao được xác định trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Tiền thưởng đối với HDQT, BDH, BKS nằm trong quỹ thưởng của người quản lý VietinBank.

Năm 2025, tỷ lệ thù lao thực tế chi trả đối với TV/HDQT, TV/BKS là 0,11% LNST (phù hợp với Điều 5, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 phê duyệt mức thù lao đối với HDQT và BKS năm 2025 tối đa bằng 0,25% LNST năm 2025). Chi tiết về nội dung này được trình bày tại Phần 7 – BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán – Thuyết minh số 42 về nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

QUẢN LÝ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, Quy chế Quản trị nội bộ VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HDQT và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VietinBank đều có quy định cụ thể về các nguyên tắc đảm bảo sự công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động quản trị, nhằm giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa các bên.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ (31/12/2024)		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ (15/01/2026) (*)		LÝ DO TĂNG, GIẢM	GHI CHÚ
			SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	TỶ LỆ		
1	Nguyễn Minh Thành	NCLQ của Phó TGD kiêm GĐ Khối Tài chính Nguyễn Bảo Thanh Văn (anh rể)	0	0%	0	0%	Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, ông Nguyễn Minh Thành – NCLQ (anh rể) của Phó TGD kiêm GĐ Khối Tài chính Nguyễn Bảo Thanh Văn sở hữu 0 cổ phiếu (0%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong năm 2025, ông Nguyễn Minh Thành đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG ông Nguyễn Minh Thành sở hữu là 0 cổ phiếu (0%).
2	Mai Xuân Hiến	NCLQ của Phó TGD Đặng Thị Việt Hà (anh rể)	0	0%	159.100	0.002%	Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Ngày 29/5/2025, VietinBank đã báo cáo UBCKNN/các Sở GDCK việc ông Mai Xuân Hiến là NCLQ (anh rể) của Phó TGD Đặng Thị Việt Hà kể từ ngày 1/6/2025 (do bà Đặng Thị Việt Hà được HDQT VietinBank bổ nhiệm chức vụ Phó TGD, hiệu lực kể từ ngày 01/06/2025). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong tháng 6/2025, ông Mai Xuân Hiến đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Ngày 24/10/20225, ông Mai Xuân Hiến đã báo cáo kết quả giao dịch bán 20.200 cổ phiếu CTG và VietinBank đã CBTT báo cáo này. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG ông Mai Xuân Hiến sở hữu là 159.100 cổ phiếu (0,002%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
3	Trần Minh Đức	Chánh Văn phòng HDQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	6.300	0,0001%	17.356	0.0002%	Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, ông Trần Minh Đức sở hữu 6.300 cổ phiếu (0,0001%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong năm 2025, ông Trần Minh Đức đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG ông Trần Minh Đức sở hữu là 17.356 cổ phiếu (0,0002%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
4	Trần Thanh Phương	NCLQ của Kế toán trưởng Nguyễn Hải Hưng (vợ)	4.131	0,0001%	44	0,000001%	Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, bà Trần Thanh Phương – NCLQ (vợ) của Kế toán trưởng Nguyễn Hải Hưng sở hữu 4.131 cổ phiếu (0,0001%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong năm 2025, bà Trần Thanh Phương đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Trần Thanh Phương sở hữu là 44 cổ phiếu (0,000001%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
5	Đỗ Thị Thanh Thủy	NCLQ của Phó TGD Đỗ Thanh Sơn (em gái)	0	0%	14.000	0,0002%	Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, bà Đỗ Thị Thanh Thủy – NCLQ (em gái) của Phó TGD Đỗ Thanh Sơn sở hữu 0 cổ phiếu (0%). Ngày 15/9/2025, bà Đỗ Thị Thanh Thủy đã thực hiện mua 5.000 cổ phiếu CTG bằng hình thức giao dịch khớp lệnh. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 5.000 cổ phiếu (0,0001%). Ngày 17/9/20225, bà Đỗ Thị Thanh Thủy đã báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu CTG và VietinBank đã CBTT báo cáo này. Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, sau đó bà Đỗ Thị Thanh Thủy đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Đỗ Thị Thanh Thủy sở hữu là 14.000 cổ phiếu (0,0002%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).

4 - CÁC GIAO DỊCH, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CÚOI KỲ (31/12/2024)			SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ (15/01/2026) (*)			LÝ DO TĂNG, GIẢM	GHI CHÚ
			SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	TỶ LỆ		
6	Lê Như Hoa	Phó TGĐ	39937	0,00007%	61.548	0,00008%			Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, bà Lê Như Hoa - Phó TGĐ sở hữu 39937 cổ phiếu (0,0007%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong năm 2025, bà Lê Như Hoa đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Lê Như Hoa sở hữu là 61.548 cổ phiếu (0,0008%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
7	Dương Thị Hoa	NCLQ của Phó TGĐ Dương Văn Quân (chị gái)	0	0%	1.735	0,000002%			Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Ngày 29/5/2025, VietinBank đã báo cáo UBCKNN/các Sở GDCK việc bà Dương Thị Hoa là NCLQ (chị gái) của Phó TGĐ Dương Văn Quân kể từ ngày 28/5/2025 (do ông Dương Văn Quân được HĐQT VietinBank bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ, hiệu lực kể từ ngày 28/5/2025). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, kể từ ngày 28/5/2025 đến hết ngày 31/12/2025, bà Nguyễn Thị Thủy đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Dương Thị Hoa sở hữu là 1.735 cổ phiếu (0,000002%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
8	Nguyễn Thị Thủy	NCLQ của Phó TGĐ Dương Văn Quân (chị dâu)	0	0%	2.748	0,000004%			Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Ngày 29/5/2025, VietinBank đã báo cáo UBCKNN/các Sở GDCK việc bà Nguyễn Thị Thủy là NCLQ (chị dâu) của Phó TGĐ Dương Văn Quân kể từ ngày 28/5/2025 (do ông Dương Văn Quân được HĐQT VietinBank bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ, hiệu lực kể từ ngày 28/5/2025). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, kể từ ngày 28/5/2025 đến hết ngày 31/12/2025, bà Nguyễn Thị Thủy đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Nguyễn Thị Thủy sở hữu là 2.748 cổ phiếu (0,000004%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).
9	Trịnh Hà Anh	NCLQ của Trưởng BKS Lê Anh Hà (con gái)	0	0%	144	0,0000002%			Giao dịch khớp lệnh trên thị trường	Tại thời điểm 31/12/2024, bà Trịnh Hà Anh - NCLQ (con gái) của Trưởng BKS Lê Anh Hà sở hữu 0 cổ phiếu (0%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong năm 2025, bà Trịnh Hà Anh đã thực hiện giao dịch cổ phiếu CTG, đều có giá trị giao dịch dưới mức phải CBTT theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96. Tại thời điểm 15/1/2026, số cổ phiếu CTG bà Trịnh Hà Anh sở hữu là 144 cổ phiếu (0,0000002%) (đã bao gồm cổ tức được nhận).

Ghi chú:

(*): Ngày 25/12/2025, VietinBank đã CBTT Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết tại công văn số 1292/HĐQT-NHCT-VP HĐQT. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 7.766.944.637 cổ phiếu. Tuy nhiên, đến ngày 9/1/2026, VietinBank mới hoàn thành điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (lên 7.766.944.637 cổ phiếu), được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận tại Văn bản số 375/VSDC-ĐKCPNV. Vì vậy, tại thời điểm danh sách chốt 31/12/2025 do VSDC cung cấp cho VietinBank, tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 5.369.991.748 cổ phiếu (chưa bao gồm số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021, 2022 và giai đoạn 2009 - 2016). Số cổ phiếu sở hữu của người nội bộ và NCLQ của người nội bộ được cập nhật tại thời điểm 15/1/2026 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất do VSDC cung cấp).

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA VIETINBANK

TT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
1	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	10/1/2025	Nghị quyết số 004/NQ-HĐQT-NHCT-VP HĐQT1 ngày 10/01/2025	1. Nội dung: Thông qua Văn bản ủy quyền và Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm giữa VietinBank và VietinBank Lào. 2. Số lượng: 2 (cùng một thời điểm giao dịch). 3. Giá trị giao dịch: - Văn bản ủy quyền: Không có giá trị giao dịch cụ thể. - Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm giữa VietinBank và VietinBank Lào: Hợp đồng quy định nguyên tắc và các nội dung liên quan việc VietinBank Lào đại diện nhận TSBĐ cho VietinBank. Không cung cấp mức phí do bảo mật thông tin.
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	23/1/2025	Nghị quyết số 013/NQ-HĐQT-NHCT-VP HĐQT1 ngày 20/01/2025	1. Nội dung: Thông qua: (i) Hợp đồng hợp tác ba bên giữa VietinBank, VBI và đối tác; (ii) Phụ lục Hợp đồng đại lý bảo hiểm số 012/VIETINBANK-VBI kí ngày 26/03/2021 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 2 (cùng một thời điểm giao dịch). 3. Giá trị giao dịch: - Hợp đồng hợp tác ba bên giữa VietinBank, VBI và đối tác: Hợp đồng triển khai dịch vụ không có giá trị giao dịch cụ thể. - Phụ lục Hợp đồng đại lý bảo hiểm số 012/VIETINBANK-VBI kí ngày 26/03/2021 giữa VietinBank và VBI: Phụ lục cụ thể hóa một số nội dung liên quan đến Hợp đồng nên không có số lượng, giá trị giao dịch cụ thể.
3	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	Hợp đồng hạn mức ký ngày 28/2/2025, có hiệu lực đến hết ngày 7/2/2026 (giao dịch từ ngày 28/2/2025 đến hết ngày 7/2/2026).	Nghị quyết số 040/NQ-HĐQT-NHCT-VP HĐQT1 ngày 28/02/2025	1. Nội dung: Thông qua hợp đồng hạn mức giao dịch ngoại tệ giữa VietinBank và VietinBank Lào. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Các giao dịch trên LNH phát sinh liên tục theo nhu cầu của 2 bên. Không cung cấp số lượng và giá trị giao dịch do bảo mật thông tin.
4	Công ty CP Chứng khoán NHTMCP Công Thương Việt Nam (CTS)	Công ty con của VietinBank	Đây là mẫu Hợp đồng nên không có thời điểm giao dịch	Nghị quyết số 041/NQ-HĐQT-NHCT-VP HĐQT1 ngày 03/03/2025	1. Nội dung: Thông qua nội dung mẫu Hợp đồng tư vấn ba bên giữa Khách hàng, VietinBank và CTS. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Mẫu Hợp đồng triển khai dịch vụ không có giá trị giao dịch cụ thể.
5	Công ty CP Chứng khoán NHTMCP Công Thương Việt Nam (CTS)	Công ty con của VietinBank	10/4/2025	Nghị quyết số 087/NQ-HĐQT-NHCT-VP HĐQT1 ngày 28/03/2025	1. Nội dung: Thông qua dự thảo nội dung "Hợp đồng đặt lệnh giao dịch chứng khoán cho NĐT lưu ký tại ngân hàng lưu ký" giữa VietinBank TP. Hà Nội và CTS. 2. Số lượng: 1 3. Giá trị giao dịch: Hợp đồng triển khai dịch vụ không có giá trị giao dịch cụ thể.

4 - CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

TT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
6	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	22/4/2025	Nghị quyết số 121/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 21/04/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm và Văn bản ủy quyền giữa VietinBank và VietinBank Lào. 2. Số lượng: 2 (cùng một thời điểm giao dịch). 3. Giá trị giao dịch: - Văn bản ủy quyền: Không có giá trị giao dịch cụ thể. - Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm giữa VietinBank và VietinBank Lào: Hợp đồng quy định nguyên tắc và các nội dung liên quan việc VietinBank Lào đại diện nhận TSBD cho VietinBank. Không cung cấp mức phí do bảo mật thông tin.
7	Công ty CP Chứng khoán NHTMCP Công Thương Việt Nam (CTS)	Công ty con của VietinBank	22/5/2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 15/05/2025	1. Nội dung: Thông qua Phụ lục Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn của VietinBank tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (SGP) giữa VietinBank và CTS. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Phụ lục chỉnh sửa một số nội dung liên quan đến Hợp đồng nên không có giá trị giao dịch.
8	Ngân hàng TNHH Indovina	Công ty liên kết của VietinBank	Các Hợp đồng hạn mức ký ngày 12/6/2025, có hiệu lực đến ngày 10/6/2026 (giao dịch từ ngày 12/6/2025 đến ngày 10/6/2026)	Nghị quyết số 204/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 11/06/2025	1. Nội dung: Thông qua các hợp đồng hạn mức giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giữa VietinBank và Ngân hàng TNHH Indovina. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Các giao dịch trên liên ngân hàng phát sinh liên tục theo nhu cầu của 2 bên. Không cung cấp số lượng và giá trị giao dịch do bảo mật thông tin.
9	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank Leasing)	Công ty con của VietinBank	Hợp đồng hạn mức ký ngày 16/6/2025, có hiệu lực đến hết ngày 12/6/2026 (giao dịch từ ngày 16/6/2025 đến hết ngày 12/6/2026).	Nghị quyết số 215/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 16/06/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng hạn mức giao dịch cho vay/gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng giữa VietinBank và VietinBank Leasing. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Các giao dịch trên liên ngân hàng phát sinh liên tục theo nhu cầu của 2 bên. Không cung cấp số lượng và giá trị giao dịch do bảo mật thông tin.
10	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	30/6/2025	Nghị quyết số 221/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 18/06/2025	1. Nội dung: Thông qua nội dung văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng Đại lý bảo hiểm số 01/2023/HĐDLBH ký ngày 27/6/2023 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng nên không có giá trị giao dịch cụ thể.

TT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
11	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	Hợp đồng hạn mức ký ngày 20/6/2025, có hiệu lực đến hết ngày 7/2/2026 (giao dịch từ ngày 20/6/2025 đến hết ngày 7/2/2026).	Nghị quyết số 226/NQ- HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 20/06/2025	1. Nội dung: Thông qua hợp đồng hạn mức giao dịch liên ngân hàng giữa VietinBank và VietinBank Lào. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Các giao dịch trên liên ngân hàng phát sinh liên tục theo nhu cầu của 2 bên. Không cung cấp số lượng và giá trị giao dịch do bảo mật thông tin.
12	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	30/6/2025	Nghị quyết số 239/NQ- HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 30/06/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng bảo hiểm toàn diện ngân hàng và tội phạm công nghệ (BBB&ECC) trong hệ thống VietinBank giai đoạn 2025 - 2027 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Phí Bảo hiểm: 1.446.984 USD.
13	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	18/8/2025	Nghị quyết số 324/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 18/08/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cao cấp VBI Premier Care giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Phí Bảo hiểm: 114.111.000 đồng.
14	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	9/9/2025	Nghị quyết số 325/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 19/08/2025	1. Nội dung: Thông qua Mẫu Đề nghị mở tài khoản Nostro tại VietinBank Lào. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Mẫu Đề nghị mở tài khoản Nostro không có số lượng và giá trị giao dịch cụ thể.
15	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	22/8/2025	Nghị quyết số 326/NQ-HĐQT- NHCT-VPHĐQT1 ngày 21/08/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng Bảo hiểm Tiền trong hệ thống VietinBank giai đoạn 2025 - 2026 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 5.935.805.456 đồng.
16	MUFG Bank, Ltd.	Cổ đông lớn của VietinBank	Các Hợp đồng hạn mức ký ngày 25/8/2025, có hiệu lực đến hết ngày 25/8/2026 (giao dịch từ ngày 25/8/2025 đến hết ngày 25/8/2026)	Nghị quyết số 334/NQ- HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 25/08/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng hạn mức giao dịch gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng và Hợp đồng hạn mức giao dịch ngoại tệ giữa VietinBank và Ngân hàng MUFG - CN TP. HCM. 2. Số lượng và giá trị giao dịch: Các giao dịch trên liên ngân hàng phát sinh liên tục theo nhu cầu của 2 bên. Không cung cấp số lượng và giá trị giao dịch do bảo mật thông tin.

4 - CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

TT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
17	MUFG Bank, Ltd.	Cổ đông lớn của VietinBank	25/8/2025	Nghị quyết số 335/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/08/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng khung tiền gửi bằng VND với Ngân hàng MUFG - CN TP. HCM. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: tương đương 100 triệu USD.
18	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	5/9/2025	Nghị quyết số 352/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 04/09/2025	1. Nội dung: Thông qua Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng đại lý bảo hiểm số 012/VIETINBANK-VBI ký ngày 26/03/2021 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng nên không có giá trị giao dịch cụ thể.
19	Công ty CP Chứng khoán NHTMCP Công Thương Việt Nam (CTS)	Công ty con của VietinBank	29/9/2025	Nghị quyết số 376/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 26/09/2025	1. Nội dung: Thông qua dự thảo Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, tư vấn niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng của VietinBank năm 2025 giữa VietinBank và CTS. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 940 triệu đồng.
20	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	8/10/2025	Nghị quyết số 396/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 08/10/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng bảo hiểm Lòng trung thành (BBB lớp dưới) trong hệ thống VietinBank giai đoạn 2025 - 2027 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 30.250.000.000 đồng
21	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Lào)	- Công ty con của VietinBank; - Bà Phạm Thị Thanh Hoài là TV HĐQT VietinBank (từ 2019 đến nay), kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (từ 2021 đến nay)	12/11/2025	Nghị quyết số 448/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 11/11/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm và Văn bản ủy quyền giữa VietinBank và VietinBank Lào. 2. Số lượng: 2 (cùng một thời điểm giao dịch). 3. Giá trị giao dịch: - Hợp đồng đại diện nhận Tài sản bảo đảm giữa VietinBank và VietinBank Lào: Hợp đồng quy định nguyên tắc và các nội dung liên quan việc VietinBank Lào đại diện nhận TSBĐ cho VietinBank. Không cung cấp mức phí do bảo mật thông tin. - Văn bản ủy quyền: Không có giá trị giao dịch cụ thể.
22	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	16/11/2025	Nghị quyết số 450/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 14/11/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng bảo hiểm Trách nhiệm công cộng giai đoạn 2025-2028 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 234 triệu đồng.
23	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank Leasing)	Công ty con của VietinBank	5/12/2025	Nghị quyết số 465/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 24/11/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng thế chấp giữa VietinBank và VietinBank Leasing. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Không cung cấp giá trị do vấn đề bảo mật thông tin.

TT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
24	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	1/12/2025	Nghị quyết số 480/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 01/12/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng Bảo hiểm sức khỏe VBI Care (thời gian từ ngày 1/12/2025 đến hết ngày 30/11/2026) giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 96.424.509.500 đồng.
25	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank Leasing)	Công ty con của VietinBank	23/12/2025	Nghị quyết số 487/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 05/12/2025	1. Nội dung: Thông qua Giấy đề nghị kiểm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ dành cho khách hàng tổ chức giữa VietinBank và VietinBank Leasing. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: Giấy đề nghị kiểm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ nên không có giá trị giao dịch.
26	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý NHTMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank Gold & Jewellery)	Công ty con của VietinBank	18/12/2025	Nghị quyết số 504/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 18/12/2025	1. Nội dung: Thông qua: (i) Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 990/VIETINBANK - VIETINGOLD ký ngày 09/09/2024; (ii) Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 991/VIETINBANK - VIETINGOLD ký ngày 09/09/2024 giữa VietinBank và VietinBank Gold & Jewellery. 2. Số lượng: 2 (cùng một thời điểm giao dịch). 3. Giá trị giao dịch: Văn bản sửa đổi phụ lục hợp đồng nên không có giá trị giao dịch cụ thể.
27	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (VBSE) (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CTS)	Công ty con của VietinBank	25/12/2025	Nghị quyết số 517/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 23/12/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng Đại lý Đăng ký và Đại lý Thanh toán trái phiếu phát hành ra công chúng giữa VietinBank với VBSE. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 519,2 triệu đồng.
28	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHTMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	Công ty con của VietinBank	30/12/2025	Nghị quyết số 528/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 20/12/2025	1. Nội dung: Thông qua Hợp đồng bảo hiểm Cyber Risk trong hệ thống VietinBank giai đoạn 2025-2027 giữa VietinBank và VBI. 2. Số lượng: 1. 3. Giá trị giao dịch: 20.306.022.000 đồng

5 - HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Chức năng, nhiệm vụ chính

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT, BDH về công tác giám sát, kiểm tra CN và một số đơn vị TSC theo chỉ đạo trong việc tuân thủ quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VietinBank.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động và đánh giá việc tuân thủ quy định, quy trình nội bộ của các CN trong hệ thống, nắm bắt và báo cáo cảnh báo kịp thời các vụ việc, rủi ro tiềm ẩn phát sinh tại các CN.
- Giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh.

Các hoạt động trong năm 2025

Năm 2025, bám sát định hướng, chỉ đạo của HĐQT, BDH, bộ máy KTKSNB đã tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động nghiệp vụ tại các CN và đơn vị trong hệ thống. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên, kiểm tra có trọng tâm trọng điểm thông qua các hình thức như: Giám sát thường xuyên; kiểm tra đột xuất; kiểm tra chuyên đề theo chiều nghiệp vụ; kiểm tra toàn diện các mặt hoạt động tại các đơn vị kinh doanh. Bộ máy KTKSNB đã triển khai đồng bộ các hoạt động:

- » Chủ động cải tiến về phương pháp, cách thức kiểm tra giám sát, chuyển đổi mô hình hoạt động, tinh gọn bộ máy, gắn với mục tiêu chiến lược của VietinBank.
- » Áp dụng công nghệ hiện đại trong kiểm tra, giám sát thông qua việc phân tích và khai thác sử dụng hệ thống dữ liệu lớn, ứng dụng các công cụ tự động hóa để nhận diện bất thường, rủi ro tiềm ẩn, nâng cao năng suất, hiệu quả công tác kiểm tra giám sát.
- » Chủ động trong công tác giám sát thường xuyên, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đảm bảo trúng và đúng, giúp tiết kiệm nguồn lực, phát hiện kịp thời rủi ro/vi phạm và dự đoán xu hướng rủi ro để ngăn ngừa từ sớm.

Qua đó chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đang được nâng cao. Tần suất, số lượng các cuộc kiểm tra luôn đảm bảo tính thường xuyên liên tục, thời gian kiểm tra tại CN được rút ngắn, các vấn đề về tuân thủ được chỉ ra đầy đủ. Bộ máy KTKSNB đã bảo đảm nhận diện sớm các rủi ro, tồn tại về tính tuân thủ trong hoạt động nghiệp vụ tại CN; cảnh báo, chỉ đạo CN kịp thời để có ứng xử, xử lý phù hợp, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro. Công tác kiểm tra giám sát đã góp phần hình thành văn hóa tuân thủ tại CN, tạo ra kỷ cương, kỷ luật, thúc đẩy, giám sát việc xây dựng, củng cố môi trường kiểm soát. Cơ chế phối hợp giữa các tuyến bảo vệ ngày càng được tăng cường và phát huy hiệu quả.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

- Tiếp tục đổi mới tư duy, phát huy kết quả đạt được năm 2025; triển khai các sáng kiến CDS, chủ động, sáng tạo, áp dụng công cụ, giải pháp pháp số hóa trong kiểm tra, giám sát.
- Kiên định, nhất quán trong quan điểm QTRR; bám sát định hướng, chiến lược kinh doanh của HĐQT VietinBank năm 2026 về tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả QTRR trên cơ sở nhận diện sớm rủi ro, bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Chức năng, nhiệm vụ chính

Bộ phận KTNB thực hiện chức năng KTNB trong Ngân hàng theo quy định pháp luật và các quy định của VietinBank. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ chính của bộ phận KTNB bao gồm:

- Thực hiện KTNB theo kế hoạch KTNB đã được phê duyệt và/hoặc đột xuất theo yêu cầu BKS.
- Xây dựng, rà soát trình BKS ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về KTNB.
- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD, các cá nhân, bộ phận.
- Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với KTNB.
- Lập, gửi báo cáo NHNN theo quy định của NHNN và quy định của VietinBank.

Các hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, KTNB triển khai 13 đoàn KTNB theo kế hoạch KTNB năm, 2 đoàn thẩm định BCTC theo chỉ đạo của BKS. Song song với việc triển khai các đoàn kiểm toán, KTNB vẫn thực hiện công tác giám sát thường xuyên, nhận diện các vấn đề mang tính toàn hàng, cần lưu ý, cần tăng cường kiểm soát hoặc cần có biện pháp ứng xử phù hợp để đảm bảo an toàn hoạt động của VietinBank. Trong nhiệm vụ đồn đốc khắc phục chỉnh sửa sau kiểm tra, KTNB đã tham mưu cho Ban Lãnh đạo và các đơn vị trong việc tổ chức triển khai, cung cấp bằng chứng và báo cáo kịp thời kết quả khắc phục chỉnh sửa. Ngoài ra, KTNB còn thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo ngân hàng.

Định hướng hoạt động trong năm 2026

Dự kiến năm 2026, KTNB triển khai 13 đoàn KTNB theo kế hoạch năm, 2 đoàn thẩm định BCTC theo chỉ đạo BKS. KTNB sẽ tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác, bao gồm: giám sát hoạt động định kỳ; rà soát sửa đổi các quy định nội bộ về KTNB; theo dõi, đánh giá việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra; thực hiện kiến nghị của các đơn vị kiểm tra bên ngoài đối với KTNB; lập và gửi báo cáo NHNN theo quy định.

6 - HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm, Ban Lãnh đạo VietinBank đã quán triệt tinh thần **“không có vùng cấm, không có ngoại lệ”** trong phòng chống tham nhũng và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực trong mọi mặt hoạt động. VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp như: **(i)** Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐQT và BĐH đối với công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm gắn với HĐKD; **(ii)** Tiếp tục đề cao trách nhiệm và tính gương mẫu của người đứng đầu các cấp, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi quyền lực, ngăn ngừa lạm dụng chức quyền, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; **(iii)** Kiện toàn hệ thống quy định nội bộ bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp thực tiễn để phòng ngừa rủi ro tham nhũng, tiêu cực; **(iv)** Nâng cao chất lượng công tác nhân sự, thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác một cách minh bạch, khoa học nhằm phòng ngừa tham nhũng, phát triển đội ngũ cán bộ kế cận; **(v)** Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ở tất cả các cấp, kết hợp kiểm tra, giám sát của Đảng với chuyên môn, cụ thể:

• Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu

Bám sát chủ trương, đường lối, chỉ đạo của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, NHNN và Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, Ban Thường vụ Đảng ủy và HĐQT VietinBank luôn quán triệt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động. Hằng năm, Đảng ủy VietinBank xây dựng chương trình công tác phòng chống tham nhũng của cấp ủy, trên cơ sở đó đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể trong toàn Đảng bộ... cụ thể hóa kế hoạch phòng chống tham nhũng, tiêu cực để triển khai thực hiện; từ đó kết hợp thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

VietinBank đặc biệt đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các đơn vị. Quy chế trách nhiệm của người đứng đầu trong hệ thống VietinBank đặt ra yêu cầu cán bộ lãnh đạo các cấp phải gương mẫu về phẩm chất đạo đức, lối sống và xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu, đồng thời thực hiện kiểm soát chặt chẽ quy trình quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, đặc biệt không để xảy ra tình trạng lợi dụng chức vụ để trục lợi hay bao che sai phạm.



• Kiện toàn hệ thống quy định nội bộ và công tác nhân sự

VietinBank thường xuyên rà soát, bổ sung hệ thống các văn bản quản trị nội bộ nhằm phòng ngừa rủi ro tham nhũng ngay từ khâu hoàn thiện thể chế. VietinBank ban hành đầy đủ các quy định nội bộ về quản lý tài chính, tài sản, quản lý cán bộ, quản lý xung đột lợi ích, quy tắc ứng xử, VHDN,... đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành đều minh bạch, đúng chuẩn mực nhằm ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ nguy cơ phát sinh tham nhũng ngay trong nội bộ và được phổ biến công khai trong hệ thống, tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc để kiểm soát, ngăn ngừa hành vi tiêu cực có thể xảy ra.



Ban Lãnh đạo VietinBank đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. VietinBank đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ thông qua hình thức thi tuyển công khai, minh bạch, tổ chức thi tuyển rộng rãi các chức danh lãnh đạo chủ chốt, tạo cơ hội thăng tiến, bình đẳng cho mọi cán bộ có năng lực, triển vọng. Ngân hàng cũng thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, kê khai và công khai tài sản thu nhập của người có chức vụ trung thực, đầy đủ như một giải pháp quan trọng để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời VietinBank cũng triển khai nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ một cách liên tục, đổi mới phương pháp theo kịp xu hướng thời đại số.

• Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và QTRR

VietinBank xác định kiểm tra, giám sát là phương thức hữu hiệu để phòng ngừa và kịp thời phát hiện tham nhũng, VietinBank đã sớm thiết lập mô hình 3 tuyến bảo vệ phù hợp thông lệ quốc tế và quy định của NHNN. VietinBank triển khai thường xuyên theo kế hoạch kiểm tra và giám sát toàn diện 100% CN, trong đó nội dung phòng chống tham nhũng là bắt buộc trong các đoàn kiểm tra trực tiếp và kiểm toán chuyên đề theo kế hoạch; đồng thời thực hiện giám sát thường xuyên hàng ngày trên các lĩnh vực trọng yếu để kịp thời phát hiện sai sót, chấn chỉnh từ sớm, từ xa. Cùng với kiểm tra giám sát chuyên môn, công tác kiểm tra, giám sát của Đảng tại VietinBank cũng được đẩy mạnh và phối hợp nhịp nhàng; đảm bảo kịp thời phản ánh những hạn chế, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục tới Ban lãnh đạo, đã tạo “hàng rào” kiểm soát nhiều tầng, giúp thông tin nhanh, đa chiều, hỗ trợ đắc lực cho công tác chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Ban lãnh đạo VietinBank. **Kết quả kiểm tra, giám sát trong năm vừa qua cho thấy toàn hệ thống chưa phát hiện vụ việc nào có hành vi tham nhũng.**

VietinBank luôn chủ động ứng dụng khoa học công nghệ trong QTRR và kiểm soát hoạt động. VietinBank đã và đang hiện đại hóa các hệ thống giám sát giao dịch, cảnh báo sớm để phát hiện các dấu hiệu bất thường; triển khai các công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo nhằm nhận diện các nguy cơ gian lận nội bộ và bên ngoài một cách kịp thời nhằm quản trị điều hành, kiểm soát tuân thủ, đảm bảo rủi ro tham nhũng, tội phạm được hạn chế ở mức thấp nhất có thể.

6 - HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC

- **Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và xây dựng văn hóa liêm chính**

Xác định phòng ngừa tham nhũng từ gốc phải bắt đầu từ xây dựng con người và văn hóa, VietinBank đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng và đạo đức nghề nghiệp. VietinBank chú trọng giáo dục cán bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của ngân hàng, nhận diện và đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, ngăn ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, tạo môi trường văn hóa liêm chính, nói không với tham nhũng dần trở thành chuẩn mực hành vi chung trong toàn hệ thống. VHDN của VietinBank với chiến lược “Khát vọng tầm cao mới” được lan tỏa sâu rộng, trong đó nhấn mạnh giá trị cốt lõi về tính chính trực, minh bạch, kỷ luật. Mỗi cán bộ, đảng viên phải hiểu rõ phòng chống tham nhũng là trách nhiệm chung, qua đó nâng cao tinh thần tự giác chấp hành pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Đây chính là nền tảng quan trọng để các giải pháp phòng chống tham nhũng khác phát huy hiệu quả.

- **Thúc đẩy CDS nhằm hiện đại hóa, kiểm soát rủi ro**

VietinBank tiên phong trong CDS, coi đây là hướng đi chiến lược nhằm hiện đại hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và giảm thiểu rủi ro. Chiến lược CDS của VietinBank lấy khách hàng làm trọng tâm, ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu AI, Big Data, Blockchain để nâng cao trải nghiệm người dùng và tối ưu hóa quy trình nội bộ với mục tiêu đón đầu xu hướng phát triển hiện đại, góp phần hạn chế các nguy cơ rủi ro, tiêu cực qua việc giảm thiểu sự can thiệp thủ công, đồng thời dữ liệu số tập trung giúp truy vết, giám sát giao dịch dễ dàng hơn, tăng tính minh bạch.



7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

Giới thiệu về Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN	Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN (<i>Asean Corporate Governance Scorecard - ACGS</i>) là sáng kiến của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN (<i>ASEAN Capital Market Forum - ACMF</i>) nhằm cải thiện các tiêu chuẩn và thông lệ quản trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết đại chúng trong khu vực ASEAN và nâng cao tầm nhìn quốc tế của các công ty ASEAN được quản trị tốt. Phiên bản đầu tiên của ACGS được ban hành vào năm 2011 và được sửa đổi lần đầu vào năm 2017. Sau đó, vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, phiên bản sửa đổi mới của ACGS đã được Chủ tịch ACMF thông qua nhằm phù hợp với Nguyên tắc Quản trị Công ty được cập nhật của G20/OECD và xem xét sự phát triển gần đây trên thị trường vốn cũng như các chính sách và thông lệ quản trị doanh nghiệp. Phiên bản năm 2023 bao gồm các tiêu chí mới và cập nhật về quyền của cổ đông và đối xử công bằng, tính minh bạch và CBTT, trách nhiệm của HĐQT cũng như lĩnh vực mới về tính bền vững và bền bỉ.
Tuyên bố sử dụng	VietinBank thực hiện đánh giá công tác quản trị công ty theo Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN, bản sửa đổi tháng 10 năm 2023, phiên bản 2 vào tháng 3 năm 2024.

☒ Tuân thủ

☐ Tuân thủ 1 phần hoặc Cần cải thiện

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
A. Quyền và đối xử công bằng của cổ đông			
A.1. Quyền cơ bản của cổ đông			
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hằng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	x	Phương án phân phối lợi nhuận (PPLN) của VietinBank (trong đó có tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt/cổ phiếu) phụ thuộc ý kiến phê duyệt/thời điểm phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (CQNNCTQ). Do đó, tại ĐHĐCĐ thường niên hằng năm, HĐQT VietinBank trình và được ĐHĐCĐ thông qua phương án, ủy quyền cho HĐQT VietinBank quyết định trên cơ sở phê duyệt của CQNNCTQ. Ngay sau khi được CQNNCTQ phê duyệt phương án PPLN, VietinBank luôn triển khai việc chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động VietinBank (Điều lệ VietinBank) và các văn bản có liên quan.
A.2. Quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, được thông tin về quy định hợp ĐHĐCĐ, bao gồm thủ tục biểu quyết			
A.2.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, phụ cấp, phúc lợi bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tặng thù lao cho TV HĐQT không điều hành?	v	- Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank - Nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên hằng năm bao gồm việc thông qua thù lao của HĐQT/BKS
A.2.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử TV HĐQT?	v	- Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank - Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% VDL của VietinBank được quyền kiến nghị nội dung đưa vào ĐHĐCĐ, trong đó bao gồm việc đề cử người tham gia ứng viên HĐQT

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
A.2.3	Công ty cho phép cổ đông bầu chọn từng TV HĐQT?	v	- Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank - Nội dung bầu cử TV HĐQT được trình ĐHĐCĐ thông qua
A.2.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi Đại hội tiến hành?	v	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank và công bố trước khi Đại hội được tiến hành
A.2.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và các câu hỏi do cổ đông nêu ra và câu trả lời được ghi lại không?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ và nội dung thảo luận được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.6	Công ty có công bố kết quả kiểm phiếu bao gồm số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho mỗi Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ gần nhất?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.7	Công ty có công bố danh sách TV HĐQT tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.8	Công ty có công bố rằng tất cả TV HĐQT và TGD (nếu TGD không phải TV HĐQT) tham dự ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	x	VietinBank cho phép ủy quyền biểu quyết vắng mặt (tại Điều lệ VietinBank) và đã tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, áp dụng bỏ phiếu điện tử trong giai đoạn Covid (<i>ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 và thường niên 2022</i>). Trong thời gian tới, VietinBank sẽ nghiên cứu tổ chức ĐHĐCĐ kết hợp trực tiếp/ trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử
A.2.10	Công ty có biểu quyết theo số phiếu của cổ đông (thay vì giơ tay) đối với mọi Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên gần nhất?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.11	Công ty có công bố việc đã bỏ nhiệm một bên độc lập để kiểm đếm hoặc thẩm định việc biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên?	v	Thể hiện tại biên bản họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.2.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên/bất thường gần nhất?	v	Thực hiện CBTT trong vòng 24h sau khi ban hành biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.2.13	Công ty có thông báo trước tối thiểu 21 ngày đối với ĐHĐCĐ thường niên/bất thường?	v	- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 và Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 được công bố lần lượt trên website vào ngày 14/2/2025 và 11/3/2025, đảm bảo tối thiểu 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ (18/4/2025)
A.2.14	Công ty có cung cấp lý do và giải thích cho từng mục trong chương trình nghị sự yêu cầu sự chấp thuận của cổ đông trong thông báo tổ chức ĐHĐCĐ và/hoặc tuyên bố kèm theo không?	v	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website VietinBank để cổ đông có thể nghiên cứu trước khi tham dự cuộc họp
A.2.15	Công ty có cho cổ đông cơ hội để kiến nghị các vấn đề trong chương trình ĐHĐCĐ và/ hoặc yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ theo một tỷ lệ nhất định không?	v	Thể hiện tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.3. Quản lý doanh nghiệp hiệu quả và minh bạch			

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
A.3.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, HĐQT của Công ty có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	v	VietinBank chưa xảy ra trường hợp sáp nhập, mua lại hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua
A.4. Thực hiện quyền của tất cả cổ đông, bao gồm cổ đông tổ chức			
A.4.1	Công ty có công bố công khai chính sách/ thực hành nhằm khuyến khích sự tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	v	Thể hiện tại BCTN được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.5. Cổ phiếu và quyền biểu quyết			
A.5.1	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố quyền biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (ví dụ: thông qua website Công ty/báo cáo/sản chứng khoán/website của cơ quan có thẩm quyền)?	v	VietinBank chỉ có cổ phiếu phổ thông
A.6. Thông báo ĐHĐCĐ thường niên			
A.6.1	Mỗi Nghị quyết trong ĐHĐCĐ thường niên gắn nhất chỉ liên quan đến một nội dung, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một Nghị quyết?	x	VietinBank sẽ nghiên cứu thực hiện
A.6.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên gắn nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	v	VietinBank đã thực hiện đầy đủ
Thông báo ĐHĐCĐ thường niên có bao gồm những thông tin sau đây:			
A.6.3	Có cung cấp tiểu sử của TV HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (ít nhất tuổi tác, trình độ học vấn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và chức vụ trong HĐQT của các công ty niêm yết khác)?	v	VietinBank đã thực hiện đầy đủ
A.6.4	Kiểm toán viên chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	x	Để đảm bảo tiến độ thời gian cũng như việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập theo đúng quy trình về thủ tục mua sắm, hiện ĐHĐCĐ VietinBank thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn.
A.6.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên được cung cấp dễ dàng?	v	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.7. Giao dịch nội gián và hành vi lạm dụng kinh doanh để tư lợi			
A.7.1	TV HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu Công ty trong 3 ngày làm việc?	v	Thực hiện theo quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán (Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020) và Quy định tại Quy chế CBTT trên thị trường chứng khoán của VietinBank (số 083/2022/QĐ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 18/01/2022), được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.8. Giao dịch bên liên quan bởi HĐQT và BDH			
A.8.1	Công ty có chính sách yêu cầu một Ủy ban gồm TV độc lập HĐQT rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông?	v	Việc thông qua các giao dịch với bên liên quan được VietinBank thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
A.8.2	Công ty có chính sách yêu cầu TV HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động giao dịch mà TV đó có xung đột lợi ích?	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.8.3	Công ty có chính sách về khoản vay cho TV HĐQT trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.9. Bảo vệ cổ đông nhỏ lẻ từ các hành vi tư lợi cá nhân			
A.9.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo phương thức đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	v	Công bố tại BCTN được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
A.9.2	Đối với những giao dịch bên liên quan được chấp thuận bởi ĐHĐCĐ, có được thông qua bởi những cổ đông không có liên quan lợi ích?	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B. Bền vững và bền bi			
B.1. Việc CBTT liên quan đến PTBV thể hiện tính nhất quán, có thể so sánh và đáng tin cậy, đồng thời bao gồm thông tin trọng yếu mang tính hồi tố và tiên tiến mà một NĐT hợp lý sẽ coi là quan trọng khi đưa ra quyết định đầu tư hoặc bỏ phiếu			
Các thông tin trọng yếu liên quan đến PTBV phải được làm rõ			
B.1.1	Công ty có xác định/báo cáo các chủ đề ESG trọng yếu đối với chiến lược của Công ty?	v	Công bố tại BCTN được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.1.2	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề cần quan tâm không?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV" và Báo cáo PTBV được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.1.3	Công ty có áp dụng khuôn khổ hay tiêu chuẩn báo cáo về PTBV được quốc tế công nhận (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB, các tiêu chuẩn CBTT PTBV của IFRS) không?	v	Báo cáo PTBV có tham chiếu đến các tiêu chuẩn quốc tế (GRI, 17 mục tiêu PTBV của Liên Hợp Quốc)
Nếu 1 công ty công khai đặt ra mục tiêu hoặc chỉ tiêu liên quan đến PTBV thì khuôn khổ CBTT phải quy định rằng các số liệu đáng tin cậy được công bố thường xuyên ở dạng dễ tiếp cận			
B.1.4	Công ty có công bố mục tiêu PTBV về mặt định lượng không?	x	VietinBank sẽ nghiên cứu thực hiện
B.1.5	Công ty có công bố tiến độ thực hiện liên quan đến PTBV so với các mục tiêu đã đặt ra trước đó không?	x	VietinBank sẽ nghiên cứu thực hiện
B.1.6	Công ty có xác nhận rằng việc báo cáo/Báo cáo PTBV đã được HĐQT hoặc Ủy ban của HĐQT xem xét và/hoặc phê duyệt không?	v	Báo cáo PTBV được HĐQT xem xét và phê duyệt (Nghị quyết 393/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 08/10/2025 v/v phê duyệt Báo cáo PTBV 2024 của VietinBank)
B.2. Khung quản trị công ty cho phép đối thoại giữa công ty, cổ đông và các bên liên quan trao đổi quan điểm về các vấn đề PTBV			
B.2.1	Công ty có khuyến khích các bên liên quan nội bộ trao đổi quan điểm và thu thập phản hồi về các vấn đề PTBV trọng yếu đối với HDKD của Công ty không?	v	VietinBank cung cấp thông tin liên hệ trên Báo cáo PTBV để tiếp nhận các ý kiến đóng góp và câu hỏi của các bên liên quan về vấn đề PTBV Đồng thời, VietinBank có Ban chỉ đạo PTBV để trao đổi và thu thập phản hồi về các vấn đề PTBV trọng yếu trong nội bộ Ngân hàng

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
B.2.2	Công ty có khuyến khích các bên liên quan bên ngoài trao đổi quan điểm và thu thập phản hồi về các vấn đề PTBV trọng yếu đối với HDKD của Công ty không?	v	VietinBank cung cấp thông tin liên hệ trên Báo cáo PTBV để tiếp nhận các ý kiến đóng góp và câu hỏi của các bên liên quan về vấn đề PTBV
B.3. Khung quản trị Công ty phải đảm bảo rằng HĐQT xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội PTBV trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các thông lệ quản trị, CBTT, chiến lược, QLRR và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các rủi ro chuyển đổi và vật chất liên quan đến khí hậu			
HĐQT đánh giá liệu cấu trúc vốn của Công ty có phù hợp với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan để đảm bảo khả năng bền bỉ trước các kịch bản khác nhau			
B.3.1	Công ty có công bố rằng HĐQT đánh giá hằng năm rằng cơ cấu vốn và nợ của Công ty phù hợp với mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro của Công ty?	v	Thể hiện tại Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024 và định hướng phát triển năm 2025 trình ĐHĐCĐ.
B.4. Khung quản trị của Công ty phải công nhận quyền của các bên liên quan được thiết lập theo luật hoặc thông qua các thỏa thuận chung và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa Công ty và các bên liên quan trong việc tạo ra của cải, việc làm và tính bền vững của các Công ty lành mạnh về mặt tài chính.			
Công ty có công bố chính sách và thực hành liên quan đến:			
B.4.1	Ban hành các quy định và thực thi nỗ lực nhằm bảo vệ khách hàng?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với Khách hàng" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.4.2	Quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV" và tại Báo cáo PTBV, phần "Mua sắm bền vững" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.4.3	Nỗ lực của Công ty nhằm đảm bảo chuỗi giá trị của Công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy PTBV	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.4.4	Mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi Công ty hoạt động?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội" và tại Báo cáo PTBV, phần "S1 - Chung tay phát triển cộng đồng, xã hội" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.4.5	Mô tả chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng của Công ty?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.4.6	Mô tả cách bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	v	VietinBank luôn cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động, bao gồm các quy định về an toàn vốn, thanh khoản và QTRR VietinBank thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ CBTT, bao gồm BCTC, BCTN, các tài liệu công bố định kỳ trước và sau mỗi đợt phát hành trái phiếu Hoạt động Quan hệ NĐT luôn được chú trọng và là kênh tương tác hữu ích với chủ nợ
B.4.7	Công ty có mục/Báo cáo riêng về nỗ lực của Công ty liên quan đến các vấn đề về môi trường, kinh tế và xã hội?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV" và Báo cáo PTBV được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.5. Quyền lợi các bên liên quan được bảo vệ bởi luật pháp, các bên liên quan có cơ hội để thể hiện ý kiến nếu quyền lợi bị xâm phạm			
B.5.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website hay BCTN để các bên liên quan (khách hàng, nhà cung cấp, công chúng nói chung) có thể sử dụng để nêu ý kiến về lo ngại hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	v	Số điện thoại, email của Trung tâm Dịch vụ khách hàng (Contact Center) và các phương thức liên hệ khác được cung cấp trên website VietinBank, website Quan hệ NĐT VietinBank và cung cấp rộng rãi trên các phương tiện truyền thông

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
B.6. Khuyến khích phát triển con đường sự nghiệp của nhân viên			
B.6.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với người lao động" và tại Báo cáo PTBV, phần "S3: Phát triển nhân sự & bình đẳng giới" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.6.2	Công ty có CBTT liên quan về chính sách và chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với người lao động" và tại Báo cáo PTBV, phần "S3: Phát triển nhân sự & bình đẳng giới" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.6.3	Công ty có chính sách khen thưởng để thúc đẩy hiệu quả hoạt động Công ty trong dài hạn hơn là ngắn hạn?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với người lao động" và tại Báo cáo PTBV, phần "S3: Phát triển nhân sự & bình đẳng giới" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
B.7 Các bên liên quan bao gồm cá nhân và tổ chức được khuyến khích nêu ý kiến đến HĐQT về các vấn đề vi phạm pháp luật và quy tắc đạo đức và quyền của họ không nên bị xâm phạm vì làm điều này			
B.7.1	Công ty có Chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp, vi phạm đạo đức và cung cấp thông tin chi tiết qua Website Công ty, BCTN?	v	VietinBank đã ban hành quy định QLRR gian lận và có thông tin liên hệ tiếp nhận được công bố trên website và BCTN (hotline 1900 558 868/email hotline@vietinbank.vn)
B.7.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	v	VietinBank đã ban hành Quy định QLRR gian lận và xử lý sự kiện rủi ro gian lận trong hệ thống VietinBank, trong đó có quy định về nguyên tắc bảo vệ và khen thưởng người cung cấp thông tin
C. CBTT và minh bạch			
C.1. Cơ cấu sở hữu minh bạch			
C.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của chủ sở hữu thực sự, nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	v	Thể hiện tại BCTN, Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank. Theo Luật các TCTD 2024, từ 01/07/2024, VietinBank cũng CBTT cổ đông sở hữu trên 1% VDL của VietinBank
C.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và được cho là gián tiếp của cổ đông lớn?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và được cho là gián tiếp của TV HĐQT?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và được cho là gián tiếp của BDH?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết/liên doanh và Công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV)?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.2. Chất lượng của BCTN			
BCTN của Công ty có công bố các nội dung sau:			
C.2.1	Mục tiêu của Công ty	v	Thể hiện đầy đủ tại BCTN, phần "Giới thiệu VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
C.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	v	Thể hiện đầy đủ tại BCTN, phần "Giới thiệu VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	v	Thể hiện đầy đủ tại BCTN, phần "Giới thiệu VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.2.4	Chính sách cổ tức	v	Thể hiện đầy đủ tại website Quan hệ NĐT VietinBank (mục "Cổ phiếu CTG" - "Vốn và cổ tức")
C.2.5	Chi tiết tiểu sử của TV HĐQT (ít nhất tuổi tác, trình độ học vấn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và bất kỳ chức vụ trong HĐQT của các công ty niêm yết khác)	v	Thể hiện đầy đủ tại Sơ yếu lý lịch đính kèm Tờ trình ĐHCĐ thông qua việc bầu TV HĐQT và BCTN, phần "Giới thiệu VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Tuyên bố xác nhận Quản trị Công ty			
C.2.6	BCTN có phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ với quy tắc Quản trị Công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.3. Thủ lao của TV HĐQT và TV BDH			
C.3.1	Cơ cấu thủ lao cho TV HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	v	Thể hiện tại BCTN và BCTC được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.3.2	Công ty có công bố (trong BCTN hay các tài liệu CBTT khác) chi tiết về thủ lao của mỗi TV HĐQT không điều hành?	v	Thể hiện tại BCTN và BCTC được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.3.3	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thủ lao (phí, thủ lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với TV HĐQT điều hành và TGD?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.3.4	Công ty có công bố (trong BCTN hay các tài liệu CBTT khác) chi tiết thủ lao của mỗi TV HĐQT điều hành và TGD (nếu TGD không phải là TV HĐQT)?	v	Thể hiện tại BCTN và BCTC được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.4. CBTT giao dịch bên liên quan			
C.4.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu?	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank và Quy chế Quản trị nội bộ và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.4.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất, giá trị cho mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu?	v	Thể hiện tại các văn bản CBTT giao dịch với bên liên quan trên website VietinBank và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.5. HĐQT giao dịch cổ phiếu của Công ty			
C.5.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do người nội bộ Công ty thực hiện?	v	Thể hiện tại các văn bản CBTT giao dịch với bên liên quan trên website VietinBank và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
C.6. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán			
Khi cùng một công ty kiểm toán được thuê cho cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán			

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
C.6.1	Phi dịch vụ kiểm toán/phi kiểm toán có được công bố công khai?	x	VietinBank thực hiện CBTT về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí dịch vụ do chính sách bảo mật thông tin của đơn vị kiểm toán
C.6.2	Phi dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	x	VietinBank thực hiện CBTT về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí dịch vụ do chính sách bảo mật thông tin của đơn vị kiểm toán
C.7. Phương tiện truyền thông			
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
C.7.1	Báo cáo quý	v	VietinBank thực hiện cập nhật kết quả kinh doanh hằng quý trên website Quan hệ NĐT VietinBank bằng song ngữ (Việt - Anh) bao gồm: BCTC, Điểm tin BCTC, Cập nhật KQKD Thông tin về hoạt động của VietinBank được đăng tải thường xuyên, đầy đủ trên website Quan hệ NĐT của VietinBank
C.7.2	Website của Công ty	v	Thông tin về hoạt động của VietinBank được đăng tải thường xuyên, đầy đủ trên website của Ngân hàng
C.7.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích	v	VietinBank chủ động làm việc và cung cấp thông tin phục vụ báo cáo phân tích về Ngân hàng với các chuyên gia phân tích (CGPT) trong và ngoài nước; đặc biệt các CGPT tham dự Hội nghị cập nhật kết quả kinh doanh hằng quý (Earnings call) và Hội nghị NĐT và CGPT hằng năm.
C.7.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	v	VietinBank thực hiện các hoạt động tiếp xúc NĐT, các chuyên gia phân tích và cung cấp thông tin tới cơ quan truyền thông định kỳ hằng quý, đảm bảo thông tin minh bạch, kịp thời và đầy đủ
C.8. Công bố BCTN/BCTC đúng hạn			
C.8.1	BCTC kiểm toán năm có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	v	VietinBank tuân thủ đầy đủ
C.8.2	BCTN có được công bố trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	v	VietinBank tuân thủ đầy đủ
C.8.3	Sự trung thực, hợp lý của BCTC/BCTN có được TV HĐQT hoặc những TV có liên quan đảm bảo?	v	VietinBank tuân thủ đầy đủ
C.9. Website Công ty			
Công ty có website cung cấp các thông tin cập nhật bao gồm:			
C.9.1	BCTC (quý cập nhật gần nhất)	v	CBTT đầy đủ tại website Quan hệ NĐT VietinBank
C.9.2	Tài liệu cung cấp cho chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	v	VietinBank thực hiện cập nhật kết quả kinh doanh hằng quý trên website Quan hệ NĐT VietinBank bằng song ngữ (Việt - Anh) bao gồm: BCTC, điểm tin BCTC, cập nhật KQKD Thông tin về hoạt động của VietinBank được đăng tải thường xuyên, đầy đủ trên website Quan hệ NĐT của VietinBank

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
C.9.3	BCTN có thể được tải về	v	CBTT đầy đủ tại website VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank và có thể được tải về
C.9.4	Thông báo ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường	v	CBTT đầy đủ tại website VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank
C.9.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường	v	CBTT đầy đủ tại website Quan hệ NĐT VietinBank
C.9.6	Thế chế của Công ty (Điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động)	v	CBTT đầy đủ tại website Quan hệ NĐT VietinBank
C.10. Quan hệ NĐT			
C.10.1	Công ty có CBTT liên hệ (điện thoại, fax và email) của Lãnh đạo/Bộ phận chịu trách nhiệm quan hệ NĐT?	v	Thể hiện đầy đủ tại website Quan hệ NĐT VietinBank và BCTN, phần "Báo cáo PTBV - Trách nhiệm với cổ đông và NĐT" và Báo cáo PTBV, phần "G5 - Đảm bảo quyền của các cổ đông và NĐT"
D. Trách nhiệm của HĐQT			
D.1. Nhiệm vụ của HĐQT			
Công bố đầy đủ nhiệm vụ của HĐQT và quy chế Quản trị Công ty			
D.1.1	Công ty có công bố Quy chế Quản trị nội bộ Công ty/Quy chế hoạt động của HĐQT?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của TV HĐQT có được công bố công khai?	v	CBTT đầy đủ tại website VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank
D.1.3	Vai trò, trách nhiệm của TV HĐQT có được quy định rõ ràng?	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank và BCTN, phần "Quản trị Công ty", được CBTT đầy đủ tại website VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank
Tầm nhìn/sứ mệnh Công ty			
D.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh mới nhất?	v	Thể hiện tại BCTN, website VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank
D.1.5	HĐQT đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và rà soát chiến lược của Công ty mỗi năm?	v	Thể hiện tại Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ, BCTN, Báo cáo tình hình quản trị VietinBank và cả 3 tài liệu này được CBTT đầy đủ trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.1.6	HĐQT có quy trình để xem xét, theo dõi và giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty không?	v	Thể hiện tại Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ, BCTN, Báo cáo tình hình quản trị VietinBank và cả 3 tài liệu này được CBTT đầy đủ trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2. Cấu trúc HĐQT			
Bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử			
D.2.1	Chi tiết của Bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử có được công bố công khai?	v	VietinBank có Sổ tay VHDN VietinBank quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CBNV trong hệ thống và đã được công bố công khai trên website VietinBank
D.2.2	Tất cả TV HĐQT, BDH và nhân viên có phải tuân thủ bộ quy tắc?	v	VietinBank có Sổ tay VHDN VietinBank quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CBNV trong hệ thống và đã được công bố công khai trên website VietinBank

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
D.2.3	Công ty có quy trình để thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ quy tắc đạo đức hoặc ứng xử?	v	VietinBank có Sổ tay VHDN VietinBank quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CBNV trong hệ thống và đã được công bố công khai trên website VietinBank
Cấu trúc và thành phần HĐQT			
D.2.4	TV độc lập HĐQT có chiếm tối thiểu 50% số TV HĐQT	x	HĐQT VietinBank hiện có 1 TV độc lập HĐQT, chưa đảm bảo theo Điều 69, Luật các TCTD năm 2024 (tối thiểu 2 TV độc lập HĐQT) nhưng được áp dụng theo Quy định chuyển tiếp tại Khoản 8, Điều 210 tại Luật Các TCTD năm 2024, cụ thể là: "HĐQT của TCTD được bầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT".
D.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ 9 năm hoặc ít hơn hay 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi TV độc lập HĐQT? <i>(Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu theo luật đã có trước khi đưa ra Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN năm 2011)</i>	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí trong HĐQT mà một TV độc lập HĐQT /không điều hành có thể nắm giữ đồng thời không?	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2.7	Công ty có TV HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
Ủy ban nhân sự			
D.2.8	Công ty có Ủy ban Nhân sự hay không?	v	VietinBank có Ủy ban Nhân sự trực thuộc HĐQT
D.2.9	Ủy ban Nhân sự có bao gồm đa số TV độc lập HĐQT?	x	Ủy ban Nhân sự không bao gồm TV độc lập HĐQT
D.2.10	Chủ tịch của Ủy ban Nhân sự có phải là TV độc lập HĐQT?	x	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự không phải là TV độc lập HĐQT
D.2.11	Công ty có công bố Quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ của Ủy ban Nhân sự?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2.12	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của Ủy ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?	v	Ủy ban Nhân sự tại VietinBank đảm bảo họp tối thiểu hai lần trong năm. Các cuộc họp có ghi lại biên bản họp với thời gian, địa điểm, nội dung họp công khai.
Ủy ban Thù lao/Lương thưởng			
D.2.13	Công ty có Ủy ban Thù lao không?	v	VietinBank có Ủy ban Nhân sự trực thuộc HĐQT có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan đến chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng
D.2.14	Ủy ban Thù lao có bao gồm toàn bộ các TV HĐQT không điều hành với đa số là TV độc lập HĐQT không?	x	Ủy ban Nhân sự không bao gồm TV độc lập HĐQT
D.2.15	Chủ tịch của Ủy ban Thù lao có phải là TV độc lập HĐQT?	x	Chủ tịch Ủy ban Nhân sự không phải là TV độc lập HĐQT

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
D.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ của Ủy ban Thủ lao?	v	Thể hiện tại BCTN, phần “Quản trị Công ty” và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2.17	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của Ủy ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	v	Ủy ban Nhân sự tại VietinBank đảm bảo họp tối thiểu hai lần trong năm. Các cuộc họp có ghi lại biên bản họp với thời gian, địa điểm, nội dung họp công khai
Ủy ban Kiểm toán			
D.2.18	Công ty có Ủy ban Kiểm toán không?	v	Mô hình quản trị của VietinBank có BKS, trong đó có bộ phận KTNB thuộc BKS
D.2.19	Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ TV HĐQT không điều hành với đa số là TV độc lập HĐQT?	v	BKS hoạt động độc lập với HĐQT và BĐH và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao
D.2.20	Chủ tịch của Ủy ban Kiểm toán có phải là TV độc lập HĐQT?	v	Trưởng BKS hoạt động độc lập với HĐQT
D.2.21	Công ty có công bố Quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/Điều lệ của Ủy ban Kiểm toán?	v	VietinBank thực hiện công bố “Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Vietinbank” trên website Quan hệ NĐT VietinBank và tại BCTN, phần “Quản trị công ty”
D.2.22	Tối thiểu một TV độc lập HĐQT thuộc Ủy ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	v	5/5 TV BKS VietinBank có kinh nghiệm/ chuyên môn về kế toán
D.2.23	Sự tham gia của TV trong các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	v	Thể hiện tại BCTN, phần “Quản trị Công ty” và Báo cáo tình hình quản trị Công ty được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.2.24	Ủy ban Kiểm toán có chịu trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	v	HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập từ danh sách được UBCKNN chấp thuận và công bố tại từng thời kỳ.
D.3. Quy trình hoạt động của HĐQT			
Cuộc họp và tham dự họp HĐQT			
D.3.1	Lịch họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	v	Lịch họp HĐQT được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính
D.3.2	HĐQT có họp tối thiểu 6 lần trong năm?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.3	Mỗi TV HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	v	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo tình hình quản trị VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.4	Công ty có yêu cầu tối thiểu phải có ít nhất 2/3 số TV HĐQT tham dự đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.5	TV HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các TV điều hành?	x	VietinBank sẽ nghiên cứu thực hiện
Tiếp cận thông tin			

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
D.3.6	Tài liệu họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	x	VietinBank hiện tại đang quy định “Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 ngày làm việc trước họp” (phù hợp với khoản 6, Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 là 3 ngày làm việc)
D.3.7	Thư ký Công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	v	Quy định tại Quy chế Quản trị nội bộ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.8	Thư ký Công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác Thư ký Công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	v	Người phụ trách quản trị Công ty đồng thời là Thư ký Công ty (quy định tại Quy chế quản trị nội bộ VietinBank) hiện là Chánh Văn phòng HĐQT VietinBank, có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm liên quan và liên tục tham gia các khóa đào tạo để cập nhật kiến thức mới
Bổ nhiệm và tái cử TV HĐQT			
D.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn TV HĐQT mới?	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank, tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank để cổ đông có thể nghiên cứu trước khi tham dự cuộc họp
D.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm TV HĐQT mới?	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank và các quy chế để cử, ứng cử TV HĐQT được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.11	Tất cả các TV HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu theo luật đã có trước khi ban hành Thẻ điểm quản trị Công ty ASEAN năm 2011)	v	Thể hiện tại Điều lệ VietinBank được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Các vấn đề thù lao			
D.3.12	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của TV HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	v	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank để cổ đông có thể nghiên cứu trước khi tham dự cuộc họp
D.3.13	Công ty có các tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các TV HĐQT điều hành hoặc BĐH với lợi ích lâu dài của Công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại?	v	VietinBank đã xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT và Thẻ điểm giao mục tiêu đối với TV BĐH
KTNB			
D.3.14	Công ty có bộ phận KTNB riêng biệt?	v	VietinBank có bộ phận KTNB trực thuộc BKS
D.3.15	Trưởng bộ phận KTNB có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của Công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	v	VietinBank thực hiện công bố trên BCTN, phần “Giới thiệu nhân sự” được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.16	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTNB có phải được Ủy ban Kiểm toán thông qua?	v	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm KTNB phải được BKS thông qua
Giám sát rủi ro			
D.3.17	Công ty có thiết lập quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống QLRR và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà Công ty đang thực hiện?	v	Thể hiện tại BCTN, phần “Quản trị Công ty” được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
D.3.18	BCTN/Báo cáo quản trị Công ty có công bố rằng TV HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống QLRR?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.19	Công ty có công bố các rủi ro quan trọng mà Công ty phải đối mặt (như tài chính, vận hành bao gồm CNTT, môi trường, xã hội và kinh tế) không?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Công tác QLRR" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.3.20	BCTN/Báo cáo quản trị Công ty có trình bày tuyên bố của TV HĐQT hay Ủy ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/ hệ thống QLRR của Công ty?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
D.4. Nhân sự trong HĐQT			
Chủ tịch HĐQT			
D.4.1	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm TGD?	v	VietinBank có chức danh Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm TGD
D.4.2	Chủ tịch HĐQT có phải là TV độc lập HĐQT?	x	Chủ tịch HĐQT VietinBank không phải là TV độc lập HĐQT
D.4.3	Có bất kỳ TV HĐQT là nguyên TGD/GĐ điều hành của Công ty trong 2 năm trước?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
D.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT có được công bố công khai?	v	Quy định tại Điều lệ VietinBank, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank được công bố trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Trưởng TV độc lập HĐQT			
D.4.5	Nếu chủ tịch không phải là TV độc lập HĐQT, HĐQT có bầu chọn Trưởng TV độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	v	VietinBank có 1 TV độc lập HĐQT
Kỹ năng và năng lực			
D.4.6	Công ty có tối thiểu một TV HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà Công ty đang hoạt động?	v	Các TV HĐQT đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng
D.5. Hiệu quả HĐQT			
Phát triển TV HĐQT			
D.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho TV HĐQT mới?	v	Các TV HĐQT đều được phổ biến đầy đủ về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của HĐQT
D.5.2	Công ty có chính sách và thực hành thực tế và chương trình khuyến khích TV HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	v	Hằng năm, các TV HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn để cập nhật các kiến thức mới, chi tiết trong mục "Đào tạo về quản trị Công ty" (xem trên Báo cáo tình hình quản trị và BCTN được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank)
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/BĐH			
D.5.3	Công ty có công bố cách thức HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/GĐ Điều hành/Chủ tịch và Quản lý chủ chốt?	v	Các chức danh quản lý cấp cao của VietinBank như: Chủ tịch, TV HĐQT, TGD, Phó TGD đều thực hiện quy trình quy hoạch cán bộ đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật, NHNN và VietinBank, được NHNN phê duyệt danh sách quy hoạch trong từng thời kỳ.

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
D.5.4	HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hằng năm đối với TGD/GĐ Điều hành/Chủ tịch?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Đánh giá của HĐQT về hoạt động của VietinBank" và Báo cáo tình hình quản trị Công ty, được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Đánh giá HĐQT			
D.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Đánh giá TV HĐQT			
D.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng TV HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
Đánh giá Ủy ban			
D.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hằng năm đối với các Ủy ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
THẺ ĐIỂM THƯỜNG			
(B)A. Quyền và đối xử công bằng với cổ đông			
(B)A.1. Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong ĐHĐCĐ được thông báo trong các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong ĐHĐCĐ			
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại ĐHĐCĐ?	x	VietinBank cho phép ủy quyền biểu quyết vắng mặt (tại điều lệ VietinBank) và đã tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, áp dụng bỏ phiếu điện tử trong giai đoạn Covid (ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 và thường niên 2022). Trong thời gian tới, VietinBank sẽ nghiên cứu tổ chức ĐHĐCĐ kết hợp trực tiếp/trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử.
(B)A.2. Đối xử công bằng với cổ đông			
(B)A.2 Thông báo ĐHĐCĐ			
(B)A.2.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	v	VietinBank tuân thủ quy định hiện hành: - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng tối thiểu 20 ngày theo khoản 4b, điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC; khoản 2.2, điều 7 Quy chế thực hiện quyền số 38/QĐ-HĐTV năm 2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC. - Trên cơ sở danh sách cổ đông do VSDC cung cấp, VietinBank thực hiện gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ đến các cổ đông và CBTT tài liệu họp ĐHĐCĐ tối thiểu 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ (Theo Khoản 3, Điều 10, Thông tư 96).
(B)B. Bền vững và bền bỉ			
(B)B.1.			
(B)B.1.1	Công ty có công bố cách thức kiểm soát các cơ hội và rủi ro liên quan đến khí hậu?	x	VietinBank đang nghiên cứu nội dung này

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
(B)B.1.2	Công ty có công bố việc Báo cáo PTBV được đảm bảo bởi các cơ quan bên ngoài?	v	Thể hiện tại Báo cáo PTBV, phần "Tác động kinh tế trực tiếp – Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
(B)B.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác với các nhóm bên liên quan và cách công ty phản hồi các mối quan ngại về ESG của các bên liên quan không?	v	Thể hiện tại Báo cáo PTBV, phần "Thông tin Báo cáo PTBV" và được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
(B)B.1.4	Công ty có đơn vị/bộ phận/Ủy ban chịu trách nhiệm cụ thể về quản lý các vấn đề về PTBV không?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và Báo cáo PTBV, phần "Quản trị PTBV tại VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
(B)B.1.5	Công ty có công bố hoạt động giám sát của HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến PTBV không?	v	Thể hiện tại BCTN, phần "Quản trị Công ty" và Báo cáo PTBV, phần "Quản trị PTBV tại VietinBank" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
(B)B.1.6	Công ty có công bố mối liên hệ giữa thù lao của TV HĐQT điều hành với BDH và hiệu quả hoạt động PTBV trong năm trước không?	x	VietinBank đang nghiên cứu nội dung này
(B)B.1.7	Hệ thống tố cáo của Công ty có được quản lý bởi các bên/tổ chức độc lập không?	x	VietinBank đang nghiên cứu nội dung này
(B).C. CBTT và minh bạch			
(B)C.1. Chất lượng BCTN			
(B)C.1.1	BCTC hằng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	v	VietinBank công bố BCTC hằng năm theo đúng quy định
(B)D. Trách nhiệm của HĐQT			
(B)D.1. Năng lực và sự đa dạng của HĐQT			
(B)D.1.1	Công ty có tối thiểu một TV độc lập HĐQT là nữ?	x	HĐQT VietinBank có TV độc lập HĐQT là ông Cát Quang Dương
(B)D.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?	x	VietinBank đang nghiên cứu triển khai
(B)D.2. Cấu trúc HĐQT			
(B)D.2.1	Ủy ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ TV độc lập HĐQT?	x	VietinBank hiện tại có 1 TV độc lập HĐQT nhưng không phải là TV của Ủy ban Nhân sự.
(B)D.2.2	Ủy ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các TV HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty?	v	Ủy ban Nhân sự tham mưu cho HĐQT thực hiện giám sát việc triển khai cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank
(B)D.3. Bổ nhiệm và tái cử HĐQT			
(B)D.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm chuyên nghiệp hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu TV HĐQT do các viện TV HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho TV HĐQT?	x	VietinBank chưa thực hiện
(B)D.4. Cơ cấu & Thành phần HĐQT			
(B)D.4.1	Công ty có số TV độc lập HĐQT không điều hành chiếm trên 50% số TV HĐQT với Chủ tịch là TV độc lập?	x	VietinBank hiện tại chỉ có 1 TV độc lập HĐQT không điều hành và Chủ tịch HĐQT không phải là TV độc lập

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
(B)D.5. QLRR			
(B)D.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan CNTT như gián đoạn, ANM, khôi phục thảm họa để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho HĐQT?	v	Thể hiện tại BCTN, mục "Công tác QLRR" được CBTT trên website Quan hệ NĐT VietinBank
(B)D.6. Hiệu quả hoạt động của HĐQT			
(B)D.6.1	Công ty có Ủy ban QLRR cấp HĐQT riêng biệt?	v	VietinBank có Ủy ban QLRR trực thuộc HĐQT
THẺ ĐIỂM PHẠT			
(P)A. Quyền và đối xử công bằng với cổ đông			
(P)A.1. Quyền cơ bản của cổ đông			
(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.2. Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng			
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	v	VietinBank luôn đối xử công bằng – bình đẳng – minh bạch đối với tất cả các cổ đông
(P)A.3. Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong ĐHĐCĐ và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong ĐHĐCĐ.			
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bắt thường?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban thuộc HĐQT và TGD có vắng mặt tại ĐHĐCĐ gần nhất?	v	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban thuộc HĐQT và TGD tham dự đầy đủ các kỳ ĐHĐCĐ
(P)A.4. Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.			
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.5. Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.			
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.6. Cản ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.			
(P)A.6.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến TV HĐQT, BDH và nhân viên Công ty trong 3 năm qua?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)A.7. Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng			
(P)A.7.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong 3 năm trước không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này

7 - ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
(P)A.7.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện trên nguyên tắc thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)B.1. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.			
(P)B.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)B.2. Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị Công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên.			
(P)B.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không CBTT đúng hạn đối với các sự kiện trọng yếu?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)B.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy Công ty đang tham gia vào các hoạt động tẩy xanh không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)C. CBTT và minh bạch			
(P)C.1. Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến BCTC			
(P)C.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	v	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P)C.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	v	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P)C.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	v	Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần
(P)C.1.4	Công ty có sửa đổi BCTC trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D. Trách nhiệm của HĐQT			
(P)D.1. Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết			
(P)D.1.1	Có bằng chứng gì là Công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về CBTT?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.1.2	Có trường hợp nào mà TV HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.2. Cấu trúc HĐQT			
(P)D.2.1	Công ty có TV độc lập HĐQT nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu theo luật đã có trước khi đưa ra Thẻ điểm Quản trị Công ty ASEAN năm 2011)	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là TV độc lập HĐQT, TV HĐQT không điều hành và TV HĐQT điều hành?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.2.3	Công ty có bất kỳ TV độc lập HĐQT nào giữ vai trò quản trị tại HĐQT của hơn 5 công ty đại chúng?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này

STT	TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN (X/V)	BẢNG CHỨNG/CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ/ TÀI LIỆU CHỨNG MINH
(P)D.3. Kiểm toán độc lập			
(P)D.3.1	(Trong 2 năm trước) Có TV HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc TV hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.4.Thành phần và cơ cấu HĐQT			
(P)D.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của Công ty trong 3 năm qua không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này
(P)D.4.2	Các TV độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	v	VietinBank không phát sinh trường hợp này



VietinBank cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Các TCTD, Luật Chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật quy định khác. Đồng thời, VietinBank cũng luôn tuân thủ các quy định nội bộ về quản trị công ty của VietinBank như: Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VietinBank, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS VietinBank... Trong năm 2025, VietinBank đã thực hiện đầy đủ và kịp thời việc CBTT đúng hạn, báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng và cả năm, BCTN và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

Một số điểm cải thiện để nâng cao hoạt động quản trị của VietinBank trong thời gian tới

- Tiếp tục nghiên cứu và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty.
- Mở rộng các chương trình đào tạo quản trị công ty cho các TV HĐQT, TV BKS, TV BDH nhằm đảm bảo Ban Lãnh đạo liên tục được nâng cao năng lực và kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò giám sát của BKS trong quản trị nội bộ của VietinBank.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác quản trị công ty và giám sát hoạt động của các đơn vị.
- Tăng cường hoạt động của các Ủy ban và Văn phòng HĐQT để thực hiện công tác tham mưu, giúp việc cho HĐQT.



PHẦN 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 1 CÁC HOẠT ĐỘNG PTBV NỔI BẬT TRONG NĂM 2025
- 2 THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- 3 TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG
- 4 TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ
- 5 TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
- 6 TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI
- 7 BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



1 - CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

Trên cơ sở cam kết mạnh mẽ đối với PTBV, VietinBank đang triển khai nhiều chương trình hành động thiết thực, đồng bộ và hiệu quả liên quan tới ESG. Ban Lãnh đạo, các CBNV VietinBank luôn không ngừng nỗ lực để đảm bảo mọi HĐKD đều gắn liền với trách nhiệm xã hội và môi trường, tạo ra động lực lớn, góp phần bảo vệ môi trường và hướng tới một nền kinh tế xanh.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ, NHNN TRONG NỖ LỰC XANH HÓA NGÀNH NGÂN HÀNG

• Hoàn thành tốt Đề án phát triển Ngân hàng xanh tại Việt Nam

Năm 2025 là năm cuối cùng trong lộ trình thực hiện Đề án phát triển Ngân hàng xanh tại Việt Nam ban hành tại Quyết định số 1604/QĐ-NHNN. VietinBank đã rà soát việc thực hiện Đề án tại Ngân hàng trong 5 năm từ năm 2021 tới năm 2025 nhằm tổng hợp những kết quả đạt được, nhìn nhận những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động ngân hàng xanh/PTBV, từ đó có những đề xuất và định hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo.

Trên cơ sở tham chiếu 5 cấp độ trong việc xây dựng khung chiến lược và lộ trình hướng tới phát triển ngân hàng xanh tại **Đề án phát triển Ngân hàng xanh** tại Việt Nam, VietinBank đã thực hiện tự đánh giá cấp độ phát triển ngân hàng xanh năm 2025 và **đã đạt Cấp độ 3 - HĐKD có hệ thống, trong đó hầu hết quy trình, SPDV tuân thủ nguyên tắc xanh, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được thiết kế để hỗ trợ tác động "xanh" trên các giác độ: mục tiêu hoạt động, nguyên tắc hoạt động, nhân sự và cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động.**

Trong giai đoạn 2026 - 2030, VietinBank định hướng phát triển ngân hàng xanh tại VietinBank đạt 2 cấp độ cao nhất theo lộ trình, gồm: "Cấp độ 4: Sáng kiến cân bằng sinh thái tầm chiến lược. Hoạt động ngân hàng xanh không chỉ giới hạn ở phạm vi các nghiệp vụ đơn lẻ mà được mở rộng thành mạng lưới, liên minh, đối thoại cộng đồng hay toàn thể hệ sinh thái nhằm đạt được tính bền vững của các yếu tố xã hội, môi trường và tài chính" và "Cấp độ 5: Sáng kiến cân bằng sinh thái chủ động, trong đó các hoạt động ngân hàng xanh tương tự như cấp độ 4, nhưng được thực hiện một cách có mục đích, không chỉ là các hoạt động ứng phó với thay đổi bên ngoài như cấp độ 4."

• Đồng hành cùng các cơ quan Nhà nước trong các hoạt động thúc đẩy PTBV

Trên cơ sở Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân của Quốc hội, dưới sự chủ trì của NHNN, VietinBank đã tham gia làm thành viên tổ soạn thảo Nghị định quy định về hỗ trợ lãi suất 2% từ ngân sách Nhà nước cho các dự án xanh và chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực để triển khai ngay khi có văn bản từ Chính phủ và NHNN.

Trong tháng 7/2025, VietinBank cũng tích cực tham gia góp ý **"Dự thảo quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh"** khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg. Đồng thời, Ngân hàng ngay lập tức rà soát Khung Tài chính Bền vững đang được triển khai. Các nhóm mục đích sử dụng xanh trong Khung Tài chính Bền vững của VietinBank được xác định đều là các nhóm mục đích phù hợp với **"Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh của Thủ tướng Chính phủ"**.

Năm 2025 cũng đánh dấu năm thứ ba liên tiếp VietinBank đồng hành cùng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường) trên cơ sở Thỏa thuận hợp tác giữa hai bên ký kết vào năm 2023. VietinBank đã tiếp tục phối hợp, tài trợ chuyên đề Kinh tế tuần hoàn trong khuôn khổ sự kiện **"Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2025, triển vọng 2026"** (VEPF) do Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương và Chính phủ đồng chủ trì tổ chức.



Ông Lê Thanh Tùng, TV HĐQT VietinBank, đồng Trưởng ban chỉ đạo PTBV VietinBank, phát biểu tại Phiên chuyên đề Kinh tế tuần hoàn trong khuôn khổ VEPF

1 - CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

TIẾP TỤC MỞ RỘNG DANH MỤC SPDV TÀI CHÍNH BỀN VỮNG ĐA DẠNG, ĐÁP ỨNG KỊP THỜI NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG

- Năm 2025, VietinBank tiếp tục triển khai và mở rộng đối tượng của Gói tài chính xanh **Green UP 5.000 tỷ đồng** với lãi suất và phí ưu đãi dành cho các phương án, dự án mang lại lợi ích về môi trường và xã hội thuộc các lĩnh vực: Năng lượng xanh, xuất khẩu xanh (dệt may, vải, da giày, cà phê, gạo, gỗ, thủy sản), công trình xanh, kinh tế tuần hoàn, giao thông xanh.



Sản phẩm GREEN UP và Tiền gửi xanh của VietinBank

Việc mở rộng thêm đối tượng trong năm 2025 để áp dụng cho các dự án giao thông xanh và kinh tế tuần hoàn được thực hiện nhằm góp phần đẩy mạnh cấp vốn cho các dự án PTBV của VietinBank. Với quy mô 5.000 tỷ đồng, đây sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực xanh tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Ngân hàng để đóng góp chung vào sự PTBV của Việt Nam. Sau gần 2 năm triển khai, Gói Green UP đã đưa nguồn vốn tài trợ của VietinBank đến với hàng trăm doanh nghiệp đang tham gia chuyển đổi xanh và hướng tới mục tiêu PTBV.

- Năm 2025, sản phẩm **tiền gửi xanh** dành cho KHDN do VietinBank tiên phong triển khai tiếp tục tạo nên một kênh kết nối giữa khách hàng gửi tiền xanh và khách hàng vay xanh. Sản phẩm tiền gửi xanh được xây dựng nhằm huy động vốn cho các dự án xanh trong Khung Tiền gửi Xanh của Ngân hàng, dành cho tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn, áp dụng cho các đồng tiền VND, USD và EUR. Những khách hàng tham gia tiền gửi xanh sẽ được VietinBank cấp giấy chứng nhận tiền gửi xanh nhằm vinh danh khách hàng đã đóng góp vì một tương lai PTBV.



- Năm 2025, VietinBank đã ra mắt **Gói tín dụng ưu đãi 4.000 tỷ đồng V-Green Powerup** nhằm hỗ trợ các chủ đầu tư trạm sạc V-Green, bao gồm KHDN và KHCN là các chủ đầu tư trạm sạc theo hình thức nhượng quyền, hợp tác, kinh doanh dịch vụ trạm sạc ký với Công ty Cổ phần Phát triển Trạm sạc Toàn cầu V-Green (V-Green), minh chứng cho cam kết mạnh mẽ về PTBV của VietinBank, trong đó có việc thúc đẩy hành trình điện hóa giao thông quốc gia.

VietinBank và V-Green đã ký kết thỏa thuận hợp tác, cung cấp giải pháp tín dụng chuyên biệt nhằm thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phủ sóng hạ tầng trạm sạc xe điện, đẩy nhanh xu hướng chuyển đổi xanh trong Ngành Giao thông tại Việt Nam. Theo thỏa thuận hợp tác, VietinBank sẽ cung cấp giải pháp tín dụng dành riêng cho các chủ đầu tư trạm sạc, đặc biệt là các đối tác nhượng quyền của V-Green. Gói hỗ trợ tài chính này có quy mô lên tới 4.000 tỷ đồng, được thiết kế với các chính sách ưu đãi hấp dẫn nhằm tối ưu khả năng tiếp cận vốn và mở rộng cơ hội cho các NGT.



Lễ ký kết hợp tác giữa V-Green và VietinBank

- Đồng thời, Ngân hàng luôn liên tục cập nhật và phát triển các giải pháp tài chính toàn diện, linh hoạt cho từng ngành, lĩnh vực, khách hàng. Một số giải pháp nổi bật là: Giải pháp tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời; Giải pháp tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà; Giải pháp tiếp cận dự án thu gom xử lý rác thải kết hợp điện rác...
- Để huy động nguồn vốn cho các dự án xanh, bền vững, VietinBank đã thiết lập quan hệ và trao đổi thường xuyên với một số đối tác lớn trong lĩnh vực PTBV như: ADB, IFC, AFD, KfW, MUFG, JBIC, EIB... để tham khảo kinh nghiệm và chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm huy động nguồn lực về vốn, hỗ trợ kỹ thuật, năng lực quản trị và phát triển sản phẩm trái phiếu xanh khi điều kiện thị trường thuận lợi.

1 - CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2025

LIÊN TỤC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC NỘI BỘ VỀ CÁC VẤN ĐỀ PTBV VÀ TÀI CHÍNH XANH

Năm 2025, VietinBank định hướng tập trung vào việc nâng cao năng lực nội bộ trong việc triển khai các hoạt động tài chính bền vững tại Ngân hàng với loạt chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, chương trình làm việc song phương, nhằm tiếp cận nguồn tri thức, công cụ và kinh nghiệm quốc tế về tài chính xanh. Thông qua đó, VietinBank sẽ xác định rõ các khoảng cách với thông lệ quốc tế và đưa ra các kế hoạch hành động cụ thể, khả thi.

- Tháng 7/2025, VietinBank đã khởi động hoạt động hỗ trợ kỹ thuật thuộc Cấu phần **"Nâng cao năng lực ngân hàng xanh"**. Đây là một trong những hoạt động quan trọng nằm trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật **"Thúc đẩy tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu"** được ủy thác thông qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) quản lý cho cấu phần về phát triển ngân hàng xanh, tín dụng xanh, phối hợp với NHNN. PwC Việt Nam - đối tác uy tín trong lĩnh vực tài chính bền vững là đơn vị đồng hành cùng VietinBank trong việc tư vấn triển khai hoạt động. Hoạt động này sẽ hỗ trợ VietinBank: (i) Đánh giá hiện trạng và xác định khoảng cách so với thông lệ tài chính xanh toàn cầu; (ii) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật phục vụ mục tiêu ngân hàng xanh cho giai đoạn sắp tới; (iii) Cùng cố năng lực nội bộ về tài chính xanh thông qua hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp và đào tạo chuyên sâu. Căn cứ vào báo cáo phân tích GAP và đề xuất của ADB, VietinBank sẽ nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp về chiến lược ngân hàng xanh căn cứ vào tình hình thực tế tại Ngân hàng và tư vấn của đối tác quốc tế.



Lễ khởi động Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực ngân hàng xanh tại VietinBank

- Trong tháng 5, 6/2025, tại khuôn khổ chương trình hợp tác giữa Tổ chức hợp tác Phát triển Đức (GIZ) và NHNN, VietinBank đã tham gia Đoàn công tác của NHNN do Phó Thống đốc Thường trực NHNN làm Trưởng đoàn tại Đức và Luxembourg - hai trung tâm tài chính bền vững hàng đầu châu Âu nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm và tìm kiếm cơ hội tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính bền vững, thúc đẩy tín dụng xanh và chuyển đổi công bằng.

Với chủ đề **"Huy động nguồn lực tài chính để thúc đẩy tín dụng xanh trong hệ thống ngân hàng hướng tới phát triển bền vững và chuyển đổi công bằng tại Việt Nam"**, đoàn công tác VietinBank đã tích cực trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, mở ra cơ hội hợp tác với nhiều tổ chức tài chính uy tín hàng đầu như: Cơ quan Giám sát Tài chính Liên bang Đức (BaFin), Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank), Tổ chức Finance in Motion, DZ Bank, Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB), Sáng kiến Tài chính Bền vững Luxembourg (LSFI).



Đoàn công tác làm việc với DZ Bank

ĐỒNG HÀNH, HỢP TÁC VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC

- VietinBank không chỉ cung cấp vốn mà còn đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc nâng cao nhận thức và áp dụng tiêu chuẩn ESG. Thời gian qua, VietinBank đã tích cực tổ chức các chuỗi hội thảo chuyên đề, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi xanh, giúp doanh nghiệp xem ESG là "tấm hộ chiếu xanh" để tiếp cận thị trường xuất khẩu và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Cụ thể, VietinBank đã phối hợp với MUFG Bank (Nhật Bản) tổ chức thành công sự kiện MUFG Now (Net Zero World) Việt Nam 2025 với chủ đề **"Chiến lược đổi mới bền vững hướng tới bứt phá xanh"** dành cho hơn 150 lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản, qua đó cung cấp cho khách hàng bức tranh tổng thể về xu hướng PTBV toàn cầu, các tư vấn về kỹ thuật, tài chính... để thúc đẩy hành trình hướng tới PTBV của doanh nghiệp Việt Nam.



VietinBank và MUFG Bank đồng hành tổ chức sự kiện MUFG NOW 2025

- Để chia sẻ kinh nghiệm triển khai tài chính bền vững, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, VietinBank cũng sắp xếp, tham gia các sự kiện, diễn đàn, tọa đàm, hội thảo về các chủ đề kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh... như Hội thảo chuyển đổi năng lượng xanh nhìn từ Nghị quyết 70 của Bộ Chính trị; Diễn đàn Doanh nghiệp PTBV - VCSF 2025 do VCCI tổ chức; Diễn đàn Kinh tế xanh GEF do Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham) tại Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương phối hợp tổ chức.

2 - THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

Triển khai chương trình hành động của Chính phủ và Ngành Ngân hàng về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, trong những năm qua VietinBank đã tích cực, chủ động trong công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống. Trên cơ sở xác định các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể cho từng lĩnh vực, các phòng/ban/đơn vị tại TSC và CN thực hiện đồng bộ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Một số hoạt động cụ thể như sau:

• Đối với công tác lập và quản lý kế hoạch chi phí

VietinBank luôn định hướng quản trị chi phí tiết kiệm, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với chiến lược kinh doanh, phù hợp với tình hình hoạt động và góp phần nâng cao năng suất lao động. Trong sử dụng chi phí thường xuyên, các đơn vị chủ động tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng dự toán, yêu cầu dự toán đầy đủ, chi tiết có thuyết minh, giải trình lý do đề xuất mức chi phí... để làm cơ sở rà soát dự toán, đảm bảo chi phí hợp lý và tiết kiệm. Trên cơ sở đó, các bộ phận liên quan tiếp tục rà soát, cắt giảm những chi phí/hạng mục không cần thiết, trùng lặp, kém hiệu quả, đảm bảo không vượt định mức/tiêu chuẩn/chế độ quy định. Chi phí được quản lý đa chiều tại đơn vị sử dụng chi phí và đơn vị đầu mối tại TSC (Khối Tài chính) nhằm nâng cao vai trò quản lý, tư vấn và tham mưu cho Ban Lãnh đạo của các đơn vị đầu mối đối với các khoản chi phí trọng yếu của hệ thống.

• Đối với chi phí hoạt động thường xuyên

VietinBank yêu cầu các đơn vị sắp xếp các khoản chi theo thứ tự ưu tiên và theo mức độ cấp thiết, quan trọng; hồ sơ đảm bảo đầy đủ, quá trình thực hiện nhanh chóng theo đúng cam kết quản lý chất lượng. Các đơn vị liên tục kiểm tra, theo dõi, rà soát để cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết, ưu tiên cho những hoạt động mang tính thiết thực, cấp bách.

Một số khoản mục chi phí chi tiết triển khai tiết kiệm, chống lãng phí điển hình:

- » Chi phí điện, nước, điện thoại, mực in, văn phòng phẩm: Giao định mức chi phí đến từng phòng/ban/bộ phận/cán bộ. VietinBank đã khuyến khích các đơn vị nghiên cứu áp dụng số hóa, sử dụng tài liệu bản điện tử thay cho văn bản giấy, nhờ đó chi phí vật liệu giấy tờ in năm 2025 giảm so với năm 2024 và so với kế hoạch chi phí.
- » Chi hội nghị, hội thảo: Đơn vị đầu mối đánh giá sự cần thiết của việc tổ chức họp, hội nghị, hội thảo. Tăng cường họp trực tuyến khi họp với các đơn vị khác tỉnh/thành phố. Các khối tổ chức hội nghị, hội thảo định kỳ, lồng ghép nhiều nội dung, giảm tần suất họp nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả. Các hội nghị được tổ chức tại các trụ sở của VietinBank, giảm thiểu chi phí hoạt động thuê ngoài.
- » Chi phí đào tạo, huấn luyện: Trong năm, VietinBank tập trung nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng số cho toàn thể cán bộ. Đặc biệt, Ngân hàng đã triển khai các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số như: Agile, tư duy thiết kế, ứng dụng AI, ra quyết định dựa trên dữ liệu... với tổng số 3 triệu lượt học trực tuyến. Nhằm tối ưu hóa chi phí và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ chủ động sắp xếp thời gian học, VietinBank đẩy mạnh kết hợp giữa hình thức đào tạo trực tuyến và trực tiếp. Kết quả, dù số lượng lớp học lớn, chi phí đào tạo và huấn luyện nghiệp vụ năm 2025 vẫn được kiểm soát, không vượt quá kế hoạch đề ra.
- » Chi phí nghiên cứu khoa học: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí trong quản trị – điều hành. VietinBank đã tối ưu quy trình, số hóa SPDV để giảm chi phí vận hành, nâng cao năng suất và chất lượng phục vụ. Với hơn 90 sáng kiến CDS được triển khai, 99% giao dịch thanh toán đã được thực hiện qua kênh số, VietinBank đã giảm đáng kể chi phí vận hành tại quầy và chi phí giấy tờ hành chính. Kế hoạch CDS từng năm, từng quý được nghiên cứu đánh giá để đảm bảo tính đồng bộ, tránh trùng lặp nguồn lực và tối ưu chi phí và thời gian triển khai. Nhờ cơ chế điều phối linh hoạt, VietinBank đã xây dựng triển khai CDS tốc độ cao nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

• Đối với công tác đầu tư xây dựng

Trong quản lý đầu tư xây dựng công trình, VietinBank thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu lập kế hoạch và xác định chủ trương đầu tư, chỉ đề xuất các dự án thực sự cần thiết, cấp bách, trọng tâm, trọng điểm và có tính khả thi. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại VietinBank đều được thành lập Hội đồng thẩm định, đảm bảo các công trình được dự toán, thiết kế đúng định mức, đúng quy định của Nhà nước và đề xuất các phương án tối ưu nhằm tiết giảm chi phí đầu tư công trình. Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

• Đối với công tác mua sắm, sử dụng tài sản, phương tiện đi lại

VietinBank thực hiện mua sắm tài sản trên cơ sở đánh giá thực trạng tài sản hiện có, cắt giảm các tài sản không thực sự cần thiết hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn, định mức. Tài sản được hạch toán, theo dõi, quản lý, sử dụng đúng quy định. Việc thanh lý tài sản, thực hiện nghiêm túc theo quy định và quy trình thanh lý tài sản, tránh thất thoát, lãng phí.

• Đối với công tác tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

VietinBank đã thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của một số đơn vị, thực hiện các phương án kiện toàn nhằm tinh gọn các bộ phận có chức năng tương đồng hoặc đối với các đơn vị hoạt động không hiệu quả, tập trung nguồn lực thúc đẩy kinh doanh, thu hồi xử lý nợ. Trong năm 2025, Ngân hàng đã triển khai phương án tái cơ cấu hệ thống từ TSC tới mạng lưới các CN, PGD. Tại TSC, VietinBank đã kiện toàn 3 Khối với 29 đơn vị cấp phòng/ban hướng tới rút giảm đầu mối phối hợp trung gian, tránh chồng chéo trong quy trình phối hợp. Sau kiện toàn, các đơn vị đã tích cực ứng dụng công nghệ số và cải tiến phương thức thực hiện chức năng nhiệm vụ từ đó tối ưu nguồn lực thực thi cho VietinBank. Tại CN, VietinBank đã rút giảm số lượng phòng tại CN thông qua sáp nhập bộ phận Kế toán – Kho quỹ; Tổ chức – Tổng hợp nhằm dịch chuyển cơ cấu nhân sự, tập trung nguồn lực tối đa cho HĐKD và tinh gọn bộ phận hỗ trợ cùng với lộ trình CDS. Ngân hàng đã chấm dứt hoạt động của một số PGD. Cùng với các giải pháp tinh gọn bộ máy, VietinBank song song thực hiện giải pháp kiện toàn bộ máy hoạt động gắn với các yêu cầu chuyển đổi mô hình quản trị tập trung, CDS, chuyển đổi xanh, PTBV để nâng cao hiệu quả QTRR, quản trị nguồn lực và nâng cao năng suất lao động.

Song song với tái cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động của các khối/phòng/ban/CN, VietinBank cũng triển khai Đề án **“Tinh gọn, đổi mới và nâng cao chất lượng nguồn lực VietinBank”**. Năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện tinh gọn bộ máy nhân sự toàn hàng, số lượng nhân sự giảm liên tục qua các năm 2024, 2025. VietinBank cũng tinh giảm quản lý trung gian tại các cấp, tinh gọn đội ngũ lãnh đạo cấp phó, rà soát, sàng lọc cán bộ đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc.

Bên cạnh việc tinh gọn bộ máy, VietinBank đã chủ động gây dựng nguồn nhân sự có chất lượng cao, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn vị trí cán bộ quản lý các cấp thông qua thi tuyển nội bộ và nhận diện, đào tạo đội ngũ nhân sự tiềm năng (NextGen và Top 500) và các chương trình đào tạo các cấp toàn hàng trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả.

• Đối với hoạt động tín dụng

VietinBank thực hiện giảm mặt bằng LSCV, cắt giảm các loại phí để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Ngân hàng triển khai ứng dụng ngân hàng số trong hoạt động tín dụng, bám sát các mục tiêu trong Kế hoạch CDS Ngành Ngân hàng thông qua thực hiện tự động hóa nhiều bước quy trình cho vay, nhằm tiết giảm thời gian, chi phí giao dịch, gia tăng trải nghiệm của khách hàng.

2 - THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của VietinBank đã đạt được những kết quả tích cực, tiêu biểu như:

- Các biện pháp tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả mang lại giá trị rất lớn. Tại TSC áp dụng công tác tuyên truyền, hướng dẫn về việc sử dụng điện an toàn và hiệu quả, kết quả đạt được trong năm 2025 đã cắt giảm 180Kwh/người so với cùng kỳ năm 2024, tương đương giảm 2,7 tỷ đồng tính trên tổng số khoảng 2.800 CBNV thuộc TSC trong năm.
- VietinBank đã thực hiện đấu thầu 47 dự án với tổng giá trị tiết kiệm được qua đấu thầu là 2,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,11% giá trị dự toán. Tổng giá trị tiết kiệm được từ khi thẩm định, phê duyệt tổng dự toán đến khi quyết toán công trình là gần 5,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,39% giá trị dự toán.
- VietinBank đã chấm dứt hoạt động của 108 PGD, giảm 11,3% số PGD của toàn hệ thống. Đồng thời Ngân hàng thực hiện tinh gọn bộ máy khi giảm hơn 750 cán bộ quản lý cấp phó.
- Năng suất lao động toàn hàng trong năm 2025 (tính theo thu nhập từ hoạt động năm 2025 bình quân đầu người) tăng 35% so với năm 2024.
- VietinBank đã triển khai lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái tại 34 CN, đơn vị trên toàn hệ thống, đạt trên 2000 kWh điện năng lượng mặt trời/tháng, qua đó đã góp phần vào việc bảo tồn nguồn năng lượng sơ cấp của quốc gia, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo đó, VietinBank là đơn vị tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, PTBV với các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Ngân hàng cũng đang nghiên cứu thực hiện kiểm toán năng lượng tại các tòa nhà TSC và hướng dẫn đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm toán năng lượng.
- Nhờ những biện pháp thực hành tiết kiệm, quản lý chi phí hiệu quả trên, **tỷ lệ CIR lũy kế của VietinBank năm 2025 đạt 30,4%, tiếp tục nằm trong nhóm những ngân hàng có tỷ lệ CIR thấp nhất.**

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VietinBank luôn tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường cụ thể như: **Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 39/2016/TT-BTNMT** của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành quy định kỹ thuật về quan trắc và điều tra khảo sát xâm nhập mặn có hiệu lực từ 10/02/2017; **Nghị định số 44/2016/NĐ-CP** của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và **Nghị định số 04/2023/NĐ-CP** của Chính phủ ngày 13/02/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Nay là Bộ Nội vụ), trong đó Điều 3, Chương II (Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể, VietinBank đã triển khai các công tác sau:

- Tại các tòa nhà, trụ sở thuộc TSC thực hiện công tác đo kiểm môi trường lao động hằng năm, nhằm kịp thời đưa ra các giải pháp đảm bảo môi trường cho CBNV.
- Thực hiện thu gom rác thải đúng quy định nhằm bảo vệ môi trường: Phân loại rác thải ngay tại các vị trí người dùng, ký kết hợp đồng thu gom rác thải với các đơn vị có đủ năng lực, được cấp phép trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...

Số lần bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

3 - TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

Năm 2025, Trung tâm Dịch vụ khách hàng tiếp tục khẳng định vai trò là đầu mối trọng yếu trong hoạt động hỗ trợ và CSKH của VietinBank, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp công nghệ và cải cách toàn diện mô hình vận hành theo định hướng **“Lấy khách hàng làm trung tâm - lấy công nghệ làm nền tảng - lấy hiệu quả làm thước đo”**.

Theo đó, Trung tâm Dịch vụ khách hàng đã không ngừng nâng cao năng lực phục vụ, gia tăng mức độ tự động hóa và tối ưu trải nghiệm khách hàng thông qua việc mở rộng, phát triển các tính năng của hệ thống Tổng đài Omnichannel; xây dựng và triển khai hệ thống quản lý yêu cầu khách hàng đa kênh; ứng dụng AI Virtual QC (quality control) trong công tác kiểm soát, giám sát CLDV trên tất cả các kênh tương tác; cải tiến IVR (interactive voice response) thông minh, phát triển các kênh tự phục vụ. Đồng thời, Trung tâm cũng đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp AI tiên tiến như: Chatbot AI, VoiceBot, Voice Biometrics, Agent Assist; phát triển CRM Service và nền tảng dữ liệu khách hàng... qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động, tinh gọn quy trình, rút ngắn thời gian xử lý yêu cầu và mang lại trải nghiệm dịch vụ vượt trội cho khách hàng.

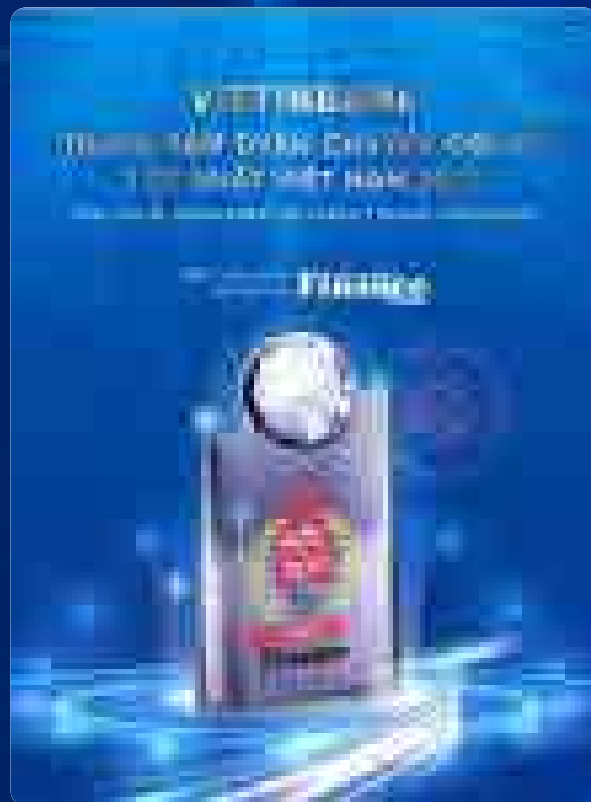
Nhờ những nỗ lực đó, mức độ hài lòng của khách hàng (CSAT) năm 2025 đạt 98,8%, tiếp tục duy trì ở mức xuất sắc theo chuẩn quốc tế. Các chỉ tiêu vận hành trọng yếu đều vượt kế hoạch đề ra: Tỷ lệ rút cuộc gọi giám mạnh từ 2,3% năm 2024 xuống còn 0,97% năm 2025; SLA 80/20 đạt 98,7%, vượt 18,7% kế hoạch; tỷ lệ giải quyết ngay trong lần liên hệ đầu tiên (FCR) đạt 82,1%, vượt 6,9% kế hoạch, góp phần giảm thiểu khiếu nại, nâng cao niềm tin và sự gắn kết của khách hàng.

Xác định đổi mới sáng tạo là động lực cho tăng trưởng bền vững, trong năm 2025, Trung tâm Dịch vụ khách hàng đã triển khai nhiều sáng kiến cải tiến nội bộ, tập trung mở rộng phạm vi hỗ trợ và xử lý yêu cầu khách hàng trực tiếp tại Trung tâm. Các sáng kiến tiêu biểu là ban hành bộ hướng dẫn xử lý khiếu nại, phản ánh và sự kiện rủi ro tiếp nhận qua Trung tâm Dịch vụ khách hàng; tiếp nhận tra soát giao dịch thẻ qua Tổng đài; triển khai cung cấp tên đăng nhập dịch vụ VietinBank eFAST, cấp lại mật khẩu dịch vụ iPay qua Tổng đài; hỗ trợ gỡ chặn giao dịch trên ứng dụng VietinBank iPay... Qua đó, các sáng kiến này giúp gia tăng đáng kể khả năng xử lý, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, hiệu quả ngay tại Trung tâm Dịch vụ khách hàng.

Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ tác nghiệp, Trung tâm Dịch vụ khách hàng còn trở thành một mắt xích quan trọng trong việc triển khai các sáng kiến hỗ trợ khách hàng theo hành trình trải nghiệm như chương trình outbound hỗ trợ khách hàng bị gián đoạn (drop-off) trong quá trình mở tài khoản/phát hành thẻ online; hỗ trợ vay vốn trực tuyến; mở tài khoản eKYC cho KHDN... qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ hoàn tất giao dịch và gia tăng giá trị cho khách hàng.

Những nỗ lực không ngừng trong công tác hỗ trợ và CSKH trong năm 2025 đã được ghi nhận bằng nhiều danh hiệu uy tín:

- Top 5 đơn vị TSC có nhiều sáng kiến cải tiến nội bộ nhất trong hệ thống VietinBank.
- Danh hiệu **“Đơn vị văn hóa toàn diện”** do HĐQT VietinBank trao tặng, ghi nhận sự phát triển hài hòa giữa hiệu quả hoạt động và VHDN.
- Giải thưởng **“Best Digital Transformation for Contact Center Vietnam 2025”** do Global Banking & Finance Review bình chọn, vinh danh Trung tâm Dịch vụ khách hàng CDS tốt nhất Việt Nam năm 2025.



Giải thưởng “Trung tâm Dịch vụ khách hàng CDS tốt nhất Việt Nam năm 2025” của Global Banking & Finance Review

CÔNG TÁC BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Với triết lý hoạt động **“Khách hàng là trung tâm”**, VietinBank đã triển khai nhiều chương trình, chính sách đồng bộ, toàn diện để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, đặc biệt trong xu hướng CDS. Các hệ thống VBCS, quy trình luôn được cập nhật, đổi mới nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng, tạo cảm giác thoải mái, an tâm cho khách hàng khi sử dụng các SPDV tài chính của VietinBank. Cụ thể, Ngân hàng đã thực hiện nhiều giải pháp kết hợp để tăng cường công tác bảo mật thông tin khách hàng như:



4 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Là ngân hàng trụ cột của hệ thống tài chính Việt Nam và tiên phong niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2009, VietinBank luôn hướng tới phát triển hoạt động Quan hệ NĐT (IR) chuyên nghiệp, qua đó không chỉ giúp nâng cao mức độ tin cậy và minh bạch thông tin, mà còn trực tiếp hỗ trợ cho các mục tiêu chiến lược như mở rộng NĐT tổ chức, thu hút dòng vốn dài hạn, và củng cố vị thế VietinBank trên thị trường vốn trong nước và quốc tế.

MINH BẠCH THÔNG TIN, ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI NĐT

VietinBank luôn hướng tới truyền tải thông tin minh bạch, đồng nhất, đầy đủ và kịp thời về Ngân hàng tới NĐT, thực hiện quyền của cổ đông, từ đó tối đa hóa giá trị của doanh nghiệp cũng như nâng cao giá trị của cổ đông. Là NHTMCP có vốn Nhà nước, VietinBank không chỉ tuân thủ các quy định về CBTT đối với doanh nghiệp niêm yết (theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và các Sở Giao dịch Chứng khoán); mà còn phải đáp ứng các nghĩa vụ CBTT của doanh nghiệp Nhà nước (theo quy định NHNN, Bộ Tài chính). Với mục tiêu bảo đảm cập nhật thông tin nhanh chóng, kịp thời, VietinBank luôn tuân thủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật; là ngân hàng duy nhất trong 9 năm liên được bình chọn là Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn CBTT trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2025, VietinBank đã thực hiện CBTT 15 nội dung định kỳ và 88 nội dung bất thường.

Trong năm 2025, VietinBank đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2025 theo đúng quy định và thông qua nhiều nội dung quan trọng như: Kế hoạch kinh doanh, phân phối lợi nhuận, công tác nhân sự... Chú trọng công tác thông tin tới NĐT, ĐHĐCĐ thường niên là sự kiện quan trọng của VietinBank – nơi đối thoại cởi mở, thẳng thắn và giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông.

ĐẢM BẢO CHI TRẢ CỔ TÚC CHO CỔ ĐÔNG THEO ĐÚNG QUY ĐỊNH

VietinBank công bố công khai chính sách cổ tức tại Điều lệ VietinBank và website Quan hệ NĐT VietinBank (<https://investor.vietinbank.vn/vi/historicaldividend.aspx>). Ngân hàng luôn đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ VietinBank, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo đúng quy định pháp luật có liên quan. Năm 2025, VietinBank đã thực hiện 2 lần chi trả cổ tức: **(i)** Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4,5%; **(ii)** Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2009 – 2026, 2021, 2022 với tỷ lệ 44,63658403%.

TĂNG CƯỜNG TẦN SUẤT, ĐA DẠNG HÌNH THỨC, CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG, CHỦ ĐỘNG TRUYỀN THÔNG ĐẾN NĐT

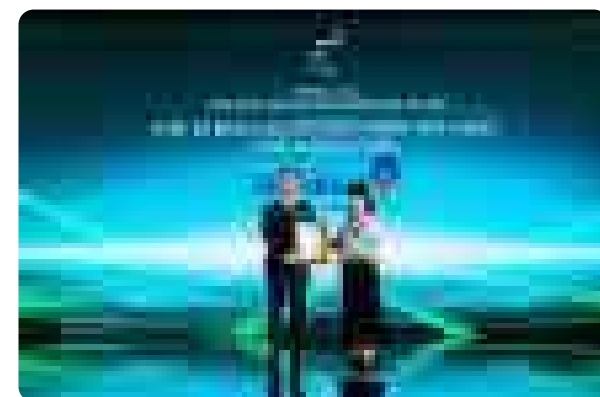
Năm 2025, VietinBank tiếp tục nghiên cứu, phát triển chuyên trang IR với giao diện hiện đại, chuyên nghiệp tại địa chỉ: <http://investor.vietinbank.vn>, qua đó giúp cung cấp thông tin cập nhật, phong phú, hữu ích, dễ tra cứu cho cổ đông, NĐT. Ngân hàng cũng nghiên cứu để tăng cường ứng dụng công nghệ và nền tảng số để cập nhật thông tin nhanh chóng, thuận tiện hơn cho cổ đông, NĐT trong và ngoài nước.

Trong năm 2025, VietinBank tiếp tục chủ động tăng cường tần suất, đa dạng hình thức, cải tiến chất lượng thông tin, gia tăng niềm tin của cổ đông và NĐT đối với VietinBank thông qua: **(i)** 4 hội nghị cập nhật kết quả kinh doanh định kỳ năm/quý do Ban Lãnh đạo chủ trì (với sự tham gia của khoảng 200 chuyên gia phân tích, đại diện cho khoảng 100 Quỹ đầu tư/ Công ty chứng khoán (tăng 33% so với năm 2024); 33 buổi làm việc trực tiếp (tăng 65% so với năm 2024) trong đó bao gồm 3 sự kiện kết nối NĐT của các công ty chứng khoán uy tín là HSC, Vietcap, VDSC và hơn 180 lượt trao đổi gián tiếp (email, điện thoại; tăng 50% so với năm 2024) để trao đổi, cung cấp thông tin về HĐKD của VietinBank tới NĐT/cổ đông của VietinBank; **(ii)** Chủ động truyền thông về kết quả kinh doanh và hoạt động của VietinBank; **(iii)** Duy trì mối quan hệ gần gũi, gần bó với các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán trong và ngoài nước.

Nhờ không ngừng nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của hoạt động IR, VietinBank đã được các cổ đông, NĐT, chuyên gia phân tích ghi nhận, đánh giá ngày càng tích cực. Theo đó, các công ty chứng khoán lớn đều đưa ra khuyến nghị mua/khả quan đối với cổ phiếu CTG trong năm 2025. Các hoạt động IR của VietinBank đã nhận được nhiều giải thưởng danh giá trong năm 2025 như:

- 8 năm liên tiếp nằm trong Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất của Forbes Việt Nam.
- 5 năm liên tiếp nằm trong rổ chỉ số VNSI về PTBV của HOSE¹ (2021-2025).
- Ngân hàng duy nhất đạt chuẩn CBTT trong 9 năm liên tiếp (2017 – 2025).
- 3 năm liên tiếp là doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được NĐT yêu thích nhất và năm đầu tiên là doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được ĐCTC yêu thích nhất – nhóm Tài chính vốn hóa lớn².
- 5 lần đạt Top 10 doanh nghiệp có BCTN tốt nhất nhóm Ngành Tài chính (2019 – 2021, 2023, 2024).
- 2 năm liên tiếp đạt Top 50 doanh nghiệp niêm yết tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50 kể từ khi triển khai sáng kiến (năm 2024).

Trong năm 2026, bên cạnh việc thực hiện tốt các công việc có tính chất thường xuyên, định kỳ, VietinBank sẽ tiếp tục kiện toàn, chuyên nghiệp hóa hoạt động IR thông qua việc tăng cường đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự IR; xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông minh bạch và chủ động. Đồng thời, Ngân hàng sẽ đẩy mạnh ứng dụng các hình thức trực tuyến song song trực tiếp, nâng cao hoạt động tương tác và lan tỏa thông tin tới các NĐT, kiến tạo các giá trị gia tăng cho Ngân hàng và thương hiệu cổ phiếu CTG trên thị trường chứng khoán.



Ông Vương Huy Đông – Phó Ban Thư ký HĐQT & Quan hệ cổ đông, đại diện VietinBank nhận Giải thưởng “Top 10 BCTN tốt nhất nhóm Ngành Tài chính”

¹VNSI (Viet Nam Sustainability Index) là chỉ số PTBV do HOSE phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và UBCKNN nghiên cứu và triển khai từ tháng 07/2017; **bao gồm 20 cổ phiếu thuộc VN100 có PTBV tốt nhất thị trường.**

²IR Awards là chương trình bình chọn doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất do Vietstock, Hiệp hội Các Nhà Quản trị Tài chính Việt Nam (VAFE) và Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống (FILI) đồng tổ chức từ năm 2011.



THÔNG TIN LIÊN HỆ LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NĐT VIETINBANK

1. Phụ trách CBTT

Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT/Người đại diện theo pháp luật VietinBank

2. Người phát ngôn trong hoạt động IR

Bà Phạm Thị Thanh Hoài – TV HĐQT VietinBank

3. Người phụ trách quản trị công ty/ Thư ký công ty

Ông Trần Minh Đức – Chánh Văn phòng HĐQT VietinBank

4. Bộ phận IR – Ban Thư ký & Quan hệ Cổ đông, Văn phòng HĐQT

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

Email: investor@vietinbank.vn

Điện thoại: (84) 24 3941 3622

Website: www.vietinbank.vn – <http://investor.vietinbank.vn>

5 - TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

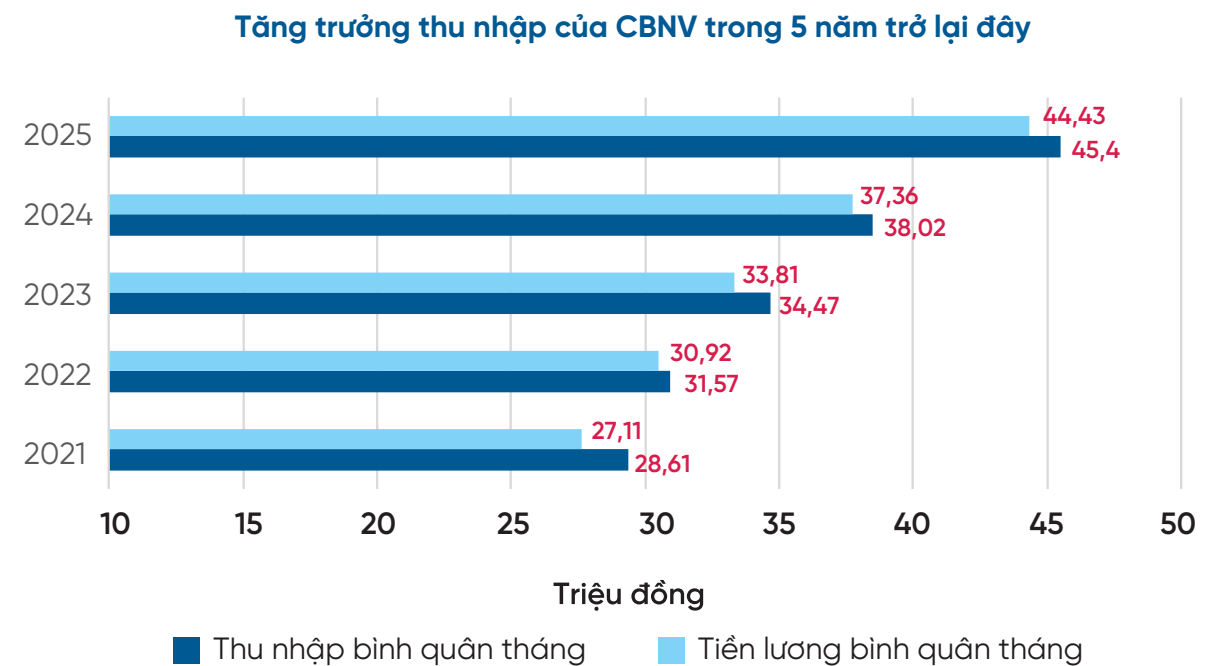
Nhận thức được rằng nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất cho sự phát triển và thành công của mỗi tổ chức, VietinBank luôn chú trọng công tác xây dựng, duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược kinh doanh của toàn hàng. Đội ngũ nhân sự trải rộng nhiều thể hệ với kiến thức chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết là yếu tố nòng cốt để VietinBank luôn giữ vững tinh thần tiên bước tiên phong, đổi mới trong tư duy, kiện toàn trong hành động, vững vàng vượt qua thử thách, tôi luyện nên một thương hiệu đầy uy tín.

ĐẢM BẢO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng CBNV của VietinBank đến thời điểm ngày 31/12/2025 là 24.583 người (bao gồm cả lao động của các công ty con, ĐVSN, VPĐD, lao động khoán gọn), giảm 148 người so với thời điểm ngày 31/12/2024. Về các chỉ tiêu liên quan đến biến động nhân sự trong năm 2025, tỷ lệ tuyển dụng mới của VietinBank là 3%, trong khi tỷ lệ chấm dứt hợp đồng lao động là 3,59%.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG

Người lao động làm việc trong hệ thống VietinBank được hưởng các chế độ tiền lương, thưởng và đãi ngộ như: **(i)** Hệ thống tiền lương của VietinBank được xây dựng theo thông lệ quốc tế dựa trên nguyên tắc 3Ps: Trả lương theo vị trí công việc, trả lương theo năng lực cá nhân, trả lương theo kết quả thực hiện công việc; **(ii)** Được khẳng định năng lực để đề bạt, bổ nhiệm, được đánh giá để thưởng thành tích; **(iii)** Được cấp kinh phí đào tạo, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn; (iv) Lao động nghỉ hưu: Ngoài chế độ được hưởng từ BHXH, CBNV, người lao động còn được VietinBank trợ cấp 2 tháng lương trước khi nghỉ hưu và hỗ trợ kinh phí trong hoạt động hưu trí. Năm 2025, mức tiền lương bình quân của VietinBank tăng 18,9% so với năm 2024. Mức tăng tiền lương bình quân dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động bình quân vượt kế hoạch.



Nguồn số liệu: BCTC kiểm toán hợp nhất các năm 2021 – 2025

* Thông tin chi tiết về mức lương trung bình của CBNV được trình bày trong BCTC năm 2025 đã được kiểm toán tại Phần 7.

CHẾ ĐỘ BHXH, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

CBNV, người lao động làm việc trong hệ thống VietinBank đều được đóng bảo hiểm theo chế độ Nhà nước quy định, được đảm bảo quyền lợi khi về nghỉ chế độ hoặc trong các trường hợp ốm đau, thai sản. Khi CBNV, người lao động đủ tuổi nghỉ chế độ, VietinBank thực hiện đầy đủ các thủ tục với cơ quan bảo hiểm để CBNV, người lao động được về nghỉ đúng thời gian quy định.

Năm 2025, VietinBank tiếp tục triển khai các chế độ phúc lợi, đãi ngộ chung đối với CBNV trong toàn hệ thống nhằm chăm lo đời sống, tái tạo sức lao động, tạo sự cân bằng giữa công việc, cuộc sống, tăng sự gắn kết và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ vượt trội đối với cán bộ có thành tích cao, cán bộ nhân tài, cán bộ thuộc đối tượng luân chuyển, Lãnh đạo các vị trí chủ chốt, Lãnh đạo cấp cao để ghi nhận sự đóng góp, giữ chân cán bộ có năng lực, trình độ cao.

Trong năm 2025, nghiên cứu các thông lệ tiên tiến về phúc lợi, đãi ngộ trên thị trường, VietinBank tiếp tục bổ sung, sửa đổi một số chế độ phúc lợi, đãi ngộ để phù hợp với tình hình kinh doanh, thực tế hoạt động của VietinBank, nâng cao chế độ phúc lợi, đãi ngộ đối với CBNV, người lao động, tăng cường mức độ gắn kết, cống hiến của CBNV, người lao động đối với Ngân hàng.

ĐẢM BẢO SỨC KHỎE CBNV VÀ AN TOÀN NƠI LÀM VIỆC

Hàng năm, VietinBank đều đặn thực hiện đánh giá, đo lường mức độ an toàn tại các tòa nhà TSC để đánh giá các rủi ro và xác định các mối nguy hiểm có thể ảnh hưởng tới chất lượng làm việc và sức khỏe của CBNV, người lao động. Đồng thời, VietinBank cũng phối hợp với các cơ quan chức năng để đảm bảo an toàn, an ninh trong và ngoài giờ làm việc. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tại Ngân hàng luôn tuân thủ đầy đủ các nội dung hướng dẫn Bộ Công an, các quy định pháp luật hiện hành và quy định của VietinBank.

Đối với các vấn đề về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho CBNV, VietinBank đã ban hành các chính sách, quy định và hướng dẫn thực hiện trên cơ sở yêu cầu của pháp luật và chế độ chính sách riêng của Ngân hàng, nhằm đảm bảo chế độ phúc lợi tốt nhất cho CBNV. Ngân hàng định kỳ tổ chức các buổi đào tạo, hướng dẫn về các phương án ứng phó một số tình huống khẩn cấp như: Phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu... Để đánh giá mức độ an toàn nơi làm việc, VietinBank thực hiện công tác quan trắc môi trường, đo lường các yếu tố rủi ro độc hại có thể có ảnh hưởng đến CBNV, người lao động theo tiêu chuẩn luật định. Dựa trên kết quả đo lường, môi trường làm việc tại VietinBank đều đạt tiêu chuẩn.

Bên cạnh đó, VietinBank tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho toàn bộ CBNV tại các cơ sở y tế uy tín. Thông tin sức khỏe cá nhân của CBNV, người lao động sau đó nhanh chóng được phản hồi tới từng cá nhân và đảm bảo tính bảo mật theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng còn tổ chức các chương trình hội thảo, tọa đàm và các khóa học về chăm sóc sức khỏe, có sự tư vấn của các chuyên gia y tế hàng đầu để nâng cao nhận thức về sức khỏe cho CBNV. Trong những năm qua, VietinBank đã triển khai chương trình VBI Care, chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho toàn bộ CBNV trong hệ thống VietinBank nhằm nâng cao chế độ phúc lợi, nâng cao sức khỏe và hỗ trợ nhân viên trong các vấn đề y tế, thể hiện sự quan tâm, trân trọng tốt nhất của VietinBank đối với CBNV.

ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Năm 2025, VietinBank đã tổ chức 1.105 lớp học³. Số lượt học viên tham gia đào tạo là 289.442 lượt, với số tiết đào tạo trung bình là 70,8 tiết/người.

Bảng số liệu về thời lượng đào tạo trung bình và mức độ bao phủ của các chương trình đào tạo phân loại theo đối tượng tham gia đào tạo năm 2025		
PHÂN LOẠI THEO ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO	SỐ TIẾT ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH	LƯỢT ĐÀO TẠO
Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo cấp trung và các chức danh tương đương (TV HĐQT, BDH, GD/PGĐ Khối, GD/PGĐ CN, TPP TSC, GD/PGĐ ĐVSN)	63,4	10.279
Cán bộ quản lý và chức danh tương đương (TPP CN, TPP ĐVSN)	38,8	24.738
CBNV	79,6	254.425
Chung	70,8	289.442

³ Không tính đào tạo OJT, Coaching, Mentoring, chương trình đào tạo nội bộ do các đơn vị tự tổ chức

5 - TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2025, VietinBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai đào tạo nâng cao năng lực bán, năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng với hơn 400 lớp. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình đào tạo phục vụ cho đội ngũ nhân sự toàn hàng về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các kiến thức ứng dụng công nghệ mới. Đặc biệt, VietinBank nỗ lực xây dựng và thúc đẩy văn hóa học tập chủ động trên toàn hệ thống. Thông qua việc thúc đẩy văn hóa học tập chủ động, Trường Đào tạo và Phát triển Nguồn Nhân lực VietinBank không chỉ xây dựng được nền tảng chất lượng cho nhân sự; mà còn góp phần xây dựng môi trường làm việc khuyến khích đổi mới và học tập suốt đời.



VietinBank luôn chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ

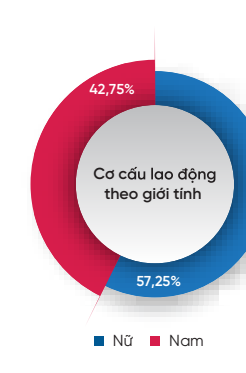
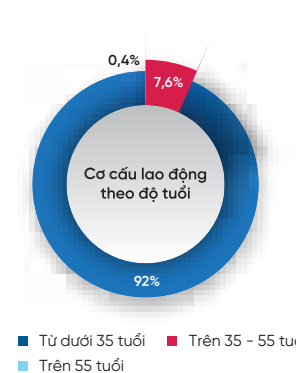
CƠ HỘI PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Trong năm 2025, VietinBank tiếp tục đẩy mạnh công tác nhận diện sớm, xây dựng lộ trình đào tạo và phát triển toàn diện nguồn cán bộ cho các vị trí cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ cấp chiến lược của Ngân hàng thông qua các hoạt động như: Chương trình VietinBank Top 500, Chương trình Next Gen tạo nguồn cán bộ quản lý các cấp (nhận diện cán bộ tiềm năng phát triển Next Gen và Hipo), đào tạo quản lý linh hoạt (Agile management) cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung (HĐQT, BĐH, GĐ CN, TPP TSC). Ngân hàng tiếp tục triển khai mở rộng chương trình đổi mới toàn diện công tác nhận diện, tạo nguồn cán bộ cho các vị trí cán bộ quản lý cấp trung thông qua tổ chức thi tuyển và đánh giá công khai, minh bạch; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ứng viên cân bằng 2 yếu tố về năng lực và chuyên môn nghiệp vụ để đảm bảo lựa chọn ứng viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhân sự của VietinBank.

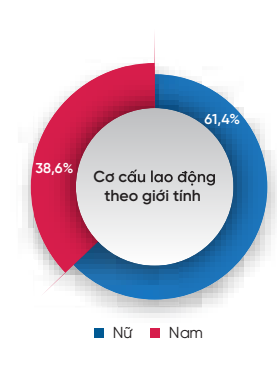
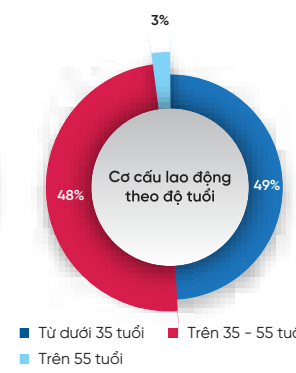
TÔN TRỌNG BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ SỰ ĐA DẠNG

VietinBank luôn xác định **“Nhân sự là tài sản quý giá nhất của một tổ chức”**. Trong thời gian qua, VietinBank liên tục xây dựng các chính sách/chương trình liên quan đến chế độ đãi ngộ nhằm thể hiện sự tôn trọng, bình đẳng giữa CBNV nam - nữ, triển khai các phúc lợi dành riêng cho CBNV, người lao động nữ theo quy định của pháp luật và cơ chế của VietinBank. Các hoạt động thúc đẩy sự đa dạng và bình đẳng tại nơi làm việc được triển khai đồng bộ, toàn diện từ TSC tới các CN, qua đó thể hiện sự trân trọng của VietinBank đối với đóng góp và cống hiến của mỗi CBNV đối với thành công của tổ chức.

Cơ cấu cán bộ quản lý



Cơ cấu chuyên viên/nhân viên



ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG, DẪN CHỦ CƠ SỞ TẠI VIETINBANK

Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, Đảng ủy Chính phủ, NHNN, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, các cấp ủy, chính quyền, tổ chức đoàn thể trong hệ thống VietinBank đã nhận thức đúng, tổ chức xây dựng và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung, hình thức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

Trong những năm qua, Ngân hàng đã tích cực xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành Ngân hàng vừa đảm bảo an toàn, chất lượng hoạt động của toàn hệ thống. Đặc biệt, VietinBank đã tiên phong xây dựng **Sổ tay Văn hóa VietinBank**, trong đó quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Lãnh đạo, CBNV và người lao động VietinBank; quy tắc ứng xử của Lãnh đạo, CBNV và người lao động VietinBank. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng song song **Bộ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử của cán bộ ngân hàng** do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam ban hành (Quyết định số 11/QĐ-HHNH) trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, VietinBank thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin để phản ánh hành vi gian lận nội bộ, vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngân hàng. Các thông tin được gửi truyền thông định kỳ đến toàn hệ thống (2 lần/tháng) để toàn hệ thống nghiêm túc thực hiện và triển khai. Mọi thông tin phản ánh về hành vi gian lận nội bộ, vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đều được các bộ phận nghiệp vụ của VietinBank tiếp nhận xử lý và được bảo mật thông tin.



KÊNH TIẾP NHẬN THÔNG TIN PHẢN ÁNH HÀNH VI GIAN LẬN NỘI BỘ/ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

- Đơn vị phụ trách:
Phòng Quản lý Tuân Thủ - Khối Pháp chế và Tuân thủ
- Đường dây nóng điện thoại:
1900 558 868
- Email:
contact@vietinbank.vn
- Thư vật lý (Mật):
108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

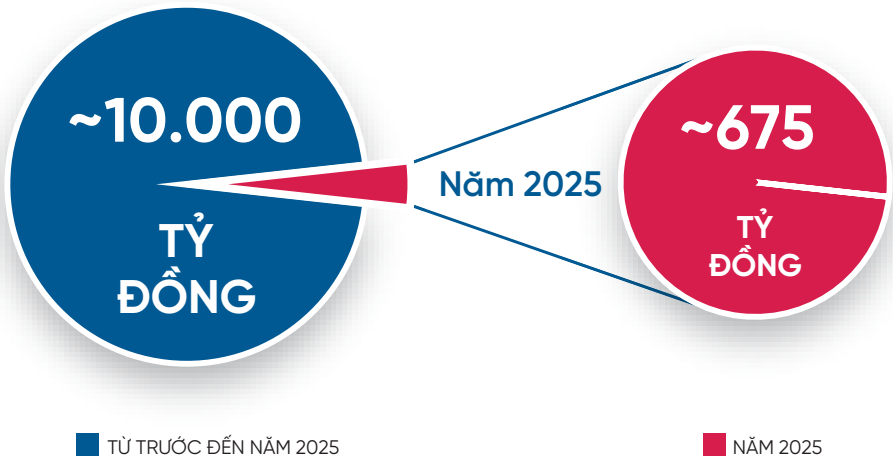
Trong hành trình “**Nâng giá trị cuộc sống**”, VietinBank luôn đề cao và nỗ lực thực hiện tốt, có hiệu quả trách nhiệm xã hội, xứng đáng với vai trò, vị thế của một tổ chức tài chính trụ cột. Với việc chủ động lan tỏa nguồn lực, tiên phong thực hiện nhiều chương trình ASXH ý nghĩa, VietinBank tiếp tục nối dài hành trình sẻ chia với cộng đồng, góp phần kiến tạo giá trị bền vững và hiện thực hóa khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Năm 2025, VietinBank tiếp tục ghi dấu ấn với những kết quả vượt bậc trong HĐKD, triển khai có hiệu quả chính sách tiền tệ, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Song song với đó, VietinBank là đơn vị tiên phong, chủ động thực hiện nhiều chương trình ASXH thiết thực, có ý nghĩa, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao chất lượng sống cho người dân, đặc biệt tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Dòng chảy ASXH của VietinBank đã lan tỏa trên nhiều lĩnh vực trọng yếu: Từ hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo, công tác đền ơn đáp nghĩa, các công trình trường học, trạm y tế, hạ tầng nông thôn đến hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ... Chỉ riêng năm 2025, VietinBank đã dành **hơn 675 tỷ đồng** (tương đương 1,55% LNTT hợp nhất của VietinBank) cho công tác ASXH; lũy kế qua các năm, con số này đã đạt gần 10.000 tỷ đồng – minh chứng cho một hành trình sẻ chia bền bỉ với quyết tâm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Trong năm 2025, VietinBank đã hỗ trợ xây dựng gần 2.000 căn nhà được xây mới cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình chính sách; 4 công trình cầu, đường giao thông nông thôn; sửa chữa nhà văn hóa tại cơ sở. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, VietinBank đã tài trợ chi phí xây dựng, nâng cấp 15 công trình trường học; đồng thời trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, tiếp thêm động lực cho những ước mơ đến trường. Ở lĩnh vực y tế, 8 xe cứu thương, xe công tác cùng nhiều trang thiết bị y tế thiết yếu đã được VietinBank trao tặng cho các bệnh viện, góp phần nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Cùng với đó là những hoạt động giàu tính nhân văn như tôn tạo các công trình đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi, tặng quà hộ nghèo, gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số mỗi dịp Tết Nguyên đán....

Tổng kinh phí VietinBank thực hiện công tác ASXH từ trước đến nay là gần 10.000 tỷ đồng, riêng năm 2025 là hơn 675 tỷ đồng



Dưới đây là bảng tổng hợp công tác ASXH của VietinBank từ trước đến nay và trong năm 2025

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ASXH	TỪ TRƯỚC ĐẾN HẾT NĂM 2025	RIÊNG NĂM 2025	ĐVT
TỔNG SỐ TIỀN (CAM KẾT/ ĐÃ THỰC HIỆN)	> 10.000	>675	TỶ ĐỒNG
Một số lĩnh vực tiêu biểu:			
Tặng sổ BHXH và thẻ BHYT cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	20.138	7.913	Sổ BHXH và thẻ BHYT
Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo	51.254	2.637	Căn nhà
Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng, phòng tránh thiên tai	91	1	Công trình
Hỗ trợ xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn	1.001	4	Công trình
Hỗ trợ xây dựng trường học	792	15	Công trình
Hỗ trợ xây dựng bệnh viện	6	0	Công trình
Hỗ trợ xây dựng trạm y tế	143	0	Công trình
Tài trợ xe ô tô cứu thương, xe hiến máu, xe luân chuyển cán bộ... cho các cơ sở y tế	361	8	Chiếc



6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Nhờ có sự hỗ trợ của VietinBank nhiều huyện, xã nghèo đã dần thay đổi diện mạo; đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập và chăm sóc sức khỏe của người dân được cải thiện rõ rệt. Những nỗ lực của VietinBank đã góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương lớn của Đảng, Chính phủ và Ngành Ngân hàng trong công cuộc giảm nghèo bền vững. Qua đó, tiếp tục khẳng định vai trò, trách nhiệm và cam kết lâu dài của VietinBank trong hành trình **“Nâng giá trị cuộc sống”**.



Chủ tịch HĐQT VietinBank Trần Minh Bình trao 10 tỷ đồng ủng hộ khắc phục hậu quả bão lũ



Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT VietinBank trao biểu trưng ủng hộ 10 tỷ đồng cho Quỹ “Vì người nghèo và an sinh xã hội năm 2025” TP. Hà Nội



Ông Trần Công Quỳnh Lân - Phó TGĐ VietinBank trao tặng biểu trưng 10 tỷ đồng ủng hộ đồng bào khắc phục hậu quả thiên tai



7 - BẢO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

TÀI CHÍNH XANH - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIETINBANK

Năm 2025 đánh dấu sự bứt phá của thị trường vốn xanh Việt Nam với việc Chính phủ cam kết tạo hành lang pháp lý, thu hút đầu tư và thúc đẩy các sản phẩm tài chính xanh như trái phiếu xanh, tín dụng xanh. Hoạt động nổi bật bao gồm Hội nghị quốc tế về vốn xanh, sự ra đời của bộ tiêu chí xanh (Green Taxonomy), và các doanh nghiệp lớn tích cực tìm kiếm nguồn vốn xanh để phát triển các dự án bền vững, hướng tới mục tiêu Net Zero 2050, dù vẫn còn thách thức trong triển khai và cần hướng dẫn chi tiết hơn từ cơ quan quản lý.

Trong bối cảnh đó, tài chính xanh đã trở thành một trong những trụ cột chiến lược của VietinBank trên hành trình PTBV của Ngân hàng. VietinBank nhận thức sâu sắc vai trò của nguồn vốn xanh trong việc thúc đẩy các dự án thân thiện với môi trường, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững, giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050. VietinBank đã tích hợp các mục tiêu PTBV vào chiến lược kinh doanh, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể nhằm hỗ trợ các dự án xanh. Ngân hàng sử dụng các công cụ thị trường vốn để giúp khách hàng tiếp cận nguồn vốn tài trợ cho các dự án mang lại lợi ích môi trường và xã hội, đồng thời góp phần thực hiện các cam kết quốc gia về phát triển xanh.

VietinBank đã triển khai đa dạng các gói tín dụng ưu đãi dành cho doanh nghiệp chuyển đổi xanh như **Gói tài chính xanh Green UP quy mô 5.000 tỷ đồng, Gói tài trợ phát triển hạ tầng trạm sạc xe điện quy mô 4.000 tỷ đồng...** Đặc biệt, VietinBank đã tích hợp tiêu chí xanh và PTBV vào tiêu chí thẩm định cấp tín dụng, nhờ đó, các doanh nghiệp, khách hàng đáp ứng tiêu chuẩn xanh sẽ được tiếp cận vốn ngân hàng một cách thuận lợi hơn. Ngân hàng cũng chủ động hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế lớn như MUFG (Nhật Bản) với mục tiêu huy động hàng tỷ USD cho các mục tiêu PTBV tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, VietinBank không chỉ cung cấp vốn; mà còn đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc nâng cao nhận thức và áp dụng tiêu chuẩn ESG. Thời gian qua, VietinBank đã tích cực tổ chức các chuỗi hội thảo chuyên đề, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi xanh, giúp doanh nghiệp xem ESG là “tấm hộ chiếu xanh” để tiếp cận thị trường xuất khẩu và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Song song với đó, trong năm 2025, VietinBank cũng khởi động hoạt động Hỗ trợ Kỹ thuật thuộc Cấu phần **“Nâng cao năng lực ngân hàng xanh”** trong khuôn khổ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật “Thúc đẩy tài chính toàn diện và tài trợ khí hậu” do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hỗ trợ triển khai. Sau Khung tài chính bền vững (SFF) được xây dựng phù hợp với các Nguyên tắc xanh quốc tế, Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật này đánh dấu bước tiến quan trọng trong hành trình hiện thực hóa mục tiêu **“trở thành ngân hàng PTBV theo các tiêu chuẩn quốc tế”** của VietinBank, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng trong bối cảnh chuyển dịch kinh tế toàn cầu.

Năm 2025, bên cạnh các sản phẩm tài chính bền vững đã và đang tiếp tục được triển khai thành công như gói tín dụng xanh Green UP dành cho các dự án mang lại lợi ích về môi trường và xã hội và sản phẩm tiền gửi xanh để huy động nguồn vốn bền vững, VietinBank đang tiếp tục nghiên cứu để phát triển SPDV mới nhằm đa dạng hóa danh mục SPDV tài chính bền vững đáp ứng nhu cầu khách hàng. Trên cơ sở đánh giá nhu cầu của thị trường cũng như mong muốn thiết lập nguồn huy động vốn tài chính bền vững, VietinBank đã có những nghiên cứu sơ bộ đánh giá khả năng phát hành trái phiếu xanh và đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết. Việc triển khai kế hoạch phát hành trái phiếu xanh phụ thuộc vào thời điểm điều kiện thị trường thuận lợi và mục tiêu của Ngân hàng trong việc nâng cao vị thế trên thị trường tài chính xanh.

VietinBank cam kết đóng góp vào sự phát triển của thị trường vốn xanh tại Việt Nam thông qua các hoạt động hợp tác, đào tạo, và phát triển sản phẩm tài chính xanh. Ngân hàng tin tưởng rằng tài chính xanh sẽ trở thành công cụ quan trọng để thúc đẩy các mục tiêu PTBV, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, khẳng định vị thế tiên phong của VietinBank trong lĩnh vực tài chính bền vững.

PHẦN 7

BCTC HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2025

- 1 THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG
- 2 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 3 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 4 BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Mẫu số B02/TCTD-HN)
- 5 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
(Mẫu số B03/TCTD-HN)
- 6 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Mẫu số B04/TCTD-HN)
- 7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Mẫu số B05/TCTD-HN)



07

1 - THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	Số 142/GP-NHNN ngày 3 tháng 7 năm 2009	
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày của giấy phép.	
Được thay thế bởi:		
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	Số 13/GP-NHNN ngày 17 tháng 6 năm 2022	
	Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép Thành lập và Hoạt động mới nhất được NHNN ban hành ngày 14 tháng 1 năm 2026.	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 3 tháng 7 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 13) được cấp ngày 8 tháng 01 năm 2024.	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch
	Ông Cát Quang Dương	Thành viên độc lập
	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên (đến ngày 17/4/2025)
	Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Thành viên
	Ông Trần Văn Tấn	Thành viên
	Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
	Ông Koji Iriguchi	Thành viên
	Ông Takeo Shimotsu	Thành viên
	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Anh	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
BAN KIỂM SOÁT	Bà Lê Anh Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thơm	Thành viên (đến ngày 31/10/2025)
	Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
	Bà Phạm Thị Thu Huyền	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
	Bà Mai Hương Thảo	Thành viên (từ ngày 1/7/2025)

1 - THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (Tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Công Quỳnh Lân	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lê Như Hoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Koji Iriguchi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 18/4/2025)
	Ông Dương Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 28/5/2025)
	Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 28/5/2025)
	Bà Đặng Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2025)
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Ông Nguyễn Hải Hưng	Kế toán trưởng
	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Ngân hàng”) bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; mở tài khoản; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN; vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHNN; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; kinh doanh vàng miếng; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán; cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán; giao đại lý thanh toán; cung cấp dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trụ sở chính	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

2 - BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Ngân hàng”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Ngân hàng và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Ngân hàng và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Ngân hàng và các công ty con chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành của Ngân hàng và các công ty con cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 83. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng ủy quyền cho bà Nguyễn Bảo Thanh Vân, Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng, phê duyệt và ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 612/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 1 tháng 6 năm 2025.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bảo Thanh Vân
 Phó Tổng Giám đốc
 Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

3 - BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Điều hành của Ngân hàng phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 83.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

3 - BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do một công ty kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo của họ để ngày 28 tháng 2 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Văn Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5082-2024-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4452
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

4 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B02/TCTD-HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	12.583.484	11.147.549
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	35.225.543	34.431.657
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		476.487.530	378.482.885
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	5.1	463.381.166	370.530.038
2	Cho vay các TCTD khác	5.2	13.106.364	7952.847
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	2.942.431	2.798.875
1	Chứng khoán kinh doanh		3.044.151	2.990.692
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(101.720)	(191.817)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	228.448	-
VI	Cho vay khách hàng	8	1.957.462.503	1.685.290.589
1	Cho vay khách hàng		1.992.272.868	1.721.954.714
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(34.810.365)	(36.664.125)
VIII	Chứng khoán đầu tư	9	211.880.390	214.607.153
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	203.605.111	188.557.477
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2, 9.3	8.806.918	26.635.861
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	9.5	(531.639)	(586.185)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	4.428.296	3.933.844
2	Vốn góp liên doanh		4.193.834	3.706.673
4	Đầu tư dài hạn khác		234.462	234.462
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(7.291)
X	Tài sản cố định		10.826.743	10.002.157
1	Tài sản cố định hữu hình	11	6.729.017	6.149.216
a	Nguyên giá		18.510.909	17.253.570
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.781.892)	(11.104.354)
3	Tài sản cố định vô hình	12	4.097.726	3.852.941
a	Nguyên giá		7.363.859	6.927.826
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.266.133)	(3.074.885)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 83 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

4 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B02/TCTD-HN

		THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
XI	Tài sản Có khác		55.633.932	44.693.023
1	Các khoản phải thu	13.1	33.305.817	27.766.899
2	Các khoản lãi, phí phải thu		17.173.963	13.312.631
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại		434	4.369
4	Tài sản Có khác	13.2	5.262.441	3.715.565
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.3	(108.723)	(106.441)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			2.767.699.300	2.385.387.732

B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	14	144.592.357	154.284.104
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		141.627.156	154.284.104
2	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		2.965.201	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác		417.724.115	276.141.255
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	15.1	399.558.557	253.519.627
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	15.2	18.165.558	22.621.628
III	Tiền gửi của khách hàng	16	1.793.732.057	1.606.316.685
IV	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	7	-	390.841
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	17	2.113.898	2.179.950
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	174.030.352	151.678.090
VII	Các khoản nợ khác		55.851.516	45.892.099
1	Các khoản lãi, phí phải trả		26.660.549	21.026.493
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	26.345.997	22.102.187
4	Dự phòng rủi ro khác		2.844.970	2.763.419
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			2.588.044.295	2.236.883.024

VIII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	179.655.005	148.504.708
1	Vốn của tổ chức tín dụng		88.218.675	63.583.999
a	Vốn điều lệ		77.669.446	53.699.917
b	Thặng dư vốn cổ phần		8.974.666	8.974.677
g	Vốn khác		1.574.563	909.405

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 83 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

4 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B02/TCTD-HN

		THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		31.654.355	25.316.757
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		362.748	243.105
5	Lợi nhuận chưa phân phối		58.212.794	58.390.118
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.206.433	970.729
TỔNG VỐN			179.655.005	148.504.708
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			2.767.699.300	2.385.387.732

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
1	Bảo lãnh vốn vay	36	28.630.320	15.390.290
2	Cam kết giao dịch hối đoái	36	860.422.276	804.229.724
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>			<i>5.341.651</i>	<i>6.892.967</i>
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>			<i>5.341.779</i>	<i>6.892.619</i>
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>			<i>849.738.846</i>	<i>790.444.138</i>
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	36	91.019.626	66.691.329
5	Bảo lãnh khác	36	147.475.860	108.170.999
6	Các cam kết khác	36	83.119.399	63.111.263
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	37	10.640.841	10.664.189
8	Nợ khó đòi đã xử lý	38	185.652.293	164.411.420
9	Tài sản và chứng từ khác	39	95.027.390	132.970.869

Trần Thị Thu Hương
Phó phòng Kế toán Tài chính
Người lập

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Thanh Vân
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 83 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

5- BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Mẫu số B03/TCTD-HN

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

		THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	143.142.328	124.460.685
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(76.689.083)	(62.057.891)
I	Thu nhập lãi thuần		66.453.245	62.402.794
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		12.351.055	12.232.801
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(6.022.104)	(5.536.813)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	6.328.951	6.695.988
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	3.120.501	4.196.682
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	703.793	91.829
V	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	152.570	(288.044)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		11.772.802	10.687.733
6	Chi phí hoạt động khác		(1.677.440)	(2.268.947)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	27	10.095.362	8.418.786
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	440.367	390.648
VIII	Chi phí hoạt động	29	(26.552.924)	(22.545.929)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		60.741.865	59.362.754
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(17.298.056)	(27.598.829)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		43.443.809	31.763.925
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(8.568.608)	(6.285.898)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(3.935)	4.540
XII	Chi phí thuế TNDN		(8.572.543)	(6.281.358)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		34.871.266	25.482.567

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 83 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

5 - BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B03/TCTD-HN

		THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		266.785	134.352
XV	Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu		34.604.481	25.348.215
XVI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	4.455	3.083

Trần Thị Thu Hương
Phó phòng Kế toán Tài chính
Người lập

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Thanh Vân
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 83 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

6 - BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B04/TCTD-HN

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)

		THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		139.430.552	125.647.114
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(71.064.497)	(69.067.517)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		6.753.144	7.287.579
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		3.801.622	4.343.826
05	Chi phí khác		(440.481)	(912.465)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		9.991.111	7.608.116
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(23.284.913)	(20.146.505)
08	Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm		(7.547.490)	(6.006.343)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG			57.639.048	48.753.805
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(21.930.299)	7.293.627
10	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.849.602	(34.188.919)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(276.120)	(25.355)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(270.318.154)	(248.587.038)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp các khoản tổn thất		(19.121.116)	(18.707.196)
14	(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(6.777.765)	14.092.607
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		(9.691.747)	132.469.999
16	Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác		141.582.860	(28.180.466)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		187.415.372	195.417.647
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		22.352.262	36.302.363
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(66.052)	(57.829)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6 - BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B04/TCTD-HN

		THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM	
			2025	2024
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(343.169)	(139.750)
21	Giảm khác về công nợ hoạt động		(670.722)	(2.254.809)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		82.644.000	102.188.686
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(2.004.950)	(1.362.079)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22.267	15.158
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(3.861)	(2.641)
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		71.352	20.539
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(1.915.192)	(1.329.023)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(2.416.496)	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	1.537
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		(2.416.496)	1.537
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		78.312.312	100.861.200
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	32	373.319.556	272.303.607
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ		113.607	154.749
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	32	451.745.475	373.319.556

Trần Thị Thu Hương
Phó phòng Kế toán Tài chính
Người lập

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Thanh Vân
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng cổ phần được thành lập ở nước CHXHCN Việt Nam. Ngân hàng được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại Nhà nước được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 3 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14 tháng 11 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và được Thống đốc NHNN ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 ngày 21 tháng 9 năm 1996 thành lập lại theo mô hình tổng công ty Nhà nước. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

Ngày 3 tháng 7 năm 2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 3 tháng 7 năm 2009 với thời gian hoạt động là 99 năm từ ngày của giấy phép do NHNN cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103038874 ngày 3 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 3 tháng 7 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 13) được cấp ngày 8 tháng 1 năm 2024. Ngày 17 tháng 6 năm 2022, NHNN cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 13/GP-NHNN để cấp đổi mới, thay thế cho Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 3 tháng 7 năm 2009 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng từ năm 2017 đến năm 2021. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép Thành lập và Hoạt động mới nhất được NHNN ban hành ngày 14 tháng 1 năm 2026.

Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là CTG. Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động mới nhất được NHNN ban hành ngày 14 tháng 1 năm 2026, vốn điều lệ của Ngân hàng là 77.669.446 triệu VND.

Hoạt động chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Ngân hàng”) bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; mở tài khoản; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN; vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHNN; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; kinh doanh vàng miếng; vi điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán; cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán; giao đại lý thanh toán, cung cấp dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính; hai (02) Văn phòng đại diện trong nước (Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng và Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh) và một (01) văn phòng đại diện nước ngoài tại Myanmar; bảy (07) đơn vị sự nghiệp bao gồm: một (01) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, một (01) Trung tâm Tài trợ Thương mại và năm (05)

Trung tâm quản lý tiền mặt; một trăm năm mươi bảy (157) chi nhánh và tám trăm bốn mươi lăm (845) phòng giao dịch (trong đó có hai (02) chi nhánh tại Cộng hòa Liên bang Đức).

Tại 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có 24.583 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 24.731 nhân viên).

Quyền lợi của Ngân hàng trong tám (08) công ty con sở hữu trực tiếp và một (01) công ty liên doanh được liệt kê dưới đây:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	31.12.2025		31.12.2024	
				TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty con							
1	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Quyết định Thành lập số 53/1998/QĐ-NHNN5 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 26 tháng 1 năm 1998, Giấy phép Hoạt động số 04/GP-CTCTTC do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20 tháng 3 năm 1998, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2009, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 11) ngày 1 tháng 6 năm 2022 và Quyết định số 3440/QĐ-QLGS6 ngày 4 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý, Giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước.	Cho thuê tài chính	100%	100%	100%	100%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 1 tháng 7 năm 2009 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 133/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 12 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101078450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 1 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 15) ngày 25 tháng 12 năm 2025.	Hoạt động về chứng khoán	75,64%	75,64%	75,64%	75,64%
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 20 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 7) ngày 7 tháng 1 năm 2025.	Quản lý tài sản	100%	100%	100%	100%

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

STT	TÊN CÔNG TY	ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	31.12.2025		31.12.2024	
				TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT	TỶ LỆ SỞ HỮU	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 25 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 12) ngày 2 tháng 4 năm 2025.	Kinh doanh, sản xuất, gia công, chế tác vàng bạc đá quý	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 33/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 3 năm 2026.	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 3 tháng 1 năm 2012, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 2) ngày 6 tháng 2 năm 2025.	Hoạt động trung gian tiền tệ	100%	100%	100%	100%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 37/NHCHDCNDL do Ngân hàng Trung ương Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp ngày 30 tháng 8 năm 2024. Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh gần nhất số 3262/ĐKDN ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ Công Thương Lào.	Tài chính ngân hàng	100%	100%	100%	100%

Công ty liên doanh							
1	Ngân hàng TNHH Indovina	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 08/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992 và các Giấy phép điều chỉnh số 158/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 1 năm 2017, số 07/GP-NHNN ngày 6 tháng 2 năm 2026. Giấy phép Thành lập và Hoạt động có thời hạn là 99 năm kể từ ngày 29 tháng 10 năm 1992.	Tài chính ngân hàng	50%	50%	50%	50%

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất:

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu Đồng"), được làm tròn đến hàng triệu. Ngân hàng xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và công nợ bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày cuối tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

2.4. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, đồng thời thỏa mãn các điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Ngân hàng. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty con trong cùng Ngân hàng được loại trừ khi hợp nhất.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, chính sách kế toán của công ty con cũng sẽ được chuyển đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Ngân hàng áp dụng.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Báo cáo tài chính của các công ty trong Ngân hàng sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty con và ngày kết thúc năm tài chính của Ngân hàng. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng trong công ty con và dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty con này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Ngân hàng không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Ngân hàng vào liên doanh bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản tổn thất lũy kế.

Sau đó, phần sở hữu của Ngân hàng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Cổ tức hoặc lợi nhuận được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Ngoài ra việc điều chỉnh giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Ngân hàng thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính của đơn vị được đầu tư. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của công ty liên doanh bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Ngân hàng sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, trường hợp có sự khác biệt về chính sách kế toán giữa các bên liên doanh và Ngân hàng, Ngân hàng điều chỉnh các chính sách kế toán của các bên liên doanh để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Ngân hàng áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Ngân hàng với các bên liên doanh sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Ngân hàng trong các bên liên doanh theo quy định kế toán hiện hành.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, kim loại quý và đá quý, tiền gửi thanh toán tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

2.6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác

Tiền gửi tại các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước, và tiền gửi tại các TCTD nước ngoài, và được ghi nhận theo số dư gốc.

Tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại TCTD ở nước ngoài được phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác được thực hiện theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31").

Dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86").

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được thực hiện tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.7.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại các TCTD khác.

Cho vay các TCTD khác

Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các TCTD khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể các khoản cho vay các TCTD khác được thực hiện theo Thông tư 31 và Nghị định 86, tương tự như chính sách áp dụng đối với cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.7.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay các TCTD khác tại Việt Nam.



2.7. Các khoản cho vay khách hàng

2.7.1. Kế toán đối với cho vay khách hàng

(i) Ghi nhận các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc đến một năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn gốc từ trên một năm đến năm năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn gốc trên năm năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay khách hàng được ghi nhận theo số dư nợ gốc, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

(ii) Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ, bao gồm các khoản cho vay khách hàng, nợ phát sinh từ nghiệp vụ phát hành thư tín dụng, thương lượng thanh toán thư tín dụng, hoàn trả thư tín dụng và nghiệp vụ mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng (trừ trường hợp mua lại bộ chứng từ do chính Ngân hàng phát hành) (gọi chung là "các khoản nợ"), được thực hiện theo Thông tư 31.

Các khoản cho vay khách hàng được phân loại thành năm nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố như sau:

Yếu tố định lượng:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

- Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc
- Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc
- Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

- Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nợ đủ tiêu chuẩn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

- Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:

- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

- Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc

- Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

- Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

- Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

- Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc

- Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

- Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

- Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

- Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc
- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc
- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc
- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
- Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc
- Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
- Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc
- Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
- Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Theo Thông tư 31, nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) trong các trường hợp sau:

Đối với nợ quá hạn

- Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc, lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo (nếu có) trong thời gian tối thiểu 03 (ba) tháng đối với nợ trung và dài hạn, 01 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn;
- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ; và
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại (nếu có) trong thời gian tối thiểu ba tháng đối với nợ trung và dài hạn, một tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại; trường hợp gốc và lãi có cùng 01 (một) kỳ hạn trả nợ thì tính kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi;
- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ; và
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Theo Thông tư 31, nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi:

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền dẫn đến khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua 3 lần đánh giá hoặc phân loại nợ liên tục;
- Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của Ngân hàng để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng;
- Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn;
- Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng sẽ được điều chỉnh lại tương ứng với nhóm nợ sau khi được phân loại.

Phân loại khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng

Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng là số tiền Ngân hàng trả thay khách hàng trong trường hợp khách hàng được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán.

Ngày quá hạn của các cam kết trả thay được tính ngay từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng được phân loại như sau:

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

- Nếu quá hạn dưới 30 ngày;

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

- Nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

- Nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp khoản trả thay được phân loại vào nhóm rủi ro thấp hơn nhóm mà cam kết ngoại bảng được trả thay đã được phân loại theo Thuyết minh 2.8 thì Ngân hàng chuyển vào nhóm mà cam kết ngoại bảng đó đã phân loại.

Yếu tố định tính:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

Các khoản nợ được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

Các khoản nợ được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

Các khoản nợ được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản nợ này được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là có khả năng tổn thất.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

Các khoản nợ được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là có khả năng tổn thất cao.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

Các khoản nợ được Ngân hàng và các công ty con đánh giá là không còn khả năng thu hồi, có khả năng mất vốn.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4, 5.

Ngân hàng được yêu cầu sử dụng kết quả phân loại rủi ro tín dụng do Trung tâm Thông tin Tín dụng thuộc NHNN ("CIC") cung cấp để phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn giữa nhóm nợ được đánh giá bởi Ngân hàng và nhóm nợ do CIC cung cấp.

Toàn bộ dư nợ của một khách hàng tại Ngân hàng được phân loại vào cùng một nhóm nợ và là nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất trong các nhóm nợ của các khoản nợ của khách hàng đó.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn, Ngân hàng thực hiện phân loại tất cả các khoản nợ (bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao nhất theo kết quả phân loại nợ của các thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

(iii) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

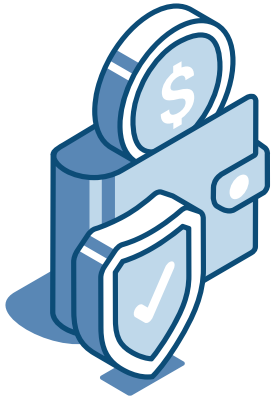
Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 5 như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đã được nhân với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể theo kết quả phân loại nhóm nợ tương ứng.



Tỷ lệ khấu trừ của tài sản bảo đảm được đánh giá định kỳ hàng năm, cập nhật (nếu có) và được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị trên nguyên tắc tỷ lệ khấu trừ thực tế không vượt quá tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm như sau:

LOẠI TÀI SẢN BẢO ĐẢM	TỶ LỆ KHẤU TRỪ TỐI ĐA
a. Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại chính Ngân hàng.	100%
b. Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ tại chính Ngân hàng.	95%
c. Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do chính Ngân hàng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	95%
• Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	85%
• Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	80%
• Có thời hạn còn lại trên 5 năm	
d. Chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán do các TCTD khác phát hành.	70%
e. Chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán do doanh nghiệp (trừ TCTD) phát hành.	65%
f. Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD khác có niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD khác chưa niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành.	30%
g. Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành.	10%
h. Bất động sản	50%
i. Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản bảo đảm là động sản, bất động sản và các tài sản bảo đảm không phải là vàng miếng, chứng khoán Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tài sản bảo đảm có giá trị để tính khấu trừ từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá. Đối với các trường hợp khác, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định thì giá trị của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng chung

Dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

(iv) Xử lý nợ xấu

Các khoản nợ xấu có thể được xử lý bằng dự phòng chuyển sang theo dõi ngoại bảng trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích; hoặc
- Các khoản nợ được phân loại vào nợ nhóm 5.

Sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, khoản nợ có thể được xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng.

2.7.2. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, sạt lở đất sau bão số 3

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, sạt lở đất sau bão số 3 được thực hiện theo quy định của Thông tư 53/2024/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 ("Thông tư 53") do NHNN ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024, trên cơ sở đề nghị của khách hàng và khả năng tài chính của Ngân hàng.

Ngân hàng thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc, lãi của khoản nợ và đáp ứng các điều kiện sau:

- Khách hàng của Ngân hàng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tên địa danh trước sáp nhập đơn vị hành chính): Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa (sau đây gọi là 26 tỉnh, thành phố) gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, bao gồm:
 - Khách hàng là cá nhân có nơi ở hiện tại hoặc đang làm việc hoặc có cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố;
 - Khách hàng là tổ chức (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố.
- Có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày 7 tháng 9 năm 2024 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong khoảng thời gian từ ngày 7 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận. Ngân hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ của khoản nợ đã quá hạn trên 10 ngày và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 7 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2024 khi thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu tiên theo quy định tại Thông tư 53.
- Khách hàng được Ngân hàng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do bị ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.
- Ngân hàng không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 53 đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.
- Việc xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện từ ngày Thông tư 53 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 và không giới hạn về số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
- Thời điểm trả nợ cuối cùng của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được xác định phù hợp với mức độ khó khăn của khách hàng nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Chi tiết phân loại nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 53:

Ngân hàng giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ ("khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ") tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Ngân hàng không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định tại Thông tư 31;
- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được Ngân hàng tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 53, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31.

Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Quyết định 1510/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2024 ("Quyết định 1510") như sau:

Dự phòng cụ thể

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung theo công thức sau:

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung = A - B

Trong đó:

- A: Số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31.
- B: Số tiền dự phòng cụ thể đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 53.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung được xác định theo công thức nêu trên là dương, Ngân hàng thực hiện trích bổ sung dự phòng cụ thể như sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025: Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2026: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ được xác định theo Thông tư 31.

2.7.3 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng

Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 ("Nghị định 55") của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 ("Nghị định 116") và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 ("Nghị định 156"); Thông tư số 29/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2025 về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Đối với các khách hàng được cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo chính sách này, Ngân hàng thực hiện trích lập số tiền dự phòng đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 mà không áp dụng giữ nguyên nhóm nợ.

2.8. Các khoản cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang.

Phân loại các khoản cam kết ngoại bảng

Các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại như sau:

Nhóm 1: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 2: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 3 trở lên: Các cam kết liên quan đến các khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng có quyết định thu hồi:

- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Dự phòng rủi ro các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng chỉ được phân loại nợ để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Do đó không cần thực hiện trích lập dự phòng rủi ro.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

2.9. Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được phân loại thành 3 loại theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc iii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Ngân hàng phải phân loại chứng khoán ngay tại thời điểm mua, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa 1 lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư.

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua và nắm giữ ngắn hạn hoặc theo chủ định từ Ban Điều hành.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và được đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá khi cần thiết.

Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi giá trị thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh này. Các khoản chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết cũng được Ngân hàng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự như các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2.7. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Ngân hàng có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Số tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi được thực nhận.

b. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Chứng khoán vốn chỉ được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán trong trường hợp Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược của doanh nghiệp nhận đầu tư.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và được đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá khi cần thiết.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư sẵn sàng để bán để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trích lập khi giá trị thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh này.

Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết được Ngân hàng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự như Các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2.7.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

c. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ mà Ngân hàng mua với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất, có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Điều hành có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá khi cần thiết.

Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong dài hạn của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Ngân hàng không thể thu hồi được các khoản đầu tư này.

Các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết được Ngân hàng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự như Các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2.7.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Khi thu được, số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó. Số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp dồn tích.

2.10. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn từ hoặc dưới 11% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Ngân hàng nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Đối với khoản đầu tư mà giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất của đơn vị nhận đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

2.12. Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí hoạt động trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 – 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ hữu hình khác	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính và TSCĐ vô hình khác	2 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con. Trường hợp dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng quyết toán dự án chưa được duyệt, Ngân hàng ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (giá tạm tính căn cứ vào chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ) để trích khấu hao, nhưng sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo Thuyết minh 2.12 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.15. Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc và được đánh giá để trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi cần thiết.

2.16. Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục «Các khoản lãi, phí phải thu» hoặc «Các khoản lãi, phí phải trả» trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục «Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối» trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng này được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị gốc danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết chỉ được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày hoán đổi gốc. Các khoản thu nhập/chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu, dự chi.

2.17. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay Ngân hàng chịu rủi ro

Ngân hàng nhận vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay của Chính phủ, các tổ chức trong nước và nước ngoài giao cho tổ chức tín dụng để sử dụng theo các mục đích chỉ định, tổ chức tín dụng có trách nhiệm hoàn trả vốn này khi đến hạn.

Số tiền vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất.

2.18. Dự phòng nghĩa vụ nợ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2.19. Trợ cấp cho người lao động

Trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Ngân hàng đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Ngân hàng chi trả trợ cấp thôi việc.

Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận và trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội, một cơ quan trực thuộc Chính phủ. Ngoài ra, Ngân hàng chi trả trợ cấp bằng 02 tháng lương tính trên cơ sở tiền lương theo vị trí công việc được xếp bình quân của 06 tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu cho người lao động khi nghỉ hưu, được chi trả từ quỹ lương được phê duyệt hàng năm. Trợ cấp nghỉ hưu được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động và tình hình phân phối kết quả hoạt động của Ngân hàng và các công ty con.

2.21. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngân hàng trích các quỹ để sử dụng cho các mục đích cụ thể dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng, được trích lập vào thời điểm cuối năm tài chính;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập vào thời điểm cuối năm tài chính;
- Quỹ đầu tư phát triển: trích tối đa 25% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, tối đa không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng; và
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.22. Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ thu nhập lãi của chứng khoán kinh doanh sẽ được ghi nhận khi thực thu.

Lãi dự thu của các khoản nợ sau được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận:

- Các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31;
- Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02/2023") ngày 23 tháng 4 năm 2023, Thông tư 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06/2024") ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Thông tư 53/2024.

2.23. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

2.24. Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

2.25. Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Ngân hàng xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Khi nhận cổ tức dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần, Ngân hàng và các công ty con không ghi tăng giá trị cổ phiếu nhận được và không ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính trong báo cáo tài chính hợp nhất.

2.26. Doanh thu và chi phí hoạt động bảo hiểm

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính ("Thông tư 67"). Theo đó, thời điểm ghi nhận doanh thu là: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc (3) khi hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn); doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm và (4) khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa có hiệu lực tại ngày cuối năm tài chính được trình bày ở phần "Các khoản phải trả và công nợ khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm tài chính kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc ở phần "Thu nhập từ hoạt động dịch vụ" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí bồi thường hoạt động kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Những yêu cầu bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng gốc được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc phát sinh trong năm và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc được quy định tại Thông tư 67. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoạt động dịch vụ".

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phải xác định khoản chi phí hoa hồng gốc chưa được tính chi phí năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp dự phòng đã nêu ở mục Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

i. Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

ii. Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm và được xác nhận bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ, khoản hoa hồng bảo hiểm tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

2.27. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư số 67 và các công văn được Bộ tài chính phê duyệt bao gồm Công văn số 2821/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Công văn số 2160/BTC-QLBH ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, dự phòng phí được trình bày trên khoản mục Các khoản phải trả và công nợ khác (Doanh thu chờ phân bổ), các khoản dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm khác được trình bày trên khoản mục Dự phòng rủi ro khác.

Chi tiết các khoản dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm như sau:

Dự phòng phí

Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm ("hợp đồng bảo hiểm") phi nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, dự phòng phí theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Dự phòng bồi thường bảo hiểm cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("IBNR") được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp. Cụ thể, như sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính liên tiếp trước đó	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính liên tiếp trước đó				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Trong đó:

- Số tiền bồi thường phát sinh của một năm tài chính bao gồm số tiền bồi thường thực trả trong năm cộng với tăng/giảm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân là thời gian bình quân từ khi tổn thất xảy ra tới khi công ty con nhận được thông báo tổn thất hoặc hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường (tính bằng số ngày).

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn chỉ áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và không áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, công ty con thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 67, theo đó, dự phòng dao động lớn được trích lập áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ bằng 1% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ.

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học chỉ áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm ("hợp đồng bảo hiểm") sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối chỉ áp dụng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, và được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng rủi ro khác trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.28. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng theo phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng, bao gồm cả công ty con và công ty liên doanh là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng, những thành viên một thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Ngân hàng căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Điều hành của Ngân hàng và các công ty con xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Ngân hàng và các công ty con cung cấp do hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực kinh doanh, báo cáo bộ phận thứ yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực địa lý.

2.31. Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và được Ban Điều hành đánh giá là hợp lý. Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 2.9.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	11.206.287	9.605.071
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.349.621	1.501.440
Vàng tiền tệ	12.488	22.581
Vàng phi tiền tệ	-	17
Kim loại quý, đá quý khác	15.088	18.440
	12.583.484	11.147.549

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	31.611.208	25.115.950
- Bằng ngoại tệ	3.614.335	9.315.707
	35.225.543	34.431.657

5. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

5.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	308.518.041	243.465.753
– Bằng VND	174.853.579	131.070.386
– Bằng ngoại tệ	133.664.462	112.395.367
Tiền gửi có kỳ hạn	154.863.125	127.064.285
– Bằng VND	78.950.830	54.090.000
– Bằng ngoại tệ	75.912.295	72.974.285
	463.381.166	370.530.038

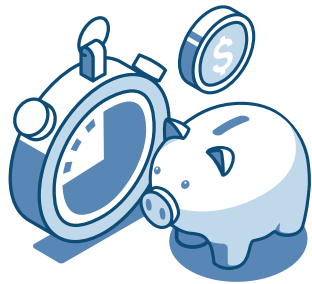
5.2. Cho vay các TCTD khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bằng VND	4.222.473	6.841.198
Bằng ngoại tệ	8.883.891	1.111.649
	13.106.364	7.952.847

5.3. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các TCTD khác

Tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại TCTD khác) được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thuyết minh 2.6. Chi tiết phân tích chất lượng của các khoản này như sau:

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	167.969.489	135.017.132



6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

6.1. Chứng khoán nợ

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán nợ	2.512.065	1.708.606
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	1.528.994	623.734
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	891.907	808.448
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế (“TCKT”) trong nước phát hành	91.164	276.424
Chứng khoán vốn	482.086	1.232.086
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	207.994	295.703
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	274.092	936.383
Chứng khoán vốn khác	50.000	50.000
	3.044.151	2.990.692
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(101.720)	(191.817)
	2.942.431	2.798.875

6.2. Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản trái phiếu chưa niêm yết trong khoản mục chứng khoán nợ được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thuyết minh 2.9. Chi tiết phân tích chất lượng của các khoản mục này như sau:

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	183.609	1.060.272
Nợ cần chú ý	11.900	24.600
Nợ dưới tiêu chuẩn	–	–
Nợ nghi ngờ	–	–
Nợ có khả năng mất vốn	–	–
	195.509	1.084.872

6.3. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng giảm giá	(100.441)	(188.514)
Dự phòng chung	(684)	(2.073)
Dự phòng cụ thể	(595)	(1.230)
	(101.720)	(191.817)

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

6.4. Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán nợ	2.512.065	1.708.606
Đã niêm yết	2.316.555	1.102.967
Chưa niêm yết	195.510	605.639
Chứng khoán vốn	482.086	1.232.086
Đã niêm yết	429.152	1.001.563
Chưa niêm yết	52.934	230.523
Chứng khoán kinh doanh khác	50.000	50.000
Chưa niêm yết	50.000	50.000
	3.044.151	2.990.692

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	31.12.2025		
	TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN (THEO TỶ GIÁ NGÀY 31 THÁNG 12)		
	Tài sản	Công nợ	Số thuần
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	301.475	(15.179)	286.296
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	-	(15.179)	(15.179)
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	301.360	-	301.360
- Giao dịch tương lai tiền tệ	115	-	115
Công cụ tài chính phái sinh lãi suất tiền tệ chéo	-	(57.848)	(57.848)
	301.475	(73.027)	228.448

	31.12.2024		
	TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN (THEO TỶ GIÁ NGÀY 31 THÁNG 12)		
	Tài sản	Công nợ	Số thuần
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	25.355	(298.910)	(273.555)
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	-	(298.910)	(298.910)
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	25.355	-	25.355
Công cụ tài chính phái sinh lãi suất tiền tệ chéo	-	(117.286)	(117.286)
	25.355	(416.196)	(390.841)

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

8.1. Theo loại hình cho vay

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	1.954.510.778	1.703.097.921
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	625.084	1.745.674
Cho thuê tài chính	5.003.655	4.639.031
Các khoản trả thay khách hàng	136.766	304.240
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	30.304.309	9.330.597
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.664.438	1.752.217
Cho vay trong nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay	27.838	1.085.034
	1.992.272.868	1.721.954.714

8.2. Theo đối tượng khách hàng

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Công ty Nhà nước	89.124.204	73.136.410
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	19.774.726	19.359.269
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước trên 50%	8.036.468	7.902.552
Công ty TNHH khác	380.785.001	321.097.364
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	22.525.056	30.289.805
Công ty cổ phần khác	533.607.126	475.334.520
Công ty hợp danh	58.452	13.268
Doanh nghiệp tư nhân	17.853.571	15.702.350
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	109.021.012	99.486.436
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	1.109.171	1.316.385
Hộ kinh doanh, cá nhân	808.113.278	676.069.263
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.796.972	1.712.588
Thành phần kinh tế khác	467.831	534.504
	1.992.272.868	1.721.954.714

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

8.3. Theo chất lượng nợ cho vay

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	1.953.010.761	1.677.704.259
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	17.345.911	22.898.528
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.490.975	2.817.030
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	578.479	4.824.119
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	19.846.742	13.710.778
	1.992.272.868	1.721.954.714

8.4. Theo kỳ hạn

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay ngắn hạn	1.232.479.318	1.137.144.961
Cho vay trung hạn	129.395.349	99.036.675
Cho vay dài hạn	630.398.201	485.773.078
	1.992.272.868	1.721.954.714

8.5. Theo lĩnh vực kinh doanh

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	55.469.017	50.717.337
Khai khoáng	10.441.935	8.514.213
Sản xuất và gia công chế biến	348.991.183	344.731.945
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	106.089.160	80.563.742
Xây dựng	83.394.479	81.696.934
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	726.037.134	647.083.816
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	54.794.595	38.078.919
Thương mại, dịch vụ	402.424.470	303.117.790
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	143.243.327	108.289.226
Ngành khác	61.387.568	59.160.792
	1.992.272.868	1.721.954.714

Mẫu số B05/TCTD-HN

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

8.6. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	DỰ PHÒNG CỤ THỂ	DỰ PHÒNG CHUNG	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	16.819.746	10.953.175	27.772.921
Trích lập trong năm	25.769.144	1.829.256	27.598.400
Sử dụng trong năm	(18.707.196)	-	(18.707.196)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	23.881.694	12.782.431	36.664.125
Trích lập trong năm	15.212.526	2.034.820	17.247.346
Sử dụng trong năm	(19.101.106)	-	(19.101.106)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	19.993.114	14.817.251	34.810.365

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán đầu tư	212.412.029	215.193.338
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	203.605.111	188.557.477
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	8.569.748	26.524.583
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	237.170	111.278
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(531.639)	(586.185)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(113.762)	(134.036)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(386.748)	(452.149)
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(31.129)	-
	211.880.390	214.607.153



7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

9.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán Nợ	203.166.496	188.180.862
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	101.533.661	80.284.569
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	99.697.917	104.824.865
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.934.918	3.071.428
Chứng khoán Vốn	438.615	376.615
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	438.615	376.615
	203.605.111	188.557.477
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(113.762)	(134.036)
Dự phòng chung	(13.762)	(22.182)
Dự phòng cụ thể	(100.000)	(111.854)
	203.491.349	188.423.441

9.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán Nợ	8.569.748	26.524.583
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	183.000	61.248
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	8.000.000	26.000.000
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	386.748	463.335
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(386.748)	(452.149)
Dự phòng cụ thể	(386.748)	(452.149)
	8.183.000	26.072.434

9.3. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	237.170	111.278
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(31.129)	-
	206.041	111.278

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

9.4. Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản trái phiếu chưa niêm yết thuộc khoản mục chứng khoán nợ được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thuyết minh 2.9. Chi tiết phân tích chất lượng của các khoản mục này như sau:

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	93.814.932	121.532.324
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	486.748	577.201
	94.301.680	122.109.525

9.5. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN			CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Dự phòng giảm giá	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	105.376	28.397	5.494	107.187	3.487	249.941
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	6.478	(6.215)	(5.494)	344.962	(3.487)	336.244
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	111.854	22.182	-	452.149	-	586.185
Hoàn nhập trong năm	(11.854)	(8.420)	-	(14.262)	-	(34.536)
Sử dụng trong năm	-	-	-	(20.010)	-	(20.010)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	100.000	13.762	-	417.877	-	531.639



10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

10.1. Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vốn góp liên doanh	4.193.834	3.706.673
Các khoản đầu tư dài hạn khác	234.462	234.462
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(7.291)
	4.428.296	3.933.844

10.2. Vốn góp liên doanh

	31.12.2025		
	Giá gốc Triệu đồng	Giá trị ròng của khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu đồng	Tỷ phần năm giữ (%)
Ngân hàng TNHH Indovina	1.688.788	4.193.834	50%

	31.12.2024		
	Giá gốc Triệu đồng	Giá trị ròng của khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu đồng	Tỷ phần năm giữ (%)
Ngân hàng TNHH Indovina	1.688.788	3.706.673	50%

Ngân hàng TNHH Indovina được thành lập tại Việt Nam có Hội sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ ngân hàng. Đây là liên doanh giữa Ngân hàng với Ngân hàng Cathay United Bank, một ngân hàng được thành lập tại Đài Loan. Liên doanh này được NHNN cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng liên doanh số 07/GP-NHNN ngày 6 tháng 2 năm 2026 (thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11 tháng 11 năm 2019) với thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày 29 tháng 10 năm 1992 và vốn điều lệ là 252.000.000 USD, tương đương 4.931.855 triệu VND.



11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ VÀ TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	8.546.523	6.139.418	2.078.284	489.345	17.253.570
Mua trong năm	22.534	876.596	136.855	102.752	1.138.737
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	295.586	44.827	11.938	35.441	387.792
Phân loại lại	-	8.796	-	(8.796)	-
Thanh lý, nhượng bán	(11.238)	(143.539)	(107.852)	(6.082)	(268.711)
Tăng/(giảm) khác	4.615	(4.350)	(46)	(698)	(479)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.858.020	6.921.748	2.119.179	611.962	18.510.909
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(3.712.033)	(5.382.965)	(1.606.408)	(402.948)	(11.104.354)
Khấu hao trong năm	(300.976)	(414.952)	(154.233)	(67.976)	(938.137)
Phân loại lại	-	(4.667)	-	4.667	-
Thanh lý, nhượng bán	8.545	142.122	107.853	5.412	263.932
(Tăng)/giảm khác	(3.395)	(172)	(106)	340	(3.333)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(4.007.859)	(5.660.634)	(1.652.894)	(460.505)	(11.781.892)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.834.490	756.453	471.876	86.397	6.149.216
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.850.161	1.261.114	466.285	151.457	6.729.017

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	7.830.124	7.632.344



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VÀ TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	4.160.402	2.767.424	6.927.826
Mua trong năm	78.650	446.570	525.220
Thanh lý, nhượng bán	(84.801)	(1.197)	(85.998)
Giảm khác	(53)	(3.136)	(3.189)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.154.198	3.209.661	7.363.859
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(540.827)	(2.534.058)	(3.074.885)
Khấu hao trong năm	(39.038)	(165.712)	(204.750)
Thanh lý, nhượng bán	9.515	1.197	10.712
Giảm khác	-	2.790	2.790
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(570.350)	(2.695.783)	(3.266.133)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.619.575	233.366	3.852.941
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	3.583.848	513.878	4.097.726

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	2.295.278	1.339.591



13. TÀI SẢN CÓ KHÁC

13.1. Các khoản phải thu

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	5.593.474	5.678.511
Mua sắm sửa chữa lớn TSCĐ	1.308.383	1.159.331
Phải thu bên ngoài	26.072.668	20.722.772
Các khoản tạm ứng và phải thu nội bộ	331.292	206.285
33.305.817	27.766.899	

(i) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các công trình khu vực miền Bắc (*)	5.443.263	5.419.245
Các công trình khu vực khác	79.388	76.660
Các công trình khu vực miền Nam	70.823	182.606
5.593.474	5.678.511	

(*) Bao gồm Dự án Tòa nhà Trụ sở chính của Ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng dự án.

13.2. Tài sản Có khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vật liệu và công cụ	202.374	316.109
Chi phí trả trước chờ phân bổ	3.468.820	3.382.712
Tài sản có khác	1.591.247	16.744
5.262.441	3.715.565	

13.3. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng	-	429
- Dự phòng chung	-	429
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	90.650	91.641
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18.073	14.371
108.723	106.441	

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

14. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản vay từ NHNN	7.001.815	9.512.869
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	6.695.302	9.017.858
Vay theo hồ sơ tín dụng	299.555	488.053
Vay hỗ trợ các doanh nghiệp Nhà nước	6.958	6.958
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	134.625.341	144.771.235
Bằng VND	134.625.341	144.771.235
	141.627.156	154.284.104
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước	2.965.201	-

15. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

15.1. Tiền gửi của các TCTD khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	298.617.641	204.152.599
- Bằng VND	160.399.888	109.006.271
- Bằng ngoại tệ	138.217.753	95.146.328
Tiền gửi có kỳ hạn	100.940.916	49.367.028
- Bằng VND	75.440.000	47.710.000
- Bằng ngoại tệ	25.500.916	1.657.028
	399.558.557	253.519.627

15.2. Vay các TCTD khác

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bằng VND	15.493.776	18.616.851
Trong đó:		
- Vay chiết khấu, tái chiết khấu	5.718.223	11.184.500
Bằng ngoại tệ	2.671.782	4.004.777
	18.165.558	22.621.628

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

16.1. Theo loại tiền gửi

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	445.508.702	383.283.642
- Bằng VND	364.161.636	321.102.773
- Bằng ngoại tệ	81.347.066	62.180.869
Tiền gửi có kỳ hạn	1.335.632.038	1.207.204.483
- Bằng VND	1.286.750.366	1.166.855.835
- Bằng ngoại tệ	48.881.672	40.348.648
Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.787.395	9.979.781
- Bằng VND	4.827.196	9.115.853
- Bằng ngoại tệ	960.199	863.928
Tiền gửi ký quỹ	6.803.922	5.848.779
- Bằng VND	6.225.421	5.457.579
- Bằng ngoại tệ	578.501	391.200
	1.793.732.057	1.606.316.685

16.2. Theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Công ty Nhà nước	278.848.991	261.501.735
Công ty TNHH MTV vốn Nhà nước 100%	32.884.087	35.305.294
Công ty TNHH hơn MTV vốn Nhà nước trên 50%	2.509.027	1.207.633
Công ty TNHH khác	74.182.543	53.388.909
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	50.907.591	54.869.865
Công ty cổ phần khác	157.639.190	124.302.199
Công ty hợp danh	388.056	15.990.097
Doanh nghiệp tư nhân	3.525.800	2.494.808
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	162.662.832	139.851.804
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	733.219	853.633
Hộ kinh doanh, cá nhân	863.073.129	803.110.358
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	104.619.921	78.506.393
Thành phần kinh tế khác	61.757.671	34.933.957
	1.793.732.057	1.606.316.685

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	360.147	402.575
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	1.753.751	1.777.375
	2.113.898	2.179.950

18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Giấy tờ có giá bằng VND	174.030.305	151.678.019
- Mệnh giá	174.030.235	151.677.939
- Phụ trội	70	80
Giấy tờ có giá bằng ngoại tệ	47	71
- Mệnh giá	47	71
	174.030.352	151.678.090

Chi tiết kỳ hạn của các giấy tờ có giá phát hành như sau:

	31.12.2025				
	KỠ PHIẾU	TRÁI PHIẾU VÔ DANH	TRÁI PHIẾU GHI SỐ	CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Dưới 12 tháng	153	-	-	111.067.679	111.067.832
Mệnh giá	153	-	-	111.067.679	111.067.832
- Bằng VND	153	-	-	111.067.679	111.067.832
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	166	-	9.462.714	9.462.880
Mệnh giá	-	166	-	9.462.714	9.462.880
- Bằng VND	-	166	-	9.462.667	9.462.833
- Bằng ngoại tệ	-	-	-	47	47
Từ 5 năm trở lên	-	-	53.499.640	-	53.499.640
Mệnh giá	-	-	53.499.570	-	53.499.570
- Bằng VND	-	-	53.499.570	-	53.499.570
Phụ trội	-	-	70	-	70
	153	166	53.499.640	120.530.393	174.030.352

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

	31.12.2024				
	KỠ PHIẾU	TRÁI PHIẾU VÔ DANH	TRÁI PHIẾU GHI SỐ	CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Dưới 12 tháng	153	-	-	96.457.274	96.457.427
Mệnh giá	153	-	-	96.457.274	96.457.427
- Bằng VND	153	-	-	96.457.274	96.457.427
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	166	-	8.043.397	8.043.563
Mệnh giá	-	166	-	8.043.397	8.043.563
- Bằng VND	-	166	-	8.043.326	8.043.492
- Bằng ngoại tệ	-	-	-	71	71
Từ 5 năm trở lên	-	-	47.177.100	-	47.177.100
Mệnh giá	-	-	47.177.020	-	47.177.020
- Bằng VND	-	-	47.177.020	-	47.177.020
Phụ trội	-	-	80	-	80
	153	166	47.177.100	104.500.671	151.678.090

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	6.033.105	3.869.525
Các khoản phải trả bên ngoài (*)	17.129.874	14.431.977
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.183.018	3.800.685
	26.345.997	22.102.187

(*) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài như sau:



7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các khoản thu, chi hộ các tổ chức khác	-	2.119.006
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	68.803	73.896
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh 34)	4.359.642	3.337.834
Doanh thu chờ phân bổ	4.339.380	4.253.734
Phải trả thuế khác	284.527	263.822
Phải trả khác liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán	850.684	558.485
Thanh toán giữa các tổ chức tín dụng	-	527.227
Chuyển tiền phải trả	731.479	289.054
Phải trả liên quan đến hoạt động tài trợ thương mại	6.000	6.000
Các khoản chờ thanh toán khác	6.296.762	2.803.217
Tạm ứng nhận được liên quan đến hoạt động bán nợ	119.162	129.972
Phải trả khác	73.435	69.730
	17.129.874	14.431.977



7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B05/TCTD-HN

20.1. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC	QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	53.699.917	8.974.677	836.032	6.361.179	12.588.838	93.558	86.970	42.369.429	861.220	125.871.820
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	25.348.215	134.352	25.482.567
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.537	1.537
Tăng do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	-	-	-	-	926	558	156.135	(2.871)	-	154.748
Điều chỉnh trích lập quỹ của năm trước	-	-	-	972.554	-	389.079	-	(1.361.633)	-	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	73.373	2.436.296	2.444.509	29.260	-	(4.983.438)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(2.718.159)	(26.380)	(2.744.539)
Các thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	-	(261.425)	-	(261.425)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	53.699.917	8.974.677	909.405	9.770.029	15.034.273	512.455	243.105	58.390.118	970.729	148.504.708
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	34.604.481	266.785	34.871.266
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	23.969.529	(11)	665.158	-	-	-	-	(24.634.676)	(3)	(3)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(2.416.496)	-	(2.416.496)
Tăng do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	-	-	-	-	(199)	(102)	119.643	(5.735)	-	113.607
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	3.319.165	2.982.620	36.114	-	(6.337.899)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	-	-	(1.404.289)	(31.078)	(1.435.367)
Các thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	-	17.290	-	17.290
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	77.669.446	8.974.666	1.574.563	13.089.194	18.016.694	548.467	362.748	58.212.794	1.206.433	179.655.005

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

i. Theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 và Nghị quyết số 410/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng đã thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Ngày 26 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã nhận được Thông báo số 9303/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng.

Theo Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐQT-CKCT của Hội đồng Quản trị đề ngày 13 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank, công ty con của Ngân hàng, đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo quy định tại Điều 61 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Theo Tờ trình số 87/2025/HĐQT-VBI của Hội đồng Quản trị đề ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, công ty con của Ngân hàng đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo quy định tại Điều 61 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

ii. Theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 và Nghị quyết số 384/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho các cổ đông của Ngân hàng.

iii. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối theo Nghị quyết của Ngân hàng và các công ty con trong năm 2025.

20.2. Chi tiết vốn điều lệ của TCTD

	31.12.2025	31.12.2024
	Cổ phiếu thưởng	Cổ phiếu thưởng
	Triệu đồng	Triệu đồng
Vốn đầu tư của nhà nước	50.068.503	34.616.763
Vốn góp	27.600.943	19.083.154
Tổng	77.669.446	53.699.917

20.3. Cổ phiếu

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	7.766.944.637	-	5.369.991.748	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.766.944.637	-	5.369.991.748	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.766.944.637	-	5.369.991.748	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

(b) Tình hình biến động vốn cổ phần

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	CỔ PHIẾU THƯỜNG
		Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	5.369.991.748	53.699.917
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.369.991.748	53.699.917
Cổ phiếu mới phát hành	2.396.952.889	23.969.529
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7.766.944.637	77.669.446

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	9.712.168	5.897.711
Thu nhập lãi cho vay	120.450.631	107.967.839
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	8.909.530	7.116.454
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	7.871	27.080
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	8.901.659	7.089.374
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	1.813.595	1.827.000
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	4.33.607	472.013
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	1.822.797	1.179.668
	143.142.328	124.460.685

22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi tiền gửi	64.179.992	52.868.897
Lãi tiền vay	1.723.242	2.477.779
Lãi phát hành giấy tờ có giá	10.311.699	6.493.137
Chi phí hoạt động tín dụng khác	474.150	218.078
	76.689.083	62.057.891

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.351.055	12.232.801
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	4.385.529	4.308.911
Thu từ dịch vụ tư vấn, ủy thác và đại lý	965.390	961.413
Thu từ dịch vụ bảo hiểm	3.966.517	3.373.007
Thu từ dịch vụ khác	3.033.619	3.589.470
Chi phí hoạt động dịch vụ	(6.022.104)	(5.536.813)
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(2.945.091)	(3.096.956)
Chi về dịch vụ tư vấn, ủy thác và đại lý	(309.758)	(195.158)
Chi về dịch vụ bảo hiểm	(1.961.041)	(1.433.124)
Chi về dịch vụ khác	(806.214)	(811.575)
Lãi thuần	6.328.951	6.695.988

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10.059.070	15.128.843
Thu nhập từ mua bán ngoại tệ giao ngay	4.200.940	6.592.377
Thu nhập từ kinh doanh vàng	657.111	861.008
Thu nhập từ công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	5.201.019	7.675.458
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(6.938.569)	(10.932.161)
Chi phí từ mua bán ngoại tệ giao ngay	(392.623)	(978.803)
Chi phí kinh doanh vàng	(633.689)	(807.582)
Chi phí từ công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(5.912.257)	(9.145.776)
Lãi thuần	3.120.501	4.196.682



Mẫu số B05/TCTD-HN

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

25. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	664.621	125.760
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(50.013)	(30.339)
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	89.185	(3.592)
Lãi thuần	703.793	91.829

26. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	69.110	50.560
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(3.128)	(2.360)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	86.588	(336.244)
Lãi/(lỗ) thuần	152.570	(288.044)

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	11.772.802	10.687.733
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý	10.001.921	8.480.766
Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản	22.267	15.158
Thu nhập từ công cụ phái sinh khác	912.971	1.111.458
Thu nhập khác	835.643	1.080.351
Chi phí từ hoạt động khác	(1.677.440)	(2.268.947)
Chi phí từ công cụ phái sinh khác	(911.366)	(1.659.060)
Chi phí từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản	(3.861)	(2.641)
Chi phí khác	(762.213)	(607.246)
Lãi thuần	10.095.362	8.418.786

28. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	71.352	20.539
- Từ chứng khoán vốn	15.823	13.284
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	55.529	7.255
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh	369.015	370.109
	440.367	390.648

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thuế và các loại phí	30.757	32.576
Chi phí nhân viên	15.853.418	12.987.140
- Chi lương và phụ cấp	13.146.451	10.920.235
- Các khoản chi đóng góp theo lương	1.127.165	860.771
- Chi trợ cấp	15.588	4.432
- Chi khác cho nhân viên	1.564.214	1.201.702
Chi về tài sản	3.159.579	2.862.498
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.142.641	1.017.405
- Chi khác	2.016.938	1.845.093
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	6.106.835	5.114.929
- Công tác phí	254.099	222.973
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	32.916	12.233
- Chi khác cho hoạt động quản lý	5.819.820	4.879.723
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.241.157	1.121.094
Chi phí dự phòng	161.178	427.692
	26.552.924	22.545.929

30. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Số thuế TNDN hiện hành trên lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế của Ngân hàng khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế TNDN	43.443.809	31.763.925
Các khoản mục điều chỉnh:		
- Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia không chịu thuế	(71.352)	(20.539)
- Lợi nhuận của công ty con	(1.619.426)	(891.368)
- Thu nhập từ lợi ích tăng lên tại các công ty liên doanh	(369.015)	(370.109)
- Biến động dự phòng/đánh giá lại cho các khoản cho vay và trái phiếu khi hợp nhất báo cáo tài chính	(384.615)	(161.384)
- Khác	185.197	188.471
Thu nhập chịu thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng mẹ	41.184.598	30.508.996
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng mẹ tính trên thu nhập chịu thuế ở trong nước	8.236.920	6.101.799
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng mẹ tính trên thu nhập chịu thuế ở nước ngoài	2.335	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	329.353	184.099
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế (*)	8.568.608	6.285.898
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.336.933	3.118.781
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	8.568.608	6.285.898
Điều chỉnh khác	1.396	(61.403)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.547.490)	(6.006.343)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	4.359.447	3.336.933

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.



31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024 TÍNH TOÁN LẠI
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	34.604.481	25.348.215
Điều chỉnh giảm số trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (Triệu đồng) (*)	-	(1.404.289)
	34.604.481	23.943.926
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	7.766.944.637	7.766.944.637
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.455	3.083

(*) Số trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước được tính toán lại theo số liệu thực tế trên Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Ngân hàng và các công ty con phê duyệt trong năm 2025 và trước thời điểm công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng và các công ty con chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả hoạt động của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất chưa được điều chỉnh tương ứng. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho toàn bộ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ được phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2026 và sẽ được dùng để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại như sau:

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31.12.2024		
	SỐ LIỆU BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY	ĐIỀU CHỈNH	SỐ LIỆU TÍNH TOÁN LẠI
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	25.348.215	-	25.348.215
Điều chỉnh giảm số trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (Triệu đồng)	-	(1.404.289)	(1.404.289)
	25.348.215	(1.404.289)	23.943.926
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	5.369.991.748	2.396.952.889	7.766.944.637
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.720	(1.637)	3.083



32. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	12.583.484	11.147.549
Tiền gửi tại NHNN	35.225.543	34.431.657
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	308.518.041	243.465.753
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các TCTD khác	95.235.407	84.213.349
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	183.000	61.248
	451.745.475	373.319.556

33. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	2025	2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	24.659	24.359
Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
Tổng quỹ lương	13.146.451	10.920.235
Thu nhập khác	288.694	193.522
	13.435.145	11.113.757
Tiền lương bình quân/ người/ tháng	44,43	37,36
Thu nhập bình quân/người/tháng	45,40	38,02

34. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	PHÁT SINH TRONG NĂM		
	1.1.2025	SỐ PHẢI THU/ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ NỘP
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
a. Phải thu			
Thuế GTGT	6.019	30	-
Thuế TNDN	901	(7.317)	6.611
	6.920	(7.287)	6.611
b. Phải trả			
Thuế GTGT đầu ra	104.946	1.004.193	(998.440)
Thuế TNDN	3.337.834	8.562.687	(7.540.879)
Các loại thuế khác	158.876	1.532.728	(1.517.776)
	3.601.656	11.099.608	(10.057.095)

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

35. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ ("GTCG") THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

35.1. Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bất động sản	2.754.193.547	2.335.586.180
Động sản	108.292.184	82.134.474
Tiền gửi, vàng, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá	322.611.997	256.838.531
Tài sản khác	695.102.920	613.145.734
	3.880.200.648	3.287.704.919

35.2. Tài sản, GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán Nợ đưa đi cầm cố trong giao dịch vay cầm cố các giấy tờ có giá	13.806.980	20.381.856
Chứng khoán Nợ đưa đi cầm cố trong giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước	3.450.000	-
	17.256.980	20.381.856

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nghĩa vụ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vốn vay	28.630.320	15.390.290
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	91.019.626	66.691.329
Bảo lãnh khác	147.475.860	108.170.999
	267.125.806	190.252.618
Các cam kết đưa ra		
Cam kết giao dịch hối đoái	860.422.276	804.229.724
Các cam kết khác	83.119.399	63.111.263
	943.541.675	867.340.987
	1.210.667.481	1.057.593.605

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

37. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	10.109.933	10.154.283
Lãi chứng khoán chưa thu được	403.624	385.782
Phí phải thu chưa thu được	127.284	124.124
	10.640.841	10.664.189

38. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	101.320.468	92.407.435
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	84.330.463	71.994.817
Các khoản nợ khác đã xử lý	1.362	9.168
	185.652.293	164.411.420

39. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	83.090	80.879
Tài sản khác giữ hộ	9.014.969	10.469.024
Tài sản thuê ngoài	12.308.133	12.129.496
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	73.621.198	110.291.470
	95.027.390	132.970.869

40. HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay từ nguồn nhận ủy thác không chịu rủi ro	10.773	11.363
Nghiệp vụ ngân hàng đại lý	9.528.673	9.078.148
	9.539.446	9.089.511

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	TỔNG DƯ NỢ CHO VAY	TỔNG TIỀN GỬI	CÁC CAM KẾT TÍN DỤNG	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHẢI SINH (CHÊNH LỆCH DƯ NỢ - DƯ CỐ)	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢN
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	1.993.676.601	2.320.974.423	267.020.369	228.448	215.273.180
Nước ngoài	11.702.631	6.941.532	105.437	-	183.000
	2.005.379.232	2.327.915.955	267.125.806	228.448	215.456.180

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024	TỔNG DƯ NỢ CHO VAY	TỔNG TIỀN GỬI	CÁC CAM KẾT TÍN DỤNG	CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHẢI SINH (CHÊNH LỆCH DƯ NỢ - DƯ CỐ)	KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOẢN
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Trong nước	1.720.640.114	1.998.815.408	189.951.212	(390.841)	218.122.782
Nước ngoài	9.267.447	5.792.139	301.406	-	61.248
	1.729.907.561	2.004.607.547	190.252.618	(390.841)	218.184.030

42. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

TÊN	MỐI QUAN HỆ
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện của chủ sở hữu
The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd.	Cổ đông chiến lược
Ngân hàng TNHH Indovina	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt



Mẫu số B05/TCTD-HN

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Tăng/(giảm) tiền gửi tại NHNN	793.886	(6.165.402)
(Giảm)/tăng tiền vay NHNN	(2.511.054)	8.745.982
The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd.		
Doanh thu lãi tiền gửi	23	486
Chi phí lãi tiền gửi	2.662	10.660
Chi phí lãi tiền vay	1.492	12.326
Ngân hàng TNHH Indovina		
Doanh thu lãi tiền gửi	158.441	43.538
Chi phí lãi tiền gửi	120.200	50.165



7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Chi tiết thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng của Ngân hàng như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
			31.12.2025	31.12.2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch		2.682	2.583
Ông Trần Văn Tấn	Thành viên		2.233	1.712
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên		2.214	1.694
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên		2.270	1.938
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Thành viên		2.214	1.694
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 17 tháng 4 năm 2025	669	2.140
Ông Cát Quang Dương	Thành viên độc lập		1.800	1.200
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên		2.245	340
Ông Nguyễn Văn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025	1.561	-
Thành viên do đối tác MUFJ đề cử (*)	Thành viên		471	452
BAN KIỂM SOÁT				
Bà Lê Anh Hà	Trưởng ban Kiểm soát		2.214	1.684
Bà Nguyễn Thị Anh Thư	Thành viên		1.773	1.270
Bà Phạm Thị Thơm	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 11 năm 2025	1.330	985
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025	1.130	-
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025	1.133	-
Bà Mai Hương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025	789	-
BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG				
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Tổng Giám đốc		2.526	1.910
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc		2.214	2.303
Ông Trần Công Quỳnh Lân	Phó Tổng Giám đốc		2.470	2.379
Bà Lê Như Hoa	Phó Tổng Giám đốc		2.233	1.901
Ông Lê Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc		2.251	1.777

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
			31.12.2025	31.12.2024
			Triệu đồng	Triệu đồng
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025	1.582	-
Ông Dương Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025	1.323	-
Bà Nguyễn Bảo Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2025	1.298	-
Bà Đặng Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2025	1.294	-
Ông Nguyễn Hải Hưng	Kế toán trưởng		2.233	1.991

(*) Thành viên do đối tác MUFJ đề cử bao gồm:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Koji Iriguchi	Thành viên
Ông Takeo Shimotsu	Thành viên

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	31.12.2025	31.12.2024
	Triệu đồng	Triệu đồng
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Tiền gửi của Ngân hàng tại NHNN	35.225.543	34.431.657
Tiền vay NHNN	(7.001.815)	(9.512.869)
The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd.		
Tiền gửi của Ngân hàng tại The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd.	15.737.393	37.680.280
Tiền gửi tại Ngân hàng	(122.561)	(327.300)
Tiền Ngân hàng vay The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd.	(520.000)	-
Lãi dự thu	-	193
Lãi dự trả	(1.492)	-
Ngân hàng TNHH Indovina		
Tiền gửi của Ngân hàng và các công ty con tại Ngân hàng TNHH Indovina	12.334.178	14.150.662
Tiền gửi tại Ngân hàng và các công ty con	(7.854.453)	(10.733.469)
Lãi dự thu	20.237	27.735
Lãi dự trả	(15.842)	(29.394)
HĐQT, BKS, Ban Điều hành và người có liên quan của các cá nhân đó		
Tiền gửi tại Ngân hàng	(141.308)	(1.054.778)
Tiền vay của Bên liên quan	249.504	138.214

43. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

43.1. Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Thực hiện chỉ đạo của NHNN về việc nâng cao vai trò của công tác quản lý rủi ro trong các tổ chức tín dụng, Ngân hàng tiếp tục thực hiện các chính sách quản lý rủi ro cho toàn diện các lĩnh vực hoạt động.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh, Ngân hàng luôn chú trọng nguồn lực để nghiên cứu, ứng dụng các thông lệ quốc tế về quản trị. Hiện nay Ngân hàng đã đáp ứng các yêu cầu của NHNN theo Basel II về quản trị rủi ro, quản trị vốn, yêu cầu về cung cấp thông tin và đang triển khai hạng mục liên quan đến phương pháp tính nội bộ và nâng cao theo Basel III. Việc áp dụng thông lệ tiên tiến về quản trị rủi ro là điều kiện tiên quyết cho công cuộc hội nhập và mở rộng tầm ảnh hưởng của Ngân hàng trong ngành ngân hàng tài chính toàn cầu. Ngân hàng luôn đóng vai trò tiên phong trong sự nghiệp hiện đại hóa hệ thống ngân hàng.

Trong năm 2025, Ngân hàng tiếp tục chủ động nghiên cứu và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý đối với các loại rủi ro. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách theo 5 cấp độ gồm: (i) Khung chính sách tổng thể, (ii) Các chính sách cụ thể, (iii) Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách, (iv) Quy trình thực hiện chung, (v) Quy trình chi tiết từng sản phẩm để đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả tổng thể của hệ thống văn bản chính sách.

Để quản lý rủi ro tài chính, Ngân hàng đã ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn cụ thể và các bộ chỉ số, hạn mức nội bộ đồng thời quản lý sát sao tình hình cân đối tài sản nợ – tài sản có, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng hoạt động kinh doanh và chất lượng tín dụng; tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động và yêu cầu quản trị rủi ro theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung các thông tư trên của NHNN, và các quy định của cơ quan quản lý, dẫn đáp ứng được các yêu cầu về quản trị rủi ro theo thông lệ.

43.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Với định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả, Ngân hàng luôn nỗ lực chủ động rà soát, kiểm soát chất lượng danh mục tín dụng, triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch. Theo đó:

- Tại cấp độ danh mục: bên cạnh việc thiết lập hạn mức rủi ro và định hướng tín dụng hàng năm, Ngân hàng thường xuyên thực hiện giám sát danh mục tín dụng, cảnh báo sớm các khách hàng có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro (thông qua Hệ thống cảnh báo sớm, công tác giám sát từ xa và kiểm tra trực tiếp), tăng cường cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.
- Tại cấp độ giao dịch: Ngân hàng chú trọng công tác thẩm định, sàng lọc kỹ khách hàng, tăng cường quản lý giám sát, kiểm soát dòng tiền, chất lượng tài sản và theo sát diễn biến hoạt động của khách hàng để triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp, kịp thời, hạn chế tối đa tác động lên chất lượng nợ của Ngân hàng.

Mức tối đa của rủi ro tín dụng được xác định là giá trị ghi sổ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính, mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác. Đối với các khoản nợ tiềm tàng, mức rủi ro tín dụng tối đa là giá trị lớn nhất mà Ngân hàng sẽ phải thanh toán trong trường hợp nghĩa vụ đối với các công cụ tài chính này hình thành. Đối với các cam kết tín dụng, mức rủi ro tín dụng tối đa là toàn bộ giá trị của khoản tín dụng chưa được giải ngân cho khách hàng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản bảo đảm hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày như sau:

	CHƯA QUÁ HẠN VÀ CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ QUÁ HẠN VÀ CHƯA BỊ GIẢM GIÁ	ĐÃ BỊ GIẢM GIÁ VÀ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG	TỔNG CỘNG
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc bảng cân đối kế toán:				
Tiền gửi tại các TCTD khác	463.381.166	-	-	463.381.166
Cho vay các TCTD khác	13.106.364	-	-	13.106.364
Cho vay khách hàng(*)	1.952.378.207	204.717	39.689.944	1.992.272.868
Chứng khoán đầu tư(*)				
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (*)	203.505.111	-	100.000	203.605.111
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (*)	8.183.000	-	386.748	8.569.748
Tổng cộng	2.640.553.848	204.717	40.176.692	2.680.935.257

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

43.3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa.

(a) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá, Ngân hàng đã áp dụng đồng bộ các công cụ sau:

Trên cơ sở số liệu thực tế, nhu cầu tăng trưởng của các đơn vị thành viên, định hướng kinh doanh, phòng Quản lý cân đối vốn phân tích và dự báo các luồng tiền vào/ra trong hệ thống, đề xuất Ban Điều hành phương án kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ (chi tiết số tiền VND và USD, EUR quy đổi), và được quản lý điều hành theo dòng tiền thực tế hàng ngày để đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống.

Hoạt động huy động vốn và cho vay của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng VND, một phần nhỏ là USD, EUR và các ngoại tệ khác. Theo kế hoạch kinh doanh của từng thời kỳ, Ngân hàng có trạng thái tiền tệ trong hoạt động kinh doanh vốn khi thực hiện các giao dịch tài chính trên thị trường. Ngân hàng thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại đồng tiền chính dựa theo khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của cơ quan quản lý có liên quan. Phòng Kinh doanh vốn tại Trụ sở chính đầu mối quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại Trụ sở chính.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro tiền tệ của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm tài chính. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

Đơn vị: Triệu đồng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	EUR QUY ĐỔI	USD QUY ĐỔI	VÀNG QUY ĐỔI	NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG CỘNG
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	228.590	900.013	12.488	221.018	1.362.109
Tiền gửi tại NHNN	44.254	3.570.081	-	-	3.614.335
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	2.320.838	146.774.476	-	69.365.334	218.460.648
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.439	7.196.914	-	6.306.454	13.506.807
Cho vay khách hàng (*)	1.302.955	75.994.842	-	4.326.573	81.624.370
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	183.000	183.000
TSCĐ	33.815	-	-	87.743	121.558
Các tài sản Có khác (*)	145.593	1.011.580	-	153.437	1.310.610
Tổng tài sản	4.079.484	235.447.906	12.488	80.643.559	320.183.437
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	252.128	92.198.574	-	73.939.749	166.390.451
Tiền gửi của khách hàng	3.569.296	123.573.760	-	4.624.382	131.767.438
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	123.412	18.355.452	-	99.492	18.578.356
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	128.960	1.506.451	-	118.340	1.753.751
Phát hành giấy tờ có giá	-	47	-	-	47
Các khoản nợ khác	95.032	1.066.876	-	277.773	1.439.681
Tổng nợ phải trả	4.168.828	236.701.160	-	79.059.736	319.929.724
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(89.344)	(1.253.254)	12.488	1.583.823	253.713
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(32.633)	1.234.340	-	(55.684)	1.146.023
Trạng thái tiền tệ nội bảng, ngoại bảng	(121.977)	(18.914)	12.488	1.528.139	1.399.736

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Đơn vị: Triệu đồng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024	EUR QUY ĐỔI	USD QUY ĐỔI	VÀNG QUY ĐỔI	NGOẠI TỆ KHÁC	TỔNG CỘNG
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	255.481	1.098.528	22.581	147.431	1.524.021
Tiền gửi tại NHNN	6.475	9.309.232	-	-	9.315.707
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	1.256.788	83.865.260	-	101.359.253	186.481.301
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	7.280	-	-	7.280
Cho vay khách hàng (*)	1.623.350	80.425.515	-	3.539.588	85.588.453
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	61.253	61.253
TSCĐ	30.487	-	-	83.134	113.621
Các tài sản Có khác (*)	1.514.792	480.000	-	139.602	2.134.394
Tổng tài sản	4.687.373	175.185.815	22.581	105.330.261	285.226.030
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	249.890	26.173.801	-	74.384.442	100.808.133
Tiền gửi của khách hàng	2.571.987	97.604.314	-	3.608.344	103.784.645
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	426.154	41.707.688	-	25.614.713	67.748.555
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	121.921	1.555.007	-	100.447	1.777.375
Phát hành giấy tờ có giá	-	71	-	-	71
Các khoản nợ khác	951.598	711.209	-	228.248	1.891.055
Tổng nợ phải trả	4.321.550	167.752.090	-	103.936.194	276.009.834
Trạng thái tiền tệ nội bảng	365.823	7.433.725	22.581	1.394.067	9.216.196
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(17.875)	(5.915.889)	-	(1.811)	(5.935.575)
Trạng thái tiền tệ nội bảng, ngoại bảng	347.948	1.517.836	22.581	1.392.256	3.280.621

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.



(b) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Rủi ro lãi suất của Ngân hàng có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư và hoạt động huy động vốn và cho vay.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn xác định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

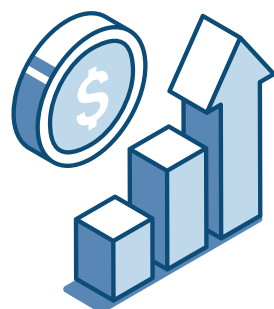
- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; tiền gửi tại NHNN; tài sản cố định; góp vốn, đầu tư dài hạn và các khoản nợ khác được xếp loại là khoản mục không chịu lãi;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời hạn định lại lãi suất trên hợp đồng hoặc thời hạn định lại lãi suất phù hợp với quy định về thời hạn nắm giữ dự kiến của Ngân hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; chứng khoán đầu tư; cho vay khách hàng; tài sản Có khác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; tiền gửi của và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; phát hành giấy tờ có giá; và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
 - Các khoản mục lãi dự thu, lãi dự trả: Được xếp loại là khoản mục không chịu lãi.

Chính sách về rủi ro lãi suất của Ngân hàng

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên Ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng. Các khoản cho vay trên thị trường liên Ngân hàng thường có kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng).

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Trong trường hợp dự báo lãi suất có xu hướng giảm, Ngân hàng sẽ tăng cường các khoản đầu tư dài hạn để tăng khả năng sinh lời. Ngược lại, nếu dự báo lãi suất có xu hướng tăng, Ngân hàng sẽ tăng cường đầu tư ngắn hạn.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của Ban Điều hành, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNN. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.



Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản đảm bảo, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Trụ sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận hàng năm. Bên cạnh đó, do cơ cấu nguồn vốn chủ yếu tập trung vào nguồn vốn có thời hạn định lại lãi suất ngắn, Ngân hàng quy định đối với lãi suất cho vay trung, dài hạn bắt buộc phải thả nổi (không cố định lãi suất cho vay trong toàn bộ thời gian vay) để giảm thiểu rủi ro về lãi suất có thể phát sinh.

Quản lý rủi ro lãi suất

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục.

Quản lý rủi ro lãi suất ở cấp độ danh mục

- Ngân hàng đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, trong đó quy định các nguyên tắc để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng thông qua quá trình nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát rủi ro nhằm đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu kiểm soát/phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tối đa hóa thu nhập ròng từ lãi cũng như giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu trong các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Ngân hàng đã hoàn thành việc xây dựng, chính thức triển khai và liên tục nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) chạy đến cấp độ giao dịch theo thông lệ quốc tế, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại theo kỳ hạn danh nghĩa và theo hành vi ứng xử, các báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất v.v nhằm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro lãi suất của Ngân hàng.
- Ngân hàng thực hiện điều chỉnh thời hạn định giá lại của khoản vay tương ứng với kỳ hạn định giá lại của nguồn vốn, kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép.

Quản lý rủi ro lãi suất ở cấp độ giao dịch

- Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng. Điều hành thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (Funds Transfer Pricing – FTP). Ngân hàng đã hoàn thành và tiếp tục nâng cấp hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP, tạo điều kiện cho công tác quản lý nguồn vốn và lãi suất tập trung. Tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường, Trụ sở chính có thể thay đổi giá mua bán vốn đối với từng đối tượng khách hàng/sản phẩm v.v nhằm đưa ra tín hiệu về tài chính để đơn vị kinh doanh xác định lãi suất cho vay/huy động đối với từng giao dịch.



Đơn vị: Triệu đồng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	DƯỚI 1 THÁNG	TỪ 1 THÁNG ĐẾN 3 THÁNG	TỪ TRÊN 3 THÁNG ĐẾN 6 THÁNG	TỪ TRÊN 6 THÁNG ĐẾN 12 THÁNG	TỪ TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	12.583.484	-	-	-	-	-	-	12.583.484
Tiền gửi tại NHNN	-	35.225.543	-	-	-	-	-	-	35.225.543
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	413.546.674	24.050.800	27.428.257	11.461.799	-	-	476.487.530
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	3.044.151	-	-	-	-	-	3.044.151
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	228.448	-	-	-	-	-	228.448
Cho vay khách hàng (*)	39.262.107	207.796	502.405.404	526.806.757	575.742.160	237.341.645	109.139.387	1.367.612	1.992.272.868
Chứng khoán đầu tư (*)	498.678	2.879.740	11.727.781	22.066.504	31.883.316	21.419.699	45.695.143	76.241.168	212.412.029
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	4.428.296	-	-	-	-	-	-	4.428.296
TSCĐ	-	10.826.743	-	-	-	-	-	-	10.826.743
Tài sản Có khác (*)	108.723	55.633.932	-	-	-	-	-	-	55.742.655
Tổng tài sản	39.869.508	121.785.534	930.952.458	572.924.061	635.053.733	270.223.143	154.834.530	77.608.780	2.803.251.747
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	108.497.420	35.795.381	-	299.556	-	-	144.592.357
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	407.808.208	9.540.267	375.640	-	-	-	417.724.115
Tiền gửi của khách hàng	-	-	792.235.742	322.163.379	309.615.237	301.413.755	68.182.532	121.412	1.793.732.057
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	1.595.786	518.112	-	-	-	2.113.898
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	4.265.917	46.883.840	54.703.060	54.850.385	4.232.150	9.095.000	174.030.352
Các khoản nợ khác	-	55.851.516	-	-	-	-	-	-	55.851.516
Tổng nợ phải trả	-	55.851.516	1.312.807.287	415.978.653	365.212.049	356.563.696	72.414.682	9.216.412	2.588.044.295
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	39.869.508	65.934.018	(381.854.829)	156.945.408	269.841.684	(86.340.553)	82.419.848	68.392.368	215.207.452

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng

Đơn vị: Triệu đồng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	DƯỚI 1 THÁNG	TỪ 1 THÁNG ĐẾN 3 THÁNG	TỪ TRÊN 3 THÁNG ĐẾN 6 THÁNG	TỪ TRÊN 6 THÁNG ĐẾN 12 THÁNG	TỪ TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	11.147.549	-	-	-	-	-	-	11.147.549
Tiền gửi tại NHNN	-	34.431.657	-	-	-	-	-	-	34.431.657
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	322.223.021	28.393.617	25.357.398	2.508.849	-	-	378.482.885
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	2.990.692	-	-	-	-	-	2.990.692
Cho vay khách hàng (*)	44.210.043	109.001	415.474.633	476.381.755	539.976.782	159.066.568	85.082.990	1.652.942	1.721.954.714
Chứng khoán đầu tư (*)	601.791	3.952.134	6.054.894	21.105.707	30.601.219	59.216.669	29.072.686	64.588.238	215.193.338
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	3.941.135	-	-	-	-	-	-	3.941.135
TSCĐ	-	10.002.157	-	-	-	-	-	-	10.002.157
Tài sản Có khác (*)	106.441	43.520.847	608.943	391.650	131.050	40.533	-	-	44.799.464
Tổng tài sản	44.918.275	107.104.480	747.352.183	526.272.729	596.066.449	220.832.619	114.155.676	66.241.180	2.422.943.591
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	96.401.051	57.395.000	104.547	383.506	-	-	154.284.104
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	270.708.882	2.635.678	2.757.955	38.740	-	-	276.141.255
Tiền gửi của khách hàng	-	-	719.533.838	323.821.302	245.477.673	262.118.899	55.224.356	140.617	1.606.316.685
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	390.841	-	-	-	-	-	390.841
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	1.618.725	561.225	-	-	-	2.179.950
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.132.230	4.624.620	27.996.530	104.979.510	4.350.200	8.595.000	151.678.090
Các khoản nợ khác	-	45.892.099	-	-	-	-	-	-	45.892.099
Tổng nợ phải trả	-	45.892.099	1.088.166.842	390.095.325	276.897.930	367.520.655	59.574.556	8.735.617	2.236.883.024
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	44.918.275	61.212.381	(340.814.659)	136.177.404	319.168.519	(146.688.036)	54.581.120	57.505.563	186.060.567

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng

43.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Ngân hàng đã ban hành Quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về việc quản lý thanh khoản, nhận diện/đo lường/theo dõi/kiểm soát rủi ro thanh khoản thông qua các chỉ số đo lường rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của Ngân hàng đồng thời thường xuyên có báo cáo phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai, thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thanh khoản.

Tại cuộc họp Ủy ban ALCO, Hội đồng ALCO định kỳ, tình hình cân đối vốn và thanh khoản của Ngân hàng là một trong những nội dung trọng tâm được thảo luận. Đồng thời, tại cuộc họp Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, tình hình tuân thủ Khẩu vị rủi ro và các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản được rà soát và báo cáo. Trên cơ sở phân tích, đánh giá, Ủy ban Quản lý rủi ro/Hội đồng ALCO/Hội đồng rủi ro đưa ra khuyến nghị tới Ban Điều hành để có chỉ đạo trong thời gian tới đảm bảo duy trì tối ưu khả năng cân đối thanh khoản an toàn và hiệu quả của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn duy trì danh mục Tài sản thanh khoản cao là trái phiếu Chính phủ, có thể bán hoặc repo với NHNN, đây là nguồn vốn dự trữ để phòng trường hợp căng thẳng thanh khoản (nếu phát sinh) đồng thời là những khoản đầu tư sinh lời cho Ngân hàng.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý và tiền gửi tại NHNN: được phân loại vào thang đáo hạn đến 1 tháng;
- Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư, tài sản Có khác, các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và vay các TCTD khác, phát hành giấy tờ có giá, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro, các khoản nợ khác: Thời gian đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn theo hợp đồng quy định;
- Thời gian đến hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này bao gồm các trái phiếu có tính thanh khoản cao;
- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Thời gian đến hạn của tiền gửi khách hàng được xác định dựa trên phân tích hành vi ứng xử của khách hàng và các dự báo về chính sách lãi suất và các yếu tố kinh tế vĩ mô; và
- Thời gian đến hạn của các tài sản cố định được phân bổ vào dài kỳ hạn từ năm (05) năm trở lên.

Trên cơ sở được Ban Điều hành phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, Phòng Quản lý cân đối vốn phối hợp với một số phòng nghiệp vụ liên quan phân tích và dự báo các dòng tiền vào/ra trong hệ thống theo kế hoạch đã được phê duyệt; đồng thời căn cứ vào biến động nguồn vốn và sử dụng vốn thực tế hàng ngày để đưa ra các quyết định về quản lý và điều hành vốn khả dụng cho phù hợp.

Căn cứ vào dự báo biến động nguồn vốn khả dụng, phòng Quản lý cân đối vốn đầu mối phối hợp với phòng Kinh doanh vốn quản lý dự trữ thứ cấp thông qua việc mua giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các giấy tờ có giá này có thể được giao dịch trên thị trường thứ cấp để chuyển hóa thành tiền. Phòng Quản lý cân đối vốn đầu mối phối hợp phòng Kinh doanh vốn có thể quyết định sử dụng các giấy tờ có giá cho NHNN qua thị trường mở, hoặc vay tái cấp vốn khi nguồn vốn khả dụng thiếu hụt để đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống.

Căn cứ vào các quy định của NHNN, phòng Quản lý cân đối vốn cùng phối hợp với phòng Thanh quyết toán vốn kinh doanh để xuất phương án quản lý vốn khả dụng của Ngân hàng, đảm bảo số dư bình quân thực tế trên tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại NHNN hằng tháng không thấp hơn hạn mức số dư dự trữ bắt buộc theo quy định. Ngoài ra, Ngân hàng còn thiết lập quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết. Phòng Quản lý rủi ro thị trường thực hiện vai trò giám sát độc lập đảm bảo rủi ro thanh khoản được quản lý, tuân thủ đúng quy định, quy trình quản lý và khẩu vị/hạn mức rủi ro thanh khoản của Ngân hàng.

Khối lượng vốn khả dụng của Ngân hàng được xác định trên cơ sở dữ liệu từ hệ thống Core Sunshine, chương trình thanh toán liên ngân hàng CITAD, phần mềm quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, thông tin về các dòng tiền lớn từ các đơn vị kinh doanh. Do đó, Ngân hàng luôn chủ động quản lý trạng thái thanh khoản hàng ngày.

Hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được giám sát chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cho từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên danh mục huy động vốn và cho vay.



Đơn vị: Triệu đồng

	QUÁ HẠN		TRONG HẠN					TỔNG CỘNG
	TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ TRÊN 1 THÁNG ĐẾN 3 THÁNG	TỪ TRÊN 3 THÁNG ĐẾN 12 THÁNG	TỪ TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	12.583.484	-	-	-	-	12.583.484
Tiền gửi tại NHNN	-	-	35.225.543	-	-	-	-	35.225.543
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	412.131.032	25.190.109	38.865.639	300.750	-	476.487.530
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	3.044.151	-	-	-	-	3.044.151
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	228.448	-	-	-	-	228.448
Cho vay khách hàng (*)	21.916.196	17.345.911	172.369.468	443.799.703	679.668.582	278.300.905	378.872.103	1.992.272.868
Chứng khoán đầu tư (*)	486.778	11.900	14.607.602	22.066.504	53.303.015	45.695.143	76.241.087	212.412.029
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	4.428.296	4.428.296
TSCĐ	-	-	-	-	-	-	10.826.743	10.826.743
Tài sản Có khác (*)	108.723	-	4.850.693	11.806.940	17.544.784	2.480.233	18.951.282	55.742.655
Tổng tài sản	22.511.697	17.357.811	655.040.421	502.863.256	789.382.020	326.777.031	489.319.511	2.803.251.747
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	108.497.420	35.795.381	299.556	-	-	144.592.357
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	-	407.808.208	9.540.267	375.640	-	-	417.724.115
Tiền gửi của khách hàng	-	-	224.223.062	323.069.451	775.295.679	471.022.453	121.412	1.793.732.057
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	45.525	46.987	364.201	1.657.185	2.113.898
Phát hành giấy tờ có giá	2.500	-	263.417	45.633.840	74.608.975	22.050	53.499.570	174.030.352
Các khoản nợ khác	-	-	25.173.069	19.023.972	10.027.482	954.956	672.037	55.851.516
Tổng nợ phải trả	2.500	-	765.965.176	433.108.436	860.654.319	472.363.660	55.950.204	2.588.044.295
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	22.509.197	17.357.811	(110.924.755)	69.754.820	(71.272.299)	(145.586.629)	433.369.307	215.207.452

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

Đơn vị: Triệu đồng

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024	QUÁ HẠN		TRONG HẠN					TỔNG CỘNG
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ TRÊN 1 THÁNG ĐẾN 3 THÁNG	TỪ TRÊN 3 THÁNG ĐẾN 12 THÁNG	TỪ TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	11.147.549	-	-	-	-	11.147.549
Tiền gửi tại NHNN	-	-	34.431.657	-	-	-	-	34.431.657
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	322.223.020	28.393.617	27.866.248	-	-	378.482.885
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	2.990.692	-	-	-	-	2.990.692
Cho vay khách hàng (*)	21.473.008	22.737.035	99.560.553	420.985.945	662.967.983	210.814.869	283.415.321	1.721.954.714
Chứng khoán đầu tư (*)	601.791	-	10.007.027	21.105.707	89.817.889	29.072.686	64.588.238	215.193.338
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	3.941.135	3.941.135
TSCĐ	-	-	-	-	-	-	10.002.157	10.002.157
Tài sản Có khác (*)	106.441	-	4.644.439	11.846.267	10.599.329	1.671.780	15.931.208	44.799.464
Tổng tài sản	22.181.240	22.737.035	485.004.937	482.331.536	791.251.449	241.559.335	377.878.059	2.422.943.591
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	96.401.051	57.395.000	488.053	-	-	154.284.104
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	270.708.881	2.635.678	2.796.696	-	-	276.141.255
Tiền gửi của khách hàng	-	-	198.263.602	329.707.693	667.308.495	410.874.426	162.469	1.606.316.685
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	390.841	-	-	-	-	390.841
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	11.936	43.687	43.687	353.835	1.726.805	2.179.950
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.132.230	1.374.620	100.294.020	150.200	46.727.020	151.678.090
Các khoản nợ khác	-	-	21.568.027	14.860.483	7.846.864	1.616.725	-	45.892.099
Tổng nợ phải trả	-	-	590.476.568	406.017.161	778.777.815	412.995.186	48.616.294	2.236.883.024
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	22.181.240	22.737.035	(105.471.631)	76.314.375	12.473.634	(171.435.851)	329.261.765	186.060.567

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực kinh doanh, báo cáo bộ phận thứ yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025						
STT	CHỈ TIÊU	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I.	Doanh thu	171.415.348	5.332.125	2.327.825	(575.945)	178.499.353
1.	Doanh thu lãi	141.789.428	871.975	714.763	(233.838)	143.142.328
	- Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	141.598.167	837.514	706.647	-	143.142.328
	- Doanh thu lãi từ nội bộ	191.261	34.461	8.116	(233.838)	-
2.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.259.330	4.367.926	218.537	(494.738)	12.351.055
3.	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	21.366.590	92.224	1.394.525	152.631	23.005.970
II.	Chi phí	(112.723.793)	(4.517.822)	(1.391.002)	875.129	(117.757.488)
1.	Chi phí lãi	(76.283.902)	(264.817)	(374.202)	233.838	(76.689.083)
	- Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(76.229.063)	(85.818)	(374.202)	-	(76.689.083)
	- Chi phí lãi nội bộ	(54.839)	(178.999)	-	233.838	-
2.	Chi phí khấu hao TSCĐ	(1.119.823)	(12.779)	(10.039)	-	(1.142.641)
3.	Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(35.320.068)	(4.240.226)	(1.006.761)	641.291	(39.925.764)
	Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	58.691.555	814.303	936.823	299.184	60.741.865
	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(17.159.751)	(129.505)	(12.942)	4.142	(17.298.056)
	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	41.531.804	684.798	923.881	303.326	43.443.809

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025						
STT	CHỈ TIÊU	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(8.274.293)	(135.226)	(159.089)	-	(8.568.608)
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	404	(4.339)	-	(3.935)
	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	33.257.511	549.976	760.453	303.326	34.871.266
III.	Tài sản	2.744.701.810	19.012.075	12.540.769	(8.555.354)	2.767.699.300
1.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	12.552.302	2.371	28.811	-	12.583.484
2.	TSCĐ	10.659.152	103.404	64.187	-	10.826.743
3.	Tài sản khác	2.721.490.356	18.906.300	12.447.771	(8.555.354)	2.744.289.073
IV.	Nợ phải trả	2.570.442.280	14.757.998	9.657.836	(6.813.819)	2.588.044.295
1.	Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.561.636.817	14.410.394	9.594.804	(6.813.843)	2.578.828.172
2.	Nợ phải trả nội bộ	8.805.463	347.604	63.032	24	9.216.123

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024						
		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I.	Doanh thu	157.113.619	4.747.670	1.749.928	(534.189)	163.077.028
1.	Doanh thu lãi	123.202.268	917.860	520.613	(180.056)	124.460.685
	- Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	123.054.663	886.676	519.346	-	124.460.685
	- Doanh thu lãi từ nội bộ	147.605	31.184	1.267	(180.056)	-
2.	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	8.921.606	3.717.078	128.092	(533.975)	12.232.801
3.	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	24.989.745	112.732	1.101.223	179.842	26.383.542
II.	Chi phí	(99.145.997)	(3.945.604)	(1.490.463)	867.790	(103.714.274)
1.	Chi phí lãi	(61.734.218)	(253.720)	(251.316)	181.363	(62.057.891)
	- Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(61.691.561)	(115.015)	(251.315)	-	(62.057.891)
	- Chi phí lãi nội bộ	(42.657)	(138.705)	(1)	181.363	-
2.	Chi phí khấu hao TSCĐ	(995.151)	(12.383)	(9.871)	-	(1.017.405)

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024						
		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
3.	Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(36.416.628)	(3.679.501)	(1.229.276)	686.427	(40.638.978)
	Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	57.967.622	802.066	259.465	333.601	59.362.754
	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(27.255.062)	(315.141)	(3.484)	(25.142)	(27.598.829)
	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	30.712.560	486.925	255.981	308.459	31.763.925
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.131.186)	(95.532)	(59.180)	-	(6.285.898)
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	201	4.339	-	4.540
	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	24.581.374	391.594	201.140	308.459	25.482.567
III.	Tài sản	2.367.790.675	16.582.910	8.583.653	(7.569.506)	2.385.387.732
1.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.102.591	2.169	42.789	-	11.147.549
2.	TSCĐ	9.828.856	113.792	59.509	-	10.002.157
3.	Tài sản khác	2.346.859.228	16.466.949	8.481.355	(7.569.506)	2.364.238.026
IV.	Nợ phải trả	2.223.030.699	12.756.795	6.436.556	(5.341.026)	2.236.883.024
1.	Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.215.631.838	12.525.298	6.396.704	(5.341.026)	2.229.212.814
2.	Nợ phải trả nội bộ	7.398.861	231.497	39.852	-	7.670.210

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025						
STT	CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
I.	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	24.425.848	12.979.465	5.735.170	303.326	43.443.809
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(8.536.135)	-	(32.473)	-	(8.568.608)
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.935)	-	-	-	(3.935)
II.	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	15.885.778	12.979.465	5.702.697	303.326	34.871.266
III.	Tài sản bộ phận	1.802.387.498	699.765.098	274.102.058	(8.555.354)	2.767.699.300
IV.	Nợ phải trả bộ phận	1.641.258.028	686.785.633	266.814.453	(6.813.819)	2.588.044.295

Mẫu số B05/TCTD-HN

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

		NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024				
STT	CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	KHÁC	ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I.	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	13.079.675	12.953.682	5.422.109	308.459	31.763.925
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.248.699)	(13.627)	(23.572)	-	(6.285.898)
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.540	-	-	-	4.540
II.	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	6.835.516	12.940.055	5.398.537	308.459	25.482.567
III.	Tài sản bộ phận	1.497.983.716	654.673.282	240.300.240	(7.569.506)	2.385.387.732
IV.	Nợ phải trả bộ phận	1.367.019.848	641.600.790	233.603.412	(5.341.026)	2.236.883.024

45. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	31.12.2025	31.12.2024
	VND	VND
USD	26.295	25.498
EUR	30.853	26.563
GBP	35.330	32.024
CHF	33.142	28.235
JPY	16790	163,05
SGD	20.442	18.727
CAD	19.186	17.747
AUD	17.574	15.853
NZD	15.164	14.349
THB	832,78	746,31
SEK	2.854	2.321
NOK	2.611	2.254
DKK	4.131	3.562
HKD	3.378	3.284
CNY	3.762	3.493
KRW	18,67	17,67
LAK	1,22	1,22
SAR	7.011	(*)
XAU	(**)	8.625.000

(*) SAR: Không phát sinh giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(**) XAU: Không phát sinh giao dịch tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Điều hành của Ngân hàng phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2026.



Trần Thị Thu Hương
Phó phòng Kế toán Tài chính
Người lập

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Thanh Vân
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện
theo pháp luật ủy quyền

7 - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B05/TCTD-HN



